



J.M. COETZEE

Author of *Disgrace*, *Life & Times of Michael K*, *Waiting for the Barbarians*, *Summertime*, *Michael K's Journey into Exile*, *Age of Iron*, *Barbarians at the Gate*, *On Suffering*, *On Violence*, *On the Significance of the Human Body*, *On the Significance of the Human Mind*, *On the Significance of the Human Soul*, *On the Significance of the Human Spirit*, *On the Significance of the Human Heart*, *On the Significance of the Human Brain*, *On the Significance of the Human Liver*, *On the Significance of the Human Kidney*, *On the Significance of the Human Stomach*, *On the Significance of the Human Intestine*, *On the Significance of the Human Pancreas*, *On the Significance of the Human Gallbladder*, *On the Significance of the Human Bladder*, *On the Significance of the Human Uterus*, *On the Significance of the Human Vagina*, *On the Significance of the Human Penis*, *On the Significance of the Human Testis*, *On the Significance of the Human Prostate*, *On the Significance of the Human Spleen*, *On the Significance of the Human Lung*, *On the Significance of the Human Heart*, *On the Significance of the Human Liver*, *On the Significance of the Human Kidney*, *On the Significance of the Human Stomach*, *On the Significance of the Human Intestine*, *On the Significance of the Human Pancreas*, *On the Significance of the Human Gallbladder*, *On the Significance of the Human Bladder*, *On the Significance of the Human Uterus*, *On the Significance of the Human Vagina*, *On the Significance of the Human Penis*, *On the Significance of the Human Testis*, *On the Significance of the Human Prostate*, *On the Significance of the Human Spleen*, *On the Significance of the Human Lung*



Age of Iron

Published by [Publisher Name] in [Year]. ISBN: [ISBN Number].

Tuổi sắt đá

J.M. COETZEE

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Lời mở đầu](#)

[CHƯƠNG 1](#)

[CHƯƠNG 2](#)

[CHƯƠNG 3](#)

[CHƯƠNG 4](#)

J.M. COETZEE

Tuổi sắt đá

Dịch giả: Anh Thư

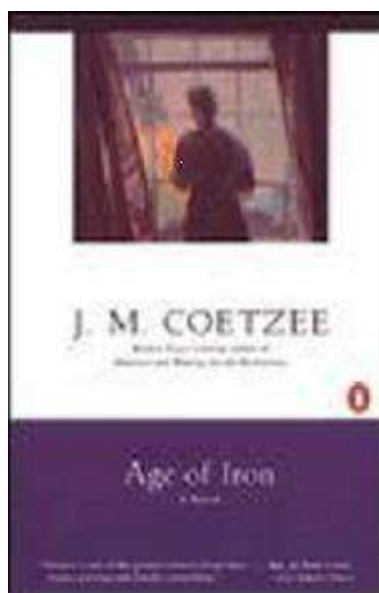
Lời mở đầu

Nguyên tác: Age of iron

Tặng V.H.M.C. (1904-1985).

Z.C. (1912-1988).

N.G.C. (1966-1989).



Ở thành phố Captown, Nam Phi, một bà cụ bị ung thư sắp chết. Bà tên là Curren, một giáo sư văn chương cổ điển. Suốt đời bà phải chống lại sự dối trá tàn ác của chế độ phân biệt chủng tộc, tránh xa những chuyện khủng khiếp. Nhưng đến một lúc bà đành phải cam chịu và chấp nhận cơn điên khủng đã mất hết tính người của chế độ ấy.

Trong một bức thư gửi cho con gái đã bỏ chạy sang Mỹ, bà kể lại những

chuyện quái đản xảy ra trong những ngày bà sắp qua đời. Bà đã chứng kiến một vụ đốt cháy thị trấn của người da đen gần nơi bà ở, trong đó bà thấy xác chết đã bị bắn nát của đứa con trai người giúp việc bà trước đây. Một thiếu niên da đen đi hoạt động phải trốn chạy trong nhà bà cũng bị các lực lượng an ninh bắt giết. Những ngày cuối cùng của đời mình, bà chỉ còn biết sống cùng một anh chàng vô gia cư nhưng nát rượu đã tìm đến chỗ bà trú ngụ và bà chỉ còn biết chia xẻ với anh ta những điều uất ức và nỗi thất vọng trong cuộc sống con người.

J.M. COETZEE

Tuổi sắt đá

Dịch giả: Anh Thư

CHƯƠNG 1

Phía sau nhà để xe có một lối đi nhỏ, chắc con còn nhớ, con và các bạn con thỉnh thoảng vẫn đến đó chơi. Bây giờ chỗ đó hoang vắng, không dùng làm gì, chỉ có gió thổi lá rụng thành đồng mục nát.

Hôm qua đi đến cuối đường, mẹ chợt trông thấy một túp nhà bằng hộp giấy, bên ngoài che tấm vải nhựa, bên trong có người đang nằm co, một người mẹ nhận ra đã từng gặp anh ta trên đường phố. Anh ta cao lớn, gầy guộc, da sần sùi, răng khấp khểnh, mặc bộ đồ màu xám rộng lưng thùng với chiếc mũ đã tuột vành. Anh ta nằm nhưng vẫn đội mũ, vành gấp lại để gối đầu. Một kẻ vô gia cư. Cũng như nhiều kẻ vô gia cư khác, anh ta lang thang ở những nơi đỗ xe trên phố Mill, xin tiền những khách mua hàng, uống nước ở chân cầu, ăn những thứ người ta vứt lại trong đồ hộp. Cứ đến tháng Tám thì những người vô gia cư như anh ta rất khổ, vì đó là tháng mưa. Nằm trong hộp giấy, anh ta duỗi thẳng người ra như con rỗi, miệng há hốc. Quanh người anh ta xông lên một mùi hôi kinh tởm, mùi nước đá, rượu ngọt, áo quần ẩm mốc, và mùi gì nữa chả biết. Tóm lại là không sạch. Mẹ đứng nhìn anh ta một lúc, vừa nhìn vừa nghĩ. Chính anh ta đích thân tìm đến chỗ mẹ vào những ngày này đây.

Hôm ấy mẹ được tin của bác sĩ Syfret. Tin không tốt, nhưng là tin gửi cho mẹ và của riêng mẹ mà thôi, không thể từ chối được. Mẹ phải nhận và đem về, không dám lắc đầu hay khóc lóc. Mẹ nói "Cám ơn bác sĩ đã thành thật". Bác sĩ bảo "Chúng tôi sẽ làm tất cả những gì có thể. Rồi chúng ta sẽ cùng nhau giải quyết chuyện này". Nói thế nhưng sau vẻ bề ngoài thân thiện ấy mẹ biết ông ta đã thoái thác. Việc ai nấy lo. Ông ta chỉ hết lòng với người còn sống thôi, với người sắp chết thì không.

Bước ra khỏi xe, mẹ đã bắt đầu thấy sợ. Đóng cửa nhà xe lại, mẹ run khắp người, phải cắn chặt răng nắm chặt túi xách để giữ bình tĩnh. Cũng chỉ đến lúc ấy mẹ mới nhìn ra đám hộp giấy và anh ta.

- Anh làm gì ở đây thế? – mẹ nói giọng hơi gắt – không ở đây được

đâu. Anh phải đi đi.

Anh ta không động dậy, vẫn nằm nguyên trong hộp, gương mắt nhìn không hiểu sao ở đây lại có đôi tất mới, áo choàng xanh, váy loà xoà, mớ tóc bạc xén thành vệt đỏ hồng ở da đầu một bà già, trông như trẻ con vậy.

Anh ta rụt chân lại, từ từ ngồi dậy. Không nói một lời, anh ta quay lưng về phía mẹ, rũ miếng vải nhựa đen, rồi gập đôi, gập bốn, gập tám. Anh ta lấy ra chiếc túi (in chữ HÀNG KHÔNG CANADA) và kéo khóa đóng lại. Mẹ đứng sang bên. Anh ta đứng dậy, đi qua mặt mẹ, bỏ lại đóng hộp giấy, cái chai không và mùi nước đá. Quần trễ xuống, anh ta xắn lên. Mẹ chờ cho anh ta đi hẳn, còn nghe thấy tiếng anh ta bỏ miếng vải nhựa bên kia hàng rào.

Vậy là chỉ trong một giờ đã có hai chuyện, cái tin mẹ đã sợ từ lâu, và anh ta đến như để do thám, chả biết sẽ báo trước điều gì. Tin đám cú vọ ăn xác thối đến rất nhanh. Mẹ không biết có thể tránh mặt chúng được bao lâu nữa. Bọn chuyên sục sạo ở Cap Town không hề bớt một tên nào. Chúng đi chân đất mà không lạnh, ngủ ngoài trời mà không đau ốm, đói khát mà không hao mòn. Chúng được rượu hâm nóng từ bên trong. Lửa rượu thiêu cháy những gì là truyền nhiễm lây lan trong máu chúng. Sau bữa tiệc chúng vết sạch. Bọn ruồi nặng bay tứ tung, mắt thao láo, không biết thế nào là thương xót. Những kẻ thừa kế đấy.

Mẹ đi rất chậm vào ngôi nhà trống. Mọi âm hưởng trong nhà đã tan biến hết. Bước chân của mẹ trên sàn nghe nhạt nhẽo buồn tẻ. Mẹ thèm khát được thấy con ở đây biết chừng nào. Để con ôm mẹ, an ủi mẹ! Mẹ đã bắt đầu hiểu được ý nghĩa thật sự của ôm ấp. Ôm ấp để được ôm ấp. Ôm ấp để cho con cháu được nằm trong vòng tay của tương lai, để được sống sau khi chết, để có được niềm vui. Mỗi khi ôm con, mẹ đều nghĩ thế. Con trẻ sinh ra để có mẹ. Sự thật là từ nay cho đến khi kết thúc cuộc đời, mẹ chỉ biết nói với con thế thôi. Mẹ mong con biết chừng nào! Mẹ ước gì có thể đi lên gác, đến chỗ con, ngồi ở giường con, vuốt tóc con, thầm nói vào tai con như mẹ vẫn nói mỗi sáng trước khi con đi học "Đến giờ rồi, dậy đi con!" Con sẽ quay lại, người con nóng hổi, hơi thở thơm mùi sữa, mẹ bế con và bảo "Hãy ôm chặt mẹ đi nào!" Đó là câu nói thầm kín mẹ chẳng bao giờ nói ra.

Nó chỉ có nghĩa là mẹ mong được con đáp lại bằng câu "Mẹ không được buồn, mẹ sẽ không chết, mẹ vẫn sống mãi trong lòng con".

Sống! Con là cuộc sống của mẹ, mẹ yêu con như yêu bản thân của cuộc sống. Mỗi sáng bước ra khỏi nhà, mẹ nhấp nước lên đầu ngón tay giơ cao trước gió. Nghe gió lạnh từ tây bắc thổi đến, từ chỗ con đang ở, mẹ đứng lâu hít thở, tập trung suy nghĩ, hy vọng qua hàng vạn dặm núi sông có hơi thở của con đến với mẹ, đem theo cả mùi sữa còn đọng trên đầu, trên cổ.

Từ nay trở đi, bốn phận của mẹ là phải cưỡng lại ý nghĩ về cái chết. Yêu con, yêu cuộc sống, tha thứ cho cuộc sống, mẹ sẽ ra đi không chút nào ân hận. Mẹ sẽ ôm lấy cái chết của riêng mẹ thôi.

Mẹ viết những dòng này để làm gì nhỉ? Trả lời: mẹ viết cho con nhưng không phải cho con, mà viết cho mẹ, viết cho con trong lòng mẹ. Cả buổi chiều mẹ bận rộn dọn dẹp các ngăn kéo, vứt bỏ những giấy tờ không cần thiết. Chập tối mẹ ra ngoài. Túp lều giấy sau nhà để xe đã được dựng lại như trước, bên ngoài trùm miếng vải nhựa đen. Người đó vẫn nằm cong queo bên trong. Bên cạnh anh ta là một con chó đang vãnh tai, vẫy đuôi. Con chó lông đen, đốm trắng, chỉ to hơn con chuột một tí.

Mẹ nói "Này, không được đốt lửa ở đây, nghe chưa? Tôi không muốn ai đốt lửa ở đây, cũng không muốn có chuyện rắc rối".

Anh ta ngồi dậy, xoa chân, mắt nhìn lơ láo như không biết mình đang ở đâu. Mặt anh ta dài như mặt ngựa, da dẻ sần sùi, mắt quầng thâm, rõ ràng là đôi mắt của người nghiện rượu. Mắt anh ta xanh kỳ lạ, có vẻ như đang đau ốm thật.

Mẹ hỏi "Anh có muốn ăn uống gì không?"

Anh ta theo mẹ vào bếp. Con chó theo sau. Mẹ cắt cho anh ta miếng bánh kẹp thịt. Anh ta cắn miếng bánh nhưng hình như đã quên nhai, đứng dựa lưng vào bậu cửa. Ánh đèn chiếu vào cặp mắt xanh ngơ ngác. Con chó rên ư ử. lát sau mẹ sốt ruột nhắc "Tôi phải dọn dẹp đây", rồi bước ra, đóng cửa bếp. Anh ta không nói gì, lẳng lặng bỏ đi. Ra đến góc đường, mẹ thấy anh ta quăng miếng bánh. Con chó nhảy lên đớp.

Vào thời của con làm gì có lắm người vô gia cư như thế này. Bây giờ họ là một phần của đời sống ở đây rồi. Họ có làm gì cho mẹ phải sợ không?

Không. Họ chỉ thỉnh thoảng ăn xin, trộm cắp, vứt bẩn, làm ồn, và say rượu, chẳng có gì ghê gớm. Có sợ là mẹ sợ bọn trẻ miệng còn hôi sữa mà tham lam như cá mập. Có lẽ cánh cửa nhà tù cũng đang đợi chúng. Còn trẻ măng mà sao chúng coi rẻ tuổi niên thiếu, coi rẻ thời buổi kỳ diệu, coi rẻ thời tâm hồn chúng đang độ lớn. Tâm hồn và các bộ phận trong cơ thể chúng như đã tàn tạ, không phát triển. Còn những anh em da trắng của chúng bên kia ranh giới chia cắt cũng thế, mỗi ngày càng chui rúc và ngủ kỹ trong kén. Đâu còn những buổi học bơi, cưỡi ngựa, tập múa ba lê, đánh cầu trên sân cỏ. Cuộc sống của chúng lạng lẽ trôi sau những bức tường rào có chó dữ canh gác bên ngoài. Đâu còn những đứa trẻ đáng yêu tóc vàng, ngây thơ, mặt mày rạng rỡ dịu dàng như các thiên thần. Những gì chưa ra đời cũng bị lãng quên ở ngay nơi chúng sống. Chúng ngây thơ như những ấu trùng, béo trắng, ngậm trong mật để hút ngọt qua làn da mỏng manh. Tâm hồn chúng chết lịm trong thứ hạnh phúc trừu tượng.

Tại sao mẹ lại cho người đó ăn? Nếu con chó đó (có lẽ anh ta ăn cắp con chó ở đâu đó) mẹ cũng cho thế. Như mẹ thường cho con bú vậy. Có để mà cho và cho tất cả những gì mình có, chẳng phải là điều vẫn thôi thúc ta hay sao? Từ thân hình tàn héo như của một người già cũng muốn vất vả cho đến giọt sữa cuối cùng. Muốn cho đi. Muốn bồi bổ. Giá thử lúc này anh ta muốn bầu vú của mẹ để đổi lấy cái chết, mẹ cũng sẵn sàng cho được.

Sáng nay lúc đem cà phê đến, mẹ thấy anh ta đá xuống cống. Nhưng anh ta không tỏ ra ngỡ ngàng.

Mẹ hỏi "Anh muốn làm việc không? Ở đây có nhiều việc cho anh làm đấy".

Anh ta không nói gì, vẫn uống cà phê, hai tay ôm lấy cái cốc.

Mẹ nói "Thế là anh phí phạm cuộc đời mình. Anh đâu còn là trẻ con nữa? Anh sống như vậy sao được? Sao anh có thể lang thang suốt ngày mà không làm gì hết? Tôi không thể nào hiểu được".

Đúng là mẹ không thể nào hiểu được. Mẹ rất ghét cái thói ươn hèn, gập sao hay vậy, để mình dần dần tan rã.

Anh ta làm cho mẹ rất khó chịu. Lần đầu tiên anh ta nhìn thẳng vào mẹ rồi nhổ xuống đất, ngay cạnh chân mẹ, một bãi đặc quánh vàng khè lẫn màu nâu của cà phê. Rồi anh ta vứt chiếc cốc vào chỗ mẹ và bỏ đi.

Thế đấy. Anh ta không nhõ vào người mẹ, mà nhõ trước mặt để mẹ trông thấy mà suy nghĩ. Cách nói của anh ta thế đấy. Một thứ ngôn ngữ đi trước ngôn ngữ. Nhìn mẹ rồi nhõ. Cái nhìn gì lạ thế nhỉ? Cái nhìn đối với người đàn bà ở vào tuổi có thể làm mẹ anh ta. Đây, cà phê của bà đây!

Đêm qua không thấy anh ta ngủ chỗ cũ. Đóng hộp giấy cũng không còn. Mẹ đi quanh chỗ đó bỗng nhìn thấy cái túi Hàng không Canada ở lán củi, và một chỗ anh ta đã dọn để ngủ. Mẹ biết chắc thế nào anh ta cũng quay lại. Viết được sáu trang rồi. Toàn viết về một người mẹ chưa gặp bao giờ và sẽ chẳng bao giờ gặp. Tại sao mẹ viết về anh ta? Vì anh ta cũng là mẹ mà không phải là mẹ. Vì mẹ thấy được mẹ trong cái nhìn của anh ta mà không thể nào viết ra được. Nếu không như vậy, những dòng mẹ viết đây chẳng là thế nào, chỉ là tiếng kêu rên trầm bổng. Viết về con chó của anh ta cũng là viết về mẹ. Viết về ngôi nhà cũng là viết về mẹ. Anh ta, ngôi nhà, con chó, dù viết thế nào mẹ cũng chỉ muốn những lời này giúp mẹ bước được tay đến chỗ con. Nếu là ở thế giới khác, mẹ chả cần đến những lời đó. Mẹ chỉ việc xuất hiện ở cửa nhà con và bảo "Mẹ đến thăm con đây", thế là đủ. Mẹ sẽ ôm con và được con ôm mẹ. Nhưng ở thế giới này, lúc này, mẹ phải đến với con bằng những lời như vậy. Ngày ngày mẹ biến thành lời và gói nó vào trang giấy như gói kẹo, những chiếc kẹo vẫn dành cho con gái mẹ, cho ngày sinh của con, ngày con ra đời. Đó là những lời ngoài thân thể mẹ, là những giọt sữa của mẹ, để khi mở ra con sẽ nhận lấy, bú lấy, hấp thụ. Người ta bảo đó là những giọt sữa đã quá cũ, của người già, được gói lại bằng tình yêu, thứ tình yêu chỉ cảm thấy đối với người ta hiến dâng, để được ngẫu nhiên hoặc vứt bỏ.

Mưa tầm tã suốt buổi chiều. Tối đến mới nghe tiếng lạch cạch ngoài cổng, và một phút sau có tiếng chân con chó chạy trên hiên.

Mẹ đang coi ti vi. Một vị mục sư hay phó mục sư nào đó đang thông báo cho cả nước. Mẹ đứng nghe. Mỗi khi họ nói mẹ đều đứng nghe để tỏ ra tự trọng (trước một tiểu đội hành quyết, ai mà dám ngõi?). *Ons buig nie voor dreigmente nie*, ý ông ta nói "Chúng ta không khuất phục sự đe dọa". Trước sau các bài diễn văn của họ chỉ có thế.

Cánh màn sau lưng mở ra. Mẹ biết đó là anh ta, một người mẹ không biết

tên. Anh ta nhìn thấy mẹ qua tấm gương. Mẹ vắn nhỏ tiếng đủ nghe, dù không nghe rõ lời cũng nghe được những tiết tấu Phi châu nện huỳnh huỵch xuống đất như tiếng búa. Anh ta với mẹ cùng nghe. Nỗi nhục của cuộc sống ở đây, dưới quyền họ, là mỗi khi mở tờ báo hay mở ti vi chẳng khác nào như quỳ xuống để họ đá lên mình. Sống dưới quyền họ là sống dưới những bụng phệ, những bụng đói của họ. Đã có lúc mẹ nhủ thầm ""Các người sắp đến ngày tận số rồi!". Vậy mà đến tận bây giờ họ vẫn còn sống nhăn, sống lâu hơn mẹ.

Mẹ chuẩn bị đi mua hàng. Vừa mở cửa nhà xe thì mẹ lên cơn đau. Cơn đau giống như một con chó nhảy đến cắn vào lưng. Mẹ kêu lên, không cử động được nữa. Anh ta ở đâu xuất hiện và đưa mẹ vào nhà.

Mẹ nằm nghiêng trên ghế dài. Phải nằm nghiêng như thế mới đỡ đau. Anh ta đứng chờ. Mẹ bảo "Anh ngồi xuống đi..." Anh ta ngồi xuống. Cơn đau bắt đầu giảm. Mẹ nói "Tôi bị ung thư. Bệnh đã ăn vào xương tuỷ nên mới đau thế".

Không chắc anh ta hiểu mẹ nói gì.

Im lặng một lúc. Rồi anh ta lên tiếng "Nhà này rộng lắm. Bà có thể cho ở trọ được đấy".

Mẹ làm ra vẻ mệt mỏi.

Anh ta nói tiếp "Bà có thể cho sinh viên thuê phòng".

Mẹ ngáp, tưởng như răng sắp rụng hết, phải đưa tay che miệng. Nếu là trước kia thì mẹ đã thấy ngượng. Bây giờ mẹ không ngượng nữa.

Mẹ nói "Tôi có một cô giúp việc. Cô ta đi thăm bà con đến cuối tháng mới về. Anh có bà con gì không?"

Nói lạ! Có bà con là thế nào? Tôi có bà con không? Anh có phải là bà con của tôi không? Không đâu. Có lẽ chỉ Florence mới đủ tư cách để nói cô ta có bà con.

Anh ta không đáp. Có vẻ như anh ta không có con, không có con ở đời này, mà cũng không có cả tuổi trẻ trong quá khứ nữa. Mặt anh ta xương xẩu, da sần sùi. Nếu nhìn vào đầu con rắn không thể hình dung nó già hay trẻ, thì cũng không thể thấy được bóng dáng một đứa trẻ đang sau khuôn mặt anh ta. Mắt anh ta xanh lè như mắt động vật, đâu có thể nhìn vào đôi mắt ấy mà

thấy được đứa trẻ?

Mẹ nói "Chồng tôi với tôi đã chia tay từ lâu. Ông ấy đã mất. Tôi có đứa con gái ở Mỹ. Nó ra đi năm 1976, đến nay vẫn chưa về. Nó lấy một anh chồng Mỹ. Sinh được hai cháu".

Con gái mẹ. Con là da thịt của da thịt mẹ. Chính con đấy.

Anh ta rút bao thuốc lá. Mẹ nói "Xin đừng hút thuốc trong nhà".

Mẹ lại nói "Anh tàn tật thế nào? Anh bảo là có phụ cấp tàn tật hả?"

Anh ta giơ bàn tay phải. Ngón cái và ngón trỏ duỗi ra, ba ngón kia cụp trong lòng bàn tay. Anh ta nói "Mấy ngón này không cử động được".

Mẹ nhìn ba ngón cụp, móng tay đầy những ghét bẩn, bàn tay sần sùi, rõ ràng không phải do lao động.

- Có phải do tai nạn không?

Anh ta gật. Cái gật chẳng nói lên điều gì.

Mẹ nói "Tôi sẽ thuê anh cắt cỏ".

Suốt một giờ, anh ta thờ thần đem kéo ra cắt lá ở hàng rào và mấy đám cỏ đã mọc ngang đầu gối. Rồi anh ta bỏ đó. Anh ta nói "Loại việc này không phải của tôi". Mẹ trả tiền một giờ làm cho anh ta. Lúc bỏ đi anh ta vấp chân vào khay thức ăn của mèo, làm vung vãi khắp nơi.

Nói chung anh ta chẳng được việc gì, chỉ làm phiền. Nhưng mẹ có chọn anh ta đâu. Anh ta tự đến đó thôi. Hoặc giả anh ta chọn nhà nào không có chó. Nhà này chỉ có mèo.

Có người lạ nên đám mèo nhón nháo. Chúng vừa thò ra thì đã bị chó nhảy đến vỗ, phải trốn đằng sau cửa. Hôm nay mèo không chịu ăn. Mẹ đoán chúng không ưa thức ăn để trong tủ lạnh. Mẹ pha ít nước nóng vào thịt. (Chả biết thịt gì, hải cẩu hay cá voi?) Chúng vẫn chăm chỉ lượn quanh, quệt đuôi vào đĩa. Mẹ bảo "Ăn đi!" và đẩy đĩa thức ăn đến. Con to giơ chân và không thèm đụng vào đĩa. Mẹ bực mình quát "Không ăn thì cút đi! Một với chúng mày lắm!" rồi mẹ ném cái đĩa vào chúng. Có điều lạ là tiếng quát vừa rồi khiến mẹ thấy thú vị. Tốt với người như thế đủ rồi! Tốt với mèo như thế cũng đủ rồi! Mẹ lại hét "Chúng mày chết hết cả đi!" Đám mèo bỏ chạy. Móng chân của chúng cào rách cả thảm nhựa.

Ai cần gì chứ? Khi có tâm trạng ấy mẹ chỉ muốn đặt tay lên bàn và lấy dao

chặt đứt, không cần suy nghĩ. Mẹ cần gì cái thân thể đã phản bội mình? Nhìn bàn tay, nhìn quanh tìm dụng cụ, nhưng mẹ chỉ thấy cái móc dùng khều đồ vật. Cả đôi chân này, cả đôi nạng xa xa này, việc gì phải mang chúng đi khắp nơi? Việc gì phải mang chúng vào giường, để dưới chân, ôm lấy nhau mà không ngủ được giữa bao nhiêu thứ bề bộn chung quanh? Rồi cái bụng này nữa, sao cứ sôi ùng ục? Rồi con tim này nữa, sao cứ đập hoài? Chúng còn liên quan gì đến mẹ nữa?

Trước khi chết, ốm đau là để cho cơ thể thích ứng dần với sự héo hắt. Dòng sữa nuôi nấng ta cạn dần, chua loét, xa rời bộ ngực và ta bắt đầu lắng chìm trong cuộc sống khác. Nhưng cuộc sống ban đầu này, cuộc sống trên cơ thể trái đất này, liệu có thể tốt hơn được không? Mặc dù bao nhiêu tằm tối, thất vọng, điên khùng, mẹ vẫn không thể nào từ bỏ tình yêu đối với cuộc sống.

Lúc đau mẹ uống hai viên thuốc của bác sĩ Syfret rồi nằm trên ghế dài. Vài giờ sau mẹ tỉnh dậy, ngơ ngác, người lạnh toát, mẹ lần mò lên gác rồi để nguyên quần áo chui vào giường.

Nửa đêm mẹ chợt thấy hình như có ai trong phòng. Nhưng đoán chỉ có thể là anh ta. Anh ta hoặc mùi của anh ta, xuất hiện rồi biến mất.

Có tiếng cạch ở đầu cầu thang. Mẹ đoán anh ta vào phòng đọc sách, bật đèn. Mẹ cố nghĩ xem trên bàn có giấy tờ gì cần phải giấu đi không nhưng đầu óc lơ mơ không nghĩ gì được. Anh ta xem các kệ sách. Mẹ đoán anh ta sắp xếp lại cho gọn với đồng báo cũ. Rồi anh ta ngắm những bức tranh trên tường. Tranh Sophie Schliemann ở kho tàng Agamemnon, tranh Demeter lấy cắp ở bảo tàng Anh. Rồi anh ta khẽ rút ngăn kéo bàn. Ngăn trên toàn những thư từ, biên lai, tem cũ và ảnh. Anh ta không quan tâm. Ngăn dưới có hộp xì gà đựng tiền lẻ các loại. Anh ta thò ngón tay cong queo lấy ra hai đồng năm peseta, đủ để đổi sang tiền rand, nhét vào túi.

Anh ta không phải là thiên thần. Chỉ như loại côn trùng nấp trong khe tường, chờ lúc tối đèn bò ra sục sạo.

Nghe anh ta ra đầu cầu thang, khẽ mở hai lần khoá. Mẹ muốn nói thầm cho anh ta nghe: anh chỉ là đồ rác rưởi, chỉ là thứ ký ức đã chết yếu, nhưng lúc ấy đầu của mẹ mù đi, chẳng còn biết gì nữa.

Mẹ nằm cả ngày trên giường. Chẳng muốn làm gì, chẳng muốn ăn gì. mẹ đọc Tolstoy, không phải đọc chuyện nổi tiếng về ung thư đâu, vì mẹ đã quá biết rồi, nhưng đọc chuyện về một thiên thần đến ở chung với anh thợ giày. Giả thử có cơ hội, mẹ sẽ đi bộ xuống phố Mill tìm thiên thần riêng đem về nhà giúp mẹ được đấy. Nhưng không có đâu. May ra vùng ngoại ô có thiên thần nào đó ngồi hong nắng ngủ gật trên cột cây số, chờ cơ hội. Có lẽ ở trại những người thất nghiệp chứ ở phố Mill hay ngoại ô đều không có. Các thiên thần đã bỏ vùng ngoại ô mà đi cả rồi. Mỗi khi có người lạ ăn mặc rách rưới đến gõ cửa thì đó chỉ là kẻ vô gia cư, một anh nghiện rượu, hay một tâm hồn lảng vảng nào thôi. Thế mà sao lòng ta vẫn thèm muốn được thấy ngôi nhà yên tĩnh rung lên cùng tiếng hát thiên thần như trong truyện cổ tích vậy.

Ngôi nhà đã mệt vì chờ đợi, đã chán không muốn gắn vào nhau nữa. Ván sàn đã không còn rung nữa. Dây điện cách ly đã khô cứng, dễ gãy, các ống nước han rỉ. Ốc vít ở ống máng đã rời ra, tuột khỏi gỗ mục. Mái ngói đầy rêu. Ngôi nhà xây tử tế nhưng không có tình yêu, bây giờ lạnh lẽo, chây ì, sắp chết. Những bức tường tuy đã được mặt trời châu Phi chiếu rọi nhưng không bao giờ ấm lên được, dù những viên gạch được bàn tay của các phạm nhân xây nên đã luôn luôn tỏa sáng.

Hè năm ngoái, khi đám thợ đến lắp cống, mẹ thấy họ moi ra những ống cũ. Họ chui xuống hai thước, nhặt những gạch vỡ và sắt rỉ, cả móng ngựa nữa, nhưng không thấy có xương người. Công trường này chưa hề có bóng người, chỉ là chỗ của hồn ma và các thiên thần, chẳng có gì thú vị.

Mẹ viết thư này không phải để bộc lộ những gì trong lòng mẹ. Nó bộc lộ điều gì đó, nhưng không phải là trái tim của mẹ.

Sáng nay xe không nổ máy, mẹ phải yêu cầu anh ta, người đến ở nhờ, ra đây giúp. Mẹ ngồi trong, anh ta đẩy xe ra lối đi. Rồi anh ta đập tay vào mui xe hét to "Đi được rồi!" Máy nổ. Mẹ quay xe ra đường cái. Được một quãng, mẹ dừng lại nói với anh ta qua làn khói "Tôi phải đi Fish Hoek. Anh muốn đi không?"

Thế là hai người cùng đi, con chó ngồi ghế sau, ngồi chiếc xe Hillman màu xanh từ thời con còn nhỏ. Đã một lúc lâu mà hai người không nói câu nào. Xe chạy qua bệnh viện, trường Đại học, toà Giám mục. Con chó gác đầu lên vai mẹ hứng gió thổi vào mặt. Xe leo lên đồi Wynberg. Bên kia đồi là một con dốc dài, mẹ tắt máy cho xe tự lăn dọc bờ biển. Càng lăn nhanh, tay lái càng rung bần bật. Con chó khoái chí rên ư ử. Hình như lúc đó mẹ cũng mỉm cười, có lẽ nhắm mắt nữa.

Xuống đến chân đồi, xe chậm dần. Mẹ liếc nhìn anh ta. Anh ta vẫn ngồi im, thản nhiên. Khá đấy! Mẹ nghĩ bụng.

Mẹ nói "Hồi còn nhỏ, tôi thường nhảy xe đạp không phanh xuống cái dốc này. Xe đạp của ông nội tôi. Ông ấy hay đổ tôi làm thế. Tôi chả biết sợ là gì. Trẻ con không quan niệm chết là thế nào. Chẳng bao giờ chúng nghĩ rằng có lẽ mình không chết.

"Tôi thường nhảy xe đạp của ông anh đi xuống những dốc cao hơn thế này. Càng nhanh càng thấy khoái, cảm thấy như sự sống bung ra ngoài da thịt. Con bướm khi mới ra đời chắc cũng cảm thấy như vậy".

với chiếc xe cũ kỹ này, ta vẫn có thể thoải mái và tự lăn dọc bờ biển. Nếu là xe mới, hễ tắt máy thì tay lái bị khóa lại. Hẳn anh cũng biết thế. Nhưng đôi khi người ta sai lầm hoặc quên đi, không để xe bám đường, thế là xe quay ngang và lao xuống biển.

Lao xuống biển. Vật lộn sau tay lái bị khóa chặt, trong khi ta cố ngoi lên nhìn bong bóng lấp lánh ánh mặt trời. Điều đó xảy ra không? Có nhiều người làm thế không? Nếu ta đứng trên đỉnh Chapman vào buổi chiều thứ bảy có thể thấy cảnh người ta lao xe xuống biển như thế được không?

Mẹ nói tiếp "Có một chuyện tôi muốn kể anh nghe. Hồi còn nhỏ, vào những năm đầu thế kỷ, gia đình tôi thường ra biển vào những ngày lễ Giáng sinh. Đó là thời của xe bò. Người ta đi xe bò suốt từ Uniondale ở miền Đông đến vịnh Plettenberg ở cửa sông Piesangs, đi hàng trăm dặm mà không biết phải mất bao nhiêu ngày. Người ta cắm lều nghỉ lại bên đường.

Một trong những chỗ dừng chân là đỉnh đèo. Ông bà tôi ngủ trong xe, mẹ tôi và các con nằm găm xe. Chuyện là như thế này: trong đêm vắng trên đỉnh đèo, mẹ tôi chui vào chăn cùng các anh chị tôi, ngắm nhìn các ngôi

sao trên trời qua khe bánh xe bò. Lúc ngắm nhìn, mẹ tôi tưởng các ngôi sao di chuyển. Không biết là các ngôi sao di chuyển hay bánh xe di chuyển, từ từ, rất chậm. Mẹ tôi nghĩ: làm thế nào bây giờ? Nếu xe di chuyển thì sao đây? Có nên báo cho mọi người biết không? Nếu cứ nằm yên để xe lăn xuống chân núi mà ông bà lại nằm trong đó thì sao? Nhưng nếu chỉ là tưởng tượng thế thôi, thì sao?

"Mẹ tôi sợ hãi, tim đập thình thình, nhìn sao di chuyển, nghĩ bụng không biết có nên gọi ai không. Nghe tiếng xe cọt kẹt, mẹ tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết, trong giấc ngủ toàn mơ thấy chết. Đến sáng mẹ tôi tỉnh dậy thấy mọi thứ vẫn bình thường. Xe vẫn còn đó, ông bà vẫn còn đó, ai nấy khoẻ mạnh, chẳng có chuyện gì hết".

Đã đến lúc anh ta phải nói gì đi chứ, hoặc nói về đồi núi, về xe hơi, xe đạp, về bản thân hoặc tuổi nhỏ. Nhưng anh ta vẫn lìm lìm, im lặng.

Mẹ lại nói tiếp "Mẹ tôi không nói lại cho ai biết về những gì bà nghĩ đêm trước. Có lẽ mẹ tôi chờ đến khi đẻ tôi mới nói chẳng. Tôi nghe bà kể lại nhiều lần bằng nhiều cách. Gia đình vẫn đi tiếp đến sông Piesangs. Ôi cái tên sao mà rục rờ và đáng yêu thế! Tôi chắc đó phải là nơi đẹp nhất trần gian. Mấy năm sau khi mẹ tôi qua đời, tôi đến thăm vịnh Plettenberg và lần đầu trông thấy sông Piesangs. Không phải sông, chỉ là một lạch nước đầy rong rêu, tối đến đầy muỗi, một nơi để các đoàn người dừng chân, để trẻ con hò hét, để những người lớn đi chân đất mặc quần cụt mang bếp ga nướng xúc xích. Chẳng phải Thiên đường một tí nào. Cũng chẳng phải chỗ để hàng năm người ta đến chơi sau bao nhiêu ngày trèo đèo lội suối".

Lúc này xe đã leo lên đường Boyes. Thật y như nhân vật Rocimante trong truyện, muốn cũng không làm được gì vì đã già yếu. Mẹ nắm chặt tay lái, cố thúc cho xe đi tới.

Lên đến Muizenberg, nhìn xuống vịnh Giả Tạo, mẹ dừng xe tắt máy. Con chó lại rên ư ử. Mẹ cho nó ra ngoài. Nó ngủi đống đá, bụi cây, rồi co chân đá. Mẹ và anh ta đứng nhìn, không nói gì.

Anh ta đã lên tiếng. Anh ta nói "Bà đi nhầm đường đấy. Lẽ ra phải xuống chân đồi".

Mẹ cố tỏ ra không buồn nản. Xưa nay mẹ chỉ mong mọi người cho mẹ là

tài giỏi. Bây giờ mới thấy mình bất tài hơn bao giờ.

Mẹ hỏi "Anh từ vùng Mũi đến đây à?"

"Phải".

"Anh sống cả đời ở đó ư?"

Anh ta có vẻ khó chịu. Mẹ hỏi hai câu thế là quá nhiều.

Một con sóng to, dài hơn trăm thước, đang cuộn vào bờ. Một người lom khom lướt ván trên ngọn sóng. Bên kia vịnh, dãy núi Hottentots Hà Lan đứng sừng sững trên nền trời xanh trong. Có lẽ mắt mẹ thêm khát cảnh vật nên thấy thế. Biển. Núi. Mẹ muốn những hình ảnh biển và núi chôn sâu trong lòng để đi đâu cũng thấy. Sao mẹ có thể thêm khát tình yêu đối với cuộc sống này đến thế.

Đàn chim sẻ đến đậu trên bụi cây gần chỗ mẹ đứng. Chúng rĩa lông rồi bay đi. Người lướt ván khi này đã vào bờ, đi trên bãi cát. Bỗng mẹ rướm lệ. Mẹ tự hỏi hay do mình chớp mắt. Sự thật là mẹ khóc. Mẹ gục đầu vào tay lái, chỉ hơi nức nở, rồi oà lên khóc như muốn trút hết mọi thứ trong tim trong phổi. "Xin lỗi", rồi mẹ bình tĩnh nói tiếp "Xin lỗi, tôi chả hiểu tại sao mình lại thế".

Lẽ ra mẹ không cần xin lỗi. Anh ta đâu có để ý chuyện đó.

Mẹ lau mắt, khịt mũi rồi bảo "Ta đi chứ?"

Anh ta mở cửa xe huýt một tiếng sáo. Con chó nhảy vào xe. Con chó biết nghe lời. Chắc anh ta lấy cặp con chó ở một gia đình tử tế.

Đúng là xe đi nhầm đường.

Anh ta bảo "Quay ngược lại".

Mẹ thả phanh tay, lùi một quãng rồi rú ga. Xe rung lên rồi đứng lại. Mẹ bảo "Xe này chưa bao giờ đi lùi".

Anh ta chỉ tay, lên giọng như anh chồng dạy vợ lái xe "Quay sang bên kia đường".

Mẹ cho xe chạy một quãng xuống chân đồi, rồi sang bên kia đường. Bỗng một tiếng còi réo lên, chiếc xe Mercedes màu trắng vọt qua bên cạnh. Mẹ há hốc miệng "Tôi không trông thấy".

- Đi đi! – anh ta quát.

Mẹ ngạc nhiên nhìn anh chàng người lạ quát tháo. Anh ta vẫn nhìn mẹ quát

nữa "Đi đi!"

Máy nổ. Mẹ im lặng quay xe lại. Đến góc phố Mill, anh ta đòi xuống.

Giày và chân anh ta bốc lên một mùi hôi thối. Phải có bút tất mới, có giày mới cho anh ta. Phải cho anh ta tắm rửa nữa. Mỗi ngày anh ta phải tắm, phải thay đồ lót, phải có giường nằm, phải có một mái nhà, phải ăn ba bữa và phải có tiền ở ngân hàng nữa. Phải cho anh ta quá nhiều. Như thế là quá nhiều đối với người đang thềm chui vào lòng mẹ để tìm an ủi.

Cuối buổi chiều anh ta mới quay lại. Mẹ cố quên đi những gì xảy ra, đưa anh ta vào vườn và chỉ cho anh ta thấy những việc cần làm. Mẹ nói "Thí dụ anh có thể tưới lá. Anh có biết tưới lá không?"

Anh ta lắc đầu. Không, anh ta không biết. Hoặc không muốn.

Ở góc vườn, chỗ cây rậm rạp, dây leo phủ kín chiếc ghế cũ bằng gỗ sồi và cái chuồng thỏ. Mẹ nói "Phải dọn sạch chỗ này đi".

Anh ta nhắc đám dây leo. Chuồng thỏ nằm trên nền đất, bên trong có một đồng xương khô, kể cả bộ xương của thỏ con, cổ bị bẻ gãy.

Mẹ nói "Đám thỏ này của con trai người giúp việc cho tôi. Tôi cho nó nuôi chơi. Rồi nó chuyển đi nơi khác. Còn đám thỏ này chết đói. Lúc ấy tôi nằm viện, chả biết gì hết. Về đến nhà tôi thất vọng thấy chẳng ai đoán hoài gì đến tình trạng ở góc vườn. Đám sinh vật này không biết nói, cũng chả biết kêu khóc".

Những quả ôi rụng khắp mặt đất, đầy sâu bọ, chất thành một đồng bầy nhầy ở gốc cây. Mẹ bảo "Tôi chỉ ước chi cây đừng có quả, thế mà nó vẫn có quả".

Con chó chạy đến chỗ mũi vào chuồng ngửi. Thỏ chết lâu rồi, không còn mùi gì nữa.

Mẹ bảo "Anh có thể làm được gì cứ làm, miễn là chỗ này không hoang vắng nữa".

Anh ta hỏi "Tại sao thế?"

Mẹ đáp "Thì tôi thích thế. Tôi không muốn chỗ này bẩn thỉu".

Anh ta nhún vai, mỉm cười.

Mẹ nói "Nếu anh muốn có tiền thì phải làm. Chẳng lẽ anh muốn tôi cho không hay sao?"

Phần thời gian còn lại của buổi chiều, anh ta dọn đồng dây leo và đám cỏ, thỉnh thoảng ngược mắt nhìn ra xa làm như không biết mẹ đứng trên gác nhìn xuống. Đến năm giờ, mẹ trả tiền cho anh ta. Mẹ nói "Tôi biết anh không phải dân làm vườn. Tôi cũng chả muốn biến anh thành người khác. Nhưng chúng ta không thể làm việc theo kiểu từ thiện được".

Anh ta cầm tiền, gấp lại, bỏ vào túi, quay mặt về phía khác để khỏi nhìn mẹ. Rồi anh ta khẽ hỏi "Tại sao thế?"

"Vì không đáng phải đối xử với anh như vậy".

Anh ta vẫn mỉm cười. Cười một mình. "Đáng gì? Ai đáng gì đâu?"

Ai đáng gì đâu? Mẹ tức giận, ném túi tiền vào anh ta. "Vậy thì anh tin vào điều gì? Chỉ cần những gì anh muốn ư? Thôi, cầm lấy đi!"

Anh ta lẳng lặng cầm lấy túi tiền, dốc ra ba chục rand và một ít xu lẻ, rồi trả lại túi. Rồi anh ta bỏ đi, con chó chạy theo sau. Khoảng nửa giờ sau anh ta quay lại. Lúc đó mẹ đã nghe thấy tiếng lanh canh chai lọ.

Anh ta tìm được chiếc đệm, loại đệm gấp thường đem ra bãi biển. Trong cái tổ bụi bặm giữa đồng cỏ, anh ta thả nệm để đầu giường, nằm hút thuốc, con chó ngồi dưới chân.

Mẹ nói "Trả lại tiền cho tôi".

Anh ta thọc tay vào túi, rút ra mấy tờ giấy bạc. Mẹ cầm lấy. Không đủ, nhưng không sao.

Mẹ nói: "Khi nào cần tiền, anh cứ hỏi. Tôi không keo kiệt đâu. Anh cũng nên cẩn thận với cây nệm. Tôi không muốn xảy ra hoả hoạn".

Mẹ bước ra ngoài, một phút sau quay lại.

Mẹ nói "Anh bảo tôi nên biến ngôi nhà này thành chỗ trọ cho sinh viên? Thực ra tôi có thể làm hơn thế. Tôi có thể biến nơi này thành chỗ ở của những người ăn xin. Tôi có thể mở hàng cháo, mở quán trọ. Nhưng tôi không làm thế. Tại sao vậy? Vì đất nước này chẳng còn gì là tinh thần từ thiện nữa. Vì những người nhật từ thiện cũng khinh rẻ nó, còn những người cho thì cho với trái tim miễn cưỡng. Từ thiện mà không đi từ trái tim đến trái tim thì có nghĩa gì? Anh tưởng từ thiện là thế nào? Cháo ư? Tiền ư? Từ thiện là từ la tinh chỉ trái tim. Nhận hay cho đều khó như nhau. Phải cố gắng lắm mới được. Mong anh học được điều ấy. Mong anh học được điều

gì đó chứ không nằm khăn thế này".

Mẹ nói dối đầy thôi. Từ thiện, caritas, chẳng liên quan gì đến trái tim hết. Nhưng nếu những điều mẹ cầu nguyện đều dựa trên từ nguyên giả dối thì có sao? Hình như anh ta không nghe mẹ nói gì. Có lẽ với đôi mắt lạnh lẹn ấy, anh ta bắn khoản về rượu hơn mẹ tưởng. Hoặc anh ta chẳng quan tâm đến gì hết. quan tâm là cái gốc đích thực của từ thiện. Mẹ chờ cho anh ta quan tâm, nhưng anh ta không hề quan tâm. Anh ta đã ở ngoài phạm vi của sự quan tâm, không cần quan tâm đến cái gì hết.

Cuộc sống ở đất nước này chẳng khác gì cuộc sống trên con tàu sắp chìm, một con tàu cũ kỹ mà thuyền trưởng thì say bét nhè, thuyền viên thì cẩu thả, phao cứu hộ thì thủng, vì thế mẹ phải luôn để chiếc đài sóng ngắn ở cạnh giường. Phần lớn thời gian dài chỉ nói để mà nghe, nhưng đến đêm, nếu chịu khó tìm sẽ thấy những đài phát âm nhạc. Đêm qua mẹ nghe đi nghe lại một đài không biết ở đâu phát. Helsinki? Đảo Cook? Họ phát quốc thiều các nước, nhạc hay tuyệt trần, thứ nhạc đã bỏ ta mà đi từ nhiều năm nay, nay trở lại như đến từ các ngôi sao đã đổi dạng, nghe dịu dàng, chứng tỏ những gì ta cho đi sẽ có ngày trở lại, bao bọc quanh ta trong một vũ trụ khép kín, tròn như quả trứng.

Mẹ nằm trong đêm tối, nghe nhạc từ các vì sao dội đến, nghe tiếng ào ạt, ù ù, như bụi sao băng, mẹ mỉm cười, lòng rộn ràng cảm tạ những tin tốt lành từ xa xăm gửi đến. Mẹ nghĩ chỉ có một ranh giới không thể khép lại được, đó là ranh giới trên kia, giữa nước Cộng hoà Nam Phi và lãnh địa của bầu trời, nơi mẹ phải tìm đến, mà không cần có hộ chiếu.

Bị tiếng nhạc quyến rũ (mẹ nghĩ có lẽ đó là của Backhausen), chiều nay mẹ ngồi vào đàn piano chơi vài bản cũ, những khúc dạo clavier của Bach, của Chopin, của Brahms, những bản của Novello và Angener bị mỗi xông rách tả tơi, gần thành bụi. Mẹ chơi tồi hơn bao giờ, đọc nhầm những hợp âm như cách đây nửa thế kỷ, ngón tay lập cập vì bệnh đã vào xương tuỷ, không chữa được nữa. (Mẹ nhớ đến những khúc xương được các nhà khảo cổ ca tụng, xương có bệnh hoặc bị đầu tên bắn vỡ, những khúc xương được lịch sử ghi lại từ thời chưa có lịch sử).

Rồi sau khi đã mệt với sự ngọt ngào của nhạc Brahms, mẹ nhắm mắt đánh hợp âm, ngón tay rờ rẫm tìm hợp âm quen thuộc, những chỗ ngày xưa gọi là hợp âm chết, hợp âm của lòng mình. (Đây là mẹ nói về mẹ thời trước thời của con, đi qua phố vào chiều thứ Bảy nóng nực, nghe trong ngôi nhà trước mặt vọng ra tiếng đàn cô gái đồng trinh mò mẫm tìm những nốt nhạc thèm khát đã bỏ đi tự bao giờ. Đó là những ngày tươi đẹp nhưng buồn thảm, và bí ẩn nữa, những ngày còn thơ ngây.)

"Jerusalem!" Mẹ khẽ hát lên, đánh vào hợp âm ngày xưa mẹ từng nghe khi ngồi dưới chân bà ngoại. "Người đã xây dựng Jerusalem ở nơi đây chẳng?" Cuối cùng mẹ lại quay về với Bach, vụng về đánh lại bài fuga ở Quyển Một. Âm thanh rờ rẫm, dòng nhạc mờ ảo, nhưng qua vài nhịp thì âm nhạc đích thực lại xuất hiện, thứ nhạc không bao giờ chết, rất tin tưởng và trong sáng.

Mẹ chỉ chơi để mẹ nghe thôi. Chợt phím đàn cạch một tiếng, có bóng người qua cửa sổ, mẹ biết anh ta đang đứng nghe bên ngoài.

Mẹ lại cố chơi nhạc Bach để cho anh ta nghe. Xong nhịp cuối, mẹ đẩy đàn lại, để tay lên đùi ngấm bức chân dung ngoài bìa, người có chiếc cằm bạnh mỉm cười mắt long lanh nhìn mẹ. Mẹ nghĩ đó mới thực là chân dung có tinh thần, không giống như chân dung trong miếu thờ! Nay tinh thần ấy đang ở đâu? Đã bay lên tầng cao khí quyển cùng âm hưởng từ bàn tay mẹ mò mẫm chẳng? Âm nhạc còn nhảy nhót trong lòng mẹ ư? Hay đã tìm đường đến với con người mặc quần áo xộc xệch đang đứng nghe ngoài cửa kia? Hay trái tim hai người, nơi xuất phát của tình yêu, đã buộc chặt vào nhau qua những hợp âm mẹ vừa dạo trên đàn?

Chuông điện thoại reo. Một bà ở ngôi nhà bên kia đường gọi báo cho biết có một kẻ lang thang đang rình mò bên ngoài. Mẹ đáp "Không phải kẻ lang thang đâu, anh ta giúp việc cho tôi đấy".

Mẹ đã thôi không trả lời điện thoại. Mẹ không muốn nói chuyện với ai khác ngoài con và người trong bức chân dung, người hạnh phúc trên thiên đường. Vậy mà con và người đó chẳng thấy gọi cho mẹ.

Thiên đường. Mẹ hình dung thiên đường là một sảnh đường khách sạn có trần cao trong đó nghệ thuật âm nhạc phức hợp nhẹ nhàng vang lên qua hệ

thống loa công cộng, một nơi ta có thể ngồi gọn trong ghế bành bọc da mà không đau, một sảnh đường chứa đầy những người thêm thiệp nghe âm nhạc, trong khi mọi linh hồn khác đi qua đi lại như những làn hơi. Một nơi đông đảo linh hồn. Không biết họ có mặc quần áo không nhỉ? Hình như có, nhưng trên tay không có gì. Một nơi ta không đem theo bất cứ gì ngoài quần áo trừu tượng và ký ức trong đầu, ký ức tạo ra bản thân. Một nơi không có sự cố. Như nhà ga xe lửa sau khi đã bỏ hết toa tàu. Ngồi nghe âm nhạc thiên thần và vô tận ấy, ta không chờ đợi gì hết, chỉ nghe ký ức nhả nhủ bên tai.

Có thể ngồi yên trong ghế bành nghe nhạc mà không lo ngôi nhà mình đã đóng hết cửa, bên trong tăm tối, còn đám mèo không được ăn vẫn lảng vảng ngoài vườn được không? Có thể, nếu không thiên đường để làm gì? Chết mà không người thừa kế - xin lỗi phải nói điều này – thật không tự nhiên chút nào. Để được bình an, tâm hồn thanh thản, ta cần biết sau ta thì đến tiếp người đó phải có mặt trong căn phòng ta từng sống.

Mẹ nghĩ đến những trang trại bỏ hoang khi đi qua vùng Karoo ở bờ biển phía Tây. Chủ những trang trại này đã bỏ chạy lên thành phố từ nhiều năm, cửa ngõ đóng ván, cổng khóa chặt. Bây giờ chỉ có một dãy nhà giặt, khói phun đầy trời, trẻ chơi đùa ở sân sau, thấy xe đi qua là giơ tay vẫy. Một vùng đất trong quá trình dân chủ. Những kẻ thừa kế lạng lẽ xuất hiện. Vùng đất bị chiếm bằng vũ lực, bị sử dụng, phá đi phá lại, mấy năm nay bỏ hoang. Có lẽ những kẻ chiếm đất cũng yêu quý vùng này nhưng chỉ yêu quý khi họ còn trẻ. Bây giờ thì lịch sử tuyên án, họ không còn yêu quý nữa. Sau mỗi lần có chuyện gì, họ bắt người ta chìa ra xem có lấy gì của họ không. Một hòn sỏi, một chiếc lông chim cũng không được. Thậm chí họ còn xem có giấu hạt cải nào trong kẽ móng tay không.

Tất cả đều chỉ là những con số, cộng vào nhau như thế, trừ đi trừ lại, chia đi chia lại, đến lúc đầu óc rối bù. Ngày nào mẹ cũng tính, trong lòng nhen nhóm một hy vọng rằng trường hợp của mẹ không phải là sai phạm. Nhưng ngày nào mẹ cũng đứng trước tình trạng như cũ, tức là phải chết và quên lãng. Từ trong phòng khám, bác sĩ Syfret nói "Chúng ta phải đối mặt với sự thật". Nghĩa là phải đối mặt với bề tặc. Nhưng ông ta có đối mặt với nó

đâu, chỉ có mẹ thôi.

Mẹ nghĩ đến những tù nhân đứng trên miệng hố, chờ đến khi bị bắn xác họ sẽ rơi xuống đó. Họ van nài đội hành quyết, họ khóc, nói đùa, xin hối lộ, hứa cho tất cả những gì họ có, cả nhẫn ở ngón tay, cả quần áo đang mặc. Bọn lính chỉ cười. Dù sao thì chúng cũng lấy hết, lấy cả răng vàng trong miệng họ nữa.

Chỉ có nỗi đau chạy qua người mẹ. Không có sự thật. Một ảo ảnh sẽ bất ngờ đem mẹ đi khỏi ngôi nhà trống này, để mặt trời chiếu qua cửa sổ vào chiếc phòng không, hoặc đem mẹ tới vịnh Giả Tạo có nền trời xanh trong veo, phẳng lặng, đến một thế giới mẹ đã sống cả đời nhưng trong đó không có mẹ. Ngày lại ngày, đời mẹ trốn tránh và sợ hãi chính cái nhìn của mình. Sự thật duy nhất còn lại chỉ có cái chết. Mẹ không thể nào chịu nổi khi nghĩ đến cái chết. Mẹ luôn luôn nghĩ đến chuyện khác, không dám nghĩ đến cái chết, không dám nghĩ đến sự thật.

Mẹ cố ngủ. Đầu óc trống rỗng. Mẹ bắt đầu cảm thấy yên tĩnh. Sắp ngủ được rồi đây, mẹ nghĩ bụng. Tốt nhất là ngủ cho ngon. Đúng vào lúc sắp quên hết bỗng một cái gì bật ra, kéo mẹ lại, và cái đó chỉ có thể gọi là thật. Mẹ vùng dậy. Nằm thức trên giường, mọi thứ lại yên. Một con ruồi đậu trên má mẹ, xoa tay xoa chân, bắt đầu thăm dò. Nó chạy qua mắt mẹ còn đa mở, mẹ muốn chớp mắt để đuổi nó đi nhưng không chớp được. Bằng con mắt vừa là của mẹ vừa không phải của mẹ, mẹ nhìn con ruồi. Phải nói là nó đang liếm môi. Mẹ không thể nhận ra bộ mặt của những cơ quan trên mình nó động đậy. Nhưng nó đang ở trên người và đang chạy qua người mẹ. Nó là sinh vật của thế giới khác.

Đã hai giờ chiều. Mẹ nằm trên ghế dài, hoặc trên giường, cố nhắc đi vì chỗ ấy đau hơn cả. Mẹ tưởng tượng đến Esther Williams, đến những cô gái mũm mĩm mặc áo tắm loè loẹt, thoải mái bơi giữa nhìn trời xanh, vỗ nước hát, nghĩ đến những cây đàn ghita vô hình bật dây phần phật, nghĩ đến miệng các cô gái, hình vòng cung tròn trặn, đỏ chót. Họ đang hát gì thế nhỉ. Hoàng hôn...từ biệt...Tahiti. Bỗng mẹ thấy thèm muốn được coi lại Savoy xưa, mua vé bằng tiền xu nay được đem nấu chảy chỉ còn vài đồng trong ngăn kéo, một mặt khắc hình George VI, ông vua tốt bụng hay nói lắp, còn

mặt kia có đôi chim họa mi. Chim họa mi. Mẹ chưa từng nghe họa mi bao giờ, và sẽ không bao giờ được nghe nữa. Mẹ ôm ấp sự ham muốn, nỗi tiếc thương, nhà vua, các cô gái bơi, ôm ấp bất cứ gì đến với mẹ.

Mẹ ngồi dậy mở ti vi. Một kênh có bóng đá. Kênh khác có một người da đen đặt tay lên quyển Kinh Thánh, cầu nguyện cho mẹ bằng thứ ngôn ngữ gì chẳng rõ. Một cánh cửa mẹ mở cho thế giới tràn vào, thế giới ấy sẽ đến với mẹ. Nhìn qua cánh cửa như nhìn vào đường ống vậy.

Ba năm trước có một vụ trộm (mẹ đã viết trong thư, chắc con còn nhớ). Bọn trộm chỉ lấy những gì chúng có thể mang đi được. Trước khi bỏ đi chúng lục lọi các ngăn kéo, lật đệm giường, đập vỡ cốc chén chai lọ, vứt các bát đĩa đựng thức ăn ra đầy nhà.

Mẹ ngạc nhiên hỏi viên thám tử "Tại sao chúng phải làm thế? Làm thế thì chúng được cái gì?"

Anh ta đáp "Chúng nó là thế. Bọn thú vật!"

Sau vụ đó mẹ cho lắp song sắt lên cửa sổ. Một người Ấn độ béo phịch phịch đến lắp. Sau khi bắt vít và đặt song sắt lên khung cửa, anh ta đổ keo lên đầu đinh và giải thích "Làm thế chúng không tháo ra được" Lúc ra về anh ta còn đập vào tay mẹ nói "Bây giờ bà đã an toàn rồi".

"Bây giờ bà an toàn rồi". Y như lời của người coi vườn thú mỗi tối khóa cửa để bảo vệ chim đô đô không cất cánh và vô tích sự. Con đô đô cuối cùng già yếu, quá thời đẻ trứng. "Bây giờ bà an toàn rồi". Con đô đô bị nhốt chặt trong khi bọn tìm mồi vẫn rình rập bên ngoài. Con đô đô quang quác trong tổ, chỉ ngủ một mắt một môi chờ đến sáng. Nhưng nó được an toàn trong lồng, không ai đụng đến song sắt, dây điện. Còn có điện thoại để gọi cấp cứu khi cần, còn dây cáp truyền hình để tiếp nhận ánh sáng của thế giới bên ngoài, còn ăng ten để nghe tiếng nhạc từ các vì sao dội đến.

Truyền hình. Tại sao mẹ lại xem truyền hình? Khi nào cũng vậy, chỉ thấy cuộc diễu hành của các vị chính trị. Nhìn những khuôn mặt bệ vệ, trơ tráo, đã quen từ thưở bé, mẹ cảm thấy tối sầm, muốn nôn mửa. Đó là bọn con trai xưa kia toàn ngồi cuối lớp, mặt mày vênh váo, ngu ngốc, nay lớn lên để bạt thành những người cai trị đất nước. Chúng và cha mẹ, cô cậu, anh chị chúng, đều là một lũ châu chấu ma, mắc dịch, trải khắp nước, chỉ biết ngấu

nghiến nuốt chửng cuộc sống mọi người. Nhưng sao mẹ lại xem chúng trên ti vi dù biết là khủng khiếp, đáng căm ghét? Sao mẹ lại cho chúng vào nhà? Vì chế độ cai trị của họ hàng châu châu ma ấy là sự thật ở Nam Phi, một sự thật khiến mẹ muốn nôn mửa. Chúng không bận tâm đến bất chấp hợp pháp. Chúng vứt bỏ hết lý trí, cho là không quan trọng. Điều hấp dẫn đôi với chúng là quyền lực, và vô ý thức của quyền lực. Chúng phè phỡn, nói như nuốt tươi cuộc sống, rồi ợ chua. Chúng là những bọn thú biết nói. Chúng ngồi với nhau một chỗ, tranh luận sự việc và ra nghị định như những nhát búa: chết này, chết này, chết này. Chúng không sợ mùi hôi thối. Mắt chúng híp như mắt lợn, chúng mang trong người cái ranh ma của những thế hệ nông dân. Chúng còn tìm cách hại nhau nữa. Chúng lấy dần những mảnh đất mà nông dân phải mấy chục năm mới làm ra được. Đó là bọn Phi châu mới, bụng ỏng, cằm bạnh, ngồi ghế cơ quan, những Cetshwayo, những Dingane da trắng. Chúng mang sức nặng của quyền lực ấn xuống. Những hòn đá to tướng của chúng ấn xuống vợ con, ấn cho tóa lửa. Trái tim của chúng không còn một tia lửa nào. Trái tim chúng nặng nề, chậm chạp, như những chiếc bánh đúc làm bằng máu.

Thông điệp của chúng không thay đổi. Rất ngu ngốc, mãi mãi vẫn ngu ngốc. Sau nhiều năm ngẫm nghĩ về từ nguyên, chúng đạt được chiến công, đó là những sự ngu ngốc lên trình độ của đức tính. Chúng gây sợ hãi, tước bỏ cảm giác, bắt câm miệng, bắt chết, chúng gây kinh ngạc làm cho bất tỉnh. Từ sợ hãi đi đến mất cảm giác, thờ ơ, lãnh đạm. Ngu ngốc làm năng lực trở thành đờ đẫn, bàng quan, không suy nghĩ, không cảm thấy gì. Từ sợ hãi đến choáng váng, sững sờ. Từ ngu ngốc đến choáng váng, ngạc nhiên, biến thành đá. Thông điệp của chúng là không bao giờ thay đổi. Thông điệp của chúng biến con người thành đá.

Mẹ cùng anh ta ngồi xem tuổi vi nhưng chẳng khác gì con chim giương mắt nhìn con rắn, bị con rắn mê hoặc sắp nuốt chửng. Mê hoặc là tỏ lòng tôn kính cái chết. Vào quăng tám chín giờ, mọi người tề tựu xem chuyển phôi diễn, y như cuộc diễu hành của các giám mục trong chiến tranh Franco vậy. Chúng nghiên cứu các hiện tượng để chứng minh cho mọi người thấy cái chết như thế nào. Cái chết muôn năm! Chúng kêu gào đe dọa. Phải giết

chết bọn trẻ. Phải giết chết cuộc sống. Chúng là giống lợn rừng chưa bị thuần, ăn sống nuốt tươi cả con cháu của chúng, biến thành cuộc chiến của thú rừng.

Mẹ tự nhủ đây không phải mẹ xem chúng nói đâu mà xem sự thật là thế nào đằng sau sự dối trá đó. Nhưng làm gì có sự thật?

Mẹ thiếp đi (đây là mẹ vẫn viết về chuyện hôm qua), rồi đọc sách, rồi lại thiếp đi. Mẹ pha ấm trà, đặt đĩa hát lên máy. Từng nhịp một, biến tấu của Goldberg dựng đứng trong không gian. Mẹ bước ra cửa sổ. Trời đã gần tối. Anh ta ngồi hút thuốc, dựa lưng vào nhà đóm lửa lập loè ở đầu điều thuốc. Có lẽ anh ta trông thấy mẹ, có lẽ không. Cả hai nghe ngóng.

Lúc này mẹ chắc anh ta cũng nghĩ anh ta đang chờ mẹ làm tình.

Tuy ý nghĩ đó chợt đến và mẹ cảm thấy ghê tởm nhưng mẹ vẫn nghĩ, không e ngại. Anh ta và mẹ đã dính vào nhau, mắt nhắm nghiền, cùng đi xuống con đường xưa. Không phải như hai bạn đồng hành! Như người đi xe buýt ở vùng Sicily, mặt kề mặt, thân kề thân với người xa lạ. Có lẽ đó là cuộc sống ở kiếp sau, không phải trong hành lang với chiếc ghế bành và âm nhạc, nhưng là trên xe buýt đầy chật người không biết nơi định đến và đi đâu. Xe chỉ đủ chỗ để đứng, đứng mãi mỗi chân, ép mình với những người xa lạ. Không khí đặc quánh, nặng nề, toàn nghe tiếng thở dài, lầm bầm, chửi rủa, xin lỗi. Da thịt tiếp xúc ồ ạt. Luôn nhìn vào mắt nhau. Cuộc sống riêng tư thế là chấm dứt.

Anh ta ngồi xồm trên sân, hút thuốc, nghe ngóng. Hai linh hồn, của anh ta, của mẹ, quấn vào nhau, đê mê. Như côn trùng chụm đuôi vào nhau, hai đầu quay hai phía, nằm im, nghe lồng ngực giật giật tưởng là đang thở. Hoàn toàn yên lặng, đê mê.

Anh ta quăng điều thuốc. Tia lửa bắn toé khi điều thuốc rơi xuống đất. Rồi lại tối đen.

Mẹ nghĩ đến ngôi nhà này. Thế giới này, ngôi này này, âm nhạc này, nghĩ đến tất cả.

Mẹ nói "Đây là con gái tôi. Đưa con gái tôi đã nói với anh rồi. Nó đang sống ở Mỹ". Nhìn trong ảnh, anh ta thấy khuôn mặt con dễ thương, một

thiếu phụ ngoài ba mươi, nền sau lưng là cánh đồng xanh, con giơ tay giữ mớ tóc bay trong gió. Con có vẻ tự tin. Đúng là bây giờ con đang như thế, con là một phụ nữ đã tìm thấy chính mình.

- Đây là những đứa con của vợ chồng nó.

Hai cậu bé đội mũ, mặc áo, đi ủng, đeo găng và đứng bên người tuyết, chờ bấm máy ảnh.

Tạm nghỉ. Mẹ cùng anh ta ngồi trong bếp. Mẹ dọn trà và bánh quy Marie để trước mặt anh ta. Bánh quy Marie là thức ăn cho người già, những người không còn răng.

- Có một chuyện tôi muốn anh làm giúp trước khi tôi chết. Tôi muốn gửi một số giấy tờ cho con gái tôi. Nhưng chỉ gửi sau thôi. Việc này quan trọng, nhưng tôi không tự đi gửi được. Tôi chuẩn bị mọi thứ, gói ghém, dán tem. Anh chỉ việc đem gói đó giao cho quầy bưu điện. Anh giúp tôi được không?

Anh ta quay người có vẻ không bằng lòng.

- Nếu tôi làm được thì đã không nhờ anh giúp. Nhưng chả có cách nào khác, vì tôi sẽ không còn sống nữa.

Anh ta nói "Bà không nhờ ai khác được ư?"

- Được chứ. Nhưng tôi chỉ yêu cầu anh thôi. Đây là những giấy tờ và thư riêng, cho con gái tôi thừa kế, đó là tất cả những gì tôi có thể cho nó, tất cả những gì tôi nhận từ đất nước này. Tôi không muốn bất cứ ai khác mở nó ra đọc.

Giấy tờ riêng. Giấy tờ này, những lời này, hoặc con phải đọc ngay bây giờ nếu không sẽ chẳng bao giờ đọc nữa. Liệu có đến tay con được không? Đã đến chưa? Hỏi để hỏi mà thôi, vì mẹ biết sẽ chẳng bao giờ biết được câu trả lời. Với mẹ thì thư này mãi mãi sẽ chỉ là những lời trong làn sóng, một thứ thông điệp trong chai có dán tem Cộng hoà Nam Phi và đề tên con.

Anh ta, người đưa tin, loay hoay chiếc thìa nói "Tôi cũng chả biết".

Anh ta không hứa. Mà dù có hứa thì cuối cùng anh ta cũng làm theo ý mình. Có dặn gì đi nữa cũng không hiểu anh ta được, vì người chết không còn là người nữa. Quy luật là như vậy. Mọi hợp đồng mất giá trị. Người chết không thể bị lừa, không thể bị phản bội, trừ khi ta mang theo trong

lòng và phạm tội ở đó.

Mẹ nói "Không sao đâu. Tôi đã định yêu cầu anh đến đây ở và chăm sóc giùm đám mèo. Để tôi thu xếp cách khác vậy".

Thu xếp cách nào khác? Ở Ai cập, họ chôn mèo theo chủ. Mẹ cũng muốn như thế sao? Muốn thấy những đôi mắt vàng khè chạy đi chạy lại, tìm đường chui ra khỏi hầm tối hay sao?

Mẹ nói "Tôi sẽ bỏ chúng thôi. Chúng đã quá già, không cho đi đâu được".

Trước cảnh anh ta im lặng, những lời của mẹ chỉ như nước vỡ vào đá.

Mẹ lại nói "Tôi phải làm gì cho chúng chứ, nhưng chẳng làm được gì hết. Ở vào địa vị tôi, chắc anh cũng nghĩ thế".

Anh ta lắc đầu. Không phải thế. Đúng là không phải thế. Trước sau thì một đêm đông nào đó, khi ngọn lửa nhân tạo trong mạch máu không còn đủ nóng để duy trì anh ta nữa, anh ta sẽ chết. Anh ta sẽ chết ngoài cửa hay trên một lối đi, hai tay khoanh trên ngực. Người ta sẽ tìm thấy anh ta cùng con chó này hay con chó khác nằm bên cạnh kê ư ử và liếm mặt. Người ta sẽ cho anh ta lên xe chở đi, bỏ lại con chó trên phố, và thế là hết. Chẳng thu xếp gì, chẳng để lại gì, cũng chẳng có lăng miếu gì hết.

Anh ta nói "Để tôi đem cái gói của bà ra bưu điện".

J.M. COETZEE

Tuổi sắt đá

Dịch giả: Anh Thư

CHƯƠNG 2

Florence đã về, không chỉ đem theo hai đứa con gái nhỏ mà cả Bheki, con trai mười lăm tuổi nữa.

Tôi nói "Florence, nó ở đây lâu không? Làm gì có chỗ cho nó?"

Florence đáp "Nó không ở với tôi thì sẽ rắc rối. Chị tôi không trông được nó. Tình hình ở Guguletu rất xấu".

Vậy là bây giờ tôi có năm người ở sân sau. Năm người, một con chó, hai con mèo. Gặp trường hợp này, một bà già cô đơn chả biết làm thế nào.

Hồi đầu tháng lúc Florence ra đi, tôi đảm bảo với cô là sẽ lo được việc nhà. Cố nhiên tôi đã bỏ mặc hết. Chẳng bao lâu sau gian gác đầy mùi chua loét, chần gối bẩn thiu, bột tan vãi khắp nơi. Bây giờ tôi xấu hổ nhìn cô đi xem xét các chỗ, tay chống nẹ, mũi đánh hơi và nhìn tôi bất lực. Rồi cô ta ra tay dọn dẹp. Đến cuối ngày nhà bếp và nhà tắm bóng lộn, phòng ngủ sạch sẽ ngăn nắp, bàn ghế thơm mùi xi. Tôi nói chiếu lệ "Florence, thật là tuyệt. Không có cô tôi chả biết làm thế nào". Tất nhiên tôi biết chứ, nghĩa là tôi sẽ trở lại với cái tính bàng quan trì trệ của tuổi già.

Xong việc của tôi, Florence quay sang làm những việc riêng, đặt nồi súp lên bếp rồi đem hai con gái nhỏ vào nhà tắm. Nhìn cô ta tắm cho chúng, lau mặt mũi chân tay bằng những động tác mạnh mẽ, dứt khoát, mặc cho bọn trẻ kêu rên, tôi nghĩ bụng người đàn bà này thật đáng khâm phục. Cũng may mà cô ta không phải mẹ tôi!

Tôi ra gặp thằng bé đang thơ thẩn trên sân. Trước kia nó có tên là Digby, bây giờ là Bheki. Tuổi nhỏ nhưng nó đã cao lớn, có cái nhìn nghiêm nghị như Florence. Tôi nói "Không ngờ cháu đã lớn thế". Nó không đáp. Nó không còn là đứa nhỏ tươi cười như trước đây khi chạy ra chuồng thỏ ôm một con vào ngực. Chắc nó đang buồn vì phải xa bạn và trốn về đi chơi với hai em nhỏ ở sân sau.

Tôi hỏi Florence "Trường đóng cửa từ bao giờ?"

- Từ tuần trước. Các trường ở Guguletu, Langu Nyanga đều đóng. Trẻ con chẳng biết làm gì, chỉ dạo quanh gậy sủ ở các phố. Ở đây tôi còn trông được nó.

- Không có bạn, nó càng sốt ruột.

Cô ta nhún vai, không cười. Tôi chưa bao giờ thấy cô ta cười. Có lẽ chỉ ngồi riêng với các con cô ta mới cười.

Florence hỏi "Người này là ai thế?"

Tôi nói "Anh ta tên là Vercueil. Vercueil, họ Verskeuil hay Verskuil gì đó. Thấy anh ta bảo thế. Tôi chưa bao giờ nghe thấy tên đó. Tôi để anh ta ở đây ít lâu. Anh ta có con chó. Bảo bọn trẻ nếu chơi với nó thì đừng đùa quá. Chó con dễ cắn bậy lắm".

Florence lắc đầu.

Tôi nói "Nếu anh ta gây rắc rối, tôi sẽ mời đi. Nhưng anh ta không làm gì bậy thì không mời đi được".

Một ngày mát và có gió. Tôi mặc áo ngủ ngồi trên hiên. Dưới sân, Vercueil đang chữa máy cắt cỏ. Bọn con gái đến xem. Đứa lớn, theo Florence nói, tên là Hope (chắc cô ta không nói tên thật). Nó ngồi cách đó một quãng, hai tay kẹp vào đùi, anh ta không nhìn nó. Nó đi đôi dép đỏ mới mua. Đứa bé, tên là Beauty, cũng đi dép đỏ, lảng vảng gần sân cỏ, chân đá lung tung, thỉnh thoảng ngồi sụp xuống.

Tôi nhìn con bé đi đến chỗ Vercueil, hai tay giang ra nắm chặt. Nó suýt ngã vào máy nhưng anh ta túm được tay nó kéo ra. Nó loạng choạng, ngã vào người anh ta. Anh ta lại lôi nó ra xa hơn. Như hai người đang đùa với nhau vậy. Chẳng lẽ anh chàng Vercueil nghiêm túc cũng biết đùa?

Beauty lại nhảy đến. Anh ta tránh. Bỗng anh ta đặt chiếc máy cắt cỏ đang tháo dỡ sang bên, một tay nắm con bé, tay kia nắm được Hope, cả ba xoay tròn, chậm rồi nhanh dần. Hope đi dép đỏ phải chạy theo đứa bé quay lơ lửng trên không và kêu lên khoái chí. Con chó nhỏ sau cổng thấy thế cũng nhảy cồm sủa ầm ĩ. Rất vui!

Vừa lúc đó Florence xuất hiện, ba người đang quay dừng lại. Florence nói

gì đó. Hope bỏ tay Vercueil và kéo em ra ngoài. Hai đứa bỏ đi chỗ khác. Nghe cửa đóng sầm. Con chó tiếc cảnh vui vừa rồi rít lên. Vercueil quay lại với máy cắt cỏ. Nửa giờ sau, trời bắt đầu mưa.

Thằng lớn, Bheki, ngồi trên giường Florence đang xem những tạp chí cũ. Góc phòng, Hope nhìn nó cầu nguyện. Chán xem báo rồi, Bheki đi ra ngoài chơi ném bóng quần vợt lên cửa nhà xe. Nghe tiếng bóng đập thình thình rất khó chịu. Tôi phải lấy gối áp lên hai tai mà vẫn nghe thấy. Tôi bực mình lên tiếng hỏi "Bao giờ trường mở lại?" Florence đáp "Để tôi bảo nó thôi đi", một phút sau không còn tiếng thình thình nữa.

Năm ngoái, khi bắt đầu có những chuyện rắc rối ở trường, tôi nói với Florence "Vào thời của tôi, con người coi giáo dục như một thứ đặc quyền. Cha mẹ phải tiết kiệm lắm mới có tiền cho con cái đi học. Thế đó, ai nghĩ đến đốt trường là điên rồ".

Florence đáp "Thời nay khác rồi".

- Cô tán thành việc trẻ con đốt trường học ư?

Florence nói "Không thể nào bảo chúng nó khác được đâu. Bây giờ mọi thứ đã thay đổi rồi. Với chúng nó thì chẳng còn bố mẹ gì hết".

Tôi nói "Vô lý. Bao giờ mà chẳng có bố mẹ". Chúng tôi nói đến đó rồi thôi. Về chuyện rắc rối ở các trường học, không thấy đài, ti vi hay báo chí đã động gì hết. Ngoài kia người ta tính cho tất cả đám trẻ đất nước này được sung sướng ngồi vào bàn học và dạy chúng về hình vuông cạnh huyền cùng loài vẹt ở rừng rậm Amazone. Tôi biết được những sự kiện ở Guguletu là do Florence nói lại, hoặc đứng ngoài hiên nhìn về phía đông bắc, cụ thể là hôm nay Guguletu không bị đốt, hoặc nếu có cũng chỉ cháy tí chút thôi.

Đất nước này đang cháy âm ỉ, nhưng dù với ý muốn tốt đẹp nhất thì tôi cũng chỉ quan tâm phần nào thôi. Quan tâm thật sự của tôi đã hướng cả vào bên trong, mọi sự vật và lời nói dành cho sự vật đang chạy khắp cơ thể. Một sự chiếm đóng nhục nhã, đôi khi còn lộ bịch nữa. Quần áo của ông chủ ngân hàng bị cháy thì người ta đem chuyện ấy ra cười đùa, nhưng một kẻ ăn mày bị đốt chết thì chẳng ai nói đến. Tôi không sao chịu nổi. Tôi muốn kêu to với Florence "Cô hãy nhìn tôi đây này! Tôi cũng đang bị đốt chết

đây!"

Tôi luôn luôn cẩn thận với từng chữ của lời nói để không bị mắc kẹt. Mỗi khi đọc sách, tôi nhảy dòng, thậm chí đôi khi nhảy cả đoạn, mắt lúng liếng chỉ muốn tìm bóng dáng một chữ đang nấp kín ở đâu đó.

Trong bóng tối, nằm đơn độc trên giường, ý muốn tìm ấy càng thôi thúc mạnh. Tôi cảm thấy bị cuốn vào đó, tưởng mình như đứa trẻ mặc áo dài trắng, đội mũ rơm, đi trên bãi cát mênh mông trống vắng. Chim bay quanh người. Tôi giữ chặt mũ, cắm chân xuống đất đi ngược chiều gió. Lát sau, đến chỗ vắng không có ai nhìn mình, tôi không phải cố nữa. Thư giãn, rồi như có một bàn tay đẩy sau lưng. Tôi nhẹ người, không cưỡng lại. Lúc đó chỉ đi từ từ, rồi chạy, để cơn gió mang đi.

Đêm đêm gió mang tôi tới Người lái buôn thành Venice. Shylock, anh chàng Do thái lên tiếng "Chẳng phải tôi cũng ăn, ngủ và thở như bà đấy ư?" Anh vung lưỡi gươm, đầu gươm dính mảnh thịt máu nhỏ ròn "Chẳng phải tôi cũng chảy máu như bà đấy ư?" Anh chàng Do thái có bộ râu dài, đội mũ chóp, nhảy múa như điên trên sân khấu.

Giả thử có ai ở đây, tôi cũng khóc lên như thế. Nhưng không có ai. Không có ai thì có Florence. Cô là người duy nhất phải chịu đựng những giờ phút mỗi khi nỗi sợ hãi từ trong tôi phát ra thiêu cháy cả lá cây trên cành. Tôi muốn nghe những lời thốt ra "Sẽ không sao đâu". Tôi muốn được ai đó ôm vào ngực, Florence, hay bất kỳ ai cũng được.

Đêm qua nằm trên giường, kê gối dưới hông, tay đặt lên ngực để chỗ đau khỏi lan rộng, đồng hồ chỉ 3 giờ. Rồi tôi nghĩ thèm được như Florence ngủ trong phòng, các con nằm chung quanh, bốn mẹ con mỗi người ngủ một kiêu, hơi thở vừa mạnh vừa trong trẻo.

Tôi nghĩ bụng, xưa kia mình đã có đủ mọi thứ. Bây giờ mọi người có đủ mọi thứ, còn tôi chẳng có gì.

Bốn mẹ con thở đều, không vấp vấp, êm như tiếng quả lắc đồng hồ.

Tôi gập đôi tờ giấy, viết cho Florence mấy chữ "Đêm hôm qua tôi không ngủ được. Tôi sẽ dậy muộn. cô bảo bọn trẻ yên lặng. Cám ơn cô. E.C." Tôi xuống nhà và đặt mảnh giấy ở bàn bếp. Rồi tôi run rẩy quay về giường nằm, uống viên thuốc lúc bốn giờ, nhắm mắt. khoanh tay chờ ngủ mà vẫn

không ngủ được.

Tôi không thể có được những gì cần ở Florence. Những gì muốn cũng không thể có được.

Năm ngoái, khi đứa bé mới ra đời, tôi đánh xe đưa Florence đến Brackenfell, nơi chồng cô ta làm việc. Chắc cô ta tưởng tôi chỉ đưa đến đó rồi quay xe về, Nhưng tôi tò mò, muốn nhìn mặt anh kia và xem vợ chồng họ gặp nhau ra sao, vì thế tôi theo cô ta đi vào.

Hôm ấy đã là cuối chiều thứ bảy. Từ chỗ đậu xe, chúng tôi theo con đường đất khá dài, qua vài dãy nhà lụp sụp, đến một chỗ có người mặc bộ đồ lao động đang đứng sau lưới thép, quanh chân anh ta có đám gà con đang tìm ăn. Hope, đứa con gái, vùng chạy lên bám tay vào lưới thép. Anh chàng kia và Florence chỉ cần nhìn nhau là đủ.

Chẳng ai có thì giờ chào hỏi. Anh ta, William, chồng Florence, đang làm một thứ việc không thể dừng tay. Việc anh ta là tóm lấy một con gà, dốc ngược và kẹp nó vào hai đầu gối, lấy sợi dây thép nhỏ vào chân rồi chuyển cho người thứ hai, trẻ tuổi hơn, cậu ta treo con gà lên móc, con gà đập cánh, kêu quang quác, móc nằm trong dây chuyền đưa con gà vào nhà nơi có người thứ ba mặc quần áo dầu, người đầy móc đứng sẵn nắm đầu con gà, kéo dài cổ và chặt một nhát bằng con dao nhỏ rồi quăng đầu nó vào chiếc thùng đựng đầu gà để gần đó.

Việc của William là thế. Nhìn cảnh ấy tôi nghĩ thầm nếu biết như thế đã chẳng dám xem. Anh ta làm việc ấy cả sáu ngày trong tuần. Chỉ có mỗi việc buộc chân gà. Hoặc anh ta lần lượt thay chân người khác, treo lên móc, chặt cổ gà. Việc đó mỗi tháng kiếm được một trăm rand, cộng thêm các bữa ăn. một việc anh ta đã làm mười lăm năm. Cho nên không thể không sợ rằng mấy con gà được tôi nhồi bánh mì, sữa tươi, hành tỏi, ít ra cũng đã bị kẹp trong đầu gối anh chỗ này, bố những đứa con của Florence. Từ năm giờ sáng lúc tôi còn đang ngủ, anh ta đã phải dậy để nước rửa các găm chuồng, đổ thức ăn vào máng, quét dọn, rồi ăn sáng xong là bắt đầu mổ giết, nhổ lông, rửa ráy ướp lạnh, đóng gói hàng nghìn đầu và chân gà, hàng trăm thước ruột gà, hàng núi lông gà.

Nhìn cảnh đó lẽ ra tôi bỏ đi ngay, phóng xe về nhà để cố quên đi tất cả.

Nhưng tôi vẫn đứng lại bên ngoài lưới thép, mê mải nhìn ba người xử lý cái chết của giống con chim không biết bay nữa. Con bé đứng bên ngoài ngón tay móc vào lưới, cũng nhìn một cách say mê. Giết và chết rất khó mà cũng rất dễ thế đấy.

Đến năm giờ là cuối ngày, tôi phải tạm biệt. Trong lúc tôi đánh xe về ngôi nhà trống vắng, William đưa Florence và các con về chỗ họ. Anh ta tắm rửa, cô ta đồ gạo và nồi nấu cháo gà bằng bếp dầu, rồi cho con cái ăn. Hôm đó là thứ Bảy. Một số công nhân ở các nơi khác đến thăm viếng lẫn nhau hoặc giải trí. Florence và William đã có thể cho bọn trẻ ngủ ở chiếc giường chung rồi hai người đi dạo lúc trời tối còn ấm áp.

Họ đi dọc lề đường, kể lại cho nhau nghe những gì xảy ra tuần trước, kể về đời sống của mỗi người.

Lúc họ về bọn trẻ đã ngủ say. Họ treo trước giường một tấm chăn cho được kín đáo. Rồi hai người có cả đêm dành cho nhau, cả đêm trừ một nửa giờ Florence phải bỏ ra ngoài cho con bú trong bóng tối.

Sáng chủ nhật – William – không phải tên thật, chỉ là do người ta biết đến ở chỗ làm việc thôi – mặc quần và đội mũ, đi đôi giày tử tế. Anh ta cùng Florence ra bến xe buýt, cô ta cũng đưa bé, còn anh ta dắt Hope. Họ đi xe buýt đến Luilsrivier, rồi ngồi taxi về nhà cô chị ở Guguletu là nơi họ gửi thằng con trai.

Đã quá mười giờ và bắt đầu nóng nực. Lễ nhà thờ kết thúc. Phòng khách đầy người thăm, nói chuyện ầm ĩ. Một lúc sau, đám đàn ông ra về. Đã đến lúc Florence giúp cô chị nấu ăn. Hope nằm lăn ra sàn ngủ. Một con chó ở đâu chạy vào liếm nước nó bị đuổi đi, con bé vẫn còn ngủ khi nó được bế đặt lên ghế dài. Lúc vắng người, Florence đưa cho cô chị số tiền ăn uống, giày dép, sách vở mua cho thằng Bheki, cô chị cất tiền vào trong người. Rồi Bheki xuất hiện chào mẹ. Đám đàn ông khi nãy không biết đi đâu bây giờ quay lại. Họ ăn trưa, ăn gà của trại hoặc nhà máy hoặc cơ sở nào chả biết, ăn với cơm, bắp cải và nước sốt. Các bạn Bheki đứng bên ngoài gọi vào. Nó ăn vội rồi đứng lên bỏ đi.

Mọi chuyện đã diễn ra và phải diễn ra như thế. Một buổi chiều bình thường ở Châu Phi, thời tiết xậm đen, ngày giờ mệt mỏi. Hầu như có thể nói rằng

cuộc sống nhất định phải như thế.

Đã đến lúc mọi người phải ra về. Họ lại đi bộ đến trạm xe buýt. Lần này Hope ngồi lên vai bố. Xe buýt đến. Họ chia tay. Xe buýt chở Florence và hai con đến Mowbray, từ đây đi xe buýt khác về phố The George, rồi lại sang xe thứ ba về phố Kloof. Từ Kloof, họ đi bộ. Về đến phố Schoonder, bóng chiều trải dài trên đường. Lúc này Hope đã mệt. Florence phải cho nó ăn tối, phải tắm cho đứa nhỏ, rồi phải giặt cho xong đồng quần áo còn để lại từ hôm trước.

Ít ra thì anh ta cũng không giết trâu bò. Tôi tự nhủ, anh ta chỉ giết gà thôi, những con gà có đôi mắt ngơ ngác và mang ảo tưởng là mình quan trọng. Đầu óc tôi đã không sao rời khỏi trại gà, nhà máy, doanh nghiệp, nơi anh chồng của người đàn bà sống bên tôi đang làm việc ngày ngày đi đi lại lại, đi tới đi lui, đi ra đi vào, giữa cái mùi của máu và lông gà, giữa những tiếng quàng quạc ghê sợ, hết ngừng lên lại cúi xuống, rồi tóm rồi buộc, rồi treo. Trong khi ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, tôi nghĩ đến tất cả đàn ông trên mảnh đất Nam Phi này giết gà, đào đất, chở hết xe này đến xe khác, nghĩ đến tất cả những người đàn bà hái trái và khâu lỗ khuy. Liệu có bao giờ và ai đó đếm hết được những con người, những xéng đất, những trái tao, những lỗ khuy, những con gà ấy? Cả một gầm máy lao động, cả một gầm trời đo đếm, y như suốt ngày ngồi nhìn đồng hồ, cứ thấy mỗi giây xuất hiện là giết, là làm cho cuộc sống của mình mất đi.

Từ khi Vercueil có tiền của tôi, anh ta uống rượu lu bù, không chỉ uống vang mà còn uống brandy nữa. Có ngày anh ta nhịn đến tận trưa, để lúc uống sẽ thấy chất rượu càng hấp dẫn hơn. Nhiều khi quá say, anh ta bỏ nhà đi từ giữa sáng.

Hôm nay không nắng lắm, anh ta chỉ đi một lúc là quay về. Tôi đang ở trên gác hiên, anh ta không trông thấy, ra sân ngồi tựa lưng vào tường, con chó nằm ngay bên cạnh. Thằng con trai của Florence cũng đang ở đó với một thằng bạn tôi chưa gặp bao giờ. Hope thì chăm chú theo dõi chúng. Chúng mở chiếc radio nhỏ, tiếng nói lạo xạo kêu bùng bùng, nghe khó chịu hơn cả tiếng đập của bóng quần vợt.

Vercueil gọi hai đứa "Nước, đem nước tới đây".

Thằng bạn Bheki bước đến ngồi cạnh anh ta. Tôi không nghe rõ hai người trao đổi những gì. Thằng bạn chìa tay nói "Đưa đây".

Vercueil khê đập vào tay nó.

- Đưa đây cho tôi – nó quỳ xuống móc cái gì đó trong túi của Vercueil. Vercueil chống lại một cách yếu ớt.

Thằng bé mở nắp chai đổ hết rượu brandy ra đất. Rồi quăng chai sang một bên. Chai vỡ. Tôi suýt nữa kêu lên: làm gì ngu thế!

Thằng bé nói "Người ta đang biến anh thành một con chó đấy! Anh muốn làm chó hay sao?"

Con chó của Vercueil kêu ăng ăng.

Vercueil líu lười "Cút đi".

Thằng bé nói "Đồ chó! Đồ nát rượu!"

Nó quay lưng lại đi về phía Bheki, dáng khệnh khạng. Tôi nghĩ thằng bé này làm ra vẻ quan trọng và đó cũng là cách cư xử của những người bảo vệ cuộc đời, tôi cầu mong Chúa đừng cho ta gặp phải những người như vậy.

Con bé đến ngửi chỗ rượu đổ và nhăn mũi.

Vercueil xua tay nói "Cả mày cũng cút đi". Con bé không động đậy, nhưng rồi nó quay người chạy thẳng về phòng mẹ.

Tiếng nhạc vẫn vang lên. Vercueil lăn ra ngủ ở ngay vách tường, con chó ngã vào đầu gối anh ta. Tôi quay đi tiếp tục đọc sách. Một lúc sau mặt trời chui vào đám mây, Không khí lạnh dần. Bắt đầu có mưa phùn. Con chó rừ người chạy vào lán củi. Vercueil cũng đứng dậy vào theo. Tôi thu gọn đồ đạc.

Trong lán củi bỗng có chuyện. Trước hết con chó chạy ủa ra ngoài, quay đầu lại sủa, sau đến Vercueil. Rồi hai thằng bé theo ra. Thằng bạn Bheki đứng gần, Vercueil giơ cạnh tay đánh mạnh một nhát vào gáy nó. Thằng bé lạng người ngạc nhiên và rít lên một tiếng. Tôi đứng trên hiên cũng nghe rõ. Nó đánh lại, Vercueil lão đảo suýt ngã. Con chó chạy chung quanh sủa vang. Thằng bé lại đánh Vercueil nhát nữa, lần này cả Bheki cũng tham gia. Tôi hét bọn trẻ "Thôi ngay đi!" Chúng chẳng thèm nghe. Vercueil nằm dưới đất. Chúng đá anh ta. Bheki rút dây lưng quất. Tôi gọi to "Florence! Bảo

chúng nó thôi đi!" Vercueil đưa tay lên che mặt chống đỡ. Con chó nhảy vào Bheki. Bheki đá lui con chó, tiếp tục cầm dây lưng quất Vercueil. Tay nắm chắc thành hiên, tôi quát nữa "Thôi ngay đi không tao báo cảnh sát!" Rồi Florence xuất hiện. Cô ta hét ầm lên, bọn trẻ lùi lại. Vercueil cố ngồi dậy. Tôi đi thật nhanh xuống dưới.

Tôi hỏi Florence "Thằng bé này là ai thế?"

Đang nói gì với Bheki, cô ta ngừng lại nhìn tôi, tôi không ưa cái kiểu nhìn của cô ta, hống hách và băng nhăng.

Florence đáp "Nó là bạn học ở trường".

Tôi bảo "Nó phải về nhà đi. Thế này là quá lắm không chịu được. Sân sau nhà tôi không phải là chỗ đánh nhau, làm ầm ĩ, không phải chỗ cho người lạ ra vào".

Có máu chảy ở miệng Vercueil. Kể cũng lạ, mặt sần sùi thế mà cũng có máu. Trông như mật ong trộn với tro vậy.

Florence nói "Nó không phải người lạ. Nó đến chơi thôi".

Bheki nói "Phải có giấy phép mới đến được ư?" Nó và thằng bạn nhìn nhau. "Chúng tôi phải có giấy phép ư?" chúng chờ tôi đáp, vẻ thách thức. Chiếc radio vẫn phát một thứ tiếng gì không phải tiếng người, nghe rất mệt. Tôi chỉ muốn giơ tay lên bưng lấy tai.

Tôi nói "Tôi không nói giấy phép. Nhưng các cậu có quyền gì mà đến đây đánh người này. Người này đang ở đây. Đây là nhà anh ta".

Mũi Florence phập phồng.

Tôi quay lại nói với cô ta "Phải, anh ta sống ở đây. Và đây cũng là nhà anh ta".

Florence nói "Anh ta sống ở đây nhưng là đồ bỏ đi, đồ vô tích sự".

- Juis moer! – Vercueil nói. Anh ta nhấc mũ ra, tay cầm vào vành mũ, rồi giơ lên như muốn đánh cô ta – Juis moer!

Bheki giằng lấy mũ ném lên nóc nhà xe. Con chó sủa ầm ĩ. Chiếc mũ lăn dần xuống dốc mái.

Tôi nhỏ giọng nói riêng với Florence "Anh ta không phải là đồ bỏ đi. Không có ai là bỏ đi hết. Chúng ta đều là người với nhau cả".

Nhưng Florence không thích nghe giảng giải. Cô ta nói "Đồ vô tích sự còn

uống rượu. Suốt ngày chỉ uống rượu . Tôi không thích anh ta ở đây".

Có phải anh ta vô tích sự thật không? Có lẽ đúng thế. Vô tích sự là một thành ngữ cổ của nước Anh, đến nay ít nghe ai nói.

Tôi bảo "Anh ta làm liên lạc cho tôi".

Florence nhìn tôi vẻ hoài nghi.

Tôi nói "Anh ta giúp tôi gửi thư".

Cô ta nhún vai. Vercueil cầm lấy mũ rồi cùng con chó thờ thần đi ra. Tôi nghe tiếng anh ta cài then cổng. Tôi nói "Bảo bọn trẻ đừng động đến anh ta. Anh ta chẳng làm gì hại ai hết".

Như con mèo già bị đám mèo đực mới lớn đuổi cắn Vercueil lánh về một chỗ kín để chữa trị vết thương. Tôi hình dung trước cái cảnh mình sẽ như một bà già đi tìm con mèo, đến các công viên khẽ gọi "Ông Vercueil! Ông Vercueil!".

Florence thì tự hào ra mặt vì việc Bheki tổng khứ được anh chàng vô tích sự, nhưng cô ta đoán hễ trời mưa là thế nào anh ta cũng quay lại. Còn tôi, tôi đoán rằng anh ta không về chừng nào mấy thằng bé kia còn ở đây. Tôi bảo Florence "Cô làm thế thì Bheki và đứa bạn của nó tưởng có thể giơ tay đánh người lớn mà không bị trừng phạt. Đó là sai lầm. Dù cô nghĩ thế nào đi nữa. Vercueil cũng là bậc huynh trưởng của chúng nó!".

- Cô càng nhân nhượng, chúng càng hỗn láo. Cô bảo là khâm phục thế hệ con trai của cô vì chúng nó chẳng sợ gì hết. Cô hãy coi chừng, lúc đầu chúng nó có thể bất chấp chuyện sống của bản thân chúng, nhưng rồi sau cùng chúng sẽ bất chấp cả cuộc sống của mọi người khác. Cô khâm phục chúng như thế là không hay đâu.

- Tôi cứ nghĩ mãi về những gì cô nói hôm trước. Cô bảo là thời buổi này chẳng còn cha mẹ gì nữa. Tôi không thể tin đó là cô nói thật. Không có cha mẹ thì con cái làm sao lớn lên được. Có những việc đốt phá, giết chóc, những hành động nhẫn tâm, kể cả việc chặn đánh ông Vercueil vừa rồi. Thử hỏi ai có lỗi? Tất nhiên là cha mẹ có lỗi, vì họ bảo con cái "Chúng mày muốn làm gì thì tùy, bây giờ chúng mày đã lớn rồi. Bố mẹ thôi, không bảo được nữa". Thực ra có đứa con nào muốn nghe cha mẹ nói thế? Nó sẽ bỏ đi với tâm trạng hoang mang, nghĩ bụng "Bây giờ mình chẳng còn cha mẹ

nữa. Thà cha mẹ chết đi cho xong". Cô rũ bỏ trách nhiệm với chúng là đẩy chúng vào chỗ chết đấy.

Florence lắc đầu dứt khoát "Không đâu".

"Cô nhớ năm ngoái cô nói gì khi thấy việc phi lý xảy ra trên phố không? Cô bảo cô "trông thấy một bà bị chúng đốt, bà ta kêu cứu nhưng đám trẻ cứ đứng đó cười, không những thế chúng còn đổ thêm dầu vào bà ta nữa". Chính cô nói "trông thấy những cảnh như thế tôi làm sao mà sống được".

Phải, đúng là tôi nói thế. Nhưng ai đã biến chúng thành kẻ ác độc như vậy? Chính bọn da trắng đã biến chúng thành độc ác! Đúng thế đấy! – Cô ta thờ dài, buồn bã. Chúng tôi đang ngồi trong bếp. Cô ta đang ủi quần áo, cầm bàn ủi nhấn mạnh xuống. Cô ta ngược nhìn tôi, tôi khẽ nắm lấy tay cô ta. Cô ta nhấc bàn ủi lên, để lại trên mặt vải một miếng cháy xém.

Không tình thương, tôi nghĩ bụng. Đây là một cuộc sống không tình thương, không giới hạn. Một cuộc sống xứng đáng nhưng đã bỏ lỡ.

Tôi khẽ nói tiếp "Một ngày kia chúng lớn lên, cô tưởng chúng không còn ác độc nữa sao? Chúng sẽ trở thành cha mẹ như thế nào nếu người ta bảo là cái ác của cha mẹ đã qua rồi? Liệu có thể tái tạo được cha mẹ không khi ý tưởng về cha mẹ trong lòng ta đã bị phá hủy? Chúng đâm đá đánh đập anh ta chỉ vì anh ta uống rượu. Chúng đốt chết người ta mà còn đứng đó cười. Vậy chúng sẽ đối xử với con cái chúng như thế nào? Liệu chúng còn có thể yêu thương được nữa không? Trong con mắt ta, trái tim chúng đã biến thành đá, vậy cô bảo sao? Cô sẽ bảo "nó không phải là con tôi, nó là con người da trắng, nó là quý do người da trắng tạo nên". Có phải cô chỉ biết nói thế thôi? Cô đổ hết tội cho người da trắng là xong chứ gì?"

Florence nói "Không, không đúng. Tôi không để mặc các con tôi". Cô ta vôi gấp khăn lại. "Chúng nó là những đứa con ngoan. Chúng sắt đá lắm. Tôi tự hào về chúng". Cô ta trải mấy chiếc áo gối lên mặt bàn. Tôi chờ cô ta nói tiếp nhưng không thấy nói gì thêm nữa. Cô ta không quan tâm đến việc tranh luận với tôi.

Tôi suy nghĩ về những đứa trẻ được gọi là sắt đá ấy. Bản thân của Florence đâu phải là sắt đá? Cái tuổi sắt đá. Sau đó là tuổi đồng chắc? Bao lâu nữa thì cái tuổi mềm yếu sẽ trở lại chu kỳ của nó, trở lại tuổi đất sét, tuổi trái

đất. Một bà mẹ khắc khổ, có trái tim sắt đá, để những đứa con là chiến binh của dân tộc? "Tôi tự hào về chúng", cô ta nói thế để tự che đậy cho mình hay che đậy cho chúng?

Còn tôi? Trái tim của tôi ở đâu trong tất cả những chuyện này? Đứa con duy nhất của tôi đang ở xa đây hàng ngàn dặm, sống an toàn. Tôi sẽ trở thành tro bụi, và tôi còn thiết gì nữa khi tuổi trẻ đang bị khinh rẻ, khi bọn chúng ở trường bảo nhau chớ bao giờ cười, chớ bao giờ khóc, mà chỉ giờ nằm đấm như giờ búa? Phải chăng thời này không đúng lúc của nó, cái thời chui lên từ lòng đất, thời bị khinh rẻ, vô lý? Nhưng rút cuộc thì cái gì sinh ra tôi sắt đá nếu không phải đó là tuổi của đá hoa cương? Chẳng phải ta đã có những Voctrekkers, những thế hệ voctrekkers nối tiếp, những lớp trẻ Phi Châu nghiêm nghị, cứng rắn, hành quân hát những bài ca yêu nước, chào cờ và nguyện chết cho tổ quốc đó sao? Ons sal lewe, ons sal sterwe. Chẳng phải vẫn còn những tên da trắng cuồng tín thuyết giáo cho chế độ cũ, chế độ kỷ luật, lao động, bảo thủ, hy sinh, chết chóc, dạy cho những trẻ còn quá nhỏ để buộc dây giày cho chúng đó sao? Từ đầu đến cuối chỉ là cơn ác mộng! Tinh thần Geneva chiến thắng ở Châu Phi. Calvin khoác áo dài đen, tỉnh khô, thần nhiên xoa tay hài lòng với hậu thế, miệng cười lạnh lùng. Calvin chiến thắng, tái sinh trong bọn giáo điều và bọn săn lùng kẻ ngoại đạo ở cả hai phía. Bỏ được tất cả những cái đó phía sau lưng thì may mắn biết chừng nào!

Thằng bạn Bheki đến bằng chiếc xe đạp màu đỏ, bánh to màu xanh nhạt. Đêm qua trước lúc đi ngủ tôi còn trông thấy chiếc xe ngoài sân, bóng loáng dưới ánh trăng. Bây giờ sáng nay nhìn ra ngoài cửa sổ, chiếc xe vẫn còn đó. Tôi uống vài viên thuốc buổi sáng rồi ngủ thêm vài giờ nữa. Tôi mơ thấy mình bị mắc kẹt trong đám đông. Người ta đẩy tôi, đánh tôi, chửi tôi bằng những lời dọa dẫm bậy bạ tôi không sao hiểu được. Tôi đánh lại nhưng tay tôi như tay trẻ con, chỉ đánh phù phù như đánh hơi.

Có tiếng ai nói to làm tôi tỉnh dậy. tiếng của Florence với người nào đó. Tôi rung chuông gọi, rung một lần, hai lần, ba lần, bốn lần. Cuối cùng Florence mới đến.

- Florence, ai ở ngoài ấy thế?

Florence nhặt chiếc vỏ chăn dưới đất, gấp lại để dưới chân giường rồi trả lời:

- Chẳng có ai đâu.
- Đêm qua thằng bạn của con cô có ở lại đây không?
- Có. Đêm tối nó không dám về bằng xe đạp, nguy hiểm lắm.
- Vậy nó ngủ ở đâu?

Florence nghĩ ngợi. "Ở nhà xe. Bheki với nó ngủ trong nhà xe".

- Làm sao chúng vào nhà xe được?
- Chúng mở cửa sổ.
- Trước khi làm thế, sao chúng không hỏi tôi?

Florence im lặng nhặt chiếc khay.

- Florence này, thằng bé đó định ở lại nhà xe ư? Chúng ngủ trong xe của tôi hay sao?

Florence lắc đầu. "Tôi cũng chả biết. Bà phải hỏi chúng".

Bữa trưa, chiếc xe đạp vẫn còn đó. Hai thằng ấy đi đâu không rõ. Tôi ra hộp thư thấy có chiếc xe cảnh sát màu vàng đỗ bên kia đường, trong xe có hai người mặc đồng phục, người ngồi phía bên này đang ngủ, áp mặt vào cửa kính.

Tôi ra hiệu cho người ngồi sau tay lái. Xe nổ máy, người đang ngủ bật dậy, chiếc xe trèo lên hè rồi quay vòng đến chỗ tôi đứng.

Tôi tiếng họ bước ra ngoài xe nhưng họ vẫn ngồi im không nói gì, chờ tôi lên tiếng. Một làn gió lạnh phía tây bắc thổi đến. Tôi kéo áo che cổ. Radio trong xe lạo xạo. "Vier-drie-agt", tiếng một người đàn bà nói. Họ không để ý. Họ còn trẻ, mặc bộ đồ xanh.

Tôi hỏi "Tôi có thể giúp được gì? Các anh chờ ai chẳng?"

Bà có thể giúp được gì ư? Tôi cũng chả biết. Bà cứ nói xem, bà có thể giúp chúng tôi được gì?

Tôi nghĩ bụng, vào cái thời của tôi, cảnh sát nói năng với phụ nữ rất lễ phép chứ đâu có thế. Vào cái thời của tôi, trẻ con không đến trường học. Vào cái thời của tôi ngày nay câu đó chỉ còn thấy trong những bức thư gửi đến toà báo. Các cụ rất giận dữ, chỉ biết đặt bút viết câu đó, coi như vũ khí cuối cùng. Bây giờ thì "vào cái thời của tôi" đã hết rồi. Nó đã trở thành quá khứ

trong cuộc sống.

- Nếu các anh định tìm hai thằng đó thì tôi xin nói là chúng đã được tôi cho phép ở đây rồi.

- Bà bảo hai thằng nào?

- Hai thằng đến đây chơi chứ ai. Chúng là học sinh ở Guguletu.

Tiếng đài trong xe kêu òng ọc.

- Không đâu bà ơi. Tôi chả biết thằng nào ở Guguletu hết. Bà muốn chúng tôi tìm hộ bà ư?

Họ nhìn nhau như có ý trêu chọc. Tôi nắm tay nắm cửa xe. Áo để hở, gió lạnh lùa vào cổ, vào ngực. Tôi nói bằng giọng khinh khỉnh "Vào cái thời của tôi cảnh sát không nói với phụ nữ như thế đâu". Rồi tôi quay lưng đi vào.

Phía sau, đài trong xe lại quang quác như con gà mái. Có lẽ họ cố tình tạo ra thế. Tôi không thèm để ý. Một giờ sau, chiếc xe màu vàng ấy vẫn còn đỗ ngoài công.

Tôi bảo Florence "Thật tình tôi muốn cô đuổi thằng bé ấy về nhà. Nó sẽ gây rắc rối cho thằng con cô đấy".

Florence đáp "Tôi không đuổi nó về được. Nếu nó đi thì Bheki cũng đi theo. Chúng nó là thế". Cô ta chụm hai ngón tay giơ lên trời "Chúng nó ở đây an toàn hơn. Ở Guguletu luôn có chuyện rắc rối. Cảnh sát bất ngờ ập đến, bắn lung tung".

Chúng bắn ở Guguletu sao? Florence biết thế ư? Cô ta biết cả những chuyện cách đây hàng ngàn dặm. Còn tôi chả biết gì hết. Những tin tức tôi nhận được đâu có nói gì về những chuyện rắc rối, bắn giết. Đất nước này, theo tôi biết, chỉ có những người láng giềng sống với nhau vui vẻ.

- Nếu chúng về đây trốn tránh những vụ đánh nhau thì cảnh sát đuổi theo chúng làm gì chứ?

Florence thở dài. Từ khi đẻ đứa nhỏ, hình như trong lòng cô ta chứa chất điều gì bất mãn. Cô ta nói "Thưa bà, xin bà đừng hỏi tôi. Tại sao cảnh sát đuổi theo bọn nó, tại sao họ bắn và bỏ chúng vào tù? Xin bà đừng hỏi tôi nữa".

Tôi nói "Thôi được, tôi không hỏi nữa. Nhưng tôi không muốn nhà này của

tôi biến thành chỗ cho những kẻ chạy trốn khỏi thành phố về trú ngụ".

Florence dướn người, vặn lại "Nhưng tại sao không được chứ? Tại sao không được chứ?"

Tôi mở vòi nước nóng, cởi quần áo, cố ngồi vào bồn tắm ngâm mình xuống nước. Tại sao không được? Tôi cúi đầu, tóc rũ xuống đầy mặt, chạm vào nước. Những đường gân xanh ở chân tôi nổi lên, trông như những chiếc que. Một bà già ốm đau, xấu xí, cổ bám lấy những gì còn lại. Một người bức xúc với cái chết đang đến từ từ, càng muốn sống. Cảnh tượng chẳng thú vị chút nào. Có lẽ cũng sắp kết thúc rồi.

Nhà tắm không có chuông, tôi lên tiếng gọi "Florence!" Chỉ có âm thanh dội lại từ những đường ống trên trần và bức tường trắng. Khó mà tưởng tượng Florence nghe thấy tiếng tôi gọi. Nếu nghe được, sao cô ta không vào?

Mẹ yêu quý, tôi thầm nghĩ, mẹ nhìn con đây này, mẹ giơ tay ra đi!

Tôi rùng mình từ đầu đến chân. Tôi nhắm mắt và nhìn thấy mẹ tôi như bà vẫn thường xuất hiện trong tấm áo của người già, che kín mặt.

Tôi khẽ nói "Mẹ hãy đến đây với con!".

Nhưng bà không đến. Bà giang rộng đôi tay như cánh diều hâu và bay thẳng lên trời. Bà bay cao mãi, cao mãi. Lên đến tầng mây, xuyên qua mây, và bay mãi. Càng lên cao càng trông bà trẻ ra. Tóc bà đen lại, làn da tươi tắn. Những mảnh áo cũ như lá khô rơi khỏi người bà, để lộ tấm áo xanh có lông chim ở lỗ khuy bà thường mặc như tôi nhớ từ hồi nhỏ, từ cái thời thế giới còn trẻ và mọi thứ đều muốn gì có nấy.

Bà cứ bay hoài, bay trong sự hoàn thiện vĩnh cửu của tuổi trẻ, không thay đổi, vẫn cười, vẫn khoan khoái, quên hết mọi thứ và bay vào vòng đai quả cầu tròn của thiên đường. "Mẹ ơi nhìn con này!" tôi chỉ nói nhỏ trong căn phòng tắm trống rỗng.

Năm nay mưa sớm. Đã mưa đến tháng thứ tư. Sờ tay vào tường là có ngay vệt ẩm. Có những chỗ vôi vữa rơi rụng và quần áo tôi có mùi đấng đấng của nấm mốc. Tôi lại thêm được mặc đồ lót khô ráo có mùi của nắng, chỉ có thể thôi! Hãy cho tôi được một lần nữa đi dạo trên lối đi vào chiều hè, giữa đám trẻ có làn da bánh mặt vừa ở trường về, cười nói rộn ràng. Người

chúng toả mùi mồ hôi thanh thoát của tuổi trẻ, giữa những cô gái mỗi năm mỗi đẹp thêm, đẹp nữa. Nếu không ước như vậy thì những gì trước đây còn, sẽ còn mãi, chẳng bao giờ hết, từ đáy lòng tôi hàm ơn đã được ban cho một chút diệu kỳ trong thế giới của những điều kỳ diệu này.

Tôi ngồi trên giường viết những dòng này, đầu gối tôi khép chặt chống lại cái lạnh tháng Tám. Hàm ơn: tôi viết chữ ấy và đọc đi đọc lại. Nghĩa là thế nào nhỉ? Trong mắt tôi, những chữ ấy dày đặc, tối đen, bí ẩn. Rồi có một cái gì đó xảy đến. Tim tôi từ từ mở bung ra, như trái lựu mở đôi bộc lộ những hạt nhỏ tình yêu. Hàm ơn và trái lựu là hai tiếng chị em.

Sáu giờ sáng nay, mưa to làm tôi thức dậy. Mưa xối xả chảy tràn bờ máng đã khô cứng, thấm vào mái ngói đã nứt nẻ. Tôi xuống nhà, pha ấm trà, quần chần vào người, ngồi xem những hóa đơn trong tháng.

Có tiếng cạch ngoài cổng và bước chân đi vào. Một bóng người cúi lom khom trùm bao nhựa đen chột hiện bên cửa sổ.

Tôi ra ngoài hiên lên tiếng gọi trong làn mưa nặng nề "Ông Vercueil!" Không ai trả lời. Tôi rút vai, khép áo ngủ, bước ra ngoài mưa. Đôi dép viền lông cừu ướt sũng. Tôi lội nước qua sân. Ở lối vào lán củi, tôi vấp phải một người. Vercueil đang đứng đó, quay lưng về phía tôi. Anh ta lên tiếng chửi thề.

Tôi quát "Vào trong kia! Vào nhà đi! Không đứng đây được!"

Anh ta vẫn trùm bao nhựa, theo tôi vào bếp. Tôi bảo "Bỏ cái đồ ướt ấy bên ngoài". Tôi giật mình thấy có một người nữa theo sau. Một người đàn bà, nhỏ bé đứng đến vai tôi, nhưng đã già, hoặc ít ra là không trẻ, bộ mặt tinh khôn, da dẻ nhợt nhạt.

Tôi hỏi "Ai thế này?"

Vercueil quay nhìn tôi, đôi mắt vàng khè, thách thức. Tôi thăm mắng anh ta: đồ chó!

Tôi lạnh lùng nói "Các người chờ hết mưa rồi đi đi" rồi tôi quay lưng không nhìn họ nữa.

Tôi về phòng thay quần áo, khóa cửa, đem sách ra đọc. Tôi buồn ngủ nên chữ nghĩa cứ nhảy đi đâu mất như lá rụng. Mắt tôi díp lại, quyển sách rời

khỏi bàn tay lúc nào không biết.

Lúc tỉnh dậy tôi nghĩ ngay đến việc đuổi họ ra khỏi nhà.

Không thấy người đàn bà kia đâu, nhưng Vercueil đã ở trong phòng khách, nằm cuộn tròn trên ghế dài, tay để đầu gối, đầu vẫn còn đội nón. Tôi lay anh ta. Anh ta thức giấc, liếm môi, ậm ừ ngái ngủ. Tôi chợt nhớ đến hình ảnh y như thế của con gái tôi mỗi sáng gọi nó dậy đi học. "Đến giờ rồi!" Gọi xong tôi kéo màn cửa, tắt đèn nghe con lằm bằm trong miệng. "Dậy đi con yêu của mẹ, đến giờ rồi!" Tôi nói khẽ vào tai con, chưa vội giục giã để tôi còn ngời vuốt tóc nó, những ngón tay tôi chứa đựng tình yêu, trong khi nó còn cố nằm lại. cứ nằm mãi như thế đi! Tôi đặt tay lên đầu con gái. Dòng sữa tình yêu qua tay tôi chạy sang người nó.

Bây giờ tiếng lằm bằm ngái ngủ dễ thương của nó được thể hiện ở cổ họng của người đàn ông này đây! Tôi có nên ngồi xuống bên cạnh, nhắc mũ và vuốt mớ tóc bạc của anh ta không? Tôi bỗng rùng mình ghê tởm. Yêu thương một đứa trẻ sao mà dễ thế, nhưng yêu một đứa trẻ đã trở thành một cái gì khác thì sao mà khó thế! Xưa kia anh ta đã từng bung tai, nhắm mắt, đê mê trôi nổi trên bụng một người đàn bà như để hút máu. Anh ta cũng đã qua cửa rộng bước ra ánh sáng bên ngoài, biết thế nào là tình yêu của người mẹ, amor matris. Rồi với thời gian, anh ta héo hắt đi chỉ còn một mình, khô cằn, còi cọc, rúm ró, sống khổ, sống đơn chiếc, thiếu thốn như mọi cuộc sống trong trường hợp này còn thiếu dinh dưỡng hơn bao nhiêu người khác. Một con người ở tuổi trung niên còn mút chai, còn thèm khát được chiều chuộng nhưng còn cố hoảng hốt đạt được đến chỗ đó.

Trong khi tôi đứng nhìn anh ta, người đàn bà bước vào phòng. Chị ta không thèm nhìn tôi, loạng choạng rơi mình xuống đồng gối trên sàn. Chị ta có mùi nước hoa. Nước hoa của tôi. Florence bước vào với vẻ giận dữ.

Tôi nói "Florence, cô đừng yêu cầu tôi giải thích. Cứ để mặc họ. Họ ngủ để quên đi chuyện gì đó".

Đôi mắt kính của Florence lấp lánh. Cô ta định nói gì nhưng tôi ngăn lại. "Cứ để mặc họ. Cô yên tâm. Họ không ở lại đây đâu".

Tuy tôi đã giặt nước nhiều lần, thứ mùi kinh tởm trong nhà vệ sinh vẫn không bay đi hết. Tôi quăng chăn chiếu ra ngoài mưa.

Sau đó lúc bọn trẻ ngồi ăn sáng trong bếp với Florence, tôi lại xuống nhà. Không cần rào đón, tôi nói thẳng với Bheki:

- Tôi nghe nói cậu và bạn của cậu ngủ trong nhà xe của tôi. Tại sao cậu không xin phép tôi?

Bheki im lặng, không nhìn lên. Florence tiếp tục nướng bánh.

- Tại sao các cậu không xin phép tôi? Trả lời đi!

Đưa con gái nhỏ ngừng nhai bánh, chăm chăm nhìn tôi.

Tại sao tôi lại đối xử lỗ bịch như thế nhỉ? Vì tôi đang tức. Có thể tôi đang mệt mỏi vì bị người khác lợi dụng. Vì chúng ngủ trong xe tôi. Xe và nhà là của tôi. Tôi đã lẫn đâu chứ.

May mà lúc đó Vercueil xuất hiện, không khí đỡ căng thẳng. Anh ta đi qua bếp ra ngoài hiên, không nhìn ngang nhìn ngửa. Tôi theo ra. Con chó thích thú nhảy cẫng cẫng. Nó nhảy cả vào người tôi, chân nó ướt nên làm bẩn chiếc váy. Không ai muốn trách mắng một con chó.

Tôi bảo anh ta "Anh hãy bảo bạn anh đi đi".

Anh ta không đáp, mắt nhìn bầu trời đầy mây.

Tôi bực mình quát "Anh hãy bảo chị ta đi ngay! Không tôi đuổi đấy!"

Anh ta vẫn lờ đi.

Tôi gọi Florence "Cô giúp tôi với".

Người đàn bà nằm úp mặt xuống đồng gối, mép chảy dãi. Florence đưa tay kéo. Chị ta uể oải đứng dậy. Florence nửa dắt nửa đẩy, thúc chị ta ra ngoài. Vercueil bước theo. Tôi mắng "Thế này thì quá lắm!"

Hai thằng kia đem xe đạp đi. Chúng làm như không biết có chuyện gì ở đây, phóng xe ra phố Schoonder, Bheki ngồi lom khom trên thanh ngang còn bạn nó đạp.

Người đàn bà kia lè nhè văng bậy, chửi Florence bằng một lô một lốc những lời tục tĩu. Florence ranh mãnh nhìn tôi nói "Đó cũng là đồ bỏ đi!"

Tôi bảo Vercueil "Tôi không muốn thấy mặt người đàn bà này nữa".

Chiếc xe đạp của hai đứa xuất hiện ở đầu phố Schoonder, phóng về phía này. Thằng bạn Bheki cúi đầu đạp. Chiếc xe cảnh sát màu vàng hôm qua chạy theo sau.

Góc phố đang có nhiều chiếc xe tải nhỏ đỗ ở đó. Xe chở đường ống, gậy và

vật tư chữa ống nước. Cạnh xe có một khoảng nhỏ đủ cho xe đạp lách qua. Nhưng lúc đó chiếc xe màu vàng phóng đến chỗ hai đứa, một cánh cửa bỗng bật mở quật vào chúng. Chiếc xe đạp mất tay lái rơi ra. Tôi nhìn thấy rõ Bheki lăn xuống, tay ôm đầu, chân thẳng kia còn dính vào bàn đạp, nó chỉ biết giơ tay lên che mặt. Giữa tiếng xe cộ ồn ào ở phố Mill, tôi còn nghe thấy cả tiếng thân người đập xuống đất đánh huých, kèm theo tiếng kêu "A" thật to khi chiếc xe đạp văng vào xe tải. Tôi hét lên "Trời đất ơi!" không nhận ra giọng của mình nữa. Thời gian như ngừng lại rồi tiếp tục trôi. Trong khoảnh khắc ấy, một đứa giơ tay chống đỡ khỏi lăn xuống cống. Tiếng tôi hét vọng ra tận góc Schoonder trong buổi sáng yên lành của một ngày bình thường, vừa lúc chiếc xe màu vàng cũng rẽ ngoặt ở góc đường. Một con chó như chó săn ở đâu chạy đến. Con chó của Vercueil ra người. Con kia không đếm xỉa gì đến nó, lè lưỡi liếm hè đường. Tôi muốn đến gần nhưng không cử động được. Người tôi lạnh toát, chân tay bủn rủn, chợt nghĩ mình sắp ngất tuy cả đời tôi chưa bao giờ ngất. Tôi lại nghĩ đất nước này ngất thì có! Lạy Chúa đất nước này đâu còn nữa!

Cửa mở, một người mặc quần áo lao động màu xanh xuất hiện. Anh ta đá con chó săn một phát, nó giật bắn mình rồi bỏ chạy. Anh ta thốt lên "Giêsu!" rồi cúi người xuống thẳng bé đang bị mắc vào khung xe đạp.

Tôi run rẩy bước đến gọi "Florence!" Không thấy cô ta đâu.

Người kia nhắc xe đạp để qua một bên. Bheki đang nằm dưới thẳng bé kia. Mặt nó nhăn nhó, nhắm mắt, liếm môi. Con chó của Vercueil định đến liếm nó. Tôi khê dọa nó "Cút đi!" đưa chân đẩy nó ra. Con chó lại vẫy đuôi.

Cạnh tôi bỗng có một chị nữa. Chị ta lau tay hỏi "Những đứa trẻ này bán báo hả? Chúng là trẻ bán báo, có phải không?" Tôi lắc đầu.

Người đàn ông mặc đồ xanh ngồi dạng chân trên đầu hai đứa, vẻ như bản khoản thể nào đó. Tôi nghĩ anh ta nên nhắc đứa đang nằm sắp đè lên Bheki. Nhưng anh ta không làm thế. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao. Nhìn kiểu thẳng bé nằm tôi thấy có cái gì không tự nhiên.

Người đàn bà nói "Để tôi đi gọi xe cứu thương".

Tôi cúi xuống nhắc cánh tay thẳng bé. Anh ta nói vội "Khoan đã! Cần thận đấy!"

Tôi đứng thẳng dậy, đầu óc choáng váng, phải nhắm mắt lại.

Anh ta luồn tay dưới vai thẳng bé nâng nó ra khỏi Bheki rồi đặt nó xuống hè đường. Bheki mở mắt.

Tôi gọi "Bheki!" Nó lặng lẽ nhìn tôi, không nói gì cả. Tôi bảo "Không sao hết". Nó nhìn tôi biết tôi nói dối nhưng kệ. Tôi lại bảo "Xe cứu thương sắp đến".

Florence đã có mặt. Cô ta quỳ bên con khê vỗ vào đầu, cuống quýt hỏi. Nó lẩm bẩm vài câu. Cô ta ngừng tay nghe nó nói. Tôi giải thích "Chúng nó đâm vào xe tải". Người mặc áo xanh nói "Đó là xe tải của tôi". Tôi nói "Cảnh sát đẩy chúng nó vào. Thật kinh tởm. Họ đúng là hai viên cảnh sát đã ở đây hôm qua".

Florence luồn một tay nâng đầu Bheki. Nó từ từ ngồi dậy. Một chiếc giày bị văng đi, một chỗ ở quần rách toang, thấm máu. Nó nhăn mặt gỡ chỗ rách ở vết thương. Bàn tay nó cũng toác, vài chỗ bóc da. Tôi nói "Xe cứu thương sắp đến rồi". Florence nói "Không cần xe cứu thương".

Cô ta nhăm. Lúc này thẳng bé kia đã lật ngửa. Người thợ chữa nước cởi áo bật dòng máu đang chảy trên mặt nó. Máu vẫn tiếp tục chảy. Nhấc áo lên thấy mặt nó bị toác một miếng như bị dao hàng thịt chém. Máu tràn xuống mắt thẳng bé. Tóc nó dính đầy máu bóng nhẫy. Máu nhỏ cả xuống hè đường, bắn ra khắp nơi. Tôi chưa bao giờ thấy máu có thể đen và đặc như vậy. Tôi nghĩ tim nó rất khoẻ nên mới tuôn ra nhiều máu thế.

Anh thợ chữa nước hỏi "Xe cứu thương có đến không? Tôi không làm sao cầm được máu". Anh ta toát mồ hôi, xoay đủ kiểu ngồi. Giày của anh ta cũng lỏng bồng bồng những máu.

Tôi chợt nhớ hồi con mười một tuổi, lúc cắt bánh bị dao cửa đứt ngón tay cái. Mẹ vội đưa con đến phòng cấp cứu ở Groote Schuur. Hai mẹ con ngồi chờ đến phiên phải lấy vải buộc chặt ngón tay để cầm máu. Con chỉ hỏi mẹ "Con có sao không?" Mẹ khẽ đáp "Họ sẽ chữa và khâu tay cho con. Chỉ mấy mũi khâu thôi, đau một tí thôi".

Hôm ấy vào chiều thứ Bảy, nhưng bệnh nhân vẫn rất đông. Thấy có một người đi giày trắng, mặc đồ lớn, cứ khạc máu vào đĩa. Rồi một thanh niên nằm thẳng, phanh ngực, cởi thắt lưng, ôm một bọc vải thấm máu trên bụng.

Máu chảy ra sàn, ra ghế. Một tí máu nhỏ nhoi ở ngón tay của con thấm gì đâu so với đồng máu nơi ấy? Chỉ mất vài giọt trong kho máu của con mà cũng là của mẹ đó thôi. Đất nước này có thiếu gì máu chảy. Chồng Florence mặc áo dầu đeo ủng lội trong máu đấy. Những con bò đem ra chém đứt cổ cũng phun máu như cá voi phun nước đấy. Mảnh đất khô ráo này lỏng bồng những máu của các sinh vật đấy thôi, đất nước này đã uống hàng sông máu mà có bao giờ thấy chán đâu.

Tôi bảo anh thợ chữa nước "Để tôi". Anh ta tránh ra. Tôi quỳ xuống nhấc cái áo sũng máu để sang bên. Máu tràn xuống mặt mũi thằng bé. Tôi lấy ngón cái và ngón trỏ kẹp chặt chỗ vết thương bị toác. Con chó của Vercueil lại mò đến. Tôi gắt "Đuổi nó đi!" Anh thợ chữa nước đá nó một phát. Nó kêu ăng ăng bỏ chạy. Vercueil đâu ấy nhỉ? Có đúng là anh ta vô tích sự không? Tôi bảo anh thợ chữa nước "Anh gọi điện thoại nữa đi".

Ngón tay tôi kẹp chặt cũng cầm được khá nhiều máu. Chỉ lỏng tay một lúc là máu ộc ra. Chỉ có máu, không có gì khác. Như máu của con và của mẹ. Chưa bao giờ tôi thấy máu vừa đỏ lại vừa đen như thế. Có lẽ vì máu chảy trên làn da mềm mại của tuổi trẻ như thế, mà trong tay tôi thì máu càng đậm và bóng hơn máu thường. Tôi nhìn máu, vừa thấy lạ vừa thấy sợ, càng nhìn càng sợ. Nhưng không thể vì sợ mà không làm gì để ngăn máu chảy. Tôi tự hỏi tại sao? Rồi tôi tự trả lời vì máu rất quý, quý hơn cả vàng bạc kim cương, vì máu chỉ là một. Máu là cái ao chung được phân ra cho cuộc sống riêng của mỗi chúng ta. Máu thuộc về thiên nhiên, chỉ cho ta mượn, không cho hẳn, để ta giữ chung, tin cậy và bảo tồn nó, tưởng như máu chảy trong chúng ta, tưởng thế thôi, nhưng sự thật là ta sống trong nó.

Một biển máu đọng lại, phải chăng lúc tận thế là như vậy? Máu của tất cả. Như biển Baikal vừa đỏ vừa đen dưới bầu trời xanh Siberi lạnh lẽo, như những tảng đá bao quanh, như những bờ tuyết trắng đông đặc lại. Máu của toàn thể nhân loại chẳng? Không đâu. ở một chỗ khác, nơi đập nước ngăn bằng đất bùn, dây thép gai vây quanh và mặt trời sáng chói, nhiều dân bản địa Châu Phi và những người lãnh đạo họ đã dựng lại rất nhiều.

Máu thiêng liêng bị khinh rẻ. Con, dat thịt của da thịt mẹ, máu huyết của máu huyết mẹ, mỗi tháng vẫn chảy ra trên đất nước người đó.

Đã hai chục năm nay mẹ không ra máu nữa. Căn bệnh căn nát người, người mẹ đã khô ròi, không có máu, từ từ lạnh toát. Có cái gì đó mẹ không dám nghĩ đến. Mang trong bụng những thứ lớn lên lạnh lùng bản thủ ấy, mang mầm mống quá hạn tự nhiên ấy, mẹ không thể chịu được, mẹ không thể thoả mãn cái đói của chúng, mỗi ngày những đứa con trong bụng mẹ đòi ăn nhiều hơn, chúng không lớn mà chỉ to xác, mọc răng, mọc nanh vuốt, mãi mãi thân nhiên đòi ăn. Chúng khô dần. Đêm đêm mẹ cảm thấy chúng xoay mình trong thân hình khô héo của mẹ, chúng không duỗi chân đạp như đứa con thật mà chúng đối tư thế, tìm chỗ mới để gặm nhấm, như trứng côn trùng nằm trong một cơ thể khác, lớn lên gặm dần cơ thể ấy một cách không thương tiếc. Trứng lớn dần trong mẹ. Phải, là mẹ, của mẹ. Mẹ viết những dòng này mà rùng mình lo sợ, nhưng đó là sự thật. Là cái trứng của những đứa con gái chị em với cuộc sống của con gái mẹ. Ôi, thật đáng ghê sợ khi lòng người mẹ đi đến chỗ phải tự nhại mình! Một bà già héo hắt khom lưng trên mình đứa trẻ, tay dính máu. Hình ảnh thật xấu xa như trường hợp của tôi lúc này vậy. Tôi đã sống rất lâu. Chỉ còn cái chết bị thiêu sống mới là cái chết xứng đáng. Bước vào lửa, cháy như ngọn đuốc, phút cuối cùng cảm thấy những người chia sẻ với mình cũng hoảng sợ gào khóc, dùng giọng nói cứng rắn ít khi dùng để được cháy và mất hẳn, được thoát nợ, rời bỏ thế giới mà lòng nhẹ nhõm. Lớn lên quái gở, ra đời không đúng lúc, là dấu hiệu mình đã quá thời. Đất nước này đang vậy. Đã đến lúc phải vứt nó vào lửa, phải chấm dứt, phải cho nó mọc lên từ đồng tro tàn.

Lúc xe cứu thương đến, người tôi cứng đờ không nhấc chân lên được. Tôi vừa rời tay, vết thương lại toác ra. Tôi bảo "Thằng bé mất nhiều máu lắm". Người trên xe cứu thương đáp gọn "Không nghiêm trọng". Vạch mí mắt thằng bé, anh ta nói "Chấn thương. Chuyện xảy ra thế nào?"

Bheki ngồi ở giường, cởi quần, hai tay ngâm vào chậu nước. Florence quỳ trước mặt băng bó chân cho nó.

Tại sao cô bỏ tôi một mình để trông nó? Tại sao cô không ở lại giúp một tay?

Tôi cự nự. Tất nhiên rồi, chẳng lẽ tôi không đứng lấy một lần ư?

Florence đáp "Tôi không muốn dính đến cảnh sát".

Vấn đề không phải thế. Cô để tôi một mình chăm sóc thằng bạn của con cô. Tại sao tôi phải là người chăm sóc cho nó chứ? Nó chẳng là cái gì đối với tôi hết.

Bheki hỏi "Nó đâu rồi?"

"Nó bị chấn thương. Họ mang nó đến bệnh viện Woodstock"

"Chấn thương là thế nào?"

Nó hôn mê. Nó bị đập vào đầu. Cậu biết tại sao bị như thế không?

Nó đáp "Họ đẩy chúng tôi".

Phải, họ đẩy các cậu. Tôi trông thấy thế. May mà cậu còn sống đấy. Cả hai còn sống. Tôi sẽ làm đơn kiện.

Bheki và mẹ nó nhìn nhau. Florence nói lại "Chúng tôi không muốn dính đến cảnh sát. Bà chả làm thế nào chống lại được cảnh sát đâu". Hai mẹ con lại nhìn nhau và có vẻ cùng đồng ý.

Nếu không kiện thì họ sẽ tiếp tục đối xử như họ muốn. Dù không đi đến đâu cũng phải chống lại, không chỉ nói riêng cảnh sát, tôi nói cả những người cầm quyền. Phải cho họ thấy là ta không sợ. Chuyện này quan trọng. Bheki, họ có thể giết cậu đấy. Mà họ chống cậu vì cái gì cơ chứ? Cậu và thằng bạn cậu đã làm gì?

Florence thắt nút băng ở chân nó và rỉ tai nó, nó bỏ tay ra ngoài chậu. Mùi thuốc khử trùng xông lên.

Tôi hỏi "Có đau lắm không?"

Nó lật ngửa bàn tay. Máu còn rỉ ở mảng vết thương. Những vết thương danh dự chẳng? Có thể xếp vào loại vết thương danh dự, vết thương chiến đấu được không? Nhìn hai bàn tay chảy máu, tôi có cảm tưởng nó cố nén khóc. Nó chỉ là đứa trẻ thôi, chỉ đi xe đạp thôi.

Tôi nói "Thằng bạn cậu, có nên báo cho cha mẹ nó biết không?"

Florence nói "Để tôi gọi điện".

Florence ra gọi điện. Cô ta nói to và nói lâu. Cô nhắc đến bệnh viện Woodstock.

Vài giờ sau có người gọi qua điện thoại công cộng, một người đàn bà muốn gặp Florence.

Florence báo cáo lại "Nó không ở bệnh viện".

Tôi hỏi "Mẹ nó đây à?"

"Bà ngoại nó".

Tôi gọi cho bệnh viện Woodstock, tôi nói "Tôi có hỏi tên nó được đâu. Nó bị hôn mê lúc họ đem nó đi".

Người kia đáp "Không có bệnh nhân nào có tên ấy".

"Nó bị một vết thương rất to ở trán".

Người kia nhắc lại "Không có". Tôi bỏ máy.

Bheki nói "Họ làm việc cho cảnh sát đấy. Xe cứu thương, bác sĩ, cảnh sát, tất cả đều một giuộc".

"Thế thì vô lý" tôi nói.

Chẳng ai tin vào xe cứu thương nữa đâu. Họ có bắt đài liên lạc với cảnh sát. Vô lý.

Nó mỉm cười dễ thương, có vẻ như khoái với cơ hội lên lớp cho tôi, để tôi biết sự thật ở đời thường là như thế nào. Tôi, một bà già sống cô đơn, không con cái, chẳng còn biết gì. Nó bảo "Đúng thế đấy. Bà cứ nghe rồi sẽ biết".

- Tại sao cảnh sát lại đuổi theo các cậu?

- Họ không đuổi theo tôi. Họ đuổi theo tất cả mọi người. Tôi chẳng làm gì hết. Nhưng thấy bất cứ ai họ cũng cho đó là học sinh, tìm cách bắt bớ. Chúng tôi chẳng làm gì hết. Chúng tôi chỉ bảo là không đi học vì họ đang tiến hành khủng bố chúng tôi. Họ đúng là quân khủng bố.

- Tại sao các cậu không chịu đi học?

- Học để làm gì? Để chúng tôi thích hợp với chế độ apacthai ư?

Tôi lắc đầu, quay sang Florence. Cô ta không che dấu một nụ cười. Con cô ta đúng. Dù sao cũng mặc nó. Tôi bảo "Tôi đã quá già ốm với chuyện này rồi. Tôi không thể tin là cô để con cô lang thang ngoài phố, chờ cho đến khi kết thúc chế độ apacthai. Apacthai không thể chết ngay ngày mai hay ngày kia đâu. Nó làm thế chỉ hại cho tương lai của nó thôi".

Bheki hỏi với giọng thách thức tôi, ra vẻ thẳng thắn "Phải tiêu diệt chế độ apacthai, hay tôi phải đi học thì cái nào quan trọng hơn?"

Tôi chán ngán trả lời "Không thể lựa chọn như thế". Nhưng tôi có đúng không nhỉ? Nếu không lựa chọn thế, thì lựa chọn cái gì đây? Tôi đề nghị

"Hãy đưa cậu đến Woodstock. Nếu đi phải đi ngay bây giờ".

Trông thấy Vercueil, Florence sửng người. Nhưng tôi khẳng khẳng bảo "Phải để anh ta đi cùng, để phòng xe hỏng".

Tôi đánh xe cho tất cả đi Woodstock. Ngồi cạnh Vercueil mùi hôi hơn bao giờ hết, cái mùi còn thấm khốc nữa. Florence và Bheki im lặng ngồi sau xe. Xe cố leo dốc đến bệnh viện. Tôi vẫn còn tỉnh táo để đỗ xe và chúc mũi xuống đầu dốc.

Người ở bàn thường trực nói "Tôi đã bảo không có người như thế ở đây. Không tin bà vào xem bảng đi".

Tôi rất mệt nhưng lẽo đẽo đi theo Florence và Bheki qua các phòng nam. Đang giờ nghỉ trưa. Chim bồ câu rù rì gọi nhau trên cây bên ngoài. Chúng tôi không thấy đứa nào bị quấn băng trên đầu, chỉ có mấy ông già đang mặc đồ ngủ ngồi nhìn lên trần nghe đài phát thanh. Tôi nghĩ bụng họ đều là anh em của tôi hết. Đây mới là chỗ của tôi.

Tôi ra quầy hỏi "Nếu họ không đem nó đến đây thì đem đi đâu?"

Thử hỏi Groote Schuur xem.

Tôi đỗ xe ở Groote Schuur đã kín đặc. Chúng tôi phải chờ nửa giờ ở công, xe vẫn để nổ máy. Florence ngồi nói chuyện với con, Vercueil mở mắt trừng trừng, còn tôi thì ngáp. Y như một ngày cuối tuần buồn ngủ ở Châu Phi vậy, y như đánh xe cho gia đình đi chơi vậy. Chúng tôi có thể bày trò chơi chữ để giết thì giờ, nhưng mời ba người này chơi thì họ biết gì? Chơi chữ là trò trước kia tôi thường chơi một mình, nhớ lại lúc đó. Những người thuộc tầng lớp trung lưu chúng tôi, tầng lớp sung túc, ngày Chủ nhật thường ra ngoại ô đến bờ biển có cảnh đẹp, chiều đến uống trà với bánh ngọt, ăn dâu và kem, ngồi trong phòng trà nhìn ra phía tây chỗ có cảnh biển.

Một chiếc xe quay ra, có chỗ cho chúng tôi vào đậu. Vercueil nói "Tôi ngồi lại ngoài này".

Tôi hỏi bàn thường trực "Người bị chấn thương ở đâu ở đâu?"

Chúng tôi đi dọc hành lang đông người tìm đến tầng C-5, chui vào thang máy chật ních với bốn phụ nữ Hồi giáo, trùm khăn, tay cầm đĩa thức ăn. Bheki thấy mình băng bó nên giấu tay ra sau lưng. Qua C-5, đến C-6, vẫn

không thấy thẳng bé. Florence giữ một cô y tá lại hỏi. Cô ta nói "Thử sang nhà mới xem". Tôi mệt quá lắc đầu nói "Tôi chịu, không đi được nữa, cô và Bheki cứ đi đi. Tôi đợi ngoài xe".

Đúng là tôi rất mệt, hông đau, tim đập thành thịch, miệng đắng ngắt. Nhưng tôi chợt nhìn ra thấy có rất nhiều người đau ốm. Họ làm tôi bức bối, sợ hãi. Đàn ông, đàn bà, da đen, da trắng, họ đi lại trong hành lang nhìn nhau bằng những con mắt ganh tị, họ nhìn tôi rất gần, cảm thấy từ người tôi phát ra mùi chết chóc. "Đồ lừa đảo!" hình như họ khế nói với tôi như thế, sắp sửa nắm lấy cánh tay tôi kéo lại. "Bà tưởng có thể tiếp tục ở lại chỗ này được ư? Bà không biết thể lệ ư? Đây là ngôi nhà của bóng tối, của đau khổ, phải qua đây trên đường đi đến chỗ chết. Đây là chỗ tuyên án mọi người, là kỳ hạn ngồi tù trước khi bị hành quyết". Những con chó săn già đi tuần tiễu trong hành lang, chú ý không cho phạm nhân nào chạy trốn lên trời, lên thế giới sáng sủa hưởng lộc trên kia. Chỗ này là địa ngục, còn tôi là cái bóng đang trốn chạy. Bước qua cửa, tôi rùng mình lo sợ.

Chúng tôi ngồi đợi ngoài xe, Vercueil và tôi, như một đôi đã lấy nhau quá lâu, lảm lì, không thèm nói. Tôi nghĩ có lẽ mình đã quen với mùi hôi của anh ta và cùng với Nam Phi tôi cũng cảm thấy thế, không biết chừng đã quen với mùi hôi của nó? Hôn nhân là số phận, ta lấy nhau thế nào sẽ thành ra thế. Chúng tôi ở Nam Phi thì sẽ trở thành người Nam Phi, xấu xí, tối tăm, lờ đờ, dấu hiệu duy nhất của sự sống là những con chó răng nanh khi ta thoáng gặp. Nam Phi là con chó già xấu tính nằm lim dim ở lối đi vào, chờ đến lúc thức dậy. Ai mà đặt một cái tên ngẫu hứng cho một đất nước như thế. Ta hãy hy vọng họ sẽ đổi tên khi bắt đầu lại.

Một tốp mấy cô y tá đi qua, cười nói vui vẻ. Họ vừa xong việc. Tôi nghĩ bụng mình vừa thoát khỏi tay họ. Nhưng rồi tôi lại nghĩ giá được họ chăm sóc cho thì tốt hơn, khăn trải giường sạch sẽ những bàn tay lạnh lẹn xoa dịu khiến mình sẽ đỡ được bao nhiêu vất vả. Nhưng tại sao tôi lại không chịu? Tôi cảm thấy nghẹn trong cổ, nước mắt muốn tràn ra, tôi quay mặt đi chỗ khác. Tôi biết đó chỉ là cơn mưa bóng mây, như thời tiết nước bốc hơi. Nhưng sự thật là càng lúc tôi càng dễ khóc, càng dễ thẹn. Có lần tôi quen biết một người đàn bà (mẹ kể chuyện này được chứ con?) rất dễ sướng

trong lúc làm tình. Bà ta bảo cái sướng ấy chạy trong người làm bà ta rùng mình liên tục như sóng cuộn. Tôi tự hỏi sao có thể sống với một cơ thể như vậy được? Chẳng lẽ cái sướng ấy biến mình thành nước sao? Bây giờ thì tôi đã có câu trả lời. Đó chỉ là một loạt những cảm giác của nước mắt, làm cho mình loãng ra. Không phải nước mắt của đau đớn mà nước mắt buồn tủi, nỗi buồn nhẹ nhàng, thoáng qua, như màu xanh, không xanh đậm, mà xanh nhạt của bầu trời xa xăm, giống như những ngày đông vắng sương mù. Đó chỉ là những điều riêng, là một lúc náo động trong cái ao của tâm hồn, điều mà tôi không còn bận tâm giấu giếm nữa.

Tôi lau nước mắt, khịt mũi. Tôi bảo Vercueil "Anh chẳng cần ngưng thay cho tôi. Tôi khóc mà không có lý do gì. Tôi cảm ơn anh đã cùng đi".

Anh ta nói "Tôi không hiểu bà cần tôi làm gì".

- Khó có thể cô đơn mãi được. Có vậy thôi. Tôi không chọn anh, nhưng anh đang có mặt tại đây, và thế là đủ. Anh đã đến. Giống như tôi có đứa con vậy. Làm sao mà chọn con được. Nó tự đến thôi.

Anh ta nhìn ra xa mỉm cười ranh mãnh.

Tôi nói "Vả lại, anh đã đẩy xe giúp tôi. Nếu không dùng xe được, tôi chỉ có việc nằm kẹt ở nhà".

- Xe bà chỉ cần có bình ắc quy mới thôi.

- Tôi không cần ắc quy mới. Anh không hiểu gì sao? Có cần giải thích không? Xe này cũ rồi, nó thuộc về một thế giới hầu như không còn tồn tại nữa, nhưng mà nó vẫn còn chạy được. Những gì còn lại của thế giới ấy, những gì còn chạy được, tôi cố bám lấy. Tôi thích hay ghét cũng không quan trọng. Lạy Chúa, sự thật là tôi thuộc về nó cũng chỉ như tôi thuộc về cái gì đã thành xưa cũ. Đây là một thế giới trong đó xe cộ không thể tùy thuộc ở chỗ khi nào anh muốn chạy thì nó chạy. Ở cái thế giới của tôi, anh phải thử bộ phận tự khởi động. Nếu nó không chạy, anh phải thử bằng cách quay tay. Nếu nó vẫn nhất định không chạy thì phải có người đẩy. Còn nếu xe đã không chạy thì anh phải ngồi xe đạp hoặc đi bộ về nhà. Đó, sự vật là như thế trong cái thế giới mà tôi thuộc về nó. Ở đây tôi thấy dễ chịu, vì nó là một thế giới tôi hiểu được. Tôi thấy không cần phải thay đổi gì hết.

Vercueil không nói gì hết.

Tôi nói thêm "Còn nếu anh tưởng tôi là một loại hoá thạch của quá khứ, thì đã đến lúc anh cũng nên tự hỏi lại mình. Anh đã thấy đấy, lớp trẻ thời nay nghĩ thế nào về rượu chè, nầm vật vạ và mặc sự đời. Anh cứ đứng đấy. Ở nước Nam Phi tương lai, mọi người đều phải làm việc, kể cả anh. Có thể anh không thích cái triển vọng đó, nhưng anh nên chuẩn bị cho mình thì hơn".

Chỗ đỗ xe đã gần tối. Florence đâu nhỉ? Cái đau ở hông làm tôi mệt bã người. Đã quá giờ tôi phải uống thuốc.

Tôi nghĩ về ngôi nhà trống vắng, về đêm dài nằm ngủ. Tôi lại ứa nước mắt. Dễ khóc thế đấy.

Tôi nói "Tôi đã kể anh nghe về con gái của tôi ở Mỹ. Nó là tất cả đối với tôi. Tôi chưa nói cho nó biết toàn bộ sự thật về tình trạng của tôi. Nó biết là tôi đau ốm, biết là tôi đã được mổ, nó nghĩ là mổ thành công và tôi đã khá hơn. Ban đêm nằm trên giường tôi nhìn vào cái hố đen ngòm tôi sẽ rơi xuống đó, chỉ có nghĩ đến nó tôi mới giữ được tỉnh táo. Tôi tự nhủ, mình đã cho cuộc đời này một đứa con, đã thấy nó trưởng thành, thấy nó được an toàn trong cuộc sống mới, điều tôi đã làm ấy không bao giờ có thể lấy đi của tôi được. ý nghĩ đó là chiếc gối cho tôi bám chặt vào mỗi khi gặp giông tố".

- Có một nghi thức nhỏ thỉnh thoảng giúp tôi giữ được bình tĩnh. Tôi tự nhủ: ở đây, bên này thế giới là hai giờ sáng, vậy là sáu giờ chiều ở bên nó. Thử tưởng tượng đi, sáu giờ chiều. Tưởng tượng nữa, tưởng tượng đủ mọi thứ đi. Nó vừa đi làm về, treo áo lên mắc, mở tủ lạnh lấy gói đậu, đổ đậu vào bát, rồi lấy hai củ hành ra bóc. Hãy tưởng tượng những thứ đó đi, hãy tưởng tượng cái thế giới nó đang làm việc ấy, thế giới của những mùi vị và âm thanh ấy. Hãy tưởng tượng một buổi chiều hè ở Bắc Mỹ, đám ruồi bu ngoài cửa sổ, lũ con nít í ới gọi nhau ngoài đường phố. Hãy tưởng tượng con gái tôi trong nhà, sống cuộc sống của nó, tay cầm hành ở một đất nước nó sẽ sống và chết trong hoà bình. Thời gian trôi đi, đất nước ấy cũng như đất nước này và cả thế giới, đều sống cùng một nhịp. Hãy tưởng tượng những cái đó trôi đi như thế nào, trôi đi với nơi này sáng nơi kia tối. Nó đi ngủ, nằm mơ màng, bên cạnh chồng trên chiếc giường cưới, ở một đất nước

thanh bình. Tôi nghĩ đến thân hình nó, vững vàng, sống thật thanh thoát. Tôi thèm được ôm nó. Tôi muốn nói với nó tự đáy lòng "Mẹ cảm ơn con". Tôi cũng muốn nói "Hãy cứu mẹ!" Nhưng không bao giờ nói được!

Anh hiểu không? Anh hiểu không?

Cửa xe mở. Vercueil nghiêng người ra xa, dựa đầu vào khung cửa, để một chân xuống đất. Tôi nghe anh ta lẩm bẩm. Chắc anh ta mong Florence quay lại cứu, vì anh ta đã chán chường muốn nghe những lời tôi rên rỉ, giọng đòi hỏi.

Tôi vẫn nói "Có điều tôi chả bao giờ đòi hỏi một ai đó phải ôm lấy mình, an ủi mình, cứu mình. An ủi với tình yêu phóng lên phía trước chứ không bao giờ quay ngược lại, đó là quy luật, một quy luật sắt thép. Khi một người già bắt đầu bệnh vục cho tình yêu thì mọi thứ trở nên đe dọa. Bậc cha mẹ mà bò vào giường với đứa con là không tự nhiên.

Thế nhưng tự mình cắt đứt mọi sự đụng chạm ấy, cắt đứt tất cả những gì gắn bó ta với cuộc sống, thì rất khó! Như một con tàu rời bến, những sợi dây buộc đứt rơi lả tả, con tàu lên đường cho một chuyến đi rằng dài.

Người thân cũng chia tay. Sao mà buồn thế! Lúc này nhìn thấy những cô y tá đi ngang qua đây, tôi đã định ra khỏi xe nộp mình cho các cô ấy, nộp mình cho bệnh viện, để họ cởi bỏ quần áo đặt tôi lên giường và dùng tay xoa bóp, tôi thèm muốn được có bàn tay họ trên người, những bàn tay biết đụng chạm. Chẳng phải ta thuê những người ấy, những cô gái ấy, những đứa trẻ ấy, để có được bàn tay của họ đụng chạm và xoa bóp đấy ư? Nếu không thì bàn tay của họ sẽ héo đi và không còn đáng yêu nữa. Ta đã đem ánh sáng đến cho họ và gọi họ là thiên thần, họ đến từ cõi chết của đêm tối và bảo ta đã đến lúc ra đi. Có lẽ thế. Nhưng có lẽ cũng vì họ đưa ra đổi mới một sự đụng chạm đã bị tan vỡ.

Vercueil nói nhỏ nhẹ "Bà hãy nói điều đó với con gái bà. Nó sẽ đến".

- Không.
- Bà nói ngay bây giờ đi. Bà gọi điện sang Mỹ nói với nó là bà cần nó ở đây.
- Không.
- Đùng để sau này mới nói. Vì lúc đó đã quá trễ. Nó sẽ không tha thứ

cho bà đâu.

Phản ứng của anh ta như cái tát vào mặt.

Tôi nói "Có những điều anh không hiểu được. Tôi không hề có ý định gọi con gái tôi về. Tôi có nhớ nó nhưng không muốn nó về đây. Vì thế tôi mới gọi đó là nỗi nhớ. Nỗi nhớ phải đi một đường dài, đến cùng trời cuối đất".

Anh ta đáng khen ở chỗ không bị hoang mang vì câu chuyện vô nghĩa ấy. Anh ta nói "Tuỳ bà. Nếu bà không nói với con gái bà thì tuỳ bà".

Tôi nói "Anh có thể tin là tôi sẽ không nói với nó" (Sao tôi lại nói dối thế nhỉ). Giọng tôi có cái gì đó không kiềm chế được. "Tôi muốn nhắc để anh biết, đất nước này không bình thường đâu nhé. Dân chúng không được tự ý đi lại".

Anh ta không thềm đỡ lời.

- Con gái tôi sẽ không về chừng nào mọi thứ ở đây được thay đổi. Nó đã thề như vậy. Nó sẽ không trở về cái đất Nam Phi như nó, anh và tôi đã biết. Chắc chắn nó sẽ không làm đơn xin với – có thể gọi họ là gì nhỉ? – với những kẻ đó để xin phép về. Nó bảo nó sẽ về khi nào những kẻ đó bị treo ngược lên cột đèn. Lúc đó nó sẽ tới để ném đá vào chúng và được nhảy nhót trên đường phố.

Vercueil nhe răng cười toe toét, răng anh ta vàng khè như răng ngựa già.

Tôi nói "Anh không tin điều tôi nói, nhưng có lẽ một ngày kia anh sẽ gặp nó và sẽ thấy. Nó rất sắt đá. Tôi không muốn nó phản bội lời thề".

Anh ta nói "Bà cũng sắt đá đấy chứ".

Rồi hai người im lặng. Có gì đó đổ vỡ trong tôi.

Tôi buột miệng nói "Nghe anh nói như có gì đó đổ vỡ trong tôi vậy. Nếu tôi cũng sắt đá thì không có gì đổ vỡ như thế được". Rồi tôi không biết nói gì hơn.

Mấy người đàn bà khi nãy chúng tôi gặp trong thang máy đi qua đó. Một người đàn ông nhỏ bé mặc đồ xanh đội mũ trắng đi kèm. Anh ta đưa họ lên xe rồi chờ đi.

Vercueil hỏi "Con gái bà đã làm gì mà phải bỏ đi?"

- Nó không làm gì hết. Nó chỉ chán thôi. Nó không muốn về nữa. Nó tìm một cuộc sống khác. Nó có chồng, lập gia đình. Làm như thế là tốt hơn

cả, có nghĩa hơn cả.

- Nhưng nó có quên đâu.

- Không, nó không quên. Nhưng tôi phải nói rằng người ta sẽ quên dần. Tôi không thể hình dung được nhưng điều đó sẽ xảy đến. Nó nói "Tôi sinh ra ở Châu Phi, ở Nam Phi". Tôi đã nghe nó dùng câu nói đó khi nói chuyện. Hình như đấy chỉ là nửa câu đầu. Chắc còn nửa câu sau nhưng không nghe nó nói. Thế là câu nói lơ lửng trong không khí như trẻ sinh đôi bị lạc nhau vậy. "Tôi sinh ra ở Nam Phi và sẽ không bao giờ trở lại nơi đó nữa". "Tôi sinh ra ở Nam Phi và một ngày kia tôi sẽ trở về". Chẳng biết câu nào lạc với câu nào.

- Vậy nó là người biệt xứ.

- Không nó không phải là kẻ biệt xứ. Chỉ có tôi mới là người biệt xứ.

Anh ta đã biết nói chuyện với tôi. Đã biết nghe chuyện. Tôi chợt muốn dừng lại, muốn bảo anh ta "Nói chuyện với anh rất vui!" nhưng rồi tôi im lặng và lại ứa nước mắt.

Tôi không biết anh ta có con hay không. Tôi cũng không biết đàn ông có nghĩ như vậy không. Nhưng khi có một đứa con trong mình, thì ta cho nó cuộc sống của ta, nhất là với đứa con đầu lòng. Cuộc sống không còn đi một mình nữa, cuộc sống không còn là của mình nữa, mà là của đứa bé. Vì thế thật sự là ta không chết, ta chỉ đơn giản chuyển giao cuộc sống, cuộc sống đã có một lúc ở trong ta nay được để lại sau. Như anh thấy đó, tôi chỉ là một cái vỏ mà con tôi đã để lại. Cái gì xảy đến với tôi không quan trọng. Cái gì xảy đến với người già không quan trọng. Thật tình tôi không mong anh hiểu cho một kẻ ra đứng bên lề cái lúc sắp ra đi cũng đáng sợ vậy. Dù chỉ được chạm đầu ngón tay thôi, người ta cũng không muốn bỏ đi.

Lúc này Florence và con cô ta đã ra, đang đi đến chỗ chúng tôi.

Vercueil nói "Lẽ ra bà nên sang đó với con gái bà".

Tôi cười đáp "Tôi không đủ tiền để sang chết bên Mỹ. Không ai có thể làm thế, trừ người Mỹ".

Florence nhảy vào ngồi phịch xuống ghế sau, làm xe chao đảo.

Tôi hỏi "Có thấy nó không?"

Cô ta đáp "Có". Mặt cô ta lạnh tanh. Bheki bước vào ngồi cạnh.

Tôi hỏi "Rồi sao nữa?"

Florence đáp "Có tìm thấy nó, nó nằm trong bệnh viện này".

- Nó khoẻ chứ?

- Nó khoẻ.

Tôi bực mình "Tốt. Cám ơn cô đã cho biết".

Xe chạy đi. Mọi người im lặng. Về đến nhà, Florence mới nói "Họ để nó nằm trong bệnh viện cùng với mấy ông già. Khiếp quá. Có một ông điên, suốt ngày hét la chửi thề, các cô y tá sợ không dám đến gần. Sao họ lại để thằng bé nằm trong phòng đó cơ chứ. Chỗ nó nằm không phải là bệnh viện mà là phòng chờ tang lễ".

Phòng chờ tang lễ. Mấy chữ đó cứ luẩn quẩn trong óc tôi. Tôi định ăn mà không còn bụng dạ nào ăn được.

Tôi tìm Vercueil trong lán củi. Anh ta đang làm gì đó với chiếc giày dưới ánh nến. Tôi nói "Tôi trở lại bệnh viện. Anh đi với tôi được không?"

Căn phòng Florence mô tả ở tận cuối ngôi nhà và còn phải đi xuống hầm, qua bếp mới đến được chỗ ấy.

Đúng như cô ta nói, một người đầu cạo trọc lóc gầy như cái que, ngồi trên giường, đập tay vào đùi, miệng hát oang oang. Lưng ông ta đeo dải băng đen buộc xuống chân giường. Ông ta hát gì? Tôi không nhận ra lời bài hát ấy. Tôi đứng ngoài cửa không dám vào, sợ trông thấy tôi ông ta sẽ thôi hát và giơ cánh tay gầy guộc đen xì vào mặt tôi chẳng.

Vercueil nói "Hoang tưởng. Ông ta mắc bệnh hoang tưởng".

Tôi khẽ đáp "Không, còn tệ hơn thế".

Vercueil nắm khuỷu tay tôi, tôi để cho anh ta dẫn vào.

Hai chiếc bàn dài ở giữa phòng để một đồng khay. Một người ho khạc ra một đám trắng, y như phổi ông ta bị rách. Vercueil nói "Trong góc kia".

Thằng bé không biết chúng tôi là ai. Tôi cũng không nhận ra thằng bé mà ngón tay của tôi đã dính vết máu của nó. Đầu nó băng kín, mặt nó sưng vù, cánh tay trái bó vào người, nó mặc bộ đồ xanh nhạt của bệnh viện.

Tôi bảo "Cậu đừng nói. Chúng tôi đến xem cậu có bị gì không thôi".

Nó hé đôi môi sưng vù rồi ngậm lại.

Cậu có nhớ ra tôi không? Tôi là bà cụ được mẹ của Bheki giúp việc đấy.

Sáng nay mọi việc xảy ra như thế nào tôi đã biết. Cậu cố khoẻ lại đi. Tôi đem cho cậu ít trái cây này. Tôi để quả táo và quả lê lên chiếc bàn nhỏ.

Nó không có biểu hiện gì.

Lúc trước tôi đã không thích thằng bé này. Bây giờ tôi cũng không thích. Trong lòng tôi chẳng có tí cảm tình gì đối với nó. Có những người mới gặp đã có ngay cảm tình, có những người vừa thấy mặt đã không ưa. Thế ra thằng bé này không giống như Bheki. Nó không có sức quyến rũ. Nó có cái gì đó như ngu ngốc, cố tình ngu ngốc, ngang bướng, khó bảo. Nó là một trong những đứa trẻ sớm có kiểu nói như ông cụ, mới mười hai tuổi đã vút lại thời niên thiếu, biến thành thứ người già dặn. Loại người đơn giản thì khác, nhanh nhẹn, tháo vát, biết chịu đựng hơn người thường, không hoài nghi, không thành kiến, không đùa cợt, không ham muốn, rất vô tư lự. Lúc nó nằm trên hè đường tôi đã tưởng nó sắp chết nên cố cứu nó. Thật lòng tôi nghĩ bỏ sức cứu người khác còn hơn.

Tôi nhớ có lần tôi nuôi một con mèo, một con mèo mướp già bị sưng miệng không há ra được. Tôi đem nó về từ lúc nó quá yếu không cựa quậy nổi, cho nó uống sữa bằng ống, uống thuốc kháng sinh. Lúc nó khoẻ, tôi thả nó ra và vẫn cho nó ăn. Quanh năm nó chỉ sang nhà hàng xóm ăn vụng. Rồi nó biến đâu mất. Vậy mà suốt thời gian ấy, kể lúc nó ốm đau được tôi ôm trên lòng, nó vẫn cường lại và đối với tôi như kẻ thù. Tôi thấy thằng bé này đối với tôi cũng thế. Tuy mở mắt nhưng nó không thấy gì, không nghe tôi nói gì.

Tôi quay sang Vercueil nói "Ta đi chứ?" Tôi chọt sờ vào tay kia của thằng bé, do ý thức xui giục.

Tôi chỉ sờ bằng đầu ngón tay thôi, nhưng cảm thấy như nó khó chịu, nó rụt tay lại như bị điện giật.

Tôi tự nhủ: chỉ là tôi thay mặt mẹ cậu không có mặt thôi. Rồi tôi nói to cho nó nghe thấy "Đừng vộiii xét".

Đừng vội xét? Tôi nói thế nghĩa là sao? Nhưng tôi không hiểu thì ai hiểu? Chắc chắn nó không hiểu. Trong trường hợp này nó càng khó hiểu. Mấy lời nói đó buộc khỏi miệng đã như lá rụng. Lời nói của đàn bà chẳng có gì đáng kể, lời nói của một bà già lại càng không đáng kể, nhất là của đàn bà

da trắng.

Đúng, tôi là người da trắng. Khi nghĩ đến người da trắng, tôi thấy gì? Tôi thấy bầy cừu (bầy, chứ không phải một con) ăn cỏ trên cánh đồng bụi bậm, dưới ánh nắng chói chang. Tôi lại nghe tiếng vó ngựa rầm rập, rồi một loạt những tiếng khác lộn xộn, nghe quen như tiếng be be của bầy cừu gọi nhau. Rồi thấy đám lợn rừng, mắt trắng dã ở đâu chạy đến, nhe răng gầm gừ "Chết! Chết!". Thật chẳng hay gì, nhưng thằng bé rụt lại không muốn bị một bà già da trắng chạm vào tay nó, dù người đó không phải là tôi.

Tôi lại cố giải thích.

Tôi nói "Trước khi về nghỉ hưu, tôi là giáo viên, tôi dạy học".

Vercueil đứng bên kia giường nhìn tôi chăm chặp, nhưng tôi đâu có nói chuyện với anh ta.

Tôi nói tiếp "Nếu cậu dự lớp Thucydides, có thể cậu biết qua về những gì xảy đến cho nhân loại trong thời kỳ nhân loại sinh ra ta và sống với ta ấy".

Mắt thằng bé như mơ màng, lòng trắng đục mờ, con ngươi lơ lơ, đen như mực in. Tuy đã được uống thuốc an thần, nó biết là tôi đứng đó, biết tôi là ai, biết tôi đang nói với nó. Biết nhưng nó không nghe, cũng như nó chưa bao giờ nghe bất cứ giáo viên nào, ngồi như phỗng ở cuối lớp, nói gì cũng không vào tai, chỉ chờ chuông báo hết giờ.

- Thucydides viết về những người làm ra luật lệ và tuân theo luật lệ. Cũng theo luật lệ họ đã giết chết toàn bộ giai cấp thù địch không trừ một ai. Tôi chắc hầu hết những ai đã chết đều cảm thấy hình như người ta đã mắc một sai lầm ghê gớm, vì dù luật lệ là thế chẳng nữa cũng không thể nhắm vào họ. Lúc bị cắt cổ, lời cuối cùng họ thốt ra là "Tôi...!". Tiếng "Tôi" ấy là sự phản kháng, một tiếng ngoại lệ.

- Có ngoại lệ không nhỉ? Sự thật là nếu có thể nói, tất cả chúng ta đều đòi có ngoại lệ. Mỗi điều lệ đều có trường hợp riêng. Tất cả chúng ta đều đòi được hưởng cái lợi của sự hoài nghi.

- Nhưng có những thời người ta không có quyền nghe những điều ấy, những ngoại lệ ấy, những khoản nhân từ ấy. Không có thì giờ, thế là ta phải qua luật lệ. Thật thảm hại, cực kỳ thảm hại. Đó là những gì anh có thể học được ở Thucydides. Rất tiếc là chúng ta đang bước vào một thời buổi như

vậy. Chúng ta bước vào đó với trái tim chìm đắm. Chẳng thể hoan nghênh được.

Bỗng nó rụt tay kia vào dưới chân, đề phòng tôi chạm vào nữa.

Tôi nói "Thôi chào, chúc cậu ngủ ngon, ráng mau khoẻ lại".

Ông già ngoài kia không hát nữa. Bàn tay ông ta vỗ đều lên đùi như đôi cá sắp chết. Mắt ông ta trợn ngược, nước dãi chảy xuống cằm.

Xe không chạy được. Vercueil lại phải đẩy.

Tôi nói "Thằng bé đó khác với Bheki, rất khác".

Hôm nay tôi đã nói hơi nhiều, không kiềm chế được. "Tôi không muốn tỏ ra như vậy, nhưng nó làm tôi bức mình. Tôi rất tiếc Bheki đã bị ảnh hưởng của nó. Nhưng tôi biết sẽ có hàng vạn đứa như nó. Nhiều hơn loại như vậy. Thế hệ đang lên đấy".

Chúng tôi về nhà. Tuy không mời, anh ta vẫn theo vào.

Tôi nói "Tôi phải đi ngủ đây. Mệt quá rồi". Anh ta không có ý bỏ đi. "Anh có muốn ăn gì không?"

Tôi đem thức ăn để trước mặt anh ta, uống thuốc đầy đủ rồi chờ đó.

Anh ta dùng tay khoằm cắt một lát bánh, phết bơ rồi cắt phô mai. Móng tay của anh ta rất bẩn. Không biết anh ta đã sờ vào những gì nữa. Thế mà đây lại là người tôi thổ lộ tâm tình, là người tôi rất tin cậy. Tại sao tôi lại đi con đường ngoằn ngoèo đến thế nhỉ?

Đầu óc tôi như cái ao để ngón tay anh ta thọc vào khuấy. Không có ngón tay ấy, nó lắng đọng, tù hãm.

Một con đường không có hướng. Không hướng thì tự tìm ra hướng. Đi như con cua vậy.

Móng tay bẩn của anh ta thọc vào tôi.

Anh ta nói "Trông bà rầu rĩ lắm".

"Tôi rất mệt".

Anh ta nhe bộ răng dài nhai bánh.

Anh ta chỉ nhìn không nói gì. Ở người anh ta vẫn còn phảng phất hơi rượu. Rượu làm cho dịu, giữ cho người ta bớt giận dữ. Nó giúp ta tha thứ. Anh ta uống rượu từ tiền trợ cấp. Suốt đời anh ta sống bằng trợ cấp. Anh ta là ông V. mà tôi nói đến. Nói và viết. Nói để mà nói. Còn đối với thế hệ đang lên,

không uống rượu, cũng không nói chuyện được, chỉ có thể dạy thôi. Bàn tay và móng tay chúng sạch sẽ. Chúng là những người theo thánh giáo mới, nắm luật lệ, tuân thủ luật lệ. Chúng ghét rượu là thứ làm yếu luật lệ, làn tan cả luật lệ. Chúng hoài nghi tất cả những gì lừa dối, chịu đựng, chỉ biết quanh quẩn một xó. Chúng hoài nghi những bài diễn văn nói loanh quanh. Tôi nói "Tôi cũng ốm nữa, ốm và mệt. Mệt và ốm. Tôi có đứa con trong bụng mà không đẻ ra được. Không thể đẻ vì nó sẽ không ra đời. Vì nó không thể sống ở ngoài tôi được. Nó là tù nhân của tôi hoặc tôi là tù nhân của nó. Nó đập cửa mà không thể bỏ đi. Ngày nào cũng diễn ra như vậy. Đứa con bên trong đang đập cửa. Con gái tôi là đứa con đầu lòng. Nó là cuộc sống của tôi. Đứa này là đứa thứ hai. Đứa của kiếp sau. Tôi không cần đến. Anh có muốn xem ti vi không?"

- Tôi tưởng bà muốn đi ngủ?

- Không, bây giờ không chỉ còn mình tôi nữa. Dù sao đứa con trong tôi cũng đập rất mạnh. Nó đã uống thuốc rồi, đang ngủ lơ mơ. Anh thấy đấy, bao giờ tôi cũng uống hai viên. Một cho tôi, một cho nó.

Chúng tôi ngồi bên nhau trên ghế dài. Người có bộ mặt hồng hào đang được phỏng vấn. Hình như anh ta là chủ một trại thú, cho các hãng phim thuê voi và sư tử.

Người phỏng vấn hỏi "Xin anh kể cho nghe về một loài vật hải ngoại anh đã từng gặp".

Tôi đứng dậy nói "Để tôi đi pha trà".

Vercueil hỏi "Trong nhà còn gì khác không?"

Rượu anh đào.

Tôi cầm chai rượu anh đào quay lại thấy anh ta đang đứng ở kệ sách. Tôi tắt ti vi rồi hỏi "Anh đang xem gì vậy?"

Anh ta giơ một cuốn sách nặng.

Tôi nói "Anh sẽ thấy cuốn đó rất hay. Người đàn bà đó đã cải trang làm đàn ông, đi qua cả Palestine kỳ bí. Đó là thế kỷ trước. Bà ta là một trong những phụ nữ Anh rất dũng cảm. Nhưng bà ta không chụp hình. Ảnh là của một tay minh họa nhà nghề".

Chúng tôi cùng giở trang. Người minh họa đã khéo vẽ nên những bức ảnh

cắm trại dưới ánh trăng, những núi đá lởm chởm trên sa mạc, những đền miếu hoang tàn với không khí bí ẩn. Chưa ai làm được như vậy để biến Nam Phi thành một vùng đất bí ẩn. Bây giờ thì quá muộn rồi. Trong đầu óc mọi người thì vùng đất này chỉ còn là nơi bằng phẳng, chói chang, không có bóng râm cũng không có chiều sâu.

Tôi nói "Anh thích gì cứ đọc. Trên gác còn có nhiều sách. Anh thích đọc sách không?"

Vercueil bỏ sách xuống nói "Bây giờ tôi đi ra ngoài đây".

Tôi chợt thấy lúng túng. Sao thế? Nói thật ra là tôi không ưa cái mùi của anh ta. Vì tôi không hề nghĩ đến Vercueil mặc đồ lót. Trông chân anh ta gầy gò hơn. Móng chân xù xì, xương xấu.

Tôi nói "Tôi hỏi anh một câu được không? Trước kia anh sống ở đâu? Tại sao anh bắt đầu đi lang thang?"

Vercueil đáp "Tôi sống ở biển. Tôi đã nói với bà điều đó rồi".

- Nhưng người ta đâu có sống ở biển. Đâu có thể đẻ ở biển. Anh có ở biển suốt đời đâu?

- Tôi làm trên tàu kéo.

- Rồi sao?

Anh ta lắc đầu.

Tôi nói "Tôi chỉ hỏi thế thôi. Chúng tôi thích biết một chút về những người ở gần mình. Điều đó hoàn toàn là tự nhiên".

Anh ta nhếch mép cười, một bên răng nanh chìa ra vừa dài vừa vàng. Tôi nghĩ bụng anh ta còn giấu giếm những gì. Nhưng là điều gì? Một tình yêu bi thảm chẳng? Hay là tù tội chẳng? Rồi tôi cũng mỉm cười.

Cả hai chúng tôi đứng cười, mỗi người có lý do riêng để mà cười.

Tôi nói "Nếu anh thích, cứ việc ngủ trên ghế dài"

Anh ta lưỡng lự. "Con chó thường ngủ với tôi".

Hôm qua tôi có thấy con chó đâu?

Nếu tôi không về, nó cũng không đến.

Hôm qua tôi không thấy con chó. Chừng nào anh ta không cho nó ăn thì nó cần gì biết anh ta ngủ ở đâu. Tôi ngờ rằng anh ta bịa chuyện con chó như nhiều đàn ông thường bịa chuyện về vợ đang chờ ở nhà. Mặt khác, có lẽ vì

con chó mà tôi tin anh ta. Chó thường đánh hơi được người xấu, nó còn biết đi tuần tiễu nữa.

Con chó chả làm tôi ấm lên chút nào. Nhà đã quá nhiều mèo rồi. Mèo với đàn bà là đủ. Còn anh ta, sau khi lang thang trên biển với chiếc tàu kéo, chẳng qua là bị rơi vào đây thôi.

Tôi nói "Tuỳ anh". Tôi để anh ta đi ra, làm như không để ý trên tay anh ta còn cầm chai rượu anh đào. Tôi nghĩ bụng thật đáng thương hại. (Đó là ý nghĩ của tôi khi những viên thuốc kéo tôi vào giấc ngủ). Vào lúc hiểm hoi này hai chúng tôi có thể cùng ở trong nhà được chứ, tôi trên gác, anh ta dưới nhà. Như vậy ban đêm tôi có sẵn người. Dù sao mỗi khi cần đến là có người để tôi gọi trong đêm tối. Là mẹ hay ai thì cũng sẵn sàng cho mẹ được.

Từ khi tôi tuyên bố với Florence là sẽ làm đơn gửi đến Quảng trường Caledon định kiện hai viên cảnh sát, nhưng hình như họ chỉ cho phép kiện nếu có "người trực tiếp liên quan".

Viên sĩ quan ở bàn thường trực nói "Bà cho biết đặc điểm, rồi chúng tôi sẽ điều tra. Tên hai thằng bé là gì?"

- Không được phép của chúng nó, tôi không thể nói ra tên.

Anh ta đặt bút xuống. Đó là một thanh niên, gọn gàng sạch sẽ, một trong những lớp cảnh sát mới được đào tạo qua loa ở Cape Town để có thể đối phó với những người chủ trương tự do nhân văn chủ nghĩa.

Tôi nói "Tôi không biết anh có tự hào với bộ đồng phục ấy không, nhưng các đồng nghiệp của anh ở ngoài phố đã làm nó mất thể diện. Họ còn làm tôi mất thể diện nữa. Tôi lấy làm xấu hổ. không phải xấu hổ cho họ mà xấu hổ cho tôi. Anh không cho tôi kiện vì anh bảo tôi không liên quan. Nhưng tôi rất liên quan, trực tiếp liên quan nữa kia. Anh hiểu tôi nói gì không?"

Anh ta không trả lời, đứng thẳng người, cảnh giác sẵn sàng với những điều sẽ xảy ra. Người đằng sau anh đang xem giấy tờ, làm như không nghe thấy gì. Nhưng chẳng có gì đáng sợ. Tôi không còn gì để nói, hoặc ít nhất cũng chả còn bụng dạ nào nghĩ ra điều gì.

Vercueil ngồi đợi trong xe ở phố Buitenkam. Tôi nói "Tôi thật là ngu ngốc", và sụt khóc. Tôi đã bảo họ "Các anh làm cho tôi xấu hổ". Có lẽ họ

đang cười nhau Eke ou kruppel dame met die kaffertjie. Nhưng làm sao tôi nghĩ thế nào khác được? Có lẽ tôi nên đơn giản mà tự nhận rằng từ nay trở đi phải sống và sống trong cùng sự nhục nhã. Có lẽ nhục nhã chỉ là cái tên dành cho những gì tôi thường cảm thấy thôi, không hơn gì. Cái đó dành cho lối sống của những người sống mà nghĩ thà chết còn hơn.

Nhục nhã. Chịu cúi đầu. Chết trong cái sống.

Hai người im lặng một lúc lâu.

Vercueil nói "Bà cho tôi vay mười rand được không? Đến thứ năm tôi mới có tiền trợ cấp. Hôm ấy tôi sẽ trả lại cho bà".

J.M. COETZEE

Tuổi sắt đá

Dịch giả: Anh Thư

CHƯƠNG 3

Khuya đêm qua bỗng có chuông điện thoại vang lên, giọng đàn bà hốt hải, như giọng một người béo phì không thở được "Tôi muốn gặp Florence".

- Cô ấy đang ngủ. Mọi người đang ngủ.
- Vâng, bà gọi giùm.

Trời mưa không to lắm. Tôi gõ cửa phòng Florence. Cửa mở liền, y như cô ta đã đứng chờ sẵn. Sau cửa tôi nghe tiếng trẻ lều bều trong giấc ngủ. Tôi bảo "Cô có điện thoại".

Năm phút sau cô ta đến phòng tôi. Không đội nón, để đầu trần, mặc áo ngủ dài trắng, trông cô ta trẻ ra hơn.

Cô ta nói "Lại có chuyện rắc rối".

- Bheki hả?
- Vâng, tôi phải đi thôi.
- Nó đang ở đâu?
- Phải đi Guguletu trước, rồi sau đó mới đến Công trường C.
- Tôi không hiểu Công trường C ở đâu.

Cô ta nhìn tôi, chưa hiểu thế nào.

Tôi bảo "Ý tôi nói nếu cô chỉ đường, tôi sẽ lái xe đưa cô đi".

Cô ta ngập ngừng đáp "Vâng, nhưng tôi không thể bỏ bọn trẻ".

"Thì cho chúng đi theo."

Cô ta đáp "Vâng". Chưa bao giờ thấy cô ta lưỡng lự như vậy.

Tôi nói "Còn Vercueil. Phải gọi anh ta đi giúp, để còn đẩy xe nữa".

Cô ta lắc đầu.

Tôi nằng nặc "Thế nào cũng phải để anh ta cùng đi".

Con chó nằm cạnh Vercueil, thấy tôi đến, nó chỉ đập đuôi xuống sàn, không đứng dậy.

- Ông Vercueil – tôi gọi to. Anh ta mở mắt. Tôi đứng lùi ra xa. Anh ta càu nhàu – Tôi phải đưa Florence đi Guguletu. Việc rất gấp, phải đi ngay bây giờ, ông cùng đi có được không?

Anh ta không trả lời, quay năm nghiêng. Con chó vẫy đuôi.

Tôi chìa đèn vào anh ta gọi "Ông Vercueil!"

Anh ta lăm bắm "Mặc kệ bà!"

Tôi nói lại với Florence "Tôi không gọi anh ta được thì phải có người nào đẩy xe chứ?"

Cô ta nói "Để tôi đẩy".

Florence để hai đứa nhỏ trùm chăn ấm ngồi ghế sau rồi lại đẩy xe. Chúng tôi lên đường. Hơi thở trong xe làm mờ kính, tôi phải cố nhìn, cho xe đi từ từ lên dốc On Waal, bị lạc một lúc ở phố Claremont, rồi tìm ra đường Landsdowne. Những chuyến xe buýt đầu tiên trong ngày đã thấy xuất hiện, đèn sáng trưng, chở đầy khách. Lúc này chưa đến năm giờ.

Chúng tôi đi qua những ngôi nhà cuối cùng, những ngọn đèn cuối cùng, cho xe chạy trong cơn mưa tầm tã lên phía tây bắc, chỉ biết nhìn vào ánh đèn vàng từ đèn pha chiếu mà đi.

Florence nói "Nếu có ai vẫy xe hoặc gặp chuyện gì trên đường, bà đừng có ngừng lại, cứ phải đi tiếp tục".

Tôi nói "Tôi sẽ không làm thế đâu. Lẽ ra cô phải nói trước. Florence, phải nói để cô biết nếu gặp chuyện gì rắc rối tôi sẽ quay đầu xe về ngay".

"Tôi không bảo là có chuyện rắc rối. Chỉ nói thế thôi".

Tôi cho xe đi liêu trong đêm tối. Không có ai chặn đường, không có ai vẫy xe, dọc đường cũng không có chuyện gì. Hình như chuyện rắc rối còn chưa xảy ra mà chỉ chuẩn bị cho trận sau. Mọi khi vào giờ này hai bên đường đã có hàng nghìn người làm việc, còn bây giờ thì vắng tanh. Những đám mây mù lớn vờn quét ngang rồi bay đi. Như có cả ma quỷ nữa. Chỗ này là Amern, nơi không có chim chóc. Tôi rùng mình, bắt gặp cái nhìn của Florence. Tôi hỏi "Còn bao xa?"

"Không xa lắm đâu".

"Trên điện thoại họ nói thế nào?"

- Hôm qua lại bắn nhau. Họ cấp vũ khí cho quân witdoeke bắn.
- Guguletu có bắn nhau không?
- Không, họ bắn nhau trong rừng.
- Florence, nếu gặp rắc rối là tôi quay về đây. Chúng ta tới thăm Bheki

thôi, ngoài ra không làm gì khác, rồi tôi về. cô không bao giờ nên thả cho nó đi nữa.

- Vâng, nhưng ở đây bà phải rẽ trái.

Tôi quay xe. Đi được một trăm mét thấy rào chắn giữa đường, đèn nhấp nháy, xe cộ đỗ dọc hai bên, cảnh sát cầm súng. Tôi dừng lại, một viên cảnh sát tiến tới.

Anh ta hỏi "Đến đây làm gì?"

Tôi nói "Tôi đưa người giúp việc về nhà". Tôi ngạc nhiên thấy sao có thể bình tĩnh mà nói dối như thế được.

Anh ta liếc nhìn bọn trẻ nằm ngủ ở ghế sau. "Nhà cô ta ở đâu?"

Tôi đáp "Ở năm mươi bảy."

- Bà có thể cho cô ta xuống đây đi bộ, không xa lắm.

Tôi cương quyết "Trời đang mưa, cô ta lại có trẻ nhỏ, tôi không thể để cho cô ta đi bộ một mình".

Anh ta ngáp ngừng, rồi vẫy đèn cho tôi đi tiếp. Đứng trên mui xe gần đó có một thanh niên mặc quần áo dã chiến, tay lăm lăm khẩu súng chĩa vào bóng tối.

Tôi thấy trong không khí có mùi tro ướt, cao su cháy. Chúng tôi cho xe chạy từ từ trên con đường rộng phẳng lát đá, hai bên là những ngôi nhà như hộp diêm. Tôi liếc chiếc xe cảnh sát bọc lưới thép chạy qua. Florence nói "Đến đây bà rẽ phải đi, rẽ phải nữa, rồi dừng lại".

Cô ta bế đứa con nhỏ, tay dắt đứa kia còn ngái ngủ loạng choạng đi vào con đường nhỏ đến số nhà 218 rồi gõ cửa vào. Hope và Beauty mở mắt ngỡ ngàng. Tôi ngồi bên ngoài, vẫn để xe nổ máy.

Chiếc xe cảnh sát khi này đến bên, chiếu đèn thấu vào chỗ tôi. Tôi phải đưa tay che mắt. Xe ấy lại chạy đi tiếp.

Florence bước ra, trùm áo nhựa lên người và đưa bé, ngồi vào sau xe. Một người đội mưa chạy ra theo, không phải Bheki, mà một ông khoảng ba bốn chục tuổi, có râu mép, vẻ nhanh nhẹn. Ông ta ngồi cạnh tôi. Florence nói "Đây là ông Thabane, anh họ tôi. Ông ấy sẽ chỉ đường".

Tôi hỏi "Hope đâu?"

- Tôi gọi lại để bà chị trông giùm.

- Còn Bheki đâu?

Im lặng.

Người đàn ông nói "Tôi cũng không rõ lắm". Giọng ông ta nhỏ nhẹ. "Sáng hôm qua nó có đến đây, để đồ đạc rồi đi ngay. Từ đó đến giờ không thấy nó đâu nữa. Nó không về đây ngủ. Nhưng tôi biết các bạn nó ở đâu. Bây giờ chúng ta phải đến đó tìm".

Tôi hỏi "Florence, có phải cô muốn tìm nó không?"

Florence đáp "Phải tìm nó chứ. Chẳng có cách nào khác".

Người kia nói "Bà để tôi lái cho. Dù sao như vậy cũng tốt hơn, phải không?"

Tôi vào ngồi sau xe, bên cạnh Florence. Mưa bắt đầu nặng hạt. Xe lồm bồm qua những vũng nước trên con đường gồ ghề. Rẽ trái, rẽ phải, xe vòng một quãng dưới ánh đèn đường tù mù màu da cam rồi đỗ lại. Tôi nói với ông Thabane, anh họ của Florence "Cẩn thận, đừng tắt máy".

Ông ta bước ra, gõ cửa sổ, nói chuyện khá lâu với người nào đó tôi không trông rõ. Lúc quay ra, người ông ta ướt sũng, lạnh run. Ông ta lóng ngóng rút bao thuốc lá, định châm hút. Tôi bảo "Đừng hút trong xe". Ông ta và Florence đều có vẻ khó chịu.

Tất cả ngồi im lặng. Tôi hỏi "Ta còn chờ gì nữa?"

- Họ sắp cử người đến chỉ đường.

Một chú bé đội chiếc mũ to hơn người từ trong nhà chạy ra. Cậu ta cười chào mọi người, vẻ tự tin, nhảy vào trong xe chỉ đường. Cậu ta chỉ độ mười tuổi là cùng. Một chú bé của thời đại, đã quen với cảnh bạo lực. Nghĩ đến thời trẻ, tôi chỉ nhớ những buổi chiều dài nắng gắt, nhớ mùi thơm của bạch đàn trên đại lộ, nhớ tiếng nước róc rách bên đường, tiếng chim bồ câu rúc rích. Tuổi ấu thơ chỉ biết ngủ, khúc dạo đầu của cuộc sống không biết đến phiền muộn, êm ả đi tới Nát bàn. Ít ra thì tuổi trẻ của chúng ta, tuổi trẻ của thời đã qua, cũng được phép đi lên Nát bàn chứ? Tôi không tin điều đó. Nếu như có công lý thì chúng ta đã được chặn lại ở ngưỡng cửa Âm phủ rồi. Như đám côn trùng trắng bệch, sống nhưng nhúc, chúng ta sẽ được họ gọi theo những linh hồn trẻ con trẻ mãi mãi ê a tiếng khóc. Màu trắng của ta bị bỏ quên. Cát trắng, đá trắng, ánh sáng trắng tràn ngập khắp phía, mãi

mãi nằm ngoài bãi biển trong ngày Chủ Nhật vô tận giữa hàng ngàn đồng loại trì trệ ngủ gật, với tiếng sóng vỗ êm ru. Trước hết là nằm ở ngưỡng cửa cái chết, ngưỡng cửa của cái sống, là những sinh vật do biển vớt lên, chui xuống cát, vô định, không biết chắc điều gì, chẳng nóng cũng chẳng lạnh, chẳng phải cá cũng không phải chim.

Chúng tôi qua mấy ngôi nhà cuối cùng. Xe chạy qua ánh sáng mờ qua vùng đất cháy, cây cỏ đen xì. Một chiếc xe tải chạy qua, ba người ngồi sau chui dưới vải bạt. Đến đoạn đường sau chúng tôi theo kịp họ. Họ lặng lẽ nhìn chúng tôi trong khi chờ kiểm tra. Viên cảnh sát vẫy cho họ đi, rồi vẫy cho chúng tôi đi.

Chúng tôi quay lên phía bắc, bỏ xa rặng núi, rồi qua đường cao tốc đến một quãng đường đá sập biến thành cát. Ông Thabane dừng xe lại nói "Chúng ta không thể đi xa hơn được, nguy hiểm lắm". Rồi chỉ tay vào đèn đỏ nhấp nháy ở xe nói tiếp "Ổ điện của bà có vấn đề".

Tôi nói "Tôi để nó hỏng đấy". Tôi không muốn giải thích gì thêm.

Ông ta tắt máy. Chúng tôi ngồi một lúc lâu nghe mưa rơi thình thình trên mui xe. Rồi Florence và chú bé bước ra. Con nhỏ đeo trên lưng cô ta vẫn ngủ yên. Ông Thabane nói "Bà nên đóng cửa vào thì hơn".

"Các người đi bao lâu?"

- Không thể biết được, nhưng chúng tôi sẽ cố mau về.

Tôi lắc đầu nói "Tôi không ngồi ở đây được".

Tôi không có mũ, không có dù. Mưa hắt vào mặt, tóc bết vào da đầu, chảy xuống cổ. Tôi nghĩ đi thế này có thể bị cảm lạnh. Chú bé dẫn đường đã đi một quãng xa. Ông Thabane đưa cho tôi chiếc áo mưa "Bà đội cái này lên đầu đi".

Tôi nói "Không cần, mưa nhỏ không sao đâu".

Ông ta nằng nặc "Bà cứ đội lên đi". Tôi làm theo.

Chung quanh toàn những cồn cát xám hoang vắng, đều thuộc giống Càng Jackson, những đồng rác và tro bụi. Những mảnh nhựa, sắt vụn, thủy tinh, xương động vật rải rác hai bên đường. Tôi đã bắt đầu run vì lạnh, nhưng đi nhanh hơn thì tim đập rất khó chịu. Tôi tụt lại sau. Florence có dừng lại nghỉ không? Không. Lòng mẹ khiến cô ta không dừng lại vô ích.

Đến một ngã ba, ông Thabane dừng lại chờ. Tôi hồn hển nói "Cám ơn, ông rất tốt bụng, xin lỗi phải để ông chờ. Tôi có chỗ đau ở bên hông".

Ông ta nói "Bà hãy dựa vào tay tôi".

Nhiều người nối nhau đi qua, họ có râu, mặt lầm lì, tay cầm gậy. Ông Thabane tránh sang bên đường. Tôi phải bám chặt lấy ông ta.

Đường rộng dần, cuối cùng đến một cái ao to, bên kia bờ ao là một dãy nhà lợp xúp, những nhà thấp đều ngập nước. Một số nhà có khung gỗ và sắt, những nhà khác chỉ có vải nhựa bọc khung gỗ, nằm ngả nghiêng trên cồn cát.

Đến bờ ao tôi đứng lại. Ông Thabane nói "Bà cứ theo tôi". Tôi bám ông ta đi, nước ngập đến mắt cá chân. Một chiếc giày của tôi bị nước hút đi đâu mất. Ông ta dặn "Coi chừng mảnh chai". Tôi tìm lại được chiếc giày.

Ở cổng vào chỉ có một bà già đứng đó trề miệng, chẳng có đèn đóm gì. Đi sâu vào trong nghe có tiếng ù ù, lúc đầu tưởng là gió và mưa, nghe dần thành tiếng kêu, tiếng hét, tiếng gọi nhau, trên nền đất thấp những tiếng đó giống như tiếng thờ dài. Tiếng thờ dài của bàn dân thiên hạ.

Rồi chú bé dẫn đường lại xuất hiện, nắm lấy ống tay áo ông Thabane, nói vội vã. Hai người bỏ đi. Tôi cố theo họ đi qua những cồn cát.

Chúng tôi đứng phía sau một đám đông hàng trăm người, nhìn xuống cảnh tàn phá dưới kia. Những túp lều bị đốt trụi, có chỗ còn đang cháy, toả khói đen. Bàn ghế, giường tủ, đồ vật trong nhà, vứt lổng chổng dưới mưa. Mấy tốp người ra sức cứu những thứ còn lại trong túp lều cháy, đập từng đám lửa. Tôi chột nghe không hiểu họ cứu lửa hay đốt lửa, vì tôi tưởng như họ không chiến đấu với lửa mà chiến đấu với mưa.

Tiếng thờ dài là từ những người đứng ngoài cồn cát. Như những người đưa tang, họ đứng dưới mưa, đàn ông, đàn bà, trẻ con, người nào người nấy sùng nước, chẳng che đậy gì, chỉ biết nhìn cảnh tàn phá.

Một người mặc áo choàng đen vung chiếc rìu đập vỡ cửa sổ, rồi đập cửa chính cho bật vào trong. Một bà ôm con nhỏ chạy ù ra như vừa được số lòng, ba đứa nhỏ đi chân đất chạy theo. Ông ta để họ đi qua rồi đập nhát nữa vào khung cửa, túp nhà kêu rảng rặc.

Một người nữa bước vào trong, tay mang chiếc xô. Người đàn bà chạy vào

theo, đem ra một bọc khăn trải giường. Bà ta định vào nữa nhưng bị đuổi ra ngoài.

Từ trong đám đông, một hòn đá ném lên nóc nhà đang cháy kêu cạch một tiếng, một hòn khác ném vào tường, một hòn khác nữa ném cạnh chân người đang cầm rìu. Ông ta hét một tiếng hăm dọa. Rồi ông ta cùng hơn chục người nữa dừng tay, giơ gậy gộc tiến đến đám đông. Họ kêu hét bỏ chạy. Tôi cũng bỏ chạy nhưng bị hút vào cát không nhấc chân lên được. Tim tôi đập mạnh, ngực đau nhói. Tôi dừng lại thở, nghĩ bụng: mình gặp chuyện này ở đây thật sao? Mình ở đây làm gì thế? Dường như tôi trông thấy chiếc xe màu xanh lục lạng lẽ chờ bên đường. Tôi không mong gì khác hơn là ngồi vào xe của tôi, đóng chặt cửa, chạy thoát khỏi cái thế giới điên rồ và bạo lực này.

Một bé gái, rất to béo, huých vào vai tôi bắn sang một bên. Tôi ngã xuống mắng nó "Đồ quý!". Nó hung hãn chửi lại "Đồ quý! Cút đi! Cút đi!" rồi nó chạy lên cồn cát, ngúng nguẩy cái lưng to béo.

Tôi nằm úp mặt xuống cát nghĩ bụng chỉ một chút nữa là mình đi đứt. Những loại người như nó có thể đánh nữa, mà tôi thì yếu ớt như con sâu.

Tiếng chân đi lạo xạo bên cạnh. Tôi chột nhìn thấy chiếc ủng da nâu, mũi quặp xuống, gót buộc dây. Tôi bị ngã nhưng chưa hề gì.

Tôi đứng dậy. Phía trái hình như còn đang đánh nhau. Đám người bỏ chạy vào rừng trước đây một phần bỗng kéo lại. Một người đàn bà hét rất to. Tôi không biết có thể chạy khỏi chỗ khủng khiếp này bằng cách nào. Cái ao tôi lội qua lúc nãy không biết bây giờ ở đâu, đường đi ra xe ở đâu? Chỗ nào cũng thấy ao, hồ, vũng nước, những lối nhỏ này đi ra đâu không biết.

Tôi nghe rõ tiếng súng nổ. Một tiếng, hai tiếng, ba tiếng, không gần lắm, nhưng cũng không xa.

Một giọng nói vang lên. Ông Thabane vừa đến. "Đi thôi!" "Vâng!" tôi cảm ơn, cố chạy theo không kịp.

Tôi gọi "Xin ông đi chậm lại cho!" Ông ta chờ. Chúng tôi quay lại cái ao khi nãy và ra đến đường cũ.

Một thanh niên đến bên cạnh chúng tôi, mắt đỏ lè. Anh ta nói "Các người đi đâu?" Tôi chẳng biết phải trả lời thế nào.

Tôi đáp "Tôi đang bỏ chạy. Chẳng biết đây là nơi nào".

Ông Thabane nói "Chúng tôi đi tìm xe".

Anh ta nói "Chúng tôi cần đến chiếc xe đó".

Tôi nói "Tôi không cho bất cứ ai lấy xe của tôi".

Ông Thabane nói "Anh này là bạn của Bheki".

Tôi mặc kệ, tôi không cho anh ta lấy xe.

Anh thanh niên này chưa phải là người lớn, thật ra chỉ ăn mặc như người lớn, cử chỉ như người lớn, làm một động tác hơi lạ. Anh ta giơ một tay lên ngang đầu, tay kia đánh vào tay này bốp một tiếng. Thế nghĩa là gì? Động tác ấy có nghĩa gì chứ?

Lưng tôi đau muốn chết vì đi bộ. Tôi đi chậm rồi đứng lại nói "Tôi phải về nhà ngay!". Tôi nói như van lơn, giọng run run.

Ông Thabane nói "Bà đã thấy đủ chưa?" Giọng ông có vẻ nhẹ hơn.

"Tôi thấy đủ rồi. Tôi không đến để xem gì hết. Tôi chỉ đi tìm Bheki thôi".

"Và bây giờ bà muốn về nhà?"

"Phải, tôi muốn về. Tôi đang đau lắm, tôi mệt lắm rồi".

Ông ta quay người đi tiếp. Tôi tập tễnh bước theo.

Rồi ông ta dừng lại nói "Bà muốn về nhà ư? Còn những người ở đây thì sao? Họ muốn về nhà tức là về đây thôi. Bà nghĩ sao?"

Chúng tôi đứng giữa đường, dưới cơn mưa nhìn nhau. Những người đi qua cũng dừng lại, họ tò mò nhìn tôi. Việc của tôi cũng là việc của họ, việc của tất cả.

Tôi nói "Tôi chẳng biết nói thế nào. Kinh khủng quá".

Ông ta nói "Không chỉ kinh khủng thôi đâu. Đó là tội ác. Khi bà thấy tận mắt một tội ác, thì sẽ nói gì nào? Bà có thể nói "tôi thấy đủ rồi, tôi không đến để xem, tôi muốn về nhà" được không?"

Tôi lắc đầu thất vọng.

Ông ta nói "Không, bà không nói thế đâu, đúng không? Vậy bà nói thế nào? Bà đã thấy tội ác gì? Tên tội ác đó là gì?"

Ông ta là một nhà giáo, tôi nghĩ thế. Cho nên ông ta nói khá giỏi. Những gì ông ta vừa làm đều đã thực hành ở trường. Một cái mẹo thường dùng để người ta tưởng như trẻ con cũng trả lời được. Cách nói từ trong bụng ấy là

di sản của Socrates, được áp đặt ở Châu Phi cũng như ở Athens.

Tôi nói "Ông Thabane, có rất nhiều điều tôi có thể nói được. Nhưng phải đúng là những lời từ tôi mà ra. Ông nên biết, khi người ta bị buộc phải nói thì ít khi nói ra sự thật".

Ông ta định trả lời nhưng tôi ngăn lại.

- Khoan đã, ông hãy chờ đấy. Tôi không né tránh câu hỏi của ông đâu. Ở đây đang diễn ra những chuyện khủng khiếp. Nhưng tôi nghĩ gì về những chuyện đó thì tôi phải nói theo cách của tôi.

- Vậy xin bà cho nghe bà định nói thế nào! Chúng tôi nghe đây! Chúng tôi đang chờ đây!

Ông ta giơ tay cho mọi người im lặng. Đám đông lấm bầm tán thành.

Tôi thung thảng nhắc lại "Đây là những cảnh khủng khiếp. Phải lên án những cảnh đó. Nhưng tôi không thể lên án bằng những lời của người khác được. Tôi phải có những lời lẽ của riêng tôi. Nếu đó không phải là sự thật. Bây giờ tôi chỉ nói thế thôi".

Một người trong đám đông lên tiếng "Bà này nói bậy" Anh ta nhìn quanh rồi nhắc lại "Nói bậy". Không ai phản đối anh ta. Vài người bỏ đi.

Tôi nói "Phải, anh có lý. Điều anh vừa nói là đúng đấy".

Anh ta nhìn tôi như nhìn một người điên.

Tôi nói tiếp "Nhưng anh tưởng thế nào? Nếu nói về những cái này" – tôi chỉ tay vào bụi cây, vào đám khói, vào đồng rác rưởi vứt bên đường – "Anh phải cần đến ngôn ngữ của thánh nhân".

Anh ta lại lớn tiếng thách thức "Bậy!"

Ông Thabane quay lưng bỏ đi. Tôi lết theo sau. Đám đông cũng bỏ đi. Lát sau chú bé cũng chạy vội bên tôi. Tôi trông thấy chiếc xe.

Ông Thabane nói "Xe của bà là chiếc Hillman phải không? Trên đường chẳng còn mấy chiếc xe này nữa đâu".

Tôi ngạc nhiên. Sau bao nhiêu chuyện vừa rồi, tôi tưởng như đã có sự ngăn cách giữa ông ta và tôi. Nhưng hình như ông ta không giận.

Tôi đáp "Từ hồi những chiếc xe của Anh được coi là tốt nhất đấy. Tôi xin lỗi vì đã làm ông phật ý".

Ông ta không để tâm, hỏi lại "Đồ của Anh vẫn là tốt nhất sao?"

- Không, tất nhiên không. Đó chỉ là khẩu hiệu của thời gian sau chiến tranh mà thôi. Ông chẳng nhớ được gì đâu vì hồi đó ông còn trẻ.

Ông ta nói "Tôi sinh năm 1043. Nay đã bốn mươi ba tuổi. Bà không tin à?" Ông ta quay lại cho tôi nhìn kỹ. Cũng tầm thường thôi, tầm thường nhưng có chỗ hấp dẫn.

Tôi khởi động xe.Ắc quy không chạy. Ông Thabane và chú bé đứng ra đẩy, chân cắm chặt xuống cát. Cuối cùng máy nổ. Chú bé nói "Đi luôn đi!" Tôi nghe theo.

Tôi hỏi ông Thabane "Ông là nhà giáo phải không?"

- Trước kia là nhà giáo. Nhưng tôi tạm bỏ nghề, cho đến khi nào thuận tiện. Hiện nay tôi bán giày.

Tôi quay sang hỏi chú bé "Còn chú?"

Nó lẩm bẩm câu gì tôi không nghe rõ.

Ông Thabane quay hỏi nó "Chú cũng là thiếu niên thất nghiệp, phải thế không?"

Nó mỉm cười rồi bảo "Rẽ đây, ngay sau cửa hàng kia".

Ba cửa hàng nằm chơ vơ giữa khoảng đất hoang cháy xém, một hàng có biển đề HÃNG BHAWOODEN, tôi còn đọc được.

Ông Thabane nói "Lâu rồi, từ năm ngoái cơ".

Chúng tôi ra đường đất rộng hơn. Phía trái có một căn nhà sạch sẽ hơn, tường gạch, mái xi măng đúc, có cả lò sưởi. Xa đó một chút quanh đó là những ngôi nhà lụp xụp.

Chú bé chỉ tay "Nhà kia kìa".

Nhà này dài và thấp, có lẽ là phòng họp hay trường học gì đó, chung quanh có hàng rào lưới. Nhiều chỗ đã bị dẫm bẹp, chỉ còn vài bức tường khói đen. Một đám đông đã đứng trước nhà. Một số quay ra nhìn chiếc xe Hillman của tôi đang đến.

Tôi hỏi "Có nên tắt máy không?"

Ông Thabane nói "Bà cứ tắt máy đi, không có gì phải sợ".

Tôi bảo "Tôi không sợ". Thật không? Kể ra sau vụ vừa rồi cũng sợ chứ, nhưng tôi không quan tâm mấy nữa.

Ông ta bảo "Dù sao cũng chẳng đáng sợ". Rồi chỉ tay nói "Đám trẻ ở đây sẽ

bảo vệ cho bà".

Tôi trông thấy ba đứa mặc quần áo kaki lính, đội mũ sắt, đứng sau đám cây ở cuối đường, hình chúng hiện rõ trên nền trời.

Ông ta lại nói "Nếu bà tưởng đây là xung đột giữa đám da đen với nhau thì không phải đâu. Kia, nhìn cô em tôi kia".

Ông ta gọi là cô em tôi, chứ không gọi là Florence. Có lẽ trên đời này chỉ mình tôi gọi cô ta là Florence. Gọi cô ta bằng bí danh. Bây giờ tôi sẽ có thể biết được sự thật của họ.

Cô ta đứng tựa lưng vào tường tránh mưa, trông giống một phụ nữ đáng kính khoác áo màu nho chín, được viền trắng. Chúng tôi đi về phía đó. Cô ta không có biểu hiện gì nhưng tôi chắc cô ta đã thấy tôi. Tôi gọi "Florene!" Cô ta nhìn lên, vẻ buồn bã. "Cô tìm thấy nó chưa?"

Cô ta gật, hất đầu vào phía trong rồi quay đi, không trả lời tôi. Ông Thabane len qua đám người vào bên trong. Tôi lúng túng ngồi chờ. Mọi người đi qua đây đều đến gần nhìn tôi như có vẻ không bằng lòng.

Một cô bé mặc váy học sinh màu táo xanh tiến về chỗ tôi giơ tay lên như muốn tát vào mặt. Tôi rụt người lại nhưng cô bé chỉ đùa. Chưa biết chừng cô ta định làm như thế thật.

Ông Thabane chạy ra, thở hồng hộc "Có lẽ bà nên vào xem". Ông ta đến chỗ Florence, ôm cô ta vào lòng. Cô ta bỏ kính, gục đầu vào vai ông ta khóc.

Trong nhà chất đầy gạch đá gập gộc. Cuối phòng chỗ tránh mưa tốt nhất có năm xác người được xếp nằm gọn ghẽ. Cái xác nằm giữa chính là Bheki, con của Florence. Nó vẫn còn mặc quần ni màu xám, sơ mi trắng, áo lên cộc tay màu nâu đậm của trường học, nhưng chân không đi giày. Mắt nó mở trừng trừng và miệng há to. Nó và các bạn đều đã phải dưới mưa hàng giờ, không chỉ ở đây mà nhiều chỗ khác trước khi chết. Quần áo, tóc tai cả bọn đều xơ xác. Đuôi mắt và miệng của Bheki còn có cả những hạt cát. Một người nắm lấy cánh tay tôi. Tôi ngỡ ngàng, nhìn mặt một cô bé gái, nghiêm nghị mở to mắt. Cô bé gọi "Bà ơi.." rồi không nói gì nữa.

Một bà đứng gần đó mỉm cười giải thích "Nó muốn hỏi bà có phải là một trong số nữ tu không đấy".

Lúc này tôi không muốn ai đưa tôi đi đâu. Tôi lắc đầu.

Bà kia nói "Nó muốn hỏi bà có phải là một trong số nữ tu của Giáo hội Cơ đốc không". Bà ta lại quay sang tôi rồi nói tiếng Anh với nó "Không, bà ấy không phải là nữ tu đâu". Rồi nhấc tay nó ra khỏi tay áo tôi.

Một đám người quây chung quanh Florence.

Tôi hỏi ông Thabane "Để chúng nằm dưới mưa như thế này sao?"

- Chúng phải nằm đó để cho mọi người được thấy.
- Nhưng ai gây ra chuyện này?

Khắp người tôi run rẩy, cả tay nữa. Tôi nghĩ đến đôi mắt thẳng bé mở trừng trừng. Không biết lần cuối cùng nó thấy gì trên đời này? Đây là điều tệ hại nhất tôi được chứng kiến. Rồi tôi nghĩ bụng: bây giờ mình đã mở mắt rồi, sẽ không bao giờ có thể nhắm mắt được nữa.

Ông Thabane nói "Ai gây ra ư? Nếu bà lấy được những viên đạn trong người chúng thì tôi hoan nghênh. Nhưng tôi nói trước để bà biết. "Chế tạo tại Nam Phi đã được SABS duyệt". Đó là những gì bà sẽ thấy".

Tôi nói "Xin ông hãy nghe đây. Tôi không liên quan với...cuộc chiến tranh này đâu. Sao tôi có thể bàng quan được? Chẳng gì chúng tôi ngăn được điều này". Tôi cảm thấy muốn khóc nhưng ở đây, bên cạnh Florence, tôi không có quyền khóc. Tôi nói khẽ "Điều đó sống trong tôi, và tôi cũng sống trong lòng nó".

Ông Thabane nhún vai. Trông ông ta càng xấu xí. Chắc chắn bây giờ tôi cũng xấu hơn. Sự biến dạng làm cho lời nói của ta nặng nề, cảm nghĩ của ta tê dại, biến ta thành thú vật. Liệu trên đất này cây cỏ có thể mọc ở đâu để giúp cho ta thoát khỏi tình trạng ấy?

Mẹ kể lại cho con câu chuyện sáng nay, bụng vẫn nhớ rằng người kể chuyện có cái quyền chính đáng của mình. Phải qua con mắt của mẹ con mới thấy được chuyện đó. Tiếng nói trong đầu óc con là tiếng nói của mẹ. Chỉ có qua mẹ con mới đến được đây để nhìn những căn nhà hoang vắng, ngửi thấy khói, nhìn thấy xác chết, nghe thấy tiếng khóc, thấy người ta phơi mình dưới mưa. Điều con nghĩ là ý nghĩ của mẹ, điều con cảm thấy là nỗi thất vọng của mẹ, cũng như mong chờ bất cứ điều gì có thể chấm dứt ý nghĩ muốn ngủ đi, chờ chết. Tình cảm của con tràn trong lòng mẹ, trái tim

cùng nhịp đập với trái tim mẹ.

Này con, da thịt của da thịt mẹ, cái tốt đẹp nhất của mẹ, mẹ yêu cầu con hãy trở lại đi. Mẹ kể chuyện này chẳng phải để con thông cảm với mẹ, mà để con biết câu chuyện là thế nào. Mẹ biết sẽ dễ cho con hơn nếu như câu chuyện do người khác kể lại, tiếng con nghe được là tiếng của người xa lạ. Nhưng sự thật là không có ai khác, duy nhất chỉ có mẹ. Mẹ là người viết ra những điều này. Mẹ yêu cầu con hãy nghĩ đến những gì viết ra, đừng nghĩ đến mẹ. Nếu những lời ấy là nói dối, kêu ca một cách vô cớ, con cũng cứ nghe. Đừng bỏ qua, đừng dễ dàng tha thứ. Con hãy đọc hết, dù mẹ khẩn thiết yêu cầu bằng con mắt lạnh lùng.

Có ai đó ném đá vào kính chắn gió. Cục đá to bằng đầuđứa trẻ nằm lặng im trên ghế xe giữa những mảnh kính vỡ, y như nó là chủ chiếc xe vậy. Tôi nghĩ không biết tìm đâu được tấm kính chắn gió cho xe Hillman bây giờ đây? Rồi nghĩ cũng may mà mọi thứ cùng chấm dứt một lúc!

Tôi cầm cục đá trên ghế vứt ra ngoài, nhặt những mảnh vỡ. Bây giờ có việc làm nên tôi bình tĩnh hơn, càng bình tĩnh hơn nữa vì tôi không còn quan tâm đến chuyện mình còn sống hay không. Cái gì có thể xảy đến với tôi không còn quan trọng nữa. Tôi nghĩ đời mình cũng là bỏ đi rồi. Ta bắn giết những người đó vì họ là đồ bỏ đi, nhưng cuối cùng thì chính cuộc sống và bản thân ta cũng không đáng sống.

Tôi nghĩ đến năm cái xác to lớn nằm lơ lửng trước ngôi nhà bị cháy rụi. Tôi nghĩ hồn ma của họ chưa bay đi và sẽ không bỏ đi. Hồn ma của họ còn ngồi vững vàng ở đó, còn chiếm lĩnh họ.

Nếu ai đào cho tôi nấm mồ ở đây, đào trong cát và chỉ chỗ tôi, tôi sẽ lặng lẽ chui vào đó nằm, khoanh tay trên ngực, không nói một lời nào. Rồi khi cát phủ vào miệng, vào mắt, tôi sẽ không hề nhấc một ngón tay mà phủi đi.

Con đừng vì cảm tình mà đọc những dòng này. Trái tim con cùng đập với trái tim mẹ.

Tôi giơ một đồng tiền ra ngoài cửa xe. Người lớn tranh nhau chạy đến. Trẻ con xô đẩy nhau. Máy xe nổ. Tôi dốc cả túi tiền vào những bàn tay chìa tới. Qua quăng đường cây cối rậm rạp đến một chỗ có nhiều xe quân sự. Tôi đếm, không chỉ có ba mà những năm xe. Bằng con mắt trẻ thơ, đội mũ che

mưa, tôi bước ra khỏi xe, quần áo ướt thấm lạnh khiến tôi tưởng như mình đang trần trụi.

Tôi đã hy vọng những gì cần nói sẽ bật ra, nhưng chẳng nói được gì. Tôi chìa tay, lật ngửa bàn tay, bàn tay bảo tôi không nói được.

"Wag in die motor, ek sal die polisie skakel", chú bé kêu lên. Cậu ta có má lúm đồng tiền, làm ra vẻ quan trọng, muốn chơi trò chết người. "Bà cứ ngồi chờ trong xe đi, để tôi gọi cảnh sát cho". Tôi lắc đầu, lắc đầu mãi. Cậu ta như đang nói với ai đó ngồi bên mà tôi không trông thấy. Cậu ta cười. Chắc họ đã quan sát tôi từ trước và có nhận xét gì về tôi rồi. Họ cho tôi là một bà già điên khùng có thiện chí đang bị kẹt trong mưa, một con gà mái ủ rũ. Họ nói đúng chẳng? Tôi là người có thiện chí ư? Không đâu, tôi chưa thấy mình làm gì tốt cả. Hay tôi điên khùng thật? Đúng đấy, tôi điên khùng. Nhưng họ cũng điên khùng. Tất cả chúng ta đều điên khùng, bị ma ám. Khi sự điên khùng đã lên ngôi, thử hỏi còn ai trên đất nước này không bị nhiễm?

Tôi bảo "Đừng gọi cảnh sát, tôi tự lo được". Nhưng chung quanh vẫn có tiếng rầm rì, có những con mắt liếc nhìn. Có lẽ họ đã nghe đài.

Tôi gọi chú bé hỏi "Cậu định làm gì thế?" Cậu ta mỉm cười. "Cậu định làm gì thế?" Tôi lại quát lên, giọng the thé. Cậu ta chững hững nhìn xuống. Chững hững vì bị một bà người da trắng quát tháo, một người có cái tuổi có thể là bà ngoại cậu ta được.

Một người mặc đồ dã chiến từ chiếc xe đổ phía sau đi tới. Anh ta nhìn tôi. "Wat is die moekikheid?" Anh ta hỏi chú bé ngồi trong xe quân sự. "Nee, niks moeilikheid nie". Không có vấn đề. "Net hierdie dame wat wil weet wat aangaan".

Anh ta quay sang tôi nói "Chỗ này nguy hiểm lắm, thưa bà". Rõ ràng anh ta là một sĩ quan. "Ở đây có thể xảy ra nhiều chuyện. Để tôi cho người hộ tống, đưa bà trở lại đường cũ".

Tôi lắc đầu. Tôi đã tự làm chủ được mình. Tôi không chảy nước mắt nữa, tuy biết không để chuyện gì làm mình sụp đổ vào bất cứ lúc nào.

Tôi muốn gì chứ? Bà già này muốn gì? Điều tôi muốn là nói ra hết với họ, nói bất cứ gì có thể nói được vào lúc này, ở chỗ này. Điều tôi muốn, trước

khi bị họ tổng khứ, là phô bày vết sẹo, vết thương, bắt họ phải tận mắt nhìn thấy. Vết sẹo nào cũng được, vết sẹo của tất cả sự đau khổ, vì đó là vết sẹo của chính tôi, vết sẹo duy nhất tôi có thể mang theo. Tôi đã đưa tay lên định cởi khuy áo nhưng ngón tay tôi bỗng tê dại hẳn đi.

Tôi hỏi bằng một giọng khàn khàn "Các anh đã nhìn thấy gì trong ngôi nhà kia chưa?" Nước mắt tôi bắt đầu ứa ra.

Viên sĩ quan rút điều thuốc lá xuống đất, chân dí vào mặt cát ướt.

Anh ta nhẹ nhàng nói "Trong hai mươi bốn giờ qua đơn vị này chưa bắn một viên đạn nào. Tôi đề nghị với bà thế này: bà đừng thất vọng trước khi bà biết rõ mình nói gì. Những người trong đó không phải là những người duy nhất bị chết đâu. Những cuộc bắn giết lúc nào cũng có. Họ chỉ là những xác nhặt về từ chiều hôm qua. Hiện nay chuyện đánh nhau đã giảm bớt, nhưng tạnh mưa sẽ lại bùng lên ngay. Tôi không hiểu bà làm sao đến đây được – lẽ ra họ đã chặn đường – nhưng chỗ này không tiện đâu, bà không nên ở đây. Chúng tôi sẽ điện báo cho cảnh sát, họ có thể hộ tống bà ra khỏi chỗ này".

Chú bé trong xe quân sự nói "Ek het reeds geskakel!"

Tôi bảo "Tại sao các anh không bỏ súng xuống mà về nhà đi, về tất cả đi. Vì chắc chắn là không có gì tệ hơn những việc các anh làm ở đây. Ý tôi muốn nói là tệ hại cho tâm hồn của các anh".

Anh ta đáp "Không". Tôi đã tưởng anh ta không hiểu, nhưng không, anh ta rất hiểu tôi nói gì. "Bây giờ chúng ta sẽ rõ hết".

Khắp người tôi ớn lạnh. Ngón tay tôi cụp vào, không duỗi ra được nữa. Gió thổi quần áo dính vào da thịt tôi.

Tôi nói "TG biết một trong những đứa trẻ đã chết ấy. Tôi biết nó từ khi nó lên năm tuổi. Mẹ nó giúp việc cho tôi. Tất cả các anh đều quá trẻ để làm những việc này. Tôi ghê tởm, chỉ có vậy thôi".

Tôi lùi xe vào trong nhà, ngồi trên xe đợi. Họ đã mang mấy cái xác ra ngoài. Tôi cảm thấy đám đông nhìn tôi như bức bối, căm ghét, thậm chí thù hận. Nếu như tôi không nói gì với đám lính kia sẽ khác chẳng? Không.

Ông Thabane bước đến xem tôi cần gì. Tôi nói "Tôi xin lỗi, nhưng tôi không chắc có biết đường về không".

Ông ta đáp gọn "Bà ra đường nhựa, rẽ phải, theo bảng chỉ đường".

- Phải, nhưng bảng nào?

- Bảng đến chỗ văn minh – nói rồi ông ta quay gót.

Tôi cho xe đi chậm, phần vì gió tấp vào mặt, phần vì thể xác và linh hồn tôi tê dại. Tôi lạc vào một vùng ngoại ô chưa nghe nói đến bao giờ, phải mất hai mươi phút đi quanh các phố lạ mới tìm được đường ra. Cuối cùng tôi đến đường Voortrekker. Đến đây, mọi người thấy lạ, chăm chú nhìn xe tôi có tấm kính chắn gió bị vỡ toang. Họ còn nhìn theo tôi đến tận nhà.

Ngôi nhà vừa lạnh vừa xa lạ. Tôi tự nhủ: hãy tắm nước nóng cái đã, rồi nghỉ. Nhưng người tôi bỗng mệt rũ ra, lạnh cứng. Tôi phải cố lê lên gác, cởi hết quần áo ướt, khoác chiếc áo ngủ rồi lên giường. Cát sỏi ở ngoài Mũi Xóm chui vào kẽ chân. Tôi nghĩ bụng mình sẽ chẳng bao giờ còn ấm lên được. Vercueil có con chó để nằm với nó. Vercueil biết sống như thế nào với hoàn cảnh này. Còn tôi, với thằng bé lạnh lẽo sắp đem vùi trong lòng đất ấy, chẳng có con chó nào giúp. Cát đã chui vào miệng nó, đòi mạng nó. Đã mười sáu năm kể từ khi mẹ không chung giường với một người đàn ông hoặc với một đứa trẻ. Mười sáu năm cô đơn. Con có lấy thế làm lạ không? Mẹ đã viết, đang viết. Mẹ đi theo cây bút, nó đi đến đâu mẹ đến đấy. Bây giờ mẹ còn gì nữa đâu?

Thức dậy người tôi mỏi như. Vẫn đang đêm. Không thấy ngày đâu.

Trong buồng vệ sinh có đèn sáng. Vercueil ngủ ngời trên hố xí, quần kéo xuống ngang đầu gối, đầu đội mũ. Tôi nhìn mà ngạc nhiên hết sức.

Anh ta không tỉnh, trái lại, mặc dù đầu lắc lư, miệng há hốc, anh ta vẫn ngủ như đứa trẻ. Đùi anh ta dài ngoẵng, hầu như không có lông chân.

Cửa bếp mở toang, thùng rác đổ kèn, rác tung toé ở sân. Con chó đùa với mảnh giấy gói đồ cũ. Trông thấy tôi, nó vểnh tai, vẫy đuôi. Tôi lẩm bẩm "Thật quá đáng! Thật quá đáng!" con chó lén ra ngoài.

Tôi ngồi vào bàn bật khóc. Không phải vì đầu óc hoang mang, cũng không phải vì cảnh bề bộn trong nhà, mà vì thằng Bheki. Tôi quay nhìn hướng nào cũng nó trước mặt, mắt nó mở to như đứa trẻ ngơ ngác về cái chết. Tôi gục đầu nức nở, thương tiếc nó, thương tiếc những gì đã lấy đi của nó, lấy đi của tôi. Sống thì tốt đẹp biết chừng nào! Sống là ý tưởng tuyệt vời của

Chúa! Chưa bao giờ có ý tưởng nào hay hơn thế. Không quà tặng nào hào phóng hơn thế, tự nó lại đổi mới qua các thế hệ. Vậy mà bây giờ Bheki đã bị tước mất, không còn nữa!

Tôi muốn về nhà! – tôi xấu hổ vì đã nói thế với ông Thabane, người bán giày. Cậu nói trẻ con của một người già. Về nhà để được an toàn, để ngủ trên chiếc giường của thời niên thiếu. Tôi có bao giờ tỉnh táo đâu? Tôi nên tự hỏi: người chết có biết là mình chết không. Không. Người chết không được biết gì hết. Nhưng trong giấc ngủ như chết, ít nhất ta cũng được báo trước. Tôi được báo trước nhiều hơn mọi ký ức được biết đã có một thời tôi sống, chắc chắn là như vậy. Sống, rồi sau đó cái sống bị đánh cắp. Việc đánh cắp diễn ra từ trong nôi. Đứa trẻ bị lấy đi, thay vào là con búp bê được bú mớm, nuôi nấng, và tôi phải gọi búp bê ấy chính là tôi.

Búp bê? Cuộc sống của búp bê? Phải chăng tôi đã sống như thế? Phải chăng búp bê được ban cho quan niệm như thế? Hay ý nghĩ ấy chỉ đến và đi như báo trước, chớp nhoáng, như mũi tên trí tuệ của thiên thần chọc thủng đám sương mù? Búp bê có thể nhận thức mình là búp bê không? Búp bê có biết chết là gì không? Không, búp bê lớn lên được, biết nói năng đi đứng, biết lang thang trên đường đời. Nó già đi, héo hắt và tàn lụi. Nó bị vứt vào lửa hoặc chôn xuống đất, nhưng nó không chết. Nó mãi mãi tồn tại đúng vào lúc nó bị bất ngờ, sững sờ trước khi nó nhớ ra rằng cái sống đã bị lấy đi, cái sống không phải của nó mà ở chỗ người ta để nó lại như một vật thay thế. Hiểu biết của nó là hiểu biết không có chất, không có sức nặng trần tục, chỉ là một cái đầu búp bê rỗng tuếch, nhẹ tênh. Bản thân nó không phải là đứa trẻ mà chỉ có ý nghĩ của đứa trẻ, tròn hơn, đỏ hơn, mắt xanh hơn chính mắt đứa trẻ, không biết là sống mà chỉ là ý tưởng về cái sống, không đạo lý, không chết, như mọi ý tưởng khác vậy.

Âm phủ, Địa ngục, là lĩnh vực của ý tưởng. Tại sao cần phải lấy địa ngục làm chỗ cho nó trong băng lạnh ở Nam cực hay ở miệng núi lửa? Tại sao địa ngục lại không phải ở dưới chân châu Phi, và tại sao các sinh vật của địa ngục lại không thể đi giữa cái sống?

Đứa trẻ đứng bên giường cha nài hỏi "Cha không thấy con đang bị đốt cháy hay sao?" Nhưng cha nó vẫn ngủ, vẫn mơ, không thấy gì hết.

Đó là cái lý tôi nêu ra để thấy tại sao tôi phải bám chặt vào ký ức về mẹ tôi. Vì nếu không phải bà cho tôi sự sống thì chẳng ai khác cho được. Tôi không chỉ bám vào ký ức về bà mà bám vào người bà, bám vào thân thể bà, bám vào cái đã sinh ra tôi trên đời này. Nhờ có bà và sữa của thân thể bà mà tôi ra đời. Rồi bị đánh cắp và mất đi từ đó đến nay.

Có một tấm ảnh về mẹ, con đã xem rồi và có lẽ không nhớ. Ảnh chụp năm 1918, hồi đó mẹ chưa đầy hai tuổi. Ảnh chụp mẹ đứng với tay đến máy ảnh, bà ngoại quỳ phía sau, tay nắm chiếc đai buộc vào vai mẹ. Đứng bên cạnh là Paul, ông anh mẹ, đầu đội mũ chéo, chẳng nhìn đến mẹ.

Mẹ nheo mắt nhìn vào máy ảnh. Không hiểu lúc đó mẹ liếc nhìn vào ánh nắng, hay như dân man rợ Borneo, mẹ có cảm giác máy ảnh cướp mất tâm hồn mình? Hơn nữa, bà ngoại giữ mẹ lại, không cho đụng vào máy ảnh sợ rơi xuống đất, sợ rằng mẹ cũng như búp bê, không nhìn thấy mình trong máy ảnh. Không biết bà ngoại có hiểu rằng chính bà cũng không có?

Paul chết rồi, vì thế mẹ viết những dòng này. Lúc bác ấy ra đi, mẹ nắm chặt tay, thì thầm bên tai "Anh sẽ được thấy mẹ, cả mẹ và anh sẽ được sung sướng". Bác thật nhợt nhạt, mắt trắng dã có màu xanh của khoảng trời xa. Mắt không hồn, bác ấy nhìn mẹ như muốn nói nhưng chẳng hiểu gì hết! Không biết Paul đã sống thật sự bao giờ chưa? Có lần bác ấy viết thư cho mẹ nói "đời chỉ là vay mượn". Cuối cùng chẳng biết bác ấy có biết là mình sai lầm không? Chẳng hiểu đôi mắt đục mờ ấy có thể nhìn thấu mẹ không? Hôm đó chụp ảnh trong vườn. Sau lưng bồn hoa giống như hoa thực quỳ, phía trái có luống dưa, mẹ nhận ra chỗ này. Đó là Uniondale, ngôi nhà trên phố Nhà Thờ do ông ngoại mua khi đà điều bắt đầu mọc lông. Mỗi năm trong vườn đều có hoa quả, rau cỏ, mọc mầm rồi chết, rồi lại mọc, um tùm như ban lộc cho mọi người. Nhưng có ai chăm sóc đâu? Ai ngắt hoa thực quỳ? Ai gieo hạt giống dưa vào luống đất ẩm ướt? Có phải ông ngoại dậy từ bốn giờ sáng lạnh buốt để mở cổng dẫn nước vào vườn? Nếu không phải là ông ngoại thì vườn đo thuộc quyền ai? Ngoài tấm ảnh ra, còn ai là người đào xới chăm bón?

Dies irae, dies illa, khi người vắng phải có mặt nhưng hiện tại vắng mặt. Tấm ảnh không còn thấy ai ở trong vườn hôm đó mà lại không có đó.

Những năm qua đi khắp nơi trên đất nước tìm chỗ che giấu, trong các tập ảnh, trong ngăn kéo bàn, tấm ảnh này cũng như hàng ngàn tấm khác đều đã trưởng thành, biến dạng. Ảnh không giữ được như cũ, hoặc đã khác đi – ai mà biết đã xảy ra chuyện gì – nhưng chúng đã trở Thành âm bản, một loại âm bản mới trong đó ta bắt đầu thấy những gì còn lại bên ngoài nó, bí mật. Có lẽ vì thế mà lông mày tôi trụi đi, vì thế mà tôi cố vươn tay đến máy ảnh. Phải chăng tôi thăm nghĩ máy ảnh là kẻ thù? Nó không dối trá mà bộc lộ cái thật trong ta: đó là con người búp bê? Phải chăng lúc ấy tôi cố giăng ra khỏi chiếc đai để đập chiếc máy ảnh trong tay ai đó, sợ để chạm sẽ quá muộn? Ai là người cầm máy ảnh? Ai không hình dáng mà lại cố ngả người vào mẹ tôi và hai đứa nhỏ đứng bên kia giường?

Nỗi đau buồn qua đi, chỉ còn biết khóc. Người tôi trống rỗng. Tôi chỉ là cái vỏ. Số phận dành đúng bệnh cho từng người. Bệnh của tôi là thứ bệnh ăn từ trong ăn ra. Nếu mở tung, họ sẽ thấy tôi rỗng ruột như búp bê, búp bê có con cua nằm bên trong, thè lưỡi liếm, ánh sáng làm chói mắt.

Bây giờ nó gặm nhấm xương tuỷ tôi đến nỗi không còn lại chút thịt nào. Nó gặm nhấm xương hông của tôi, gặm nhấm cột sống của tôi, bắt đầu gặm đến đầu gối. Nói thật ra, đám mèo chưa bao giờ thật sự yêu quý tôi. Chỉ có giống này trung thành với tôi đến cùng. Con đau đớn là vật cưng của tôi.

Tôi lên gác mở cửa phòng vệ sinh. Vercueil vẫn ngồi đó, ngủ gục. Tôi lay anh ta "Ông Vercueil!" Anh ta mở một mắt. "Lại đây mà nằm".

Nhưng anh ta không chịu. Tôi nghe anh ta đi từng bậc thang xuống nhà như ông cụ. Rồi nghe cửa sau đóng.

Một ngày đẹp trong số những ngày đông yên ắng và mọi chỗ trên bầu trời đều sáng sủa. Vercueil lái xe đưa tôi xuống phố Breda, vào phố Cam. Qua đại lộ Chính Phủ, tôi bảo anh ta đỗ xe.

Tôi nói "Tôi định cho xe đi suốt đại lộ. Qua khỏi chỗ chằng dây xích, sẽ không còn ai chặn xe nữa. Anh nhắm có thể qua được không?"

(Chắc con nhớ. ở đầu đại lộ chằng dây xích, hai bên có hai cọc sắt to).

Anh ta nói "Được chứ, có thể lách đi được".

- Sau đó ta có thể đi thẳng tuốt.

Cặp mắt ti hí nhìn tôi hỏi "Bà định làm thế thật ư?"

- Nếu tôi có đủ can đảm.
- Nhưng tại sao? Để làm gì chứ?

Với cái nhìn ấy, tôi khó mà trả lời rõ ràng. Tôi nhắm mắt, hình dung chiếc xe của tôi phóng nhanh, nhả khói ở phía sau, chạy dọc con đường qua đám du khách, người đi bộ, những cặp tình nhân, qua bảo tàng, phòng triển lãm tranh, qua vườn bách thảo, rồi đi chậm lại và đỗ hẳn trước ngôi nhà nhục nhã đang cháy rụi.

Tôi nói "Bây giờ ta có thể quay về. Tôi chỉ muốn xem có thể làm như thế được không thôi".

Anh ta vào nhà. Tôi mời anh ta uống trà. Con chó nằm dưới chân, vênh tai nghe chúng tôi nói chuyện. Con chó thật ngoan. Nó có mặt lúc này như một ngôi sao vậy.

Tôi nói "Vừa rồi anh hỏi "để làm gì", tôi xin trả lời, điều ấy liên quan đến cái sống của tôi. Làm gì với cái sống đó là chuyện không đáng kể nữa. Tôi chỉ định thử xem làm như thế thì được gì".

Anh ta vuốt ve con chó. Nó nhắm mắt nằm yên. Tôi nghĩ bụng đó là tình yêu, dù không hẳn thế thì điều tôi chứng kiến đó cũng là tình yêu.

Tôi nói tiếp "Có một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nói về một người đàn bà bị buộc tội ngoại tình – xưa kia ngoại tình bị coi là tội ác – họ đem bêu chị ta trước công chúng với chữ A (Adultery – ngoại tình) khâu trên áo. Chị ta mặc áo có chữ A mà không ai hiểu chữ ấy là thế nào. Rồi người ta quên đi, chẳng ai hỏi nữa. Đó chỉ là thứ đeo vào người như chiếc nhẫn hay ghim hoa cài trên áo thôi. Rồi nó trở thành thứ mốt thời trang, viết chữ lên áo. Trong tiểu thuyết không nói thế".

"Ai mà biết được người ta muốn nói lên cái gì trong những cuộc trình diễn trước công chúng, những cuộc biểu thị như vậy? – đây mới là mấu chốt của câu chuyện. Chẳng hạn một bà già tự thiêu. Tại sao thế? Bà ta bị điên ư? Bà ta thất vọng ư? Bà ta bị ung thư chẳng? Tôi đã nghĩ đến việc viết chữ gì đó lên xe để giải thích. Nhưng viết chữ gì? A hay B hay C? Trường hợp của tôi thì viết chữ gì? Mà việc gì phải giải thích chứ? Chuyện riêng của tôi thì có dính gì đến ai đâu?"

Đáng lẽ tôi còn nói nữa nhưng lúc đó có tiếng cạch ngoài cổng và con chó đã gầm gừ. hai những đàn bà, một người tôi nhận ra là chị của Florence, tay xách vali bước vào.

Cô chị Florence lên tiếng chào. Tay chị ta cầm chìa khoá "Chúng tôi đến lấy đồ đạc của Florence".

Tôi đáp "Vâng, được".

Họ vào phòng Florence. Lát sau tôi theo vào hỏi "Florence vẫn mạnh khoẻ chứ?"

Cô chị đang mở ngăn kéo đứng dậy thở dài. Rõ ràng câu hỏi ngớ ngẩn của tôi làm chị ta nhẹ người.

Chị ta nói "Không ạ, không thể nói là cô ấy mạnh khoẻ được. Không mạnh khoẻ. Làm sao cô ấy có thể mạnh khoẻ được?"

Người đàn bà kia làm như không nghe thấy gì, tiếp tục gói ghém quần áo của bọn trẻ. Trong phòng còn nhiều thứ khác không thể bỏ hết vào hai chiếc vali được.

Tôi nói "Ý tôi không phải thế, nhưng thôi, không sao, tôi có thể nhờ cô đem một thứ cho Florence được không?"

- Được, nếu không cồng kềnh lắm.

Tôi viết một tấm séc.

- Cô nói giùm với Florence là tôi rất tiếc. Nói là tôi rất tiếc, không thể nói gì hơn. Lúc nào tôi cũng nghĩ đến Bheki.

- Bà rất tiếc.

- Vâng.

Lại một ngày đẹp trời nữa. Vercueil có vẻ kích thích lạ thường. Anh ta hỏi "Hôm nay là ngày đó ư?" Tôi nói "Phải". Thấy anh ta có ý sốt sắng với vẻ không lành mạnh, tôi định nói thêm "Nhưng việc gì đến anh?".

Đúng, tôi đã nói hôm nay là ngày đó. Nhưng "cái hôm nay" ấy đã qua rồi, và tôi không làm được như đã hứa. Vì chừng nào còn tiếp tục nói những lời lê thê, chắc chắn tôi chưa thực hiện được điều tôi đã quy định. Thực ra cái chết là kẻ thù lớn cuối cùng của việc viết lách, nhưng viết lách lại cũng là

kẻ thù của cái chết. Do đó, viết lách, nắm cái chết trong tay, phải nói là tôi muốn viết cho xong hẳn, muốn nói được nhiều điều. Tôi muốn tắm rửa, mặc quần áo, chuẩn bị cho mình chút tự hào để trở lại cái ngày đó. Nằm ở giường chờ đợi tắt thở hay đi ra ngoài để chấm dứt đời mình, thì có khác gì nhau?

Có thật là tôi muốn làm cho xong việc đó không? Có. Không. Có- Không. Có từ này nhưng chưa bao giờ được đưa vào tự điển. Có-Không: Mỗi người đàn bà đều biết nó có nghĩa như thế nào vì mọi đàn ông đều chịu thua cái từ đó. Vercueil hỏi "Bà có định làm thế không?" Mắt anh ta sáng lên. Lẽ ra tôi đã trả lời "Có-Không".

Tôi mặc đồ trắng lẫn xanh, bộ đồ xanh trắng, chiếc áo trắng hở cổ. Tôi cẩn thận sửa soạn mặt mũi một lần nữa. Tôi ngồi lì trước gương, người khẽ run rẩy. Tôi không thấy đau chút nào. Con cua trong mình đã thôi gặm nhấm.

Vercueil tò mò theo tôi vào bếp. Anh ta lảng vảng khi tôi đang ăn sáng. Cuối cùng, tôi khó chịu bảo "Xin anh để tôi yên!" Anh ta quay đi, vẻ giận dữ rất trẻ con. Tôi nắm tay áo anh ta kéo lại nói "Tôi không có ý thế đâu. Nhưng anh ngồi xuống đây đã. Tôi chỉ muốn yên nhưng anh làm tôi bức mình. Tôi phải quay ra quay vào mãi. Đến một lúc tôi nghĩ: hãy để tôi kết thúc cho nhanh cuộc sống vô vị này đi. Rồi tôi lại nghĩ: nhưng tội gì tôi chịu khổ như vậy? Tại sao tôi cứ muốn vươn mình lên trên thời buổi của tôi? Phải chăng những gì tôi làm là đáng xấu hổ? Tại sao cái già yếu, cái đau đớn lại cứ rơi vào tôi, khiến tôi phải tự mình cố ngoi lên khỏi cái hố nhục nhã mà không có ai giúp đỡ?

Tôi muốn nổi điên với những ai đã tạo ra thời buổi này. Tôi muốn tố cáo họ đã làm hỏng đời tôi, y như một con gián bò vào làm hỏng thức ăn mà chúng không ăn, chỉ bò vào ngửi và bơi bấn thôi. Tôi nghĩ bụng: chỉ tay đổ tội cho người khác là trẻ con. Nhưng tại sao tôi lại nhận để cuộc sống của tôi thành vô vị dù cho ai có quyền ở đất nước này cũng thế? Dù sao quyền lực vẫn là quyền lực. Nó xâm chiếm cuộc sống. Tự nhiên phải thế.

Anh muốn biết tôi hiện đang thế nào ư, rồi tôi sẽ nói. Tôi muốn đem bán bản thân tôi, muốn chuộc lại bản thân tôi, nhưng tôi hoàn toàn hoang mang chẳng biết làm thế nào. Có thể nói sự điên rồ đã thấm vào người tôi. Anh

chẳng cần ngạc nhiên. Anh đã biết đất nước này thế nào rồi. Không khí ở đây là diên rồ".

Nghe tôi nói, Vercueil vẫn nheo mắt nhìn với vẻ khó chịu. Bỗng anh ta nói một câu rất lạ "Bà muốn ra xe đi một lúc không?"

- Ông Vercueil, chúng ta không đi được. Có hàng ngàn lý do tại sao không đi được.

- Chúng ta sẽ đi ngắm cảnh, mười hai giờ quay lại đây.

- Chúng ta không thể đi ngắm cảnh bằng cái lỗ hổng ở kính chắn gió. Như vậy kỳ cục lắm.

- Tôi sẽ bỏ kính chắn gió đi. Nó chỉ là mảnh kính. Cần gì đến nó.

Tại sao tôi nghe theo? Có lẽ cuối cùng anh ta đã để ý đến tôi chăng? Anh ta như đứa trẻ trong tuổi đầy phấn khích, phấn khích tình dục, mà tôi lại là đối tượng. Tôi thấy thú vị, dù thế nào cũng thấy khoái. Trong thâm tâm có thể tôi cảm thấy không thích, chẳng qua như con chó đào miếng thịt thối bị chôn sâu mà thôi. Nhưng tôi không thể phân biệt rõ ràng. Tg muốn làm chứ? Tôi muốn được treo người lên. Treo lên mà không cần nghĩ ngợi, không đau, không nghi ngờ, không mặc cảm, treo lên cho đến trưa. Cho đến khi súng nổ trên đồi Tín Hiệu với chai xăng để trên ghế cạnh tôi. Hoặc tôi lái, hoặc tôi không lái qua qua chỗ có dây xích trên Đại lộ. Cho đến lúc đó, tôi sẽ chẳng nghĩ ngợi gì, chỉ nghe chim hót, cảm thấy có gió thổi vào người, được nhìn bầu trời. Và được sống.

Thế là tôi nghe theo. Vercueil quấn chiếc khăn quanh tay, dấm mạnh vào mảnh kính, mở một lỗ to đủ cho đứa trẻ chui vào được. Tôi đưa chìa khoá xe. Một nhát đẩy và chúng tôi lên đường.

Như cặp tình nhân đi thăm lại cảnh vật lúc mới tỏ tình lần đầu, chúng tôi leo lên đường ven núi lên Muizenberg. (Tình nhân! Không biết tôi đã nói gì với Vercueil? Bảo anh ta đừng uống rượu. Anh ta nói gì với tôi? Không nói gì hết, có lẽ cả tên thật cũng không nói). Chúng tôi đỗ xe chỗ cũ. Tôi tự nhủ: nào, bây giờ hãy ngắm cảnh một lần cuối đi, móng tay quặp vào lòng bàn tay, tôi nhìn ra vịnh Giả Tạo, vịnh của những hy vọng giả tạo, nhìn về phía nam đang gợn gió mùa đông, nơi bị bỏ quên hơn cả trong các đại dương.

Tôi khẽ nói "Nếu có thuyền, anh có thể đưa tôi ra biển".

Đi về phía nam. Chỉ có Vercueil và tôi. Chúng tôi đi đến tận những vùng nào có hải âu bay. Đến một nơi anh ta có thể buộc tôi vào tấm ván hay chiếc thùng, cái gì cũng được, để một mình tôi vẫy vùng trên sóng, dưới những cánh chim trắng thật to.

Vercueil quay xe lại. Tôi đoán nhầm, hay là anh ta điều khiển xe nhẹ nhàng hơn tôi?

Tôi nói "Tôi xin lỗi nếu nói không phải. Tôi cố tình mất hướng. Tôi cố tỏ ra khẩn trương, một ý nghĩ khẩn trương vẫn trốn khỏi tôi. Ngồi đây, giữa cảnh đẹp này, hoặc ngồi nhà giữa đờ đạc quen thuộc, hình như tôi thấy khó tin là chung quanh tôi có một vùng giết chóc và làm mất danh dự. Nó như một giấc mơ tồi tệ. Trong tôi như có gì thúc bách, giục giã. Tôi cố không nghĩ, nhưng nó khẳng khẳng đến. Tôi càng lui, nó càng thúc tới. Tôi đành để mặc, thế là cuộc sống lại bình thường Tôi yên tâm trở lại bình thường. Tôi lẫn lộn trong đó. Tôi mất ý nghĩ xấu hổ, trở thành đứa không biết xấu hổ là gì. Xấu hổ hay không xấu hổ đó là điều tôi không thể quên, điều sau này có thể chịu đựng được. Vì thế tôi phải giữ mình để đi tiếp nếu không tôi sẽ lạc. Anh hiểu không?"

Vercueil gò mình trên tay lái, như người mắt kém. Con mắt điều hâu mà thế. Nhưng anh ta hiểu hay không có quan trọng gì đâu?

Tôi vẫn nói "Y như người ta cố bỏ rượu vậy. Cố mãi, từ đầu đã biết thế nào rồi cũng quay lại. Có chút xấu hổ trong tâm tư riêng ấy, xấu hổ mà nồng ấm, thân mật, dễ chịu, để cảm thấy xấu hổ hơn. Hình như một người cảm thấy xấu hổ không có bờ bến nào hết.

"Nhưng tự giết mình thì khó lắm! người ta bám lấy cuộc sống! Tôi thấy hình như đến lúc cuối cùng có cái gì đó ngoài ý chí, một cái gì xa lạ, không tư duy, quét mình ra khỏi miệng vực thăm. Anh phải trở thành một người nào đó khác với mình. Nhưng cái gì chờ tôi bước vào chỗ đó? Tôi tìm người đó ở đâu được?"

Đồng hồ tôi chỉ 10 giờ 20. Tôi nói " Ta phải quay về thôi".

Vercueil cho xe chậm lại. Anh ta nói "Nếu bà muốn thế, tôi sẽ đưa bà về. Hoặc nếu bà muốn, ta tiếp tục đi. Chúng ta có thể đi quanh bán đảo. Hôm

nay đẹp trời mà".

Đáng lẽ tôi đáp: Không, đưa tôi về ngay. Nhưng tôi ngập ngừng, lúc đó không nói được.

Tôi bảo "Dừng lại đây".

Verceuil lái xe cạnh đường đỗ lại.

Tôi nói "Tôi muốn nhờ anh một việc. Nhưng anh đừng cười tôi".

"Tại sao lại cười?"

Phải, bây giờ hoặc sau này.

Anh ta nhún vai.

Bên kia đường có người mặc quần áo rách ngồi cạnh đồng cùi, chờ bán. Anh ta nhìn chúng tôi rồi quay đi.

Thời gian trôi.

Cuối cùng tôi nói, giọng nhỏ nhẹ "Đã có lần tôi kể cho anh nghe chuyện về mẹ tôi. Chuyện hồi bà còn nhỏ ngủ trong bóng tối, không biết cái gì đang lăn trên người mình, là bánh xe hay là các ngôi sao.

Và đời tôi chỉ nghĩ đến chuyện ấy. Nếu mỗi chúng ta có câu chuyện để nói về mình, hỏi mình là ai và đã ở đâu ra, thì đó chính là câu chuyện của tôi. Đó là câu chuyện tôi đã chọn, hay câu chuyện đó chọn tôi. Tôi là từ đấy mà ra, từ đấy mà bắt đầu.

- Anh hỏi tôi muốn tiếp tục đi hay không. Nếu thực tế có thể, tôi đề nghị chúng ta đi đến tận Mũi Đông, gần dãy núi Outeniqua, đến chỗ đỗ xe ở đỉnh đèo Hoàng tử Alfred. Thậm chí tôi muốn đề nghị ta hãy để bản đồ lại sau, đánh xe đi về phía bắc, phía đông, theo mặt trời, đến nơi đỗ xe tôi sẽ nhận ra, chỗ bắt đầu, chỗ có cái rốn, chỗ tôi ra đời ấy. Anh bỏ tôi xuống bên đèo, rồi anh cứ tiếp tục đi, để tôi ở lại chờ đến đêm, chờ các ngôi sao và bánh xe lăn trên người tôi.

"Nhưng sự thật là có hay không có bản đồ thì tôi cũng không tìm ra chỗ ấy. Tại sao? Vì tôi chợt không muốn nữa. Trước đây một năm hay một tháng thì khác. Ý nghĩ mong muốn, có lẽ là mong muốn sâu sắc nhất đã tràn khỏi người tôi, dẫn tôi đến một nơi trên trái đất. Có lẽ tôi sẽ quỳ xuống đó nói: Đây là mẹ tôi, đây là nơi đã cho tôi cuộc sống. Đó là đất thiêng, không phải nấm mồ, mà là nơi phục sinh thiêng liêng, phục sinh vĩnh viễn từ trái đất.

"Bây giờ mong muốn ấy, điều mà tôi gọi nó là tình yêu, đã đi khỏi tôi rồi. Tôi không còn yêu đất nước này nữa. Đơn giản thế thôi. Tôi như một người bị thiếu, bị thiếu trong khi đang trưởng thành. Tôi cố hình dung ra một người bị thiếu thì sống như thế nào. Tôi tưởng tượng anh ta nhìn những gì trước kia đã yêu, trong ký ức biết rằng còn phải yêu nữa, nhưng không thể gọi tình yêu tự đến. Tình yêu: đó là cái gì thế? Anh ta tự nhủ, lục tìm cảm giác cũ trong ký ức. Nhưng mọi thứ bây giờ bằng phẳng, bất động, yên tĩnh. Anh ta sẽ nghĩ: điều ta từng có đã phản bội ta. Anh ta tập trung, cố nghĩ xem phản bội thì nhức nhối như thế nào. Nhưng sẽ không nhức nhối. Nhức nhối sẽ ra đi, từ bỏ hết. Ngược lại anh ta sẽ thấy mình bị lôi kéo, nhẹ thôi nhưng liên tục, bị đẩy đến chỗ kinh hoàng, tách khỏi mọi thứ. Anh ta tự nhủ, tách ra rồi, và giơ tay sờ thử xem nó sắc đến đâu, nhưng lại thấy nó cùn và mòn. Anh ta nghĩ mọi thứ đều co lại, một tuần nữa, một tháng nữa và anh ta sẽ quên hết> Như người ta ăn từng hạt sen vậy. Vì cuối cùng ta sẽ cảm thấy nỗi đau của sự xa cách, mọi thứ đến với ta chỉ như nỗi buồn thoáng qua.

Ong Vercueil, không biết tôi nói như thế đã rõ chưa. Tôi đang nói đến quyết tâm, cố nắm lấy quyết tâm mà không được. Thú thật là tôi đang chết đuối. Tôi ngồi đây bên cạnh anh mà đang chết đuối".

Vercueil ngả lưng dựa vào xe. Con chó khể kêu ư ử, chồm chân lên ghế, chúm đầu về phía trước như đòi đi nữa. Một phút trôi qua.

Anh ta lấy bao diêm trong túi đưa cho tôi nói "Bây giờ bà làm đi".

- Làm cái gì?
- Cái đó.
- Anh muốn thế sao?
- Bà làm ngay đi. Tôi ra ngoài xe. Bà làm ngay ở đây đi.

Nước dãi phập phồng ở mép anh ta, tôi nghĩ chắc anh ta điên. Có thể nói anh ta ác độc, điên rồ, như con chó điên.

Anh ta lắc bao diêm trước mặt tôi, chỉ tay vào người đang ngồi bên đồng củi "Bà lo cho hăn ư? Hăn sẽ không can thiệp đâu".

Tôi nói "Ở đây không được".

- Chúng ta có thể lên ngọn Chapman. Nếu muốn, tôi có thể lái xe đến

bờ vực.

Tôi như đang bị kẹt trong xe với một người đàn ông định quỵến rũ, rồi nổi giận vì không chịu nghe. Như bị ai đem về những ngày bi đát của thời son trẻ.

Tôi nói "Ta về nhà được không?"

- Tôi tưởng bà muốn làm việc ấy kia mà?
- Anh không hiểu.
- Tôi tưởng bà muốn phóng xe xuống dốc. Để tôi đẩy cho.

Đến bên ngoài khách sạn ở vịnh Hout, anh ta để lại nói "Bà có tiền đấy không?"

Tôi đưa cho anh ta tờ bạc mười rand.

Anh ta vào cửa hàng tự do rồi quay ra với một chai rượu bọc trong túi giấy nâu. Anh ta vặn nút rồi đưa cho tôi "Bà hãy uống một chút".

- Không, cảm ơn. Tôi không thích brandy.
- Không phải brandy, đây là thuốc.

Tôi nhấp một ngụm, định nuốt nhưng sặc, rồi ho, răng muốn rơi ra.

Anh ta nói "Bà cứ ngậm trong miệng thôi".

Tôi làm ngụm nữa, ngậm trong miệng. Vòm miệng tôi nóng cháy rồi tê đi. Tôi nhắm mắt nuốt. Trong người tôi như có cái gì nhấc bổng tôi lên. Như tấm màn, như đám mây vậy. Tôi tự hỏi, hoá ra là thế? Chỉ có thể thôi ư? Vercueil chỉ đường cho tôi thế sao?

Anh ta quay xe, lái ngược lên đồi, để lại chỗ người ta thường đi chơi dã ngoại nhìn xuống vịnh. Anh ta uống rồi đưa chai cho tôi. Tôi thận trọng uống từng tí một. Tấm màn xám vẫn che đậy các thư bây giờ sáng lên dần. Tôi nghi hoặc, thấy lạ, rồi tự hỏi: đơn giản thế thật sao, chẳng phải chuyện sống chết một tí nào ư?

Tôi bảo "Thôi được rồi, để tôi nói. Điều làm cho tôi muốn nổ tung không phải tình trạng của tôi, bệnh của tôi mà là một cái gì rất khác".

Con chó lại kêu ư ử. Vercueil đưa tay ra. Nó liếm bàn tay anh ta.

- Thằng con của Florence bị bắn hôm thứ Ba.

Anh ta gật.

- Tôi trông thấy xác nó.

Tôi nói tiếp rồi nhấp một ngụm rượu nữa, nghĩ bụng sao mình nói lảm thế. Chúa tha tội cho tôi! Tôi nói lảm thì Vercueil cũng sẽ bắt chước tôi? Chẳng lẽ anh ta nói với tôi, hai người cùng ngồi trên xe lại thì nhau nói lảm hay sao?

Tôi nói "Tôi thương cảm. Tôi không dám nói là đau đớn vì không có quyền nói như vậy, điều đó để cho người thân của nó nói. Nhưng đến giờ tôi vẫn còn – nói như thế nào nhỉ - còn thấy rối ruột. Có cái gì đó rất nặng nề trong cái chết của nó, trong người nó. Hình như trong khi chết nó trở thành nặng như chì, hoặc như đóng bùn dưới đáy đập nước. Như trong khi chết nó thở dài một lần cuối và sự nhẹ nhõm trong nó đã bay đi hết. Bây giờ nó nằm đè trên người tôi với tất cả sức nặng của nó. Không ép xuống, chỉ nằm thế thôi.

"Cũng giống thằng bạn nó nằm chảy máu hôm ở hè đường. Cũng nặng như thế. Máu cũng đọng như thế. Tôi đã cố gắng ngăn cho máu khỏi chảy xuống đường. Rất nhiều máu. Nếu để chảy ra đầy chậu, chắc tôi không nhắc nổi cái chậu, vì chẳng khác nào bê một chậu đựng đầy chì.

"Ông Vercueil ạ, trước đây tôi chưa từng thấy người da đen khi họ chết. Tôi biết họ chết nhiều lắm, nhưng xảy ra ở đâu ấy. Những người tôi thấy chết đều là người da trắng, họ chết trên giường, chết khô, thanh thoát và nhẹ như tờ giấy. Tôi chắc họ được thiêu, để lại ít tro, rồi gió cũng quét đi. Anh muốn biết tại sao tôi có ý định tự thiêu không? Vì tôi nghĩ tôi sẽ được thiêu tử tế.

"Thế mà Bheki và những người chết kia không được thiêu. Nếu có sẽ chỉ như thiêu những hình hài bằng gang thép hay bằng chì mà thôi. Có thể họ sẽ mất đi hình dáng sắc sảo, nhưng khi tắt lửa rồi họ vẫn còn đó, vẫn nặng như bao giờ. Cứ để đó lâu, họ sẽ có thể chìm đi từng ly một, cho đến khi đất khép kín trên mình họ, và họ sẽ không chìm sâu hơn nữa. Họ vẫn còn ở đó, bên dưới mặt đất. Nếu anh húc mũi giày vào đó sẽ phát hiện ra họ, mặt mũi tai mắt họ đều mở và chứa đầy cát".

Vercueil đưa chai rượu và nói "Bà uống đi". Nét mặt của anh ta đổi khác, môi trề ra, mắt ướt, lơ đãng. Như mặt người đàn bà anh ta đưa về hôm trước. Tôi cầm chai rượu, lấy tay áo lau.

Tôi nói tiếp "Anh nên hiểu chuyện rối ruột tôi nói vừa rồi đó là chuyện

riêng thôi. Thực ra đó không phải là chuyện riêng. Tôi rất quý thằng Bheki khi nó còn nhỏ, nhưng tôi không bằng lòng với việc nó biến thành ra thế. Nó và các bạn nó bảo đã bỏ lại sau lưng tuổi niên thiếu. Tất nhiên chúng vẫn còn là trẻ con, nhưng đã trở thành cái gì khác? Những đứa trẻ nghiêm nghị, khắt khe, không biết cười, không biết chơi đùa. Vậy việc gì tôi phải đau đớn thay cho nó? Chẳng qua tôi đã nhìn mặt nó thôi. Khi chết nó trở lại là đứa trẻ. Có lẽ chiếc mặt nạ đã rơi xuống trong sự ngạc nhiên của đứa trẻ khi nó thấy việc ném đá bắn giết kia không phải là trò chơi, và cái tên họ pháp chạy đến đổ đất cát vào miệng nó ấy, không thể đuổi hẳn đi bằng lời hát hay khẩu hiệu được, rồi cuối cùng nó bị bắt, bị bịt miệng không thể thở được và không còn thấy ánh sáng nữa.

Bây giờ thì thằng bé bị chôn vùi, còn ta thì giẫm lên người nó. Nói để anh biết, đi trên đất nước này, đất Nam Phi này, tôi cảm thấy như mình giẫm lên xác những người da đen vậy. Họ chết nhưng tinh thần không rời khỏi họ. Họ nằm đó, nặng nề, rất cứng cõi, chờ tôi qua đi, chờ vùng dậy. Hàng triệu khuôn mặt gang thép đang trôi nổi dưới bọ bọ trái đất. Tuổi sắt đá đang chờ ngày trở lại.

"Anh nghĩ là tôi thất vọng nhưng rồi sẽ vượt qua được. Anh nghĩ đó là nước mắt rỏ tiền, nước mắt vô cảm, nay đến mai đi. Đúng đấy, trước đây tôi thất vọng, tôi tưởng không thể nào tồi tệ hơn thế, nhưng rồi cái tồi tệ nó đến, tôi đã phải cố hoặc làm như cố để vượt qua nó. Nhưng chính thế mới khổ. Để khỏi bị tê liệt trong nhục nhã, tôi đã phải sống cuộc sống vượt qua cái tồi tệ. Tôi không thể nào vượt qua nó được nữa. Nếu lần này tôi không vượt qua được, sẽ chẳng bao giờ còn có cơ hội nào để không vượt qua nó nữa".

vercueil lại đưa chai rượu ra. Đã cạn đi một nửa. Tôi gạt tay anh ta và nói "Tôi không muốn uống nữa".

Anh ta nói "Cứ uống đi. Phải say cho khác đi chứ".

Tôi dứt khoát "Không!" Trong người tôi bùng lên nỗi giận dữ chénh choáng trước sự thô bạo và bàng quan của anh ta. Tôi đang làm gì thế? Trong chiếc xe cũ đã cạn dầu, hai chúng tôi chẳng khác gì những người tị nạn vùng đồng bằng thời kỳ Đại Suy Thoái. Chỉ còn thiếu chiếc đệm rơm

và con gà nhốt trong lồng tre nữa thôi. Tôi giằng lấy chai rượu, định thò đầu ra cửa vút đi nhưng anh ta giật lại được.

Tôi gắt "Cút ra khỏi xe tôi!"

Anh ta cầm chìa khoá xe bước ra ngoài. Con chó nhảy ra chạy theo. Trước mắt tôi anh ta ném chìa khoá vào bụi cây rồi quay lại, tay cầm chai rượu đi xuống đồi, ra vịnh Hout.

Tôi giận điên người, ngồi chờ, nhưng không thấy anh ta trở về.

Mấy phút trôi qua, một chiếc xe chạy lên ngang xe tôi, mở nhạc oang oang, trong xe có một cặp ngồi nhìn ra biển. Nam Phi đang ở thời buổi ăn chơi. Tôi bước ra khỏi xe. Người đàn ông quay sang nhìn tôi, miệng nhai kẹo cao su. Tôi nói "Cho tiếng nhạc nhỏ đi được không?" Anh ta làm như ngó nguáy vào cái gì đó, nhưng tiếng nhạc vẫn to như cũ. Tôi lại gõ nữa. Qua cửa kính, anh ta nói gì không rõ, rồi vụt quay xe đổ sang phía bên kia đường.

Tôi chui vào bụi cây sục tìm chìa khoá xe Vercueil vút vào đó nhưng không thấy.

Cuối cùng xe kia phóng đi. Người đàn bà trong xe quay nhìn tôi. Mặt chị ta không phải không hấp dẫn nhưng tôi thấy nó xấu thế nào, nó quắt lại như sợ hãi, có vẻ như chị ta bị cuộc sống giày vò. Không phải khuôn mặt mà chỉ như một biểu tượng đã mòn mỏi. Màng mỏng giữa thế giới bên ngoài với nội tạng cô ta dày lên. Tiến hoá, nhưng tiến hoá giật lùi. Như con cá thời tiền sử nằm dưới đáy sâu (chắc con biết điều này) mọc những làn da nhạy cảm với ánh sáng, lâu dần biến thành mắt. Tôi thấy hiện nay Nam Phi có những cặp mắt mờ đi, kéo màng mỗi lúc mỗi dày, trong khi bọn khám phá đất đai, bọn thực dân chuẩn bị trở lại những đáy sâu ấy.

Mẹ có nên đến chỗ con khi con mời không? Những lúc mềm yếu mẹ thường mong muốn được con an ủi. Cũng may mà mẹ không đi, vì quyền lợi của hai mẹ con đó thôi. Con chả cần đến chim báo bão của thế giới cũ này làm gì, còn mẹ dù có chạy đến chỗ con thì liệu có thoát khỏi cái đất Nam Phi này được không? Làm sao mẹ biết được là mắt mẹ đã kéo màng dày? Có lẽ người đàn bà ngồi trong xe kia đã nói với bạn "Bà già ấy thật khốn khổ. Tại sao khuôn mặt bà ta quắt lại thế?"

Với lại, vinh dự gì mà chuồn khỏi cái thời buổi này khi con tàu chứa đám sâu bọ đang chìm với bọn chơi quần vợt, bọn buôn lậu, và bọn tướng tá nhét túi đầy kim cương bỏ đi tìm nơi ẩn náu để yên thân ở những nơi khác trên thế giới? Tướng G., bộ trưởng M. có tài sản ở Paraguay. Họ dùng lửa than nướng bít tết và nhậu nhẹt với nhau ở những xứ sở phía Nam, uống bia với bồ bịch, hát những bài xưa cũ, rồi chờ qua đời với giấc ngủ của tuổi già, con cháu, thợ thuyền cầm mũ đứng phục ở chân giường. Bọn người gốc Nam Phi ở Paraguay bắt tay với bọn người gốc Nam Phi ở Patagonia sống lưu vong, bọn bụng phệ, vợ béo tròn, phòng khách treo các loại súng trên tường, có két sắt chứa tiền gửi ở Rosario, chiều Chủ Nhật đi thăm con học ở Barbie, Eichman. Tất cả bọn chúng đều là những tên áp bức, ác ôn, tra tấn, giết người.

Tóm lại, mẹ cũng mệt lắm rồi! Mệt mà không biết nguyên nhân, mệt như chiếc áo giáp đã quá thời. Mẹ muốn nhắm mắt để ngủ đi. Với lại, cái chết là gì nếu không phải là thăng lên những nấc cuối cùng của mệt mỏi?

Mẹ nhớ lần cuối cùng con gọi điện. Con hỏi "Mẹ thấy thế nào?" Mẹ đáp "Mẹ thấy mệt nhưng không sao. Mẹ từ từ giải quyết mọi việc. Florence giúp mẹ rất tốt. Ngoài ra còn có thêm người làm vườn nữa". Con nói với giọng rất Mỹ "Thế thì con mừng lắm. Mẹ phải cố ăn thật nhiều để lấy lại sức nhé?"

Mẹ con nói chuyện điện thoại. Bên đó là trưa, ở đây là đêm. Bên đó là mùa hè, ở đây là mùa đông. Vậy mà đây đó vạch rõ như con ở nhà bên cạnh. Lờ mờ mẹ con bay vút lên trời cao, chập làm một, không chút gợn. Không còn sợi dây cáp dưới đáy biển nối mẹ với con nữa, mà đây là sự kết nối hiệu quả, trừu tượng, là trời sinh, ý con gắn với ý mẹ, không cần lời, không phải là hơi thở truyền sang nhau mà là ý của lời, ý của hơi đã được mã hoá, truyền đạt và giải mã. Cuối cùng con nói "Chúc mẹ ngủ ngon". Và mẹ nói "Tạm biệt con yêu quý, cảm ơn con đã gọi điện cho mẹ". Chữ yêu quý giúp cho tiếng nói của mẹ được ở lại với tất cả sức nặng của tình yêu (mẹ phóng túng thế đấy!) và mẹ cầu cho hình bóng tình yêu ấy còn mãi trên con đường mòn lạnh lùng của không gian đến tận nơi con ở.

Trên điện thoại có tình yêu nhưng không có sự thật. Trong thư này (thư dài)

gửi từ một nơi khác, sự thật của tình yêu cuối cùng lại về với nhau. Ở mỗi chữ "con", ngòi bút của mẹ lại nhấp nháy rung động như ngọn lửa thán Elmo. Con đến với mẹ không như con đang hiện ở Mỹ, không phải như lúc con ra đi, con ở một dạng sâu sắc hơn, không thay đổi vì người thân của mẹ không thể chết được. Đây là mẹ nói chuyện với linh hồn con, như linh hồn mẹ sẽ ở lại với con khi viết bức thư này. Như con mỗi trong tổ bò ra vẩy cánh bay đi nghĩa là khi con đọc mẹ hy vọng con sẽ thấy linh hồn mẹ sắp bay lên nữa. Con mỗi trắng ấy là hình bóng xuất hiện từ miệng một hình hài nằm trên giường chết. Vật lộn với bệnh tật, với bóng tối và tự nguyện nhốt mình trong những ngày này, mẹ chao đảo, lang thang nữa (nói thêm về chuyến ra vịnh Hout – Vercueil say rượu quay lại, cái gậy, anh ta tìm thấy chiếc chìa khoá xe, chở mẹ về, có lẽ phải nói thật là con chó đã đưa anh ta trở về). Mọi biến dạng đều có nghĩa là mẹ đang run rẩy, muốn thoát khỏi cái vỏ bọc đang chết dần.

Rồi sau đó, sau cái chết, thì sao? Con đừng sợ, mẹ không ám ảnh con đâu. Không cần phải đóng cửa sổ, bịt ống khói lò sưởi để ban đêm mỗi khi bay vào nhà, bay vào mí mắt con hay đứa trẻ nào. Con mỗi sẽ chỉ đậu nhẹ trên má khi con đọc trang cuối bức thư này, rồi nó sẽ vỗ cánh bay đi nơi khác. Không phải linh hồn mẹ đang đến với con, mà chỉ là tinh thần của linh hồn mẹ, là hơi thở, là không khí lay động với những chữ này, một chút xao động trong không gian khi hình bóng của ngòi bút mẹ bay qua mặt trang giấy con cầm trong tay mà thôi.

Rời mẹ ra, rời con ra, rời cả ngôi nhà còn sống với những ký ức, đó là việc khó khăn nhưng mẹ cố tập. Cả âm nhạc nữa. Nhưng âm nhạc mẹ đem theo ít ra cũng sẽ là vết thương trong linh hồn. Những khúc ca của Matthew. Đam mê đã thành vết và thắt lại ngàn lần mà không ai và không có gì có thể tháo ra được.

Nếu Vercueil không đem gởi những gì mẹ viết, con sẽ chẳng bao giờ được đọc. con sẽ chẳng bao giờ biết là đã có những bức thư ấy.

Sự thật về mẹ sẽ chẳng bao giờ được hiện diện, và con sẽ chẳng bao giờ biết được ở đây mẹ đã sống như thế nào trong những ngày này.

Vậy con đoán xem mẹ làm gì với Vercueil, về Vercueil?

Chỉ đoán là có tin được không thôi. Chẳng cần phải yêu cầu nhiều, chỉ yêu cầu anh ta cầm gói thư ra đưa cho bưu điện. Chuyện nhỏ đến mức hầu như không có gì. Cầm đi hay không cầm đi có khác nhau gì lắm. Nếu còn chút tin cậy, còn chút nghĩa vụ, còn chút tình thương sau khi mẹ chết đi, chắc hẳn anh ta sẽ cầm.

Nếu không thì sao?

Nếu không thì còn gì lòng tin cậy nữa, chúng ta, tất cả chúng ta, chỉ đáng nhảy xuống hố và hoàn toàn biến mất.

Vì mẹ không thể tin Vercueil mà phải tin anh ta.

Mẹ cô giữ cho linh hồn được sống trong thế giới không ai đón nhận linh hồn nữa.

Rất dễ bố thí cho trẻ mồ côi, những kẻ thiếu ăn, đói kém. Rất khó bố thí cho những người đau lòng (mẹ đang nghĩ đến Florence). Nhưng của bố thí cho Vercueil là khó hơn cả. Những gì mẹ cho, anh ta không tha thứ việc mẹ đã cho. Trong anh ta không có từ thiện, không có tha thứ. (Vercueil nói: từ thiện là cái gì? Tha thứ là cái gì?) Nếu anh ta không tha thứ thì mẹ có cho cũng không phải vì từ thiện, phục vụ không phải vì tình yêu. Chỉ như mưa không thấm đất thôi.

Hồi còn trẻ, mẹ đã có thể hiến thân cho anh ta được. Đó là điều người ta đang làm, đã làm, dù cho có lầm lẫn. Bây giờ mẹ phó mặc đời mình trong tay anh ta dù đó là cuộc sống của mẹ, những lời của mẹ, những vết động thái của ngón tay mẹ quều quào trên trang giấy.

Nếu con có đọc, những lời này sẽ đi vào con, làm con phải nín thở. Có thể nói cách sống của mẹ là thế. Xưa kia con sống trong lòng mẹ như mẹ đã sống trong lòng bà. Dường như bà vẫn sống trong lòng mẹ cũng như mẹ lớn lên trong lòng bà và trong lòng con.

Mẹ trao cuộc sống của mẹ cho Vercueil mang đi. Mẹ tin cậy Vercueil vì mẹ không tin ở Vercueil. Mẹ yêu anh ta vì mẹ không yêu anh ta. Vì mẹ dựa vào anh ta là cây sậy yếu ớt.

Hình như mẹ hiểu được điều mẹ nọi nhưng nói thật là mẹ không hiểu. Ngay từ đầu, khi mẹ thấy anh ta nằm bẹp trong túp nhà bằng hộp giấy sau nhà để xe, mẹ không hiểu gì hết. Mẹ cứ luôn luôn tìm đường trong bóng tối. Mẹ

tìm đường đến chỗ con, mỗi lời nói ra là từng bước tìm đường.

Tôi bị cảm lạnh đã mấy ngày. Bây giờ nó vẫn nằm trong ngực biến thành ho khan, ho mấy phút liền, khiến tôi không thở được, người mệt rũ rời.

Chừng nào cái đau chỉ là đau thôi, tôi có thể chịu đựng và tránh xa nó. Tôi tự nhủ đây không phải mình mà là người khác đau, một người nào đó cùng nằm trên giường với tôi. Vì thế tôi tìm cách vớt nó ra chỗ khác. Nếu vớt không được, cái đau vẫn bám lấy tôi, tôi đành chịu vậy .

Khi những cơn đau nổi lên, tôi tin rằng mình có thể xua chúng đi như xua những con dê ở vùng đất tận cùng.

Nhưng bây giờ khi những cơn ho đến co giật, tôi không thể tránh được nữa. Chẳng có đầu óc nào hay cơ thể nào khác, chỉ có tôi là một sinh vật cố chống chọi, cố hít lấy chút không khí để khỏi chết ngạt. Khủng khiếp, khủng khiếp đến ô nhục. Trên đường đến cái chết còn phải qua một thung lũng nữa. Sao điều này lại có thể đến với tôi được chứ ? Lúc ho rũ rượi, tôi nghĩ: vậy có công bằng không? Ngây thơ đến ô nhục. Ngay một con chó bị đánh gãy lưng và thở hơi cuối cùng nó cũng không nghĩ như thế có công bằng không.

Marcus Aurelius nói cái sống đòi hỏi phải có nghệ thuật ở tay đô vật, chứ không phải ở vũ nữ. tất cả phải cần đứng được trên đôi chân, không cần có những bước đi đẹp.

Hôm qua đã hết thức ăn trong chạn, tôi phải đi ra cửa hàng. Xách túi đi lững thững, tôi bỗng thấy trong người rất đau. Ba cậu học sinh đi qua đó đứng nhìn một bà già đang dựa vào cột đèn, chung quanh chân thực phẩm rơi vãi tứ tung. Mỗi lần ngừng ho, tôi vẫn cố bảo chúng ra chỗ khác. Tôi không thể tưởng tượng được lúc đó mình ra như thế nào. Một chiếc xe ngừng lại, người đàn bà trong xe lên tiếng hỏi "Bà có sao không?" Tôi hốt hên đáp "Tôi đi mua hàng về". Bà ta nghe không rõ, nhăn mặt hỏi lại "Gì cơ?" Tôi lại thờ và đáp "Không có gì". Bà ta lại phóng xe đi.

Chúng ta ngày càng trở nên xấu xa, không thể nghĩ tốt về bản thân mình. Ngay cả việc nhìn hoa hậu cũng thấy khó chịu. Xấu xa là thế nào nếu

không phải đó là linh hồn biểu lộ qua xác thịt?

Thế rồi đêm qua chuyện tồi tệ đã xảy ra. Trong khi thuốc ngủ sắp làm tôi mê đi, bỗng có tiếng chó sủa chen vào làm tôi rất khó chịu. Con chó sủa liên hồi. Tại sao Vercueil không ngăn nó lại?

Tôi xuống cầu thang mà bước không vững. Khoác áo, đi dép, tôi bước ra ngoài hiên. Trời lạnh. Đang mưa nhỏ. Tôi gọi gắt "Ông Vercueil đâu? Chó sủa gì thế, ông Vercueil?"

Tiếng sủa dừng lại, rồi tiếp tục. Không thấy Vercueil đâu.

Tôi quay về giường nằm, không sao ngủ được. Tiếng sủa như những nhát búa gõ vào tai.

Tôi tự cảnh báo những bà già ngã gãy xương hông là thế này đây. Họ bị bầy mà không biết.

Tôi nắm cả hai tay vào lan can bò xuống.

Có người trong bếp, nhưng đó không phải là Vercueil. Dù là ai tôi cũng không trốn tránh. Trời ơi! Tôi tưởng là Bheki! Tôi rùng mình sợ hãi.

Trong ánh sáng lờ mờ từ tủ lạnh hắt ra, cậu ta đến trước mặt tôi, vết thương trên trán còn quấn băng trắng.

Tôi khẽ hỏi "Anh muốn gì? Tìm thức ăn hả?"

Cậu ta hỏi "Bheki đâu?"

Giọng cậu nhỏ và trầm hơn Bheki. Ai thế nhỉ? Tôi hoang mang, cố nghĩ xem tên anh ta là gì.

Anh ta đóng cửa tủ lạnh. Chung quanh tối đen. Tôi chợt quát gọi "Ông Vercueil!" Con chó lại sủa. Tôi khẽ nói "Hàng xóm đến đây!"

Anh ta lướt qua chỗ tôi đứng, vai chạm vào người tôi. Tôi lùi lại, ngửi mùi, tôi biết anh ta là ai.

Anh ta chạy ra cửa. Con chó lại sủa như điên.

Tôi bật đèn nói "Florence không còn ở đây nữa".

Anh ta không mặc quần áo của mình. Hoặc giả đây là kiểu mới chẳng? Áo khoác ngoài như của người lớn, quần quá dài. Một bên tay áo không có cánh tay.

Tôi hỏi "Tay cậu làm sao thế?"

Cậu ta đáp "Tôi không cử động được".

Tôi bảo "Cậu đứng xa cửa đi".

Tôi hé mở cửa. Con chó nhảy lên thích thú. Tôi đập vào mũi nó và bảo "Im đi!" Nó rên ư ử. "Chủ mày đâu?" Nó vểnh tai. Tôi đóng cửa lại.

Tôi hỏi cậu ta "Cậu muốn gì ở đây?"

- Bheki đâu?

- Bheki chết rồi. Nó bị giết tuần trước, lúc cậu còn nằm bệnh viện. Người ta bắn. Nó chết tại chỗ. Ngay sau hôm xảy ra vụ chiếc xe đạp ấy.

Cậu ta liếm môi, vẻ sợ sệt, không biết làm gì.

- Cậu muốn ăn gì không?

Cậu ta lắc đầu nói "Tiền. Tôi không có tiền để đi xe buýt".

- Tôi sẽ cho cậu tiền. Nhưng cậu định đi đâu?

- Tôi phải về nhà.

- Đừng làm thế, tôi bảo thật đấy. Tôi biết tôi đang nói gì. Tôi đã thấy những gì xảy ra ở khu đó. Trốn đi và chờ đến khi nào mọi chuyện trở lại bình thường hãy về.

- Sẽ không bao giờ bình thường đâu.

- Xin cậu nghe tôi. Tôi biết cậu sẽ nói thế. Tôi không có thì giờ, cũng không quan tâm đến chuyện đó đâu. Cậu cứ ở đây đến lúc yên ắng đã. Ở đây đến lúc khoẻ hẳn đã. Tại sao cậu lại ra viện? Bị đuổi à?

- Vâng, tôi bị đuổi.

- Cậu mặc quần áo của ai thế?

- Của tôi đấy.

- Không phải của cậu. Cậu lấy ở đâu ra?

- Của tôi thật mà. Một anh bạn đem đến cho.

Cậu ta nói dối. Không dối giỏi hơn những đứa trẻ mười hai tuổi khác.

- Ngồi xuống đó đã. Tôi đi kiếm cái gì cho cậu ăn, rồi ngủ đi một lúc. Có định làm gì thì sáng mai hãy tính.

Tôi pha trà. Cậu ta ngồi xuống không để ý đến tôi. Còn tôi không tin những gì cậu ta nói, nhưng cậu ta không lúng túng. Tôi tin hay không tin chẳng có gì quan trọng. Nhưng cậu ta nghĩ gì về tôi? Có nghĩ không? Cậu ta có phải là người biết nghĩ không? Không, so với Bheki thì cậu ta không biết nghĩ, nói năng không rõ ràng, đầu óc không biết tưởng tượng. Nhưng cậu ta còn

sống, còn Bheki thì chết. Kẻ năng động mất đi, kẻ ngớ ngẩn sống sót. Số phận Bheki quá thiệt thòi. Tôi chưa bao giờ ngại Bheki, nhưng với cậu bé này thì tôi không chắc.

Tôi để bánh kẹp và tách nước trước mặt cậu ta và bảo "Ăn uống đi". Cậu ta không động đậy, díp mắt, gục đầu vào tay ngủ. Tôi vỗ vào má cậu ta gọi "Dậy đi". Cậu ta giật mình, ngồi thẳng dậy, cắn miếng bánh nhai vội. Rồi không thấy nhai nữa. Miệng còn đầy bánh, cậu ta có vẻ hoảng hốt, rã rượi. Tôi cầm miếng bánh ở tay cậu ta nghĩ bụng, khi bọn nó gặp rắc rối là tìm đến đàn bà. Cậu ta tìm Florence nhưng cô ta lại không có ở đây. Chẳng lẽ cậu ta không có mẹ hay sao?

Vào phòng Florence cậu ta tỉnh ra ngay, miệng lầm bầm "Xe đạp".

- Xe không sao. Tôi đã giữ lại rồi. Phải sửa một chút thôi. Để tôi bảo ông Vercueil làm cho.

Thế là ngôi nhà đã từng là của mẹ và của con bây giờ biến thành ngôi nhà tị nạn, ngôi nhà cho người ta quá cảnh.

Con yêu quý nhất của mẹ, mẹ đang ở trong đám sương mù lầy lội. Đã quá muộn, mẹ không biết tự cứu mình như thế nào. Nếu có thể xưng tội, mẹ chỉ xưng tội với con thôi. Con hỏi mẹ lầy lội thế nào ư? Nếu có thể bỏ nó vào chai như bắt con nhện bỏ vào đó và giữ nó cho con xem, mẹ sẽ làm ngay. Nhưng nó như sương mù, chỗ nào cũng có mà không có ở đâu hết. Mẹ không thể sờ nó, bắt nó, đặt tên cho nó được. Tuy vậy, dù miễn cưỡng, cũng để cho mẹ từ từ nói ra. Mẹ chẳng yêu quý gì thằng bé đang ngủ trên giường của Florence kia. Mẹ yêu con nhưng không yêu nó. Trong lòng mẹ chẳng có chút tình cảm nào cho nó hết.

Con bảo là nó không đáng yêu chút gì. Nhưng chẳng phải trong mình con đã không có chút gì làm cho con đáng yêu ư?

Mẹ không phủ nhận, nhưng mẹ cũng không tin điều đó. Trái tim mẹ không chấp nhận nó là của mẹ, đơn giản thế thôi. Trong lòng mẹ chỉ muốn nó đi đi, để mẹ được yên.

Đó là lời đầu tiên mẹ xưng tội. Mẹ không muốn chết trong tình trạng hiện nay, một tình trạng xấu xa. Mẹ muốn được cứu rồi. Cứu như thế nào? Bằng cách làm những việc mà mẹ không muốn làm ư? Mẹ biết đó là bước thứ

nhất. Trước hết mẹ phải yêu cái không đáng yêu, mẹ phải yêu cái thằng bé này. Không phải thằng nhỏ mặt mũi sáng sủa, mà là thằng bé này cơ. Nó đến đây là có lý do. Nó là một phần của việc cứu rỗi cho mẹ. Mẹ phải yêu nó. Nhưng mẹ không yêu nó. Cũng không muốn yêu ra yêu, vô luận mẹ là người như thế nào.

Chính vì không muốn có một trái tim để làm khác đi nên mẹ mới lang thang trong đám sương mù.

Mẹ không thể tìm thấy nó trong tim để mà yêu. Mẹ muốn yêu và được yêu. Mẹ đang chết dần trong tim nên không muốn sống. Mẹ đang chết dần vì mẹ muốn chết.

Vậy con hãy nghe mẹ thốt ra lời thứ hai đây. lời của hoài nghi. Không muốn yêu nó, và điều mẹ nói là yêu con có thật không? Vì tình yêu không phải là chuyện đối khát. Tình yêu không bao giờ có thể thoả mãn, không bao giờ tĩnh lặng. Khi người ta đã yêu lại càng yêu hơn. Yêu con bao nhiêu mẹ lại càng phải yêu nó bấy nhiêu. Có lẽ mẹ không yêu nó thì cũng không yêu con.

Một thứ lô gíc mang hình thập giá, nó đưa mẹ đến chỗ mẹ không muốn đi! Nhưng mẹ có đề nghị người ta đóng đinh mẹ lên đó nếu mẹ thật sự không muốn!

Khi mẹ bắt đầu viết lá thư dài này mẹ nghĩ nó sẽ giống như triều dâng, những con sóng dưới đó chen chúc trời lên mặt nước, có sức kéo liên tục như mặt trăng kéo mẹ đến chỗ con và kéo con đến chỗ mẹ, như giọt mật kéo con gái đến với mẹ, kéo người đàn bà đến với người đàn bà. Nhưng mỗi ngày mẹ viết thêm vào thư này hình như lại thấy nó thêm trừu tượng, thành một bức thư viết gởi các vì sao ở khoảng không gian trống rỗng, không cơ thể, trong như pha lê, không có máu. Số phận tình yêu của mẹ là như thế chăng?

Mẹ nhớ khi bị thương, máu của cậu ta chảy vô số không biết bao nhiêu mà kể, chảy rất dữ. So sánh thì máu mẹ trên mặt giấy này mỏng vô cùng, vì nó là của trái tim đã khô héo.

Mẹ biết trước đây đã viết về máu, viết về mọi thứ, viết cho đến cạn máu mà vẫn viết. Bức thư đã trở thành mê cung và mẹ là con chó trong mê cung,

chạy lên chạy xuống giữa những cành cây và đường hầm, vẫn mệt mỏi cào cào và kêu rên ở những chỗ cũ. Tại sao mẹ không kêu cứu, kêu gọi Chúa? Vì Chúa không thể giúp mẹ. Chúa tìm mẹ nhưng không thể với tới mẹ. Chúa là một con chó khác trong mê cung, mẹ nghĩ Chúa và Chúa nghĩ mẹ. Mẹ là một con chó cái đang gặp thời. Chúa là con chó đực. Chúa nghĩ mẹ, không nghĩ gì ngoài việc tìm thấy mẹ và lấy mẹ. Chúa nhảy lên nhảy xuống trên cành, cào tay vào mắt lưới. Nhưng Chúa lạc đường và mẹ cũng lạc nốt. Mẹ mơ, nhưng mẹ không tin là mẹ mơ thấy Chúa. Khi mẹ thiếp đi, dưới mi mắt bắt đầu hiện lên động tác của một hình bóng không hình hoặc thân thể, ngoài phủ sương mù xám xịt, nâu, hoặc vàng như lưu huỳnh. Trong giấc ngủ, mẹ nhìn thấy chữ Borodino, thấy một chiều hè nóng bỏng trên cánh đồng Nga, mọi nơi đều có khói, cỏ cháy khô, thấy hai đám người mất hết ý chí, đi lại đó đây, sống trong nỗi khủng khiếp của lửa cháy. Hàng vạn con người không mặt, không tiếng nói, khô cứng như xương, bị kẹt trong trường giết chóc, đêm đêm hành quân qua cánh đồng cỏ cháy, giữa mùi diêm sinh và máu, một địa ngục cho mẹ nhắm mắt nhảy vào đó. Mẹ càng tin chắc rằng những viên thuốc ngủ Diconal, đã triệu tập những đội quân ấy trong giấc ngủ của mẹ. Nhưng không có viên thuốc đó, mẹ cũng không ngủ được.

Borodino, Diconal, mẹ tưởng đó là những chữ cái đảo ngược, vì nó rất là giống những chữ cái đảo ngược. Nhưng để làm gì kia chứ? Và ở ngôn ngữ nào?

Tỉnh khỏi giấc ngủ Borodino, mẹ gọi, hoặc khóc, hoặc ho bằng những tiếng sâu thẳm trong lồng ngực. Rồi mẹ bình tĩnh lại, nằm nhìn chung quanh. Phòng mẹ, nhà mẹ, đời mẹ, tất cả đều như bắt chước. Thật ra mẹ như thấy mình được trở lại lần nữa, trở lại từ trong bụng cá voi bị phanh ngực. Mỗi lần là một phép lạ nhưng không được công nhận, chào đón hoặc hoan nghênh. Mỗi sáng mẹ được nhả ra, vớt lên bờ biển, được cho một cơ hội khác. Rồi mẹ biết làm gì nữa? Nằm bất động trên cát chờ nước triều ban đêm quay lại quấn lấy mẹ và mang mẹ về trong lòng đêm tối. Không được sinh ra tử tế, mẹ chỉ là một sinh vật hữu hạn, không biết thở trong nước, thiếu can đảm để rời xa biển để trở thành người sống trên đất liền.

Ở sân bay, ngày con ra đi, con ôm chặt người mẹ và nhìn vào mắt mẹ nói "Mẹ đừng gọi con về nhé, con sẽ không về đâu". Rồi con vung chân đá văng hết cát bụi của đất nước này. Con làm thế là đúng, nhưng trong người mẹ vẫn còn chút gì luôn luôn cảnh báo, mẹ đã quay mặt về hướng tây bắc, thèm khát được đón con, ôm con, nếu như con nhất định về thăm mẹ bằng bất cứ cách nào. Trong ý chí của con có cái gì đó vừa ghê gớm vừa rất đáng khâm phục, những thư con viết – mẹ nói thật nhé – không có tình yêu, hoặc ít nhất là không đủ để có thể biến tình yêu thành cuộc sống. Rất thân mật, tốt bụng, thậm chí tâm sự nữa, đầy những lo âu về mẹ tuy nhiên những thư đó vẫn như của một người nào xa lạ, không quen biết.

Mẹ buộc tội con ư? Không, nhưng đó là lời trách cứ từ trong tim mẹ. Bức thư dài này – bây giờ mẹ xin nói – là tiếng gọi văng vào đêm tối, gọi vào miền tây bắc để con trở về với mẹ. Con hãy về rúc đầu vào lòng mẹ như đứa trẻ, như con thường làm, mũi con chui vào chỗ tối mà từ đó con đã chui ra. Thư này nói: nào con, con đừng tách khỏi mẹ. Đó là lời thứ ba.

Nếu con nói rằng con từ mẹ mà ra, mẹ sẽ không nói rằng mẹ từ bụng cái voi mà ra nữa.

Mẹ không thể sống mà không có con, cũng không thể chết mà không có con.

Văng con, mẹ chỉ biết chịu đựng nỗi đau. Mẹ làm ra nỗi đau. Con là nỗi đau của mẹ.

Đó là buộc tội con ư? Đúng, mẹ đang buộc tội. Mẹ tố cáo con đã bỏ rơi mẹ. Mẹ vứt lời buộc tội này sang chỗ con, vứt hết về phía tây bắc, vứt vào hàm răng của gió. Mẹ vứt nỗi đau vào chỗ con.

Borodino là cách đảo chữ thay cho Trở về đi bằng thứ ngôn ngữ nào đó. Còn Diconal là Mẹ gọi.

Lời nói nôn ra từ bụng cá voi, méo mó, bí ẩn, con gái ơi.

Giữa đêm, tôi gọi điện cho Đường Sống. Người đàn bà ở đó hỏi "Trao hàng tận nhà ư? Không còn ai làm việc ấy đâu, trừ hãng Stuttafords. Bà thử hỏi hãng Xe Thực phẩm xem".

Tôi nói "Không phải chuyện nấu nướng. Tôi tự nấu nướng được. Tôi chỉ

yêu cầu chở thực phẩm đến nhà. Tôi bị đau không xách được".

Chị ta nói "Bà cho số điện thoại. Sáng mai tôi sẽ bảo một nhân viên gọi lại cho bà biết".

Tôi bỏ máy.

Kết thúc đến nhanh như ngựa phi nước đại. Tôi không dè khi xuống dốc người ta càng đi nhanh. Tôi tưởng có thể từ từ đi hết con đường. Nhầm, hoàn toàn nhầm.

Trong kết thúc có cái gì đó làm mất danh dự, mà ý tưởng của ta, của nhân loại, cũng mất danh dự. Người ta vào trong những phòng ngủ tối tăm, lộn xộn, bất lực. Người ta nằm dưới mưa ngoài hàng rào. Con chưa hiểu điều này đâu. Vercueil hiểu được.

Vercueil lại đi đâu mất, bỏ con chó lại sau. Tội nghiệp cho Vercueil. Không có Odysseus, không có Hermes, có lẽ cũng không có cả người đưa tin. Anh ta chỉ chạy quanh, lo sợ, mặc dù đã trải qua nắng gió.

Còn tôi? Nếu Vercueil không thử được, tôi thế nào? Phải chăng cách thử của tôi là tự thiêu trước Ngôi Nhà Dối Trá? Tôi đã trải qua hàng ngàn lần giây phút ấy. Giây phút đánh cây diêm khi tôi đã bịt tai, ngạc nhiên, thậm chí thích thú ngồi giữa đồng lửa, không ai đụng vào mình, quần áo cháy từ từ, ngọn lửa có màu xanh bình thản. Đem ý nghĩa đến cho cuộc sống của mình thì dễ biết bao, tôi suy nghĩ và ngạc nhiên, nghĩ rất nhanh vào lúc cuối cùng khi mi mắt, lông mày bắt lửa, không còn nhìn thấy gì nữa. Rồi sau đó cũng không nghĩ gì nữa, chỉ còn lại nỗi đau (vì không có gì đến mà không có cái giá của nó).

Liệu nỗi đau ấy có tệ hơn đau răng không? Tệ hơn sinh đẻ con không? Tệ hơn cái đau ở hông này không? Tệ hơn phải đẻ một lúc hai đứa không? Phải mất bao nhiêu viên Diconal thì nỗi đau mới tê dại đi được? Hay là phải giả bộ nuốt hết Diconal rồi quay xe chạy dọc đại lộ Chính Phủ và lách qua sợi dây xích kia? Người chết rồi mà vẫn hiểu biết đầy đủ về mình được không? Sinh ra cái chết mà không cần gây mê được không?

Sự thật là mỗi lúc hưng phấn bao giờ cũng có cái gì đó không thật, rất không thật, dù cho kết quả là điên rồ hay thất vọng. Nằm chết từ từ trên giường qua hàng tuần, hàng tháng, lấy cái đau và buồn tủi để chuộc tội như

vậy cũng chẳng cứu rồi được linh hồn, vậy tại sao tôi không tự cứu bằng cách chết trong hai phút giữa đồng lửa? Liệu một bà già tự giết mình có chấm dứt được những điều dối trá hay không? Có thay đổi được cuộc sống của ai không và thay đổi như thế nào? Thỉnh thoảng tôi nghĩ đến Florence. Nếu Florence qua đây, dắt Hope và công Beauty trên lưng, liệu cô ta có xúc động trước cảnh này không? Cô ta có thêm nghĩ đến tôi không? Sẽ chỉ như người tung hứng ở rạp xiếc, như tay hề, như người mua vui. Florence sẽ nghĩ tôi không phải là người đứng đắn. Rồi cô ta bỏ đi.

Nhìn mắt Florence ai mà tin được cái chết ấy có thật? Cái gì được cô ta chấp nhận? Trả lời: cái chết suy tôn cuộc sống của một người lao động đáng kính, hoặc cứ lẳng lẳng mà chết, không cưỡng lại được, cũng không công bố, sẽ chỉ như một tiếng sấm hay viên đạn bắn vào giữa trán.

Florence là người phán xét. Đằng sau đôi mắt kính, cô ta bình tĩnh xét đoán được tất cả. Cái bình tĩnh này cũng đã truyền sang các con gái. Florence là toà án. Tôi là người bị đưa ra xử. Nếu cuộc sống của tôi là cuộc sống phải đưa ra xét xử, đó là vì suốt mười năm tôi đã bị xét xử ở toà án Florence.

- Bà có Dettol không?

Tôi đang ngồi viết trong bếp. Cậu ta lên tiếng làm tôi giật mình.

- Lên gác, trong phòng tắm, cửa bên phải. Tìm ở tủ thuốc dưới bồn ấy. Cậu ta lục lọi một lúc rồi xuống nhà. Băng quần trên đầu đã tháo hết. Tôi ngạc nhiên thấy vết khâu vẫn còn.

- Họ không tháo chỉ à?

Cậu ta lắc đầu.

- Nhưng cậu rời bệnh viện từ bao giờ?

- Hôm qua. Hôm kia.

Tại sao phải nói dối thế?

- Sao cậu không nằm lại cho họ chăm sóc?

Không trả lời.

- Cậu phải che vết thương ấy đi, nếu không sẽ nhiễm trùng rồi thành sẹo đấy.

Chỗ đó sẽ thành vết suốt đời, như bị ai quất vào trán vậy. Để làm kỷ niệm chăng?

Cậu ta là gì với tôi để tôi phải mắng mỏ chứ? Vậy mà tôi là người đã bị vết thương cầm máu cho cậu ta đấy. Sự thôi thúc của người mẹ thật là kiên trì. Như gà mẹ mất con phải nhận vịt con về, không biết vịt con lông vàng, mỏ đen, rồi dạy nó tắm cạn và bắt sâu bọ.

Tôi rút khăn bàn màu đỏ, cắt ra một mảnh rồi nói "Nhà không còn băng, nhưng mảnh khăn này sạch, màu đỏ cũng không sao". Tôi quấn hai vòng lên đầu cậu ta rồi thắt nút sau gáy. "Cậu phải đến ngay bác sĩ hay bệnh viện nào đó, để họ cắt chỉ cho. Không thể để như vậy được".

Cổ cậu ta cứng như gỗ. Người cậu ta xông lên một thứ mùi đến chó cũng phải bỏ chạy, một thứ mùi gay gắt, đáng sợ.

Cậu ta hăng giọng, vai tựa quây "Đầu tôi không đau, nhưng cánh tay không cử động được".

- Cậu nói thật đi, cậu đang chạy trốn phải không?

Cậu ta im lặng.

Tôi nói "Tôi nói nghiêm túc nhé, cậu còn quá trẻ đối với việc này. Tôi đã bảo Bheki thế rồi, bây giờ tôi nói lại với cậu. Cậu phải nghe tôi. Tôi đã già và biết mình đang nói gì. Các cậu vẫn còn là trẻ con. Các cậu vứt bỏ đời mình mà chưa biết đời là như thế nào. Các cậu chỉ mới mười lăm tuổi chứ mấy. Mười lăm tuổi mà chết thì quá trẻ. Mười tám cũng còn quá trẻ. Hai mươi một cũng còn trẻ".

Cậu ta đứng dậy, sờ nhẹ vào chiếc băng đỏ trên đầu như muốn cảm ơn. Ở thời các hiệp sĩ, đàn ông đánh nhau đến chết vì đàn bà ra ơn khê đập tay vào mũ sắt họ đội trên đầu. Tôi chả phí hơi mà dạy khôn cậu ta. Trong người cậu ta, bản năng chiến đấu còn thở rất mạnh. Chiến đấu là cách tự nhiên để thanh toán kẻ yếu và kiếm bộn cho kẻ mạnh. Trở về trong vinh quang, họ muốn gì được nấy. Máu và vinh quang. Cái chết và tình yêu. Một bà già như tôi, đã tàn tạ, sắp chết, quấn băng lên đầu cậu ta cũng là cách ra ơn như thế chẳng.

Cậu ta hỏi "Bheki đâu?"

Tôi nhìn cậu ta không hiểu. Cậu ta chưa nghe tôi nói gì sao? Hay cậu ta quên? Tôi bảo "Ngồi xuống đã". Cậu ta ngồi xuống.

Tôi dướn người lên bàn nói "Bheki đã nằm dưới đất. Người ta bỏ nó vào

hòm, chôn xuống hố, đổ đất lên người nó rồi. Nó không bao giờ rời khỏi cái hố ấy đâu. Không bao giờ. Không bao giờ. Cậu nên hiểu, đó không phải là trò chơi đá bóng, ngã rồi còn đứng dậy tiếp tục chơi được. Đám người mà các cậu đấu với họ ấy, chúng không hề bảo nhau "thằng bé này là trẻ con, hãy dùng đạn giả bắn nó như bắn chơi thôi". Chúng không cho các cậu là trẻ con đâu. Chúng nghĩ các cậu là kẻ thù, các cậu căm ghét chúng thế nào thì chúng căm ghét các cậu như thế. Chúng không ngần ngại gì mà không bắn các cậu. Trái lại, thấy các cậu ngã xuống chúng càng vui thích và ghi thêm một vạch thành tích vào khẩu súng nữa".

Cậu ta nhìn như bị tôi đánh vào mặt, đánh liên tiếp. Nhưng cậu ta mím môi, cắn răng, không tỏ ra sợ hãi. Mắt cậu ta long lanh.

Tôi lại nói "Cậu tưởng chúng không có kỷ luật ư? Cậu nhầm đấy. Chúng rất kỷ luật. Nếu như chúng có kiềm chế, không tiêu diệt hết bọn con trai các cậu, đó không phải vì chúng thương tình hay nghĩ đến đồng loại gì đâu. Đó chỉ là kỷ luật thôi, không có gì khác. Lệnh trên đó thôi, mà lệnh có thể thay đổi bất cứ lúc nào. Tình thương bị vứt hết rồi. Đây là chiến tranh. Cậu hãy nghe tôi nói. Tôi biết mình nói gì. Cậu nghĩ tôi định xúi cậu đừng đấu tranh nữa chứ gì. Đúng đấy. Chính tôi đang làm thế đấy. Tôi chỉ bảo là các cậu hãy khoan đã, vì các cậu còn quá trẻ".

Cậu ta như ngồi không yên. Chỉ nói suông! Từ đời ông bà cha mẹ cậu ta đã nghe nói suông rồi! Toàn những lời dối trá, hứa hẹn, lừa phỉnh, đe dọa. Họ đã từng trải qua và cúi đầu trước sức nặng của người lời nói suông ấy. Nhưng cậu ta thì chưa. Cậu ta không thèm nghe những lời nói suông nữa. Cứ nói suông thì chết đi cho rảnh!

Tôi nói "Các cậu bảo đã đến lúc phải chiến đấu, đã đến lúc một mất một còn. Tôi nói để cậu biết thế nào là mất hoặc còn nhé. Hãy nghe tôi, tôi sẽ nói về chữ hoặc ấy.

"Cậu biết là tôi bị bệnh. Cậu biết là tôi bị bệnh gì không? Tôi bị ung thư. Tôi bị ung thư vì tích lũy những ô nhiễm phải chịu đựng trong cuộc sống. Ung thư tự nguyện rửa thân mình đã biến thành ác tính và bắt đầu mục rữa.

"Tội gì mà phải huỷ hoại thân mình bằng ô nhiễm. Tự nguyện rửa, cậu muốn nói như thế chứ gì? Tôi không cần biết cậu nghĩ thế nào, đó là chuyện khác,

nhưng tôi muốn hỏi tại sao cậu không làm một cái gì đi? Cậu nói ra tôi sẽ "đồng ý" ngay.

"Nếu cậu nêu câu hỏi, tôi chỉ có thể "đồng ý" chứ không thể làm gì khác. Nhưng tôi phải nói "Đồng ý" là thế nào. Đem cuộc đời ra xét xử thì người ta chỉ được quyền nói Có hay Không thôi. Khi cậu nín hơi để nói ra điều gì, cậu sẽ bị toà án cảnh báo "Có hay Không" mà không được nói gì hơn. Cậu sẽ nói "Có" chứ gì. Nhưng cậu vẫn cảm thấy có gì đó cựa quậy trong người như sự sống cựa quậy trong dạ con vậy. Chưa phải đứa trẻ đó đạp đầu, nó chỉ như lúc đầu khi người đàn bà biết rằng mình có mang thôi.

Chúng tôi không chỉ có cái chết. Còn có cả sự sống nữa. Nhưng chết thì mạnh, còn sự sống thì yếu. Nhiệm vụ của tôi là giữ lấy sự sống, phải giữ cho nó sống. Nhất định phải thế.

Cậu không tin vào lời nói. Cậu chỉ nghĩ đánh mới là thật, đánh và súng đạn. Nhưng cậu nghe đây, cậu có tin những lời tôi nói là thật không? Nghe đi! Có thể đó chỉ là không khí thôi, nhưng đó đến từ trái tim tôi, ruột gan tôi. Nó không phải là Có, cũng không phải là Không. Tôi chiến đấu cho nó theo cách của tôi, chiến đấu để nó không bị bóp nghẹt. Tôi giống như một trong những bà mẹ Trung Hoa biết rằng con mình sẽ bị người ta bắt đi, nếu là con gái thì diệt ngay. Vì gia đình, làng xóm, chỉ cần có những con trai khoẻ mạnh mà thôi. Họ biết rằng sau khi mình đẻ sẽ có người đến nhà, che mặt, giật đứa bé trong tay bà đỡ, nếu đứa bé không phải là con trai, người đó sẽ quay đi, ra vẻ tế nhị, đưa tay bóp mũi bịt miệng cho đứa bé chết ngạt, rồi một phút sau là mọi chuyện đã xong.

"Người mẹ đau buồn, nhưng sau đó người ta bảo đau buồn là chuyện tất nhiên. Chớ có hỏi: sao lại gọi đứa bé là con trai, tại sao đứa bé là con gái thì phải chết?"

"Cậu đừng hiểu lầm tôi, cậu là con trai, con trai của ai đó. Tôi không phản đối con trai, Nhưng đã bao giờ cậu trông thấy đứa bé mới đẻ chưa? Nói để cậu nghe cậu sẽ khó mà phân biệt được đó là con trai hay con gái. Bất cứ đứa bé nào mới đẻ cũng có mẩu nhỏ phồng lên giữa hai chân. Mẩu nhỏ chìa ra để biết đó thật sự là con trai cũng chẳng có gì quan trọng, rất ít để phân biệt giữa sự sống và cái chết. Vậy mà mọi thứ khác, mọi thứ không được

xác định, mọi thứ nếu ta đòi thì cho, lại bị kết án là chưa bao giờ nghe nói đến. Tôi đang lý sự về cái chưa bao giờ nghe nói đến ấy.

"Tôi có thể thấy cậu chán không muốn nghe một bà già nói. Cậu đang nóng lòng muốn trở thành người lớn và làm những việc người lớn. Cậu cũng chán không sẵn sàng với cuộc sống. Cậu nghĩ đã đến lúc phải để cuộc sống tự nó sống. Như thế là cậu nhầm đấy! Cuộc sống không đi theo một cây gậy, một ngọn cờ, một tiếng súng, để đi đến chỗ nào nó đem cậu đi. Cuộc sống không ở ngay góc đường. Chính cậu đang ở trong lòng cuộc sống".

Chuông điện thoại reo.

Tôi bảo "Cứ để đó, tôi sẽ không trả lời đâu".

Chúng tôi ngồi yên chờ chuông ngừng lại.

Tôi nói "Tôi không biết tên cậu là gì".

- John.

John, tôi chưa từng nghe cái tên này. Y như tên lính vậy.

- Cậu định như thế nào?

Cậu ta không hiểu tôi định nói gì.

- Cậu định làm gì? Cậu có muốn ở đây không?

- Tôi phải về nhà.

- Nhà ở đâu?

Cậu ta ngơ ngác nhìn tôi. Cậu ta đã quá mệt, không còn nghĩ ra được điều gì để nói dối nữa. Tôi lăm bắm "Cậu bé tội nghiệp".

Tôi không có ý do thám. Nhưng tôi đi dép nhẹ, cửa phòng Florence mở, cậu tay quay lưng về phía tôi. Cậu ngồi trên giường, đang cầm một vật gì trong tay. Trông thấy tôi, cậu giật mình nhét vật đó dưới tấm trải giường.

Tôi hỏi "Cậu có cái gì đấy?"

Cậu ta ngừng nhìn tôi đáp "Không có gì".

Tôi đã không ép cậu ta nhiều nếu như không nhìn thấy một mảnh ván ốp rơi ra khỏi tường để trơ gạch lót bên trong.

Tôi nói "Cậu định làm gì thế? Sao cậu lại phá nhà tôi thế?"

Cậu ta im lặng.

Tôi nhòm vào tường. Hàng gạch có một lỗ hổng để quạt gió. Qua lỗ hổng

có thể thò tay xuống dưới ván sàn.

- Cậu để cái gì dưới mặt sàn thế?
- Tôi có làm gì đâu.

Tôi gọi số điện Florence để lại. một đứa trẻ nhắc máy. Tôi bảo "Cho tôi nói chuyện với bà Mkubukeli". Im lặng. "Bà Mkubukeli. Florence ấy mà".

Có tiếng thì thầm rồi một giọng đàn bà đáp "Bà muốn nói chuyện với ai?"

- Với bà Mkubukeli. Florence.
- Cô ấy không có đây.

Tôi nói "Tôi là bà Curren. Bà Mkubukeli giúp việc cho tôi. Tôi gọi về việc có thằng bạn con trai bà ấy tới xưng tên là John. Tôi không biết tên thật của nó là gì. Việc này quan trọng. Nếu Florence không có đây thì cho tôi nói chuyện với ông Thabane được không?"

Lại một lúc im lặng. Rồi giọng đàn ông "Vâng, tôi là Thabane đây".

- Tôi là bà Curren. Chắc ông nhớ, chúng ta đã gặp nhau rồi. Tôi gọi về việc thằng bạn của Bheki ở trường. Có lẽ ông không biết, nó đã nằm viện".

- Tôi biết.

- Bây giờ nó đã ra viện, hoặc trốn khỏi bệnh viện và đến đây. Tôi tin rằng nó có vũ khí hay một thứ gì đó không rõ lắm, mà nó và Bheki giấu ở phòng Florence. Có lẽ vì thế nó quay về đây.

Ông ta đáp gọn "Phải".

- Ông Thabane, tôi không yêu cầu ông ra oai với thằng bé, nhưng nó không được khoẻ. Nó bị thương rất nặng. Tôi nghĩ tâm trạng nó đang rối bời. Tôi không có cách nào liên lạc với gia đình nó, cũng không biết nó có gia đình ở Cape Town hay không. Nó không chịu cho tôi biết. Tôi chỉ yêu cầu có người đến đây nói chuyện với nó, người nào mà nó tin cậy được, rồi đưa nó đi trước khi nó gặp chuyện gì không hay chẳng.

- Bà bảo tâm trạng nó rối bời nghĩa là thế nào?

- Ý tôi nói là nó cần được giúp đỡ. Có thể nó không chịu trách nhiệm về những gì nó làm. Nó bị đánh vào đầu. Tôi không sức đâu mà chăm sóc nó được. phải có người đến đây cơ.

- Để tôi xem đã.

- Không, như thế không được. Tôi muốn ông phải hứa cơ.

- Tôi sẽ đề nghị cho người đến đón nó, nhưng không thể nói khi nào.
- Hôm nay được không?
- Không thể nói được. Có lẽ hôm nay, có lẽ ngày mai. Để tôi xem.
- Ông Thabane, tôi phải nói rõ để ông biết, tôi không định bảo thẳng bé này hay bất cứ ai phải làm như thế nào. Nó đủ lớn và đủ ý chí để làm những gì nó muốn. Nhưng việc giết chóc và đổ máu nhân danh những đồng chí này thì tôi rất ghét, ghét bằng cả trái tim và tâm hồn tôi. Tôi nghĩ đó là dã man. Tôi chỉ muốn nói thế thôi.
- Bà Curren, như vậy không hay đâu. Nghe tiếng bà nhỏ và xa lắm. Bà nghe tôi có rõ không?
- Tôi nghe được.
- Tốt. Vậy bà Curren, bà nghe tôi nói nhé. Tôi nghĩ bà không hiểu lắm về tình đồng chí.
- Tôi hiểu quá đi chứ. Cảm ơn ông.

Ông ta nói chắc nịch "Không, bà không hiểu. Khi nào cả thể xác và tâm hồn bà cũng đấu tranh như bọn trẻ, khi nào bà sẵn sàng hy sinh mạng sống cho nhau mà không đòi hỏi điều gì, khi đó sẽ nảy ra mối quan hệ mạnh hơn bất cứ quan hệ nào bà sẽ thấy được. Đó là tình đồng chí. Chính mắt tôi trông thấy hàng ngày. Thế hệ tôi chẳng có gì để so sánh, vì thế chúng tôi phải lùi nhường bước cho bọn trẻ. Chúng tôi lùi lại nhưng vẫn đứng sau lưng chúng. Đó là điều bà không hiểu được vì bà xa quá".

Tôi nói "Đúng là tôi quá xa, quá xa và quá nhỏ. Tuy nhiên tôi e rằng tôi cũng biết khá rõ về tình đồng chí. Người Đức có tình đồng chí, người Nhật cũng có tình đồng chí. Dân Spartan xưa kia cũng có. Tôi chắc đế quốc Shaka cũng có. Tình đồng chí chẳng là cái gì hết, chỉ là không khí thần bí của cái chết, của giết chóc và cái chết, được hóa trang bằng một cái mà các ông gọi là mối quan hệ (quan hệ gì nhỉ? Tình yêu ư? Tôi ngờ lắm). Tôi không có cảm tình với tình đồng chí ấy. Ông nhằm đấy, ông và Florence và mọi người khác, bị lừa dối, tệ hơn nữa, còn đem nó khuyến khích bọn trẻ. Chẳng qua đó chỉ là những cấu trúc của nam giới, lạnh lùng, độc quyền, dẫn đến cái chết mà thôi. Ý tôi là thế đấy".

Giữa tôi và ông ta còn nói nhiều, nhưng tôi không muốn nhắc lại. Chúng tôi

trao đổi ý kiến. Chúng tôi đồng ý để khác nhau.

Buổi chiều qua đi. Không thấy ai đến tìm thằng bé. Nằm trên giường, lơ đãng vì thuốc, dựa lưng vào nệm, cố điều chỉnh cơ thể cho đỡ đau, rất muốn ngủ nhưng lại sợ giấc mơ về Borodino.

Không khí nặng dần. Trời bắt đầu đổ mưa. Nước chảy thành vòi trên ống máng bị tắc. Chiếc thảm ở đầu cầu thang bốc lên mùi nước đá mè. Tôi nghĩ đến một năm mờ. Một năm mờ tư sản muộn. Đầu tôi lật đi lật lại. Tóc bạc rụng ra gối, chiếc gối mỏng manh chưa được giặt. Ở phòng Florence, trong bóng tối dần, thằng bé nằm với quả bom hay cái gì đó trong tay, mắt nó mở to, bây giờ không còn mờ nữa. Nó đang nghĩ ngợi, hơn nữa nó đang mơ tưởng. Mơ tưởng đến một lúc vinh quang nó sẽ được vươn lên, được trở lại hoàn toàn là nó, đứng thẳng người, mạnh mẽ, biến dạng. Khi bông hoa rực lửa nổ tung, ngọn khói cũng dâng lên. Nó ôm quả bom trên ngực làm như đó là tấm bùa hộ mệnh, chẳng khác gì Christopher Columbus nằm trong bóng tối, ôm la bàn trên ngực, thứ công cụ thần bí sẽ dẫn ông ta đến đảo Ấn, vùng đảo được thánh nhân phù hộ. Những tốp gái đồng trinh, ngực để trần, sẽ hát cho ông ta nghe, giang tay đón ông ta lội qua những chỗ cạn, tay giơ kim la bàn không lay động mà chỉ hướng về một phía tương lai.

Tội nghiệp thằng bé! Tôi bỗng tuôn nước mắt đến nỗi mờ đi không thấy gì nữa. Tội nghiệp thằng bé, nếu là ngày xưa nó đã được ngồi chơi trong vườn, ăn bánh với mút, uống nước đóng hộp, bây giờ thì nó chiến đấu cho những người bị lãng nhục, bị thương tật, bị dẫm đạp, bị chê là lỗ bịch, phải chiến đấu cho tất cả bọn trẻ Nam Phi!

Sáng sớm, lúc trời còn đang lạnh, tôi nghe như có ai đang mở cổng. Tôi nghĩ bụng có lẽ Vercueil đã về. Rồi tiếng chuông cửa réo lên, một lần, hai lần, réo lâu, có lẽ như nóng ruột, hách dịch nữa, tôi biết ngay đó không phải là Vercueil.

Những ngày này tôi phải mất mấy phút mới xuống nhà được, nhất là đang bị thuốc làm cho đầu óc mê muội. Đang lần mò ở chỗ nửa tối nửa sáng, tôi vẫn còn thấy họ bấm chuông và gõ cửa liên tục. Tôi cố lên giọng thật to "Tôi đến đây!" Nhưng vẫn đi rất chậm. Tôi nghe cổng bật mở. Rồi tiếng đập cửa bếp, giọng Nam Phi lai Hà Lan. Rồi tiếng sú[ng] lệt đệt, nghe

như cầm hai hòn đá đập vào nhau.

Im lặng một lát, rồi tôi lại nghe tiếng kính vỡ. Tôi hét lên "Chờ đã!" rồi cố chạy đến cửa bếp, không ngờ tôi hãy còn sức chạy được. Tôi lại kêu "Chờ đã!" rồi tháo dây xích cài cửa. "Đừng có làm thế!"

Một người mặc áo choàng xanh đứng ngoài hiên đưa lưng về phía tôi. Tuy đã nghe tiếng tôi nói, anh ta không quay lại.

Tôi kéo chốt cuối cùng, mở tung cửa, bước ra ngoài. Tôi quên không khoác áo ngoài, chân đi đất, mặc áo ngủ trắng, như thân hình người chết dựng dậy. Tôi nói "Khoan đã, các ông chớ làm gì vội, nó chỉ là đứa trẻ thôi".

Họ có ba người. Hai mặc đồng phục. Người thứ ba mặc áo len cộc tay, ngực áo thêu con nai tuyết, tay cầm súng, nòng chĩa xuống đất. Tôi bước qua mấy vũng nước đọng lại trong đêm, bảo họ "Các ông để tôi nói chuyện với nó đã". Họ ngạc nhiên nhìn tôi nhưng không ngăn lại.

Cửa sổ phòng Florence bị đập vỡ. Trong phòng rất tối nhưng nhìn qua lỗ khoá tôi có thể thấy nó ngồi trong góc phòng, bên cạnh giường.

Tôi bảo "Cậu mở cửa ra. Tôi hứa sẽ không để họ đánh cậu đâu".

Tôi biết thế là nói dối. Cậu ta chẳng làm gì được, còn tôi cũng chẳng có quyền gì để cứu cậu ta. Tuy thế một cái gì đó vẫn toát ra từ người tôi. Tôi muốn ôm lấy cậu ta, che chở cho cậu ta.

Một viên cảnh sát đến cạnh tôi, ấn tôi vào tường. Anh ta nói "Bảo nó ra đi".

Tôi quay lại hét tướng "Anh rút đi!" rồi ho rũ rượi.

Mặt trời bắt đầu lên, nắng hồng, bầu trời kéo đầy mây.

Tôi vừa ho vừa gọi "John! Ra đi! Tôi không để họ làm gì cậu đâu!"

Người mặc áo len cộc tay bước tới nói nhỏ: "Bảo nó đưa vũ khí ra".

- Vũ khí nào?
- Nó có khẩu súng lục, không biết còn gì khác. Bảo nó đưa ra hết.
- Nhưng trước hết các ông phải hứa không được làm gì nó.

Anh ta nắm lấy cánh tay tôi. Tôi giằng ra, nhưng anh ta quá khoẻ. Anh ta nói "Bà đứng đây sẽ bị viêm phổi đấy". Một cái gì sau lưng khoác lên người tôi. Đó là chiếc áo choàng của cảnh sát. Anh ta khẽ nói "Neen haar beene" rồi đưa tôi vào bếp đóng cửa lại.

Tôi đứng lên ngồi xuống mãi. Chiếc áo choàng sặc mùi thuốc lá. Tôi quăng

nó xuống sàn nhà, ra mở cửa. Người tôi lạnh cóng. Tôi gọi "John!" Ba người đó đang cúi đầu nghe đài. Một người đã đưa áo choàng cho tôi quay lại, vẻ khó chịu "Này bà kia, ở ngoài này nguy hiểm đấy". Anh ta đẩy tôi vào trong nhà nhưng không thấy chìa để khoá cửa.

Tôi nói "Nó chỉ là đứa trẻ thôi".

Anh ta đáp "Xin bà để cho chúng tôi làm việc".

Tôi nói "Để tôi xem các ông làm những gì. Tôi đã nói, nó chỉ là một đứa trẻ mà thôi".

Anh ta định nói gì nhưng lại thôi, thở dài một cái để tôi nói tiếp. Anh ta còn trẻ, khoẻ mạnh, cứng cáp. Con của ai đó, họ hàng với ai đó. Rất nhiều anh em, họ hàng cô cậu, chú bác, ông bà, đứng sau và đứng trên cao như một dàn đồng ca, chỉ huy dạy bảo anh ta.

Tôi biết nói thế nào nhỉ? Giữa chúng tôi có gì là chung để có thể quan hệ với nhau, trừ việc anh ta đến đây để bảo vệ tôi, bảo vệ quyền lợi của tôi, nói theo nghĩa rộng?

Tôi nói "Ek staan nie aan jou kant nie. Ek staan aan die teenkant". Tôi đứng về phía khác, mà còn đứng ở bên kia bờ sông nữa cơ. Đứng ở bờ xa mà nhìn lại.

Anh ta quay vào khám xét mọi thứ, lò bếp, các tủ chạn bát đĩa, chẳng thiếu thứ gì, còn các bạn anh ta sẽ làm công việc của họ bên ngoài.

Tôi nói "Tất cả chỉ có thế. Tôi chẳng còn gì hết. Tại sao tôi cũng không nói với anh".

Vậy thì nói với ai? Vẫn là nói với con thôi. Nói để con biết mẹ đã và đang sống như thế nào.

Chuông cửa lại reo. Thêm mấy người nữa, chân đi ủng, đầu đội mũ, mặc quần áo rằn ri, ầm ầm bước vào trong nhà. Họ xúm lại trước cửa sổ. Một viên cảnh sát chỉ tay vào cửa phòng Florence nói "Hy sit daar in die buitkamer. Daar net die een deur en die een venster".

Một người vừa vào nói "Nee, dan het ons hom".

Tôi nói "Báo trước cho các ông biết, tôi đang theo dõi mọi hành động của các ông đấy".

Anh ta quay sang tôi nói "Bà biết thằng bé này chứ?"

- Có, tôi biết nó.
- Bà biết nó có vũ khí chứ?

Tôi nhún vai "Những ngày này Chúa phù hộ cho những ai không vũ khí".

Lại một người khác bước vào. Một phụ nữ mặc quân phục, gọn gàng, sạch sẽ. Chị ta nói "Is dit die dame díe?" rồi quay sang tôi "Chúng tôi khám xét nhà một lúc, bao giờ xong thì thôi. Bà có muốn đi chỗ nào khác không? Đến chỗ bạn bè hay bà con gì đó?"

- Tôi không đi đâu hết, đây là nhà tôi.

Chị ta vẫn thân mật, có vẻ lo lắng nói "Tôi biết, nhưng bà ở lại đây nguy hiểm lắm. Chúng tôi phải để cho bà đi ra khỏi nhà một lúc".

Những người đứng bên cửa sổ thôi nói chuyện. Họ sốt ruột muốn tôi phải đi ngay. Một người nói "Bel die ambulans". Người đàn bà đáp "Ag, sy kan sommer by die stasie wag", rồi quay sang phía tôi "Nào thôi, bà..." và chờ tôi xưng tên, nhưng tôi không nói. Chị ta lại nói "Mời bà uống chén trà nóng vậy nhé".

- Tôi không đi đâu hết.

Họ không thèm để ý tôi nói gì, coi tôi như đứa trẻ. Một người nói "Sýs amper blou van die koue".

Người đàn bà lên gác đem xuống tấm khăn trải giường. Chị ta quấn khăn vào người tôi, ôm lấy tôi, rồi giúp tôi xỏ chân vào dép. Chân căng tôi không có dấu vết gì bẩn. Chị ta ngoan ngoãn, chắc đã được dạy dỗ để lấy chồng.

Chị ta hỏi "Bà muốn mang theo thuốc men hay thứ gì khác không?"

Tôi nhắc lại, ôm chặt tay vào ghế "Tôi không đi".

Chị ta cùng đám đàn ông nói gì đó với nhau. Họ không báo trước, bế tôi lên. Người đàn bà giữ chân tôi. Họ khênh tôi ra cửa như khênh chiếc thảm. Lưng tôi đau như. Tôi kêu lên "Bỏ tôi xuống!"

Người đàn bà đầu dụi "Một phút nữa thôi"

Tôi hét to "Tôi bị ung thư! Bỏ tôi xuống!"

Ung thư! Bật ra tiếng đó với họ, tôi cảm thấy rất hài lòng! Tiếng đó như nhát dao buộc họ phải dừng lại. Một người đang giữ tôi nói "sit haar neer, dalk kom haar iests or. Ek het mos gesê jy moet die ambulans bel". Họ

đành bỏ tôi nằm xuống ghế dài.

Người đàn bà nhìn mặt hỏi "Đau ở đâu?"

- Tôi đau ở tim!

Chị ta không hiểu. "Tôi bị ung thư ở tim". Chị ta hiểu ra, lắc đầu như đuổi ruồi. "Khênh bà đi có mệt không?"

Tôi nói "Lúc nào cũng đau".

Chị ta nhìn người đứng sau lưng. Họ trao đổi với nhau cái gì đó có vẻ thích thú nên chị ta mỉm cười.

Tôi nói luôn "Tôi uống phải nước đấng nên bị bệnh". Nếu họ nghĩ là tôi điên dại thì có sao đâu? "Một ngày kia các người cũng sẽ mắc bệnh này. Không tránh được."

Có tiếng đập vỡ kính. Cả hai người chạy vào phòng. Tôi nhồm dậy tập tễnh bước theo.

Không có chuyện gì, chỉ có một tấm cửa nữa vắng đi. Ngoài sân không còn ai. Đám cảnh sát, lúc đó có đến nửa tá, cúi lom khom trên hiên, tay súng sẵn sàng.

Một người quát "Weg! Kry haar weg!"

Người đàn bà đẩy tôi vào sau cửa. Chị ta vừa đóng lại thì có một tiếng nổ đòn, rồi một loạt tiếng súng, rồi im lặng, rồi có tiếng người nói nhỏ ở đâu đó, rồi tiếng con chó của Vercueil sủa.

Tôi cố mở cửa, nhưng người đàn bà giữ chặt tôi.

Tôi nói "Nếu các người đánh nó, tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho các người đâu".

Chị ta xoa dịu "Thôi được, chúng tôi sẽ gọi xe cứu thương cho bà"

Nhưng xe cứu thương đã đến đó từ nãy rồi, đang đỗ bên đường. Mấy chục người từ các nơi tùm tùm đến, hàng xóm, người qua đường, trẻ già có, da đen da trắng có. Những người từ lan can các nhà bên cạnh nhìn sang. Khi người nữ cảnh sát và tôi xuất hiện ở cửa nhà, họ đã chở một xác người bọc kín chắn ra đường và đưa lên xe.

Rồi họ bắt tôi trèo lên xe cứu thương. Một người đưa cánh tay đỡ tôi lên, nhưng một viên cảnh sát nói "Khoan đã, để gọi xe cứu thương khác".

Tôi nói "Tôi không cần xe cứu thương khác". Anh ta nhìn tôi, vẻ hiền lành,

bản khoán. Tôi nói "Tôi muốn đi với nó" rồi định trèo lên xe. Tấm khăn trải giường rơi xuống chân.

Anh ta lắc đầu nói "Không". Rồi ra hiệu cho xe đóng cửa.

Tôi lẩm bẩm "Xin Chúa tha tội cho chúng con". Tôi lại quấn khăn trải giường lên người, đi bộ xuống phố Schooner, tránh xa đám đông. Tôi sắp đến đầu đường bỗng thấy chị nữ cảnh sát chạy theo nói như ra lệnh "Bây giờ bà phải về nhà đi!" Tôi giận dữ đáp "Không còn là nhà tôi nữa!" rồi đi tiếp. Chị ta níu lấy cánh tay tôi. Tôi giằng ra. Chị ta nói bằng quơ "Sy s van kaar kop af", rồi bỏ đi.

Xuống đến phố Buitenkant, tôi ngồi nghỉ dưới chân cầu vượt. Một đoàn xe chạy qua vào thành phố. Không ai thèm nhìn tôi. Đầu tóc rối bù, lại quấn khăn trải giường màu hồng quanh người, tôi có thể là một màn trình diễn trên phố Schoonder, nhưng ở đây, giữa đống rác bẩn thỉu, tôi chỉ là một phần trong những chỗ tối tăm của đô thị.

Bên kia đường, một đôi nam nữ đang đi bộ, không biết tôi có nhận ra người đàn bà đó không? Chị ta có phải là người mà Vercueil đã dẫn về nhà không? Hay tất cả phụ nữ lang thang gần Khách sạn Avalon và Cửa hàng rượu Solly Kramer đều có chân cẳng lều ngều như vậy? Người đàn ông đeo chiếc túi thắt trên vai không phải là Vercueil.

Tôi quấn chặt chiếc khăn trải giường và nằm xuống. Tôi có thể cảm thấy xe đi lại rầm rập trên cầu làm rung đến tận xương. Thuốc đang còn ở nhà, còn nhà lại ở trong tay người khác. Không có thuốc, liệu tôi còn sống nữa không? Không. Nhưng tôi có muốn sống không? Tôi bắt đầu cảm thấy sự yên tâm bàng quan của một sinh vật già nua, con vật cảm thấy đã gần chết nên lạnh lùng và từ từ bò vào cái hố dưới đất mà ở đó mọi thứ sẽ chung đụng với nhịp đập của trái tim. Đằng sau cột xi măng, ở một chỗ mà ba chục năm nay mặt trời chưa rọi đến, tôi nằm còng queo, nằm nghiêng bên không đau, nghe cái đau có thể là tiếng đập của mạch máu.

Có lẽ tôi đã ngủ quên. Thời gian đã trôi đi. Tôi mở mắt và thấy một đứa bé đang quỳ cạnh tôi, tay mò vào dưới tấm khăn trải giường. Tay nó lằn trên người tôi. "Không có gì cho cậu đâu", tôi định nói nhưng không mở miệng được. Nó chỉ khoảng mười tuổi, đầu trọc, đi chân đất, vẻ mặt khắc khổ. Sau

lưng nó còn hai đứa nhỏ tuổi hơn. Tôi hé răng nói "Để tôi yên. Tôi đang bị bệnh, sẽ lây sang các cậu đấy".

Chúng từ từ lui ra như những con quạ, đứng đó chờ. Tôi cần đi tiểu. Tôi đành đái ngay tại chỗ nằm. Lạy Chúa, lạy Chúa, cũng may mà tôi cứ nằm ì ra đó để cho mọi việc tự nó giải quyết.

Bọn trẻ lại đến gần. Tôi cứ chờ, mặc kệ cho chúng bâu vào. Tiếng xe cộ ngoài đường kêu ro ro như một đàn ong ở tổ làm người tôi lằng lằng. Không gian đầy tiếng ù ù. Hàng ngàn đôi cánh bay qua bay lại nhưng không đụng vào chỗ nào. Làm sao có đủ không gian của chúng nhỉ? Không gian trên bầu trời dành cho linh hồn và những kẻ ra đi chẳng? Marcus Aurelius từng nói là những linh hồn ấy nhập vào nhau, cháy lên và lại nhập vào nhau để trở về chu kỳ vĩ đại.

Chết rồi lại chết. Tro tàn của đàn ong.

Một góc khăn trải giường lật lên. Tôi chợt thấy ánh sáng, hai bên má bỗng thấy lạnh vì nước mắt với trào ra. Ai nhét cái gì đó vào miệng tôi. Tôi ngậm chặt rẫy ra. Cả ba đứa trẻ xúm đến đè lên người tôi. Có lẽ sau lưng chúng còn một bọn nữa. Chúng định làm gì? Tôi càng dẫy dựa chúng càng đè nặng hơn. Cổ họng tôi phát ra tiếng òng ọc khô khan như tiếng xẻ gỗ. Bàn tay kia rút lại. Tôi nói "Đừng..." nhưng miệng đau không nói thành lời.

Tôi định nói gì nhỉ? Đừng làm thế! Các cậu không thấy là tôi không có gì ư? Các cậu không biết thương người ư? Thật vô nghĩa. Tại sao trên đời này phải có chuyện thương người? Tôi nghĩ đến những con bọ hung, những con đen to có bướu trên lưng đang yếu ớt dẫy chết, đàn kiến kéo đến bò lên mình chúng, cắn vào những chỗ mềm, khớp chân và mắt, xâu xé thịt con bọ.

Chúng nhét vào miệng tôi cái que ngấn chừng một tấc, không phải cái gì khác. Que rút ra rồi, miệng tôi còn dính đất.

Thằng bé lại lấy đầu que cậy môi tôi. Tôi rút lại và nhổ toẹt. Nó lẳng lẳng đứng dậy, co chân đá một cái, cát bụi tung bắn vào mặt tôi.

Một chiếc xe đi qua, đèn chiếu vào mặt bọn trẻ. Chúng bỏ chạy về phố Buitenkant. Chung quanh lại tối đen.

Những chuyện đó xảy ra thật không? Có đấy. Chẳng còn gì để nói nữa. những

chuyện đó xảy ra ở phố Breda, phố Schoonder, phố Vrede, cách đây một quãng. Trước đây một thế kỷ bọn quý tộc ở Cape Town ra lệnh cho xây những ngôi nhà thật cao, thật to, để chúng và con cháu ở đó mãi mãi, không tính trước cái ngày đám gà con núp bóng chúng sẽ quay lại thống trị.

Đầu óc tôi mung lung, hoang mang. Tôi rùng mình, ho liên hồi. Tôi không còn biết mình đang ở đâu.

Rồi có một vật gì ngửi mặt tôi. Nó là một con chó. Tôi né tránh nhưng nó lại liếm vào ngón tay. Tôi đành mặc, nghĩ bụng còn có những thứ tệ hơn cái mồm và hơi thở của con chó. Tôi để nó liếm mặt, liếm má, liếm những giọt nước mắt mặn mặn. Có thể cho đó là những nụ hôn cũng được.

Hình như có người cùng đi với con chó. Tôi nhận ra họ chẳng? Đó là Vercueil chẳng, hay tất cả những kẻ lang thang ngoài phố đều có mùi mốc, mùi quần áo lót thối vứt trong đồng tro? Tôi rú lên "Ông Vercueil phải không?" con chó thích quá cũng kêu ư ử và dí mũi vào mặt tôi.

Một que diêm bật lên. Đúng là Vercueil, đội mũ hăn hoi. Anh ta hỏi "Ai để bà ở đây thế?" Vòm miệng không còn vương như lúc này, tôi đáp "Tự tôi đây". Cây diêm tắt. Tôi lại ứa nước mắt. Con chó liếm hết ngay.

Tôi không ngờ Vercueil lưng còng và ngực lép kẹp như chim mòng biển lại có thể khoẻ thế. Anh ta nhắc tôi lên cùng với chiếc khăn ướt và bế đi. Tôi nghĩ bụng đã bốn chục năm kể từ ngày tôi được người đàn ông bế đi như thế này. Cái bất hạnh của người đàn bà to lớn. Câu chuyện sẽ kết thúc như thế này chẳng: được đôi tay khoẻ mạnh bế đi qua bãi cát, qua những chồ nông, qua những ngọn sóng lớn rồi đi vào những khoảng tối đen sâu thẳm? Chúng tôi đi khỏi cầu vượt trong im lặng lạ kỳ. Có thể chịu đựng mọi sự bất ngờ như vậy được bao lâu nữa? Cái đau biến đi đâu rồi? Có phải cái đau đã khiến tôi vui hơn không? Tôi bảo anh ta "Đừng quay lại phố Schoonder nữa".

Chúng tôi đi dưới ánh đèn đường. Tôi thấy mạch máu trên cổ anh ta căng lên, nghe anh ta thở dốc. Tôi nói "Bỏ tôi xuống đây một lúc". Anh ta bỏ tôi xuống rồi đứng nghỉ. Bao giờ thì anh ta cởi áo và khoe đôi vai to rộng?

Anh ta bế tôi lên phố Buitenkant, qua phố Vrede, phố hoà bình, bước đi chậm hơn, đi dò từng bước vào khoảng rừng tối. Qua các cành cây, tôi

ngước mắt nhìn các vì sao trên trời.

Anh ta đặt tôi xuống.

Tôi nói rất thật tình "Tôi rất mừng lại thấy anh". Rồi tôi nói tiếp "Trước lúc anh đến, tôi bị bọn trẻ tấn công. Tấn công, hay ăn hiếp, hay thăm dò, cũng chả biết nữa. Vì thế tôi thấy quái lạ. Cũng chẳng hiểu sao chúng lại thọc que vào miệng tôi. Chúng làm thế thì thích thú gì cơ chứ?"

Anh ta nói "Chúng muốn cậy răng vàng của bà đấy. Chúng đem đến nhà cầm đồ bán lấy tiền".

"Răng vàng ư? Quái nhỉ. Tôi làm gì có răng vàng. Tôi lấy răng ra cho anh xem đây này".

Anh ta mò tìm trong bóng tối chiếc hộp giấy đã gập mỏng, trải ra đất và giúp tôi nằm xuống. Rồi anh ta không ngần ngại, từ từ nằm quay lưng vào tôi. Con chó chen vào giữa chân hai người.

Tôi hỏi "Anh có cần đắp thêm mảnh khăn này không?"

- Tôi không sao.

Thời gian trôi.

Tôi khẽ nói "Xin lỗi, tôi khát lắm. Ở đây có nước không nhỉ?"

Anh ta đứng dậy, lát sau cầm về một chai nước. Tôi uống thử, đó là vang ngọt, trong chai còn một nửa. Anh ta nói "Tôi chỉ có thế". Tôi uống vào, không thấy đỡ khát, nhưng các vì sao trên trời bắt đầu quay lông bông. Mọi thứ như xa dần, mùi đất ẩm lạnh, người đàn ông bên cạnh tôi, và thân xác tôi. Như con cua đã lâu ngày, mệt mỏi, gập cẳng lại, cả cái đau trong người tôi cũng ngủ nốt. Tôi lại chìm vào bóng tối.

Tôi tỉnh dậy đã thấy anh ta quay người quàng tay lên cổ tôi. Tôi có thể gỡ ra nhưng không muốn làm cho anh ta khó chịu. Ngày sáng dần ra, tôi vẫn nằm không cựa quậy, mặt kề mặt anh ta. Anh ta giật mình, mở choàng mắt. Tôi khẽ nói "Tôi vẫn nằm đây". Anh ta lại nhắm mắt.

Tôi chợt nghĩ: giờ này đây, ai là người tôi biết rõ hơn hết trong tất cả các sinh vật trên trái đất? Anh ta chứ ai. Tôi biết từng sợi râu anh ta, từng vết nhăn trên trán anh ta. Anh ta chứ không phải con đâu. Vì lúc này anh ta đang ở đây, bên cạnh mẹ.

Tha lỗi cho mẹ. Thời gian rất ngắn ngủi, mẹ phải tin ở trái tim mẹ và nói ra

sự thật. Mẹ chẳng nhìn thấy gì, chẳng biết gì, sự thật đem mẹ đi đâu mẹ sẽ đi đó.

Tôi khẽ hỏi "Anh có thức không đấy?"

- Có.

Tôi nói "Bây giờ hai thằng bé ấy đã chết rồi. Chúng giết cả hai đứa. Anh có biết chuyện ấy không?"

- Tôi biết.

- Anh biết ở nhà đã xảy ra chuyện gì không?

- Có.

- Tôi nói lại anh có nghe không?

- Nói đi.

- Thế này nhé. Hôm thằng Bheki chết, tôi gặp người anh của Florence, anh ruột hay anh họ gì chẳng biết. Ông ta là người có học. Tôi bảo ông ta rằng tôi mong chúng đừng có dính vào – gọi là gì nhỉ? – vào đấu tranh. Tôi bảo "Nó chỉ là đứa trẻ, chưa sẵn sàng được. Nó không bao giờ nên vì thằng bạn mà dính vào chuyện ấy.

"Sau đó tôi lại nói chuyện với ông ta trên điện thoại. Tôi thành thật nói với ông ta điều tôi suy nghĩ về tình đồng chí mà bây giờ hai đứa đã phải chết. Tôi gọi đó là không khí thần bí của cái chết. Tôi trách những người thân Florence và ông ta đã chẳng làm gì để khuyên chúng nên thôi đi.

"Ông ta lịch sự lắng nghe tôi nói, bảo là tôi có quyền góp ý kiến. Nhưng tôi chẳng làm thế nào để ông ta nghĩ lại được.

"Nhưng bây giờ tôi tự hỏi tôi có quyền gì mà có ý kiến về tình đồng chí hay bất cứ cái gì khác chứ? Tôi có quyền gì mà mong rằng Bheki và bạn nó tránh xa những chuyện rắc rối? Hình như đó chỉ là ý kiến rơi vào khoảng không, ý kiến chẳng làm ai xúc động, chẳng có nghĩa gì. Đã là ý kiến thì phải có người khác nghe, cân nhắc, không phải vì lễ độ mà nghe đâu. Mà muốn cho người ta cân nhắc thì ý kiến phải có sức nặng. Ông Thabane không cân nhắc điều tôi nói. Nó không có sức nặng gì với ông ta. Ngay cả Florence cũng không nghe tôi. Với Florence thì những gì tôi nghĩ trong đầu hoàn toàn chỉ là sự bàng quan mà thôi, tôi biết thế lắm".

vercueil đứng dậy, ra sau cây đứng đái. Rồi tôi ngạc nhiên thấy anh ta quay

về và lại nằm xuống. Con chó chúi mũi vào giữa hai chân anh ta. Tôi thè lưỡi liếm chỗ đau chảy máu trên miệng.

Tôi nói "Tôi vẫn không thay đổi ý kiến. Tôi rất ghét những lời kêu gọi hy sinh để kết thúc bằng một loạt những đổ máu và chết trong đồng bùn. Chiến tranh không bao giờ đúng như nó vẫn giả bộ làm ra thế. Cạo sạch cái bề mặt đi, anh sẽ thấy rõ ràng những người gài tổng bọn trẻ vào chỗ chết nhân danh một thứ trừu tượng nào đó. Dù cho ông Thabane nói gì (tôi không trách ông ta, tương lai đến bằng cách trá hình, nếu nó trần trụi khi đến thì ta sẽ phải kinh hoàng với những gì thấy được) thì đó vẫn là chiến tranh của người già chống người trẻ. Tự do hay là chết! Bheki và các bạn nó hét lên như vậy. Những lời của ai thế? Không phải của chúng nghĩ ra đâu. Tự do hay là chết! Tôi tin rằng hai đứa con gái nhỏ kia cũng nhắc lại câu đó trong giấc ngủ. Không! Tôi muốn nói: hãy tự cứu lấy mình đi!

"Ông Vercueil, tiếng nói thật sự khôn ngoan là của ai? Tôi chắc là của tôi. Nhưng tôi là ai? Tôi là ai mà có tiếng nói được chứ? Làm sao tôi có thể vinh dự mà bảo chúng quay lưng lại với lời kêu gọi ấy được? Tôi có quyền gì ngoài việc ngồi vào một góc và ngậm miệng lại. Tôi không có tiếng nói. Tôi đã mất nó từ lâu rồi. Có lẽ tôi chưa bao giờ có tiếng nói. Đúng thế đấy. Còn lại là phải im lặng. Nhưng với tình hình này – dù là thế nào – tôi vẫn phải tiếp tục với tiếng nói không phải tiếng nói. Cứ phải thế thôi.

Vercueil mỉm cười chẳng? Anh ta giấu mặt. Tôi vẫn nói tiếp, nói rin rít bằng cái miệng không răng của tôi.

"Trước đây đã lâu có một tội ác. Bao giờ tôi cũng không biết, nhưng chắc chắn là trước năm 1916. Lâu nhưng tôi sinh ra vào cái thời đó. Nó là một phần di sản, một phần của tôi, và tôi là một phần của nó.

"Như mọi tội ác khác, nó có cái giá của nó. Tôi không nghĩ cái giá đó phải trả bằng ô nhục, bằng cuộc sống ô nhục trong cái chết ô nhục, cái chết trong một góc tối tăm, không ai thương xót. Tôi chấp nhận cái đó. Tôi không định tách riêng mình ra. Tuy không phải tôi ác tôi yêu cầu người ta phạm, nhưng người ta nhân danh tôi mà phạm tội ác đó. Thành thạo tôi phát điên khi những người làm cái việc bắn thiêu – anh đã thấy đó, một thứ điên ngu ngốc đáng hổ thẹn – nhưng rồi tôi lại chấp nhận cho nó sống trong

tôi. Khi điên lên tôi muốn chúng chết đi, muốn cả tôi chết đi nữa. Nhân danh vinh dự. Một khái niệm vinh dự về vinh dự. Honesta mors.

"Ông Vercueil, tôi chẳng biết gì về tự do hết. Tôi và Bheki và bạn nó cũng chẳng biết gì. Có lẽ tự do luôn luôn chỉ là cái người ta không tưởng tượng được. Tuy nhiên hễ thấy không tự do là ta biết ngay, phải thế không? Bheki không tự do, và nó cũng biết thế. Anh không tự do. Ít nhất là không tự do trên trái đất này, tôi cũng vậy. Tôi sinh ra là nô lệ và chắc chắn sẽ chết như một tên nô lệ. Một cuộc sống trong xiềng xích, một cái chết trong xiềng xích, đó là một phần của cái giá phải trả, không được phàn nàn, thắc mắc.

"Cái gì tôi không biết, cái gì tôi không biết – anh đã nghe thấy nhé – cái giá phải trả còn cao hơn nữa. Tôi đã tính nhầm. sai lầm từ đâu mà đến? Nó chẳng liên quan gì đến vinh dự, đến cái khái niệm mà tôi đã phải vất vả bám vào nó, bằng giáo dục, bằng đọc sách, tất cả những cái mà người có vinh dự chẳng thấy đau đớn trong tâm hồn. Tôi đã luôn luôn phấn đấu cho vinh dự, cho vinh dự của riêng mình, dùng ô nhục làm kẻ hướng dẫn. Chừng nào còn thấy hổ thẹn thì tốt biết là mình đã không rơi vào nhục nhã. Hổ thẹn có tác dụng như hòn đá thử vàng, nó luôn luôn có mặt, là một thứ để anh có thể trở lại yêu quý một người mù, để biết mình đang ở đâu. Còn lại thì tôi tránh xa hổ thẹn, không sa vào nó nữa. Hổ thẹn không bao giờ có thể trở thành cái thú hổ thẹn được. Nó luôn luôn cắn rứt tôi. Tôi không tự hào về nó, mà xấu hổ vì nó. Chỉ là sự hổ thẹn của riêng tôi thôi. Nó là tro bụi trong miệng tôi hết ngày này sang ngày khác, không bao giờ hết mùi vị của tro bụi được."

Tôi nói "Ông Vercueil, điều tôi nói sáng nay là sự thú tội, tôi biết phải thú tội như thế nào, không giữ lại điều gì bí mật. Tôi vốn là người tốt, tôi tự do thú tội. Bây giờ tôi vẫn là người tốt. Đây là thời buổi gì mà làm người tốt vẫn chưa đủ?"

"Điều tôi chưa tính toán được có lẽ phải đòi hỏi nhiều hơn nữa mới là tốt. Vì đất nước này có rất nhiều người tốt. Chúng ta chỉ thuộc loại hai xu, gần như tốt mà thôi. Điều mà thời đại đòi hỏi rất khác với cái tốt thường tình. Thời đại đòi hỏi chủ nghĩa anh hùng cơ. Đó là những chữ mà nói ra tôi thấy lạ miệng thế nào ấy. Tôi ngờ rằng trước đây tôi đã dùng những chữ đó,

thậm chí còn giảng chúng nữa. Tại sao không chứ? Có lẽ vì tôn trọng. Có lẽ vì hổ thẹn. Như ngắm nhìn người đang cởi truồng vậy. Lẽ ra trong bài giảng tôi đã phải dùng những chữ như cương vị anh hùng. Người anh hùng với cương vị anh hùng. Người anh hùng là hình dáng trần truồng ở thời cổ đại".

Chợt nghe Vercueil ọ ẹ trong cổ. Tôi nhồm lên nhìn và thấy má anh ta sần sùi và có lông ở lỗ tai. Tôi khẽ gọi "Ông Vercueil". Anh ta không động đậy. Ngủ ư? Giả bộ ngủ ư? Anh ta nghe tôi nói được những gì? Đã nghe tôi nói về chuyện tốt bụng và chủ nghĩa anh hùng chưa? Về danh dự và hổ thẹn chưa? Nếu không nghe thì những điều tôi thú nhận có còn là sự thật không? Anh nghe tôi nói không, hay tôi đã làm anh ngủ rồi?

Tôi đi ra sau bụi cây. Chung quanh chim hót vang. Có ai mà nghĩ rằng chim chóc còn sống được ở ngoài ô như thế? Y như Arcady vậy. Chả trách Vercueil và các bạn của anh ta thích sống ngoài trời. Có một mái nhà tốt làm gì nếu không phải chỉ để Vercueil và các đồng chí của anh ta vào tránh mưa.

Tôi lại nằm xuống cạnh anh ta, chân tôi lạnh và dính bùn. Lúc này trời đã sáng hẳn. Chúng tôi nằm trên chiếc hộp giấy trải rộng ở chỗ không người, cha ai đi qua cũng trông thấy. Chúng tôi là thế trong con mắt các thiên thần, những người sống trong ngôi nhà kính, mọi hành động đều trần trụi. Trái tim chúng tôi cũng trần trụi, đập trong những bộ ngực bằng kính. Tiếng chim hót dội xuống như mưa.

Tôi nói "Sáng nay tôi thấy dễ chịu hơn. Nhưng có lẽ lúc này nên về nhà thôi. Dễ chịu thường báo hiệu rằng tôi sẽ đau nặng hơn".

Vercueil ngồi dậy, cầm mũ, đưa ngón tay dài cái bắn lên gãi đầu. Con chó ở đâu nhảy đến chạy theo. Vercueil gấp miếng bìa cứng lại, đem giấu vào bụi cây.

Tôi nói băng quơ "Anh có biết rằng tôi bị cắt một bên vú không?"

Anh ta sửng người, tỏ vẻ khó chịu.

- Tất nhiên bây giờ tôi lấy làm tiếc. Tiếc là đã có vết. Y như định bán một thứ bàn ghế trong nhà nhưng đã có vết hoặc cháy. Anh có thể bảo chiếc ghế đó còn rất tốt, nhưng người ta không thích. Không ai thích đồ đạc đã có

vết. Đây là tôi nói đến cuộc sống của tôi. Có thể nó không tốt lắm nhưng nó vẫn là cuộc sống, không phải là cuộc sống nửa vời. Tôi nghĩ là sẽ bán nó đi hoặc tiêu nó đi để cứu vãn danh dự. Nhưng trong tình trạng như hiện nay thì ai mà chấp nhận được? Y như đem bán tiền cổ Hy Lạp vậy. Tiền xu có thể là rất tốt ở nơi khác, còn ở đây thì không. Vết của nó khiến người ta ngờ vực.

- Nhưng tôi chưa hoàn toàn bỏ cuộc đâu. Tôi sẽ còn đi đây đi đó tìm cách làm một chuyện gì khác. Anh có ý kiến gì không?

Vecueil đội mũ, kéo vành cẩn thận.

Tôi nói "Tôi rất muốn mua cho anh chiếc mũ mới".

Anh ta mỉm cười. Tôi khoác tay anh ta, từ từ đi dọc phố Vrede.

Tôi nói "Để tôi kể lại giấc mơ cho anh nghe. Người trong mơ của tôi không đội mũ, nhưng tôi nghĩ người đó là anh. Tóc anh ta dài và bóng, chải lật ra đằng sau" Tôi không nhắc đến chỗ tóc dài bóng nhưng bấn, vắt ra sau lưng như đuôi chuột.

"Chúng tôi ra biển. Anh ta dạy tôi bơi. Anh ta giữ cho tôi nằm ngang trên mặt nước và đạp chân. Tôi mặc áo tắm dệt kim, loại áo ngày xưa, màu xanh nước biển. Lúc ấy tôi chỉ là đứa trẻ, và lại trong giấc mơ thì mọi người chúng ta đều là trẻ con hết.

"Anh ta kéo tôi ra xa, chăm chăm nhìn tôi. Mắt anh ta cũng giống mắt anh. Biển không có sóng, chỉ có những đợt lăn tăn cuộn vào, sáng lấp lánh. Thực ra nước biển cũng trơn như dầu. Người anh ta nổi trên mặt nước như có dầu bám chung quanh. Tôi nghĩ bụng đó là dầu cá sardines. Tôi là con cá sardine, anh ta đem tôi ngâm vào dầu cá. Tôi muốn bảo Quay về đi, nhưng không dám mở miệng, sợ dầu tràn vào phổi, tôi không có can đảm chết đuối trong dầu".

Tôi ngừng lại xem anh ta có nói gì không, nhưng anh ta vẫn im lặng. Chúng tôi rẽ vào phố Schoonder.

Tôi nói "Cố nhiên tôi chỉ ngẫu nhiên kể thế thôi. Nhắc lại giấc mơ bao giờ cũng có nghĩa là muốn thực hiện điều gì. Nhưng vấn đề là điều gì".

"Ngày đầu khi thấy anh sau nhà xe cũng là ngày tôi được tin không hay về trường hợp của tôi. Tin rất không hợp. Tôi tự hỏi không biết anh có phải là

– xin lỗi phải dùng từ này – có phải là thiên thần đến chỉ đường cho tôi không. Tất nhiên lúc đó anh không phải thế, tôi biết chứ. Nhưng đó chỉ mới là một nửa câu chuyện thôi, phải thế không? Chúng ta ai cũng chỉ nhận thức được một nửa và sáng tạo cũng chỉ được một nửa.

"Rồi tôi tiếp tục kể lại câu chuyện anh chỉ đường cho tôi theo. Tôi tự nhủ nếu anh không nói lời nào có nghĩa là thiên thần không có gì để nói. Thiên thần đi trước, người đàn bà theo sau. Mắt thiên thần mở, mắt người đàn bà nhắm, vì chị ta còn chìm đắm trong giấc ngủ trần tục. Vì thế tôi vẫn quay về theo anh, nhờ anh chỉ dẫn, giúp đỡ".

Cửa trước khoá, nhưng cổng vào sân mở toang. Những mảnh kính vỡ chưa quét sạch, cửa vào phòng Florence còn hé một cánh. Tôi cẩn thận bước chậm, chưa dám nhìn vào trong phòng.

Cửa bếp không khoá. Họ không tìm thấy chìa.

Tôi bảo Vercueil "Vào đây đã".

Ngôi nhà vẫn như cũ mà không còn như cũ. Đồ đạc trong bếp bị xê dịch. Chiếc ô của tôi treo ở chỗ tôi chưa treo bao giờ. Ghế dài bị chuyển đi, để lại một vết trên thảm. Nhất là có mùi gì rất gắt tôi không thể xác định được. Họ để lại dấu vết ở mọi chỗ, không chừa thứ gì. Tôi chợt nhớ đến hồ sơ trên bàn, các trang giấy đã viết. Có lẽ họ cũng đã xem thư, ngón tay vấy máu của họ đã lật các trang thư, những con mắt vô tình lướt qua những lời thô kệch ấy. Tôi bảo Vercueil "Anh đưa tôi lên gác đi".

Hồ sơ cuối cùng tôi viết đã đóng lại, nay bị mở. Ổ khoá ở ngăn tài liệu bị đập vỡ. Nhiều chỗ trên kệ sách trống hoác.

Khoá ở hia phòng không dùng đến cũng bị phá.

Họ đã lục soát tủ và các ngăn kéo.

Không còn thứ gì họ không đụng đến. Y như vụ họ đến thăm nhà lần trước. Lục lợi chỉ là cái cố. Mục đích của họ là sờ vào mọi chỗ, đụng đến mọi chỗ, bằng một tinh thần hiểm ác. Chẳng khác gì một cuộc hăm dọa, một cách bôi bẩn người đàn bà.

Tôi quay sang Vercueil không biết nói gì, ruột gan rối bời.

Anh ta nói "Có ai ở dưới nhà".

Ra đầu cầu thang, chúng tôi nghe có người đang nói chuyện điện thoại.

Bỗng không thấy nói nữa. Một người trẻ tuổi mặc đồng phục xuất hiện ở hành lang gật đầu chào chúng tôi.

Tôi nói xuống "Anh làm gì ở nhà chúng tôi thế?"

Anh ta vui vẻ đáp "Kiểm tra thôi. Chúng tôi không muốn người lạ vào đây."

Anh ta nhặt mũ áo và khẩu súng. Hay là vừa rồi tôi ngửi thấy mùi súng?

Anh ta nói "Tám giờ, các thám tử sẽ đến đây. Tôi ra ngoài chờ". Rồi anh ta mỉm cười, làm như vừa giúp đỡ tôi một việc, chờ tôi cảm ơn.

Tôi bảo Vercueil "Tôi phải đi tắm cái đã".

Nhưng tôi không tắm. Tôi đóng cửa phòng ngủ, uống hai viên thuốc đỏ, rồi nằm xuống, run khắp người, run như chiếc lá trong cơn giông. Người tôi lạnh toát nhưng không phải run vì lạnh.

Một phút sau tôi tự nhủ: lúc này chớ có tan ra từng mảnh, chỉ nên nghĩ đến phút sau thôi.

Dần dần tôi hết run.

Tôi nghĩ bụng: con người là sinh vật duy nhất có một phần của đời mình không thể biết tương lai ra sao vì nó chỉ như cái bóng lớn lớn vờn trước mặt. Luôn luôn đuổi bắt lấy cái bóng ấy, sống trong hình ảnh của hy vọng. Nhưng tôi không thể có quyền gì để được làm con người. Tôi phải là cái gì bé nhỏ hơn, mù quáng hơn, sát mặt đất hơn.

Có tiếng gõ cửa. Vercueil bước vào, theo sau là viên cảnh sát hôm qua khoác áo lông hươu nhưng bây giờ đã mặc áo đeo ca vát. Người tôi lại run lên. Anh ta ra hiệu cho Vercueil đi ra ngoài. Tôi ngồi dậy bảo "Ông Vercueil, ông đừng đi", rồi quay sang nói với viên cảnh sát "Ông có quyền gì vào nhà tôi?"

Anh ta không tỏ vẻ gì khác lạ "Chúng tôi lo cho bà. Hôm qua bà đi đâu?"

Tôi không trả lời. "Bà Curren, thật bà không sao chứ?"

Tuy tôi đã nắm chặt tay nhưng người vẫn run như muốn co quắp. Tôi hét lên "Tôi không sao. Chỉ có anh là sao thôi."

Anh ta không chột dạ, trái lại anh ta như khuyến khích tôi nói nữa.

Tôi nghĩ bụng anh liệu đấy! Họ sẽ buộc tội anh, sẽ bảo anh là điên và bắt anh đi!

Tôi bình tĩnh hỏi lại "Anh muốn gì ở đây?"

- Tôi chỉ muốn hỏi vài câu. Bà làm thế nào mà gặp thằng Johannes ấy được?

Johannes. Đó là tên thật của nó ư? Chắc chắn là không.

- Nó là bạn của thằng con người giúp việc cho tôi. Bạn thôi.

Anh ta rút túi lấy chiếc máy ghi âm nhỏ để lên giường cạnh tôi.

- Thế con trai người giúp việc cho bà đâu rồi?

- Nó chết và chôn rồi. Anh biết điều đó quá đi chứ.

- Sao nó chết?

- Nó bị bắn ở khu nhà lụp xụp.

- Bà còn biết đứa nào khác nữa không?

- Đứa nào khác nữa?

- Các bạn nó.

- Hàng nghìn, hàng triệu. Anh không thể đếm hết được.

- Ý tôi nói là những đứa khác trong chi bộ ấy. Còn có đứa nào khác đến ở nhờ nhà bà không?

- Không.

- Bà có biết chúng làm thế nào mà có vũ khí không?

- Vũ khí nào?

- Súng lục ấy. Ba ngòi nổ ấy.

- Tôi chẳng biết gì về ngòi nổ hết, cũng không biết ngòi nổ là thế nào. Còn súng lục là của tôi.

- Chúng nó lấy của bà ư?

- Tôi cho chúng mượn. không phải tất cả bọn chúng. Chỉ cho thằng John mượn thôi.

- Bà cho nó mượn súng? Khẩu súng là của bà ư?

- Phải.

- Tại sao bà lại cho nó mượn súng?

- Để nó tự vệ chứ sao.

- Bà Curren, để nó tự vệ chống lại ai?

- Để nó tự vệ khi bị tấn công.

- Bà Curren, đó là loại súng gì? Bà có thể cho xem giấy phép được không?

- Tôi chẳng biết loại súng gì. Tôi có nó từ lâu rồi, trước khi người ta làm âm ỉ về chuyện giấy phép nữa kia.

- Bà có chắc là đã đưa cho nó không? Bà biết đây là chúng ta đang nói về chuyện có thể phạm tội đấy nhé.

Viên thuốc bắt đầu tác động. Lưng tôi đã bớt đau, bàn tay đã thoải mái hơn, chân trời bắt đầu mở rộng.

Tôi nói "Anh thật sự muốn tiếp tục với câu chuyện vô nghĩa này phải không?" Rồi tôi ngả lưng vào gối, nhắm mắt lại. Đầu óc tôi quay cuồng "Chúng ta đang nói chuyện về những người đã chết. Các anh chẳng thể làm gì được với họ nữa. Họ đã an toàn rồi. Các anh đã giải quyết rồi. Việc gì còn phải lo xét xử nữa? Sao không khép vụ án lại đi?"

Anh ta cầm máy ghi âm loay hoay một chút, rồi để xuống gối nói "Tôi chỉ kiểm tra lại thôi".

Tôi giơ tay gạt phăng cái máy ghi âm. Anh ta kịp chụp lại trước khi nó rơi xuống sàn.

Tôi nói "Các anh đã soát giấy tờ riêng của tôi rồi. Đã lấy đi những cuốn sách của tôi nữa. Phải trả lại cho tôi. Trả hết mọi thứ. Những thứ đó không liên quan gì đến các anh hết".

- Bà Curren, chúng tôi không nuốt sách của bà đâu. Cuối cùng bà sẽ được lấy lại tất cả.

- Tôi không muốn để đến cuối cùng. Tôi muốn ngay bây giờ. Những thứ đó là của tôi, là của riêng tôi.

Anh ta lắc đầu. "Bà Curren, đó không phải là vật riêng. Bà cũng biết thế. Chẳng còn gì là của riêng hết".

Tôi bắt đầu mệt, không muốn nói gì nữa. Tôi gất "Mặc tôi".

- Xin cho hỏi thêm vài câu. Đêm qua bà ở đâu?

- Đi với ông Vercueil

- Đây là ông Vercueil chứ?

Tôi cố mở mắt, lăm bằm "Phải".

- Ông Vercueil là ai thế? – rồi một giọng khác hẳn. "Wie is jy?"

- Ông Vercueil săn sóc tôi. Ông Vercueil là cánh tay phải của tôi. Ông Vercueil, ông lại đây.

Tôi giơ tay ra chạm vào ống quần anh ta, rồi chạm vào tay, bàn tay có những ngón khoằm. Tay tôi tê dại nhưng cố nắm chặt lấy.

- "In Godsnaam", một thám tử đứng ở đâu đó lên tiếng. Nhân danh Chúa! Anh ta nói thế là sao nhỉ? Không tán thành hay chửi hai người chúng tôi? Tôi rời tay, lui ra xa.

Tôi chợt nghĩ đến một từ: Thabanchu, hay Thaba Nchu. Tôi cố tập trung. Chín chữ đó đảo lại có nghĩa gì nhỉ? Tôi thử đặt chữ b lên đầu xem sao, nhưng rồi tôi ngủ thiếp đi.

Tôi tỉnh lại, vừa khát nước, vừa mệt, người đau như dằm. Mặt đồng hồ nhìn tôi nhưng tôi không có ý niệm vẽ kim ngắn kim dài. Căn nhà im lặng như nhà hoang.

Thabanchu: banch là cái gì? Hay bath? Tôi kéo tấm khăn bọc quanh người. Tôi có nên đi tắm không đây?

Nhưng đôi chân không đưa tôi vào phòng tắm. Tôi vịn tay vào thành lan can, cúi xuống lấm bầm. Tôi xuống nhà gọi số điện ở Guguletu. Chuông reo mãi, cuối cùng có một bé gái nghe điện. Tôi hỏi "Ông Thabane có đây không?" "Không". Vậy cho tôi nói chuyện với bà Mkubuleki, à không phải bà Mkubuleki, Mkubukeli cơ. "Vâng". "Cháu là ai thế?" "Cháu là Lily". Lee-lee. "Nhà có mình cháu thôi sao?" "Còn em cháu nữa". "Em cháu mấy tuổi?" "Em cháu lên sáu". "Còn cháu mấy tuổi?" "Cháu mười tuổi". "Lily, cháu có thể nhắn lại cho bà Mkubukeli được không?" "Được". "Đây là bác nói về ông anh bà ấy, ông Thabane. Bảo bà ấy dặn ông Thabane nên cẩn thận. Tên tôi là Curren. Cháu ghi lại đi. Số điện của tôi đây". Tôi đọc số, đánh vần tên. Bà Curren. Mấy chữ đó đảo lại để chỉ cái gì?

Vercueil gõ cửa bước vào nói "Bà muốn ăn gì không?"

- Tôi không đói. Còn anh tìm được cái gì ăn thì tùy anh.

Tôi muốn ngồi một mình. Nhưng anh ta chăm chăm tò mò nhìn tôi. Tôi ngồi trên giường, tay đeo găng, bút giấy để trên đùi. Suốt nửa giờ, tôi ngồi nhìn mặt giấy không viết được chữ nào.

Tôi nói "Tôi chờ cho tay ấm lên đã".

Nhưng không phải vì tay cóng mà không viết được. Chính là vì mấy viên

thuốc tôi đã uống quá liều. Chúng như những đám khói trong người tôi. Tôi nuốt vào, chúng tuôn ra một đám sương mù trong bụng, sương mù của diệt vong. Tôi không thể vừa uống thuốc vừa tiếp tục viết được. Thế là không đau thì không viết được, một thứ luật lệ đáng sợ. Ngoài ra, sau khi tôi uống thuốc, chẳng còn gì đáng sợ nữa, mọi thứ đều không đáng quan tâm, đều như nhau hết.

Dù sao mẹ vẫn viết. Trong đêm yên lặng như chết, Vercueil ngủ dưới nhà, mẹ viết thư này để con biết thêm về thằng "John", thằng bé bất hạnh mà mẹ đã quen nó từ bao giờ. Mẹ muốn nói để con biết, dù mẹ chẳng ưa gì nó, nhưng nó vẫn hiện rõ trước mặt mẹ, hiện lên sắc nét hơn cả Bheki nữa kia. Nó theo mẹ hoặc mẹ theo nó, hoặc theo dấu vết của nó. Lúc đó là nửa đêm nhưng cũng là bình minh cuối cùng của nó. Mẹ ngồi trên giường nhưng mẹ cũng ngồi ở trong phòng Florence, phòng chỉ có một cửa sổ và một cửa ra vào, không có đường thoát nào khác. Ngoài kia họ đang chờ, cúi lom khom như đám thợ săn, chờ tặng cái chết cho thằng bé. Nó giữ trong mình khẩu súng lục, chuẩn bị chiến đấu với bọn thợ săn. Đó là bí quyết lớn nhất của nó và của Bheki, bí quyết sẽ làm chúng trở thành người lớn, còn mẹ đứng bên hoặc lảng vảng đâu đó. Nó kẹp ổ quay khẩu súng lục giữa hai đầu gối, vẩy lên vẩy xuống. Nó nghe tiếng thì thào bên ngoài, mẹ cũng nghe với nó. Nó sẵn sàng với làn khói làm nó tắc thở, với cú đá đập tung cửa, với thác lửa sẽ cuốn nó đi. Lúc đó nó đã sẵn sàng giơ súng bắn một phát vào giữa trái tim của ánh sáng.

Mắt nó không chớp, chăm chăm nhìn ra cánh cửa nó sắp từ bỏ cuộc đời này. Miệng nó khô, nhưng nó không sợ. Tim nó đập đều đều như nằm đấm trong ngực khép vào lại mở ra.

Mắt nó mở, mắt mẹ dù đang viết cũng nhắm lại. Mẹ nhắm mắt để được nhìn cho kỹ.

Giữa khoảng thời gian này không có thời gian, mặc dù tim nó đập với thời gian. Mẹ ngồi giữa đêm trong phòng, nhưng mẹ cũng ngồi với nó mọi lúc, như mẹ vẫn lảng vảng bên con ở bên kia biển rộng.

Thời gian lảng vảng nhưng không phải là vô tận. Thời gian hiện tại chỉ là

tạm đình trước khi thời gian trở lại với cánh cửa bật mở và ở đây, trước hết là nó, rồi đến mẹ, sẽ đối mặt với ánh sáng trắng chói loà.

J.M. COETZEE

Tuổi sắt đá

Dịch giả: Anh Thư

CHƯƠNG 4

Tôi mơ thấy Florence, một giấc mơ hay ảo mộng. Trong mơ, tôi thấy cô ta lại đi xuống đại lộ Chính phủ, tay dắt Hope và cồng Beauty trên lưng. Cả ba mẹ con đều đeo mặt nạ. Tôi cũng có đấy cùng đám đông đủ loại người và tầng lớp tập hợp chung quanh. Không khí như ngày hội. Tôi có nhiệm vụ trình diễn một vở.

Nhưng Florence không dừng lại xem. Cô ta nhìn thẳng và cứ đi như qua một đám hồn ma.

Mắt trên mặt nạ như mắt trong những tranh cổ Địa Trung Hải, to, hình bầu dục, con người ở giữa trông như hạnh nhân của một nữ thần.

Tôi đứng giữa đại lộ đối diện với toà nhà Nghị viện, những người đứng chung quanh xem tôi làm ảo thuật với lửa. Trên cao là những cây chò rất to. Nhưng tôi không nghĩ đến trò mình đang làm. Tôi chăm chú nhìn Florence. Chiếc áo choàng đen buồn thảm của cô ta đã rơi đâu mất. Gió thổi nhàu chiếc quần trắng, cô ta đi chân đất, đầu để trần, ngực bên phải cũng để trần, cô ta đi qua thật nhanh, đứa bé đeo mặt nạ, trần truồng, lon ton chạy bên cạnh, đứa kia giơ tay chỉ trỏ.

Nữ thần này là ai mà đến trong ảo mộng, ngực để trần rồi vụt đi thế nhỉ? Đó là Aphrodite, nhưng không phải Aphrodite với nụ cười đáng yêu, người đỡ đầu của những khoái lạc, mà chỉ là hình dáng xưa cũ, khấn trương, chỉ như tiếng khóc dồn dập trong đêm tối, tiếng khóc của máu và đất, xuất hiện trong chốc lát cho mọi người thấy rồi đi luôn.

Nữ thần không để lại dấu hiệu hay tiếng gọi nào. Mắt mở trắng dã. Nữ thần thấy mà không thấy gì.

Tôi trình diễn với lửa nhưng vẫn đứng đó, sững sờ. Ngọn lửa từ người tôi phát ra xanh như màu băng tuyết. Tôi không cảm thấy đau đớn gì hết.

Đó là ảo mộng trong giấc mơ đêm qua, nhưng nó đến từ thời gian bên ngoài. Nữ thần đi qua, qua mãi, vẻ ngạc nhiên và tiếc thương, tôi không thể nhìn theo được. Tuy tôi vẫn nhìn ngăm cơn lốc đến từ ảo mộng, nhưng nữ

thần và các con cô ta đều trống rỗng, người đàn bà theo sau cũng không có mặt, người đàn bà thường mang những vòng lửa ngoằn ngoèo như rắn trên đầu ấy, vẫn đập tay, vừa khóc vừa nhảy múa.

Tôi kể lại giấc mơ cho Vercueil nghe.

Anh ta hỏi "Có thật thế không?"

"Thật ư? Tất nhiên là không rồi. Nó cũng chẳng đáng tin cậy nữa kia. Florence thì có dính dáng gì đến Hy Lạp. Những hình bóng trong giấc mơ có ý nghĩa khác. Đó chỉ là dấu hiệu về những vật khác thôi"

Anh ta hỏi vặn "Có thật thế không? Cô ta có thật không?" khiến tôi cụt hứng tuy vẫn không chịu tránh né. "Bà còn thấy gì khác nữa?"

Tôi cảm thấy phải theo đà câu chuyện, khẽ đáp "Thấy gì khác nữa? Còn gì khác nữa sao? Anh biết à?"

Anh ta lắc đầu, vẻ chán ngán.

Tôi nói "Mấy ngày qua anh biết tôi thế nào rồi. Tôi vẫn đứng bên bờ sông chờ đến lượt. Chờ xem có ai chỉ đường cho tôi qua sông. Từng ngày từng phút tôi vẫn ở đây chờ. Đó là những gì tôi thấy. Anh cũng thấy chứ?"

Anh ta không nói gì.

"Cái lý do tôi chống việc quay lại bệnh viện là nếu vào đó họ sẽ bắt tôi ngủ. Đó là cách họ làm đôi với động vật, do lòng tốt của họ thôi, nhưng họ cũng làm như thế với con người. Họ sẽ bắt tôi ngủ mà không được mơ thấy gì hết. Họ sẽ buộc tôi phải ăn quả độc để ngủ lơ mơ, để ngã xuống sông chết đuối và trôi đi. Vì vậy tôi không bao giờ qua sông được. Tôi không chịu để điều đó xảy ra. Tôi đã mất bao nhiêu công phu không thể nhắm mắt được.

Vercueil hỏi "Vậy bà muốn thấy gì?"

- Tôi muốn thấy anh thực sự là thế nào

Anh ta nhún vai, tần ngần "Vậy tôi là ai?"

- Là người thôi. Một người không mời mà đến. Tôi chỉ nói được thế thôi. Anh có thể nói thêm được gì nữa không?

Anh ta lắc đầu "Không".

Tôi nói "Nếu anh muốn làm gì giúp, tôi nhờ anh lắp bộ ăng ten cho cái đài".

- Bà không muốn tôi đem ti vi lên cho bà ư?

- Tôi chẳng có lòng dạ nào coi ti vi. Tôi sẽ phát ốm với nó.
- Coi ti vi làm sao mà ốm được. Đó chỉ là hình ảnh.
- Không phải chỉ có hình ảnh. Sau hình ảnh là những con người. Họ phát những hình ảnh ấy để làm người ta phát ốm. Anh biết tôi nói gì chứ.
- Hình ảnh không thể làm cho bà ốm được.

Đôi khi như anh ta muốn trái ý tôi, khiêu khích tôi, gây sự với tôi, xem tôi bực mình như thế nào. Cách anh ta nói đùa vụng về, chẳng hấp dẫn tí nào, lại khiến tôi muốn ngả theo.

- Tôi chỉ yêu cầu anh lấp giùm ăng ten thôi.

Anh ta xuống nhà. Lát sau kệ nệ bưng ti vi lên gác. Anh ta để ti vi quay mặt vào giường, lấp ăng ten, bật mở rồi đứng sang một bên. Lúc đó đang là buổi chiều. Một ngọn cờ phấp phới trên nền trời xanh. Một đội kèn chơi quốc thiều nước Cộng hoà.

Tôi bảo "Tắt đi".

Anh ta càng vặng to hơn.

Tôi hét "Tắt ngay đi!"

Anh ta quay lại nhìn mắt tôi đang long lên. Rồi tôi ngạc nhiên thấy anh ta ngọ nguậy, ngoáy móng, giang tay, búng ngón tay, không ngờ anh ta có thể nhảy múa theo điệu nhạc. Miệng anh ta còn lẩm bậm nữa. Lẩm bậm những gì tôi không hiểu.

Tôi lại hét "Thôi đi!"

Một bà già đã rưng hết răng lên cơn điên. Chắc anh ta thấy tôi rất lạ. Anh ta vặng nhỏ tiếng.

- Thôi đi!

Anh ta tắt ti vi, khẽ nói "Bà đừng thất vọng thế"

- Vercueil, anh đừng dờ hơi, đừng đùa thế, đừng có đem tôi ra đùa.
- Nhưng sao bà lại có tâm trạng thế được?
- Vì tôi sợ xuống địa ngục sau khi cứ phải nghe mãi bài Die stem.

Anh ta lắc đầu nói "Bà yên tâm. Nên kiên nhẫn đi. Mọi thứ sắp kết thúc cả rồi".

- Tôi không có thì giờ để mà kiên nhẫn được. Anh có thể có thì giờ, nhưng tôi thì không.

Anh ta lại lắc đầu, nhe răng nhìn tôi "Có lẽ bà cũng có thì giờ".

Trong khoảnh khắc, trời cao như bỗng mở tung với ánh sáng chói loà rọi xuống. Cả một đời chỉ toàn nhận những hung tin bây giờ bỗng như nghe tin tốt lành, tôi mỉm cười hỏi lại "Thật thế à?" Anh ta gật. Chúng tôi nhìn nhau cười như hai người điên. Anh ta lại giơ ngón tay lên búng, trông như một con chim điên xoè hết lông cánh, nhảy lại điệu khi nãy. Rồi anh ta bước ra ngoài, trèo lên thang nối dây ăng ten bị đứt, và chiếc đài lại nghe được.

Nhưng có gì đâu mà nghe? Thời buổi bây giờ các làn sóng âm thanh chập vào nhau quá nhiều đến nỗi âm nhạc không thể nào phát tử tế được. Tôi nghe bài Một người Mỹ ở Paris rồi ngủ đi lúc nào không biết, lúc tỉnh dậy chỉ còn nghe thấy tiếng tí tí đồn dập. Tiếng ở đâu phát ra? Từ một con tàu trên biển chẳng? Từ con tàu cổ lỗ nào chạy bằng hơi nước đang rẽ sóng giữa vịnh Walvis với đảo Ascencion chẳng? Tiếng mã Morse đánh không nhanh, cũng không chậm, cứ đánh mãi trên biển cho đến chiều tối chẳng? Họ phát thông điệp gì thế nhỉ? Nhưng điều đó có gì quan trọng đâu? Tiếng tí tách như mưa, mưa có ý nghĩa, an ủi tôi, giúp tôi nằm yên dễ chịu, chờ thời gian trôi đi, cho đến lúc tôi uống viên thuốc ngủ nữa.

Mẹ bảo mẹ không muốn ai bắt mẹ phải ngủ. Sự thật là mẹ không chịu nổi nếu như không được ngủ. Ít ra thuốc Diconal cũng làm mẹ ngủ được hoặc giả như ngủ. Cái đau giảm bớt, thời gian trôi nhanh, chân trời hé mở, mẹ tập trung chú ý, như mảnh chai cửa vào người cho nỗi đau dịu đi một lát, để mẹ có thể nín thở, xòe tay, duỗi chân. Mẹ tự nhủ phải cảm ơn giây phút đã giúp cho thân thể mẹ vô tri vô giác, tâm hồn mộng mị, nửa người mẹ thoát ra ngoài để bắt đầu bỗng bành trôi.

Nhưng khoảng thời gian trì hoãn ấy không bao giờ kéo dài. Đám mây lại kéo đến trùm lên đầu, ý nghĩ rối rắm, mẹ lại rơi vào cuộc sống đầy đặc đám ruồi nhặng điên dại. Mẹ lắc đầu, muốn xua đuổi chúng đi. Mẹ giơ tay, mở to mắt nhìn những đường gân xanh trên đôi bàn tay, nhìn tấm khăn phủ giường, rồi quật xuống nhanh như chớp. Mẹ chột thiếp đi, chột tỉnh lại nhìn bàn tay mình. Giữa những khoảnh khắc ấy, có lẽ một giờ đã trôi đi trong nháy mắt, mẹ chẳng biết gì hết, vật lộn với một thứ gì dày và đặc quánh

trong miệng làm mẹ cứng lưỡi, như mẹ vừa từ đáy biển nhoi lên mặt nước, lắc đầu. Cổ họng chát đắng mùi diêm sinh, mẹ tự nhủ, có lẽ mình điên mất rồi! Vị đắng ấy làm mẹ điên mất rồi!

Đã có lần mẹ đứng nhìn bức tường, tay mẹ cầm bút chì, đầu vót nhọn. Các chữ trên tường dạng chân, nhảy múa, chẳng có nghĩa gì, như chữ của mẹ hoặc ai đó trong mẹ.

Mẹ gọi cho bác sĩ Syfret nói "Hình như thuốc Diconal ngày càng có nhiều phản ứng xấu. Tôi muốn hỏi xem ông có thể kê thứ thuốc gì khác cho tôi được không? "

Bác sĩ Syfret đáp "Tôi không biết là bà vẫn tự coi mình như bệnh nhân của tôi. Bà nên vào bệnh viện cho họ săn sóc tốt hơn. Tôi không thể tiến hành giải phẫu trên điện thoại được".

Mẹ nói "Tôi chỉ hỏi ông thế thôi. Thuốc Diconal làm tôi luôn luôn mê sảng. Liệu tôi có thể dùng thuốc nào khác được không?"

- Tôi đã bảo không thể chữa trị nếu không trực tiếp gặp bà. Tôi không làm việc kiểu đó, các đồng nghiệp của tôi cũng không làm kiểu đó.

Mẹ im lặng rất lâu khiến ông ta có thể tưởng đã mất mẹ rồi. Thực ra mẹ chỉ phân vân thôi. Con hiểu không? Mẹ muốn nói: tôi mệt lắm, mệt muốn chết. In manus tuas: ông hãy nhận tôi và săn sóc cho tôi, nếu không được thì tùy ông xem có cách nào tốt nhất vậy.

Mẹ nói "Tôi xin hỏi ông câu nữa. Loại phản ứng như ở tôi, những người khác cũng có phản ứng như thế không?"

- Bệnh nhân phản ứng rằng nhiều cách khác nhau. Đúng đấy, rất có thể phản ứng ở bà là do thuốc Diconal.

Mẹ nói "Vậy nếu có dịp nào thay tim, tôi nhờ ông gọi điện kê cho tôi một đơn thuốc mới qua hiệu thuốc Avalon trên phố Mill nhé. Bác sĩ ạ, tôi không ảo tưởng về tình trạng của tôi đâu. Tôi không cần chăm sóc, chỉ cần giúp tôi đỡ đau thôi".

- Bà Curren, nếu bà thay đổi ý kiến và muốn gặp tôi, bà chỉ việc nhấc điện thoại là xong, ngày hay đêm cũng được.

Một giờ sau có chuông reo ngoài cửa. Người của hiệu thuốc đem đơn mới đến cho mẹ, thuốc dùng trong mười bốn ngày.

Mẹ gọi hiệu thuốc hỏi "Tylox có phải là thuốc mạnh nhất không?"

- Nghĩa là sao?
- Ý tôi muốn hỏi đó có phải là thứ thuốc cuối cùng không?
- Bà Curren, chẳng có loại thuốc nào như thế. Không có thuốc nào là đầu, thuốc nào là cuối.

Mẹ dùng hai viên thuốc mới. Cơn đau bỗng tan đi một cách kỳ diệu, mẹ hưng phấn, có cảm giác như được sống lại. Mẹ tắm, ngồi vào giường, định đọc sách nhưng rồi ngủ thiếp đi. Một giờ sau mẹ tỉnh. Cơn đau lại dần dần bò đến, làm mẹ buồn nôn và lại thấy xuất hiện bóng dáng quen thuộc của sự buồn nản.

Thuốc trị đau chỉ là tia sáng chốc lát rồi bóng tối lại dầy đặc gập đôi.

Vercueil bước vào.

Mẹ nói "Tôi đã uống thuốc mới nhưng chẳng thấy khá hơn chút nào. Có lẽ thuốc chỉ mạnh hơn một chút thôi".

Vercueil nói "Bà cứ uống thêm đi. Không phải chờ bốn giờ sau mới uống nữa".

Đúng là lời khuyên của một anh nghiện rượu.

Mẹ nói "Tôi sẽ uống. Nhưng lúc nào thích thì uống, mà uống tất cả một lúc cũng được chứ sao".

Hai người im lặng.

Mẹ hỏi "Tại sao anh lại chọn tôi?"

- Tôi đâu có chọn bà.
- Tại sao anh đến đây, đến ngôi nhà này?
- Nhà bà không có chó.
- Gì nữa?
- Tôi nghĩ bà sẽ không gây khó khăn.
- Tôi đã gây khó khăn gì chưa?

Anh ta bước đến gần mẹ. Mặt anh ta sừng lên. Hơi thở anh ta có mùi rượu. Anh ta nói "Nếu bà muốn tôi giúp, tôi sẽ giúp". Anh ta vươn người tới, tay nắm vào cổ mẹ, ngón cái khẽ ấn vào thanh quản, ba ngón khoằm ôm dưới tai. Mẹ khẽ nói "Đừng" và gạt tay anh ta ra. Mẹ rưng rưng nước mắt. Mẹ cầm tay anh ta đập vào ngực, như muốn than vãn, một cử chỉ xưa nay mẹ

chưa từng làm.

Mẹ ngồi im một lúc. Anh ta vẫn ngả vào người mẹ, như muốn để mẹ sử dụng anh ta. Con chó sục mũi vào cạnh giường người hai người.

Mẹ nói "Anh để con chó ngủ với tôi được không?"

- Tại sao thế?
- Cho ấm thôi.
- Nó không chịu đâu. Tôi ngủ đâu nó ngủ đấy.
- Vậy anh cũng ngủ đây đi.

Anh ta đi xuống nhà. Mẹ chờ lâu, uống viên thuốc nữa. Rồi đèn ở cầu thang tắt. Mẹ nghe anh ta cởi giày. Mẹ nói "Anh cũng bỏ cả mũ ra nữa, cho nó khác đi".

Anh ta nằm lên trên khăn trải giường, dựa lưng vào mẹ. Mẹ ngửi thấy mùi chân bẩn. Anh ta khẽ huýt sáo. Con chó nhảy tới, xoay mình nằm vào chỗ giữa chân anh ta và chân mẹ. Y như cây gươm của Tristan, giữ cho hai người lương thiện.

Viên thuốc tỏ ra rất có hiệu lực. Suốt nửa giờ, trong khi anh ta và con chó ngủ, mẹ nằm im không động đậy, không thấy đau, tâm hồn tỉnh táo, nhanh nhậy. một luồng ánh sáng chạy qua trước mắt, mẹ thấy đứa bé Beauty được mẹ nó cõng trên lưng chạy đến, nhong nhong nhìn phía trước. Rồi ảo ảnh đó mờ đi, lại thấy một đám bụi, bụi Borodino, quay cuồng trước mắt như những bánh xe của thần chết.

Mẹ bật đèn. Lúc này đã nửa đêm.

Mẹ sẽ kéo màn che ngay bây giờ. Đây không thể có nghĩa một câu chuyện của thân thể, mà của tâm hồn chứa trong thân thể ấy. Mẹ sẽ không cho con thấy những gì con không chịu nổi, cảnh người đàn bà trong ngôi nhà cháy, chạy từ cửa sổ này sang cửa sổ khác, nhìn qua song cửa kêu cứu.

Vercueil và con chó ngủ rất yên bên cạnh những cơn thác buồn rầu đang đổ xuống. Những cơn thác trút hết tội, chờ cho tâm hồn xuất hiện. Tâm hồn mới nhập đạo, ướt át, mù quáng, ngu dốt.

Bây giờ tôi mới biết tại sao anh ta không sử dụng được mấy ngón tay đó nữa. Đó là một tai nạn trên biển. Họ phải rời bỏ con tàu. Trong lúc vật lộn, tay anh ta bị kẹt trong dây tời và dập nát. Suốt đêm anh ta lênh đênh trên

chiếc bè với bảy người khác và một chú bé, chờ chết. Hôm sau họ được một chiếc tàu kéo của Nga đến cứu, và tay anh ta cũng được chữa chạy nhưng lúc đó đã quá muộn.

Tôi hỏi "Anh có học được tiếng Nga nào không?"

Anh ta bảo chỉ nhớ được một từ kha ra xô.

- Không ai nói gì đến Borodino à?
- Tôi không nhớ đến Borodino.
- Anh không tính ở lại với người Nga sao?

Anh ta nhìn tôi với vẻ khó hiểu.

Từ đó anh ta không bao giờ ra biển nữa.

Tôi hỏi "Anh có nhớ biển không?"

Anh ta đáp dứt khoát "Tôi không bao giờ đặt chân lên tàu nữa".

- Tại sao?
- Vì tôi sẽ không may mắn nếu lần sau còn lên tàu.
- Làm sao mà biết được chứ? Nếu anh tin ở mình thì có thể đi trên mặt nước được nữa kia. Anh không tin là có những điều tin tưởng thì làm được sao?

Anh ta im lặng.

- Hoặc sẽ có một cơn lốc đến bốc anh lên khỏi mặt nước và đặt anh xuống đất khô ráo. Còn có cá heo nữa. Cá heo cứu thủy thủ sắp chết đuối, phải thế không? Tại sao anh không trở thành thủy thủ được?
- Chẳng bao giờ nghĩ trước hay biết trước được đâu.

Tôi khẽ bấm vào ngón tay đeo nhẫn "Anh có cảm thấy gì không?"

- Không, các đường gân tê liệt cả rồi.

Tôi vẫn biết anh ta có chuyện để nói, và bây giờ anh ta bắt đầu nói ra bằng những ngón của một bên tay. Chuyện của người đi biển. Tôi có tin được không? Tin hay không cũng chẳng sao. Chẳng có điều nói dối nào mà không có chút thật trong đó. Chỉ cần nghe như thế nào thôi.

Anh ta cũng đã làm việc trên bến, bốc vác hàng. Anh ta nói có một hôm bốc hàng ở cần cầu anh ta bỗng ngửi thấy mùi gì, mở ra thấy có một xác người, hoá ra người đó trốn vào đấy và chết đói.

Tôi hỏi "Người đó từ đâu đến?"

- Trung Quốc. Ở xa lắm.

Anh ta cũng đã làm việc cho Hội bảo vệ súc vật, trông cũi chó.

- Vì thế mà anh thích chó ư?

- Tôi vẫn thích chó.

- Anh có con chó nào để thay cho trẻ không?

Anh ta chỉ ậm ừ, không nói rõ. Trước đây anh ta thường lựa xem câu nào tôi hỏi là đáng nghe, câu nào không đáng nghe.

Tuy nhiên, tôi dần dần chấp lại câu chuyện một cuộc đời cũng đen tối như bất cứ cuộc đời nào khác trên trái đất này. Tôi không hiểu rồi sau khi kết thúc giai đoạn với một bà già trong ngôi nhà rộng lớn này, anh ta sẽ còn gặp chuyện gì khác nữa? Một bàn tay anh ta bị co quắp, không thể làm việc bình thường được. Kỹ năng kéo dây của một thủy thủ cũng mất rồi. Không còn thông thạo được như người khác. Quãng đời dang dở của anh ta không có người vợ bên cạnh. Đơn độc. Stoksiealleen. Một cây que trên cánh đồng hoang. Một tâm hồn lẻ loi, cô đơn. Ai sẽ chăm sóc cho anh ta đây?

- Sau khi tôi đi rồi, anh sẽ làm gì?

- Tôi tiếp tục sống.

- Chắc chắn là thế rồi, nhưng sẽ có ai trong đời anh nữa?

Anh ta mỉm cười khiêm tốn. "Tôi cần có ai trong đời nữa sao?"

Không phải một câu đáp mà là một câu hỏi thật sự. Anh ta không biết nữa. Chính anh ta, một con người thô sơ, đang hỏi tôi như thế.

- Phải. Tôi nghĩ anh cần có một người vợ, nếu anh không cho ý kiến đó là lập dị. Ngay cả người đàn bà anh đã đưa về đây, nếu như trong lòng anh còn nghĩ đến chị ta.

Anh ta lắc đầu.

"Nhưng thôi, tôi không nói chuyện anh lấy vợ đâu, mà nói chuyện khác cơ. Tôi hứa sẽ chăm sóc anh, trừ khi tôi không biết sau khi chết có thể làm gì được. Có lẽ không làm gì được đâu, hoặc có cũng rất ít. Mọi việc ở đây đều có luật lệ của nó, dù người ta mong muốn thế nào cũng chưa chắc có thể thoát khỏi. Không ai được phép có chuyện bí mật hoặc kín đáo theo dõi. Vậy chẳng có cách nào giữ được một khoảng riêng tư trong lòng mình hay trong lòng bất cứ ai. Mọi thứ có thể bị xóa sạch, không chừa một thứ gì. Ý

nghe đó thật ghê sợ. Đủ ghê sợ để người ta phải nổi loạn, để nói rằng nếu mọi sự phải như vậy thì tôi thà rút đi còn hơn. Đây, tôi trả lại tấm vé đây. Nhưng tôi e rằng ngay cả việc trả lại tấm vé cũng không được phép, dù với lý do nào.

"Vì thế anh không nên sống cô đơn, mà tôi thì có thể sẽ đi hẳn."

Anh ta ngồi trên giường quay lưng về phía tôi. Anh ta cúi xuống vuốt ve con chó đang dựa vào đầu gối.

- Anh hiểu tôi nói gì không?

Anh ta ậm ừ trong miệng, một thứ ậm ừ có thể là đồng ý nhưng thật ra chẳng có nghĩa gì.

- Không, anh không hiểu đâu. Anh chẳng hiểu gì hết. Không phải triển vọng cô đơn của anh làm tôi lo sợ, mà chính là triển vọng của tôi.

Mỗi ngày anh ta đều ra ngoài mua hàng. Tối đến nấu ăn, rồi lảng vảng theo dõi xem tôi có ăn được không. Tôi chẳng bao giờ thấy đói, nhưng không dám nói thẳng cho anh ta biết. Tôi chỉ nhẹ nhàng bảo "Anh cứ đứng nhìn thế tôi không ăn được", rồi cất đi một chỗ sau đó cho con chó.

Món anh ta thích làm nhất là bánh mì trắng rán với trứng và cá ngừ, đổ sốt cà chua lên trên. Tôi nghĩ bụng giá mình biết trước thì đã dạy anh ta vài bài học về nấu nướng.

Tuy anh ta có cả ngôi nhà để muốn ngồi đâu thì ngồi, nhưng thực tế anh ta sống với tôi trong phòng. Anh ta vứt túi không và giấy gói ra sàn. Giấy viết tung toé đầy nhà như những bóng ma. Tôi kêu "Anh vứt rác ra ngoài đi". Anh ta hứa "Tôi sẽ vứt". Nhưng có lúc anh ta vứt, có lúc để lại càng nhiều hơn.

Chúng tôi cùng nằm chung một giường, như trang giấy gấp đôi, như hai mảnh đời chập vào nhau, như những bạn cũ cùng phòng, cùng giường tầng, hợp lại như vợ chồng. Lectus genialis, lectus adversus. Mỗi khi bỏ giày ra, trông móng chân anh ta như sừng màu vàng gần thành nâu. Anh ta không dám thò chân xuống nước, chỉ sợ ngã và rơi vào những khoảng sâu thăm không thở được. Một sinh vật trên cạn, sinh vật của không khí, như những con châu chấu ma trong chuyện của Shakespeare với cẳng dài cứng của con dế và móng như mạng nhện. Hàng đàn những con đó theo gió kéo nhau ra

biển, xa đất liền, rồi mệt mỏi bám vào nhau chết đuối trên Đại Tây Dương. Chúng bị nuốt hết, không còn một mống. Những đôi cánh gãy trên biển thờ dài như một rừng lá, hàng triệu con mắt lơ lơ nhìn đám cua bò chung quanh, bám vào chúng và nhai ngâu nghiền.

Anh ta ngáy.

Mẹ nằm bên người chồng tưởng tượng để viết cho con đây. Con tha lỗi cho mẹ nếu hình ảnh đó khiến cho con giận mẹ. Người ta phải yêu cái gì gần mình nhất. Phải yêu cái gì nắm lấy được, như con chó biết yêu vậy.

Bà V.

Ngày 23 tháng Chín, ngày mặt trời đi qua đường phân điểm. Mưa tầm tã từ bầu trời đã che kín núi non, bầu trời xuống thấp đến mức có thể cầm cán chổi mà đụng tới được. Có tiếng thành thịch như một bàn tay to bằng nước đập trên nóc nhà, vỗ vào mái ngói, vào những ống máng đã hết hồi âm, nghe bì bì như không khí biến thành nước.

Vercueil hỏi "Cái gì thế này nhỉ?"

Anh ta cầm chiếc hộp gỗ nhỏ màu hồng có nắp bản lề. Mở nắp thì trong hộp hiện ra một chàng thanh niên tóc dài mặc bộ đồ kiểu cũ. Xoay góc khác thì hình ấy lại biến thành những vệt sáng bạc dưới mặt kính.

- Đó là tấm ảnh ngày xưa, từ hồi chưa có ảnh.
- Ai thế?
- Tôi không rõ. Có thể đó là anh em gì đó của ông tôi.
- Nhà bà như viện bảo tàng ấy nhỉ.

(Anh ta đã vào những phòng cảnh sát đột nhập).

- Trong bảo tàng thì các đồ vật đều có nhãn. Đây là bảo tàng mà nhãn đã rơi đâu mất. Một bảo tàng mục nát. Một bảo tàng phải đưa vào bảo tàng.
- Nếu bà không cần nữa thì bán đi.
- Nếu anh muốn thì bán đi. Bán cả tôi nữa.
- Để làm gì?
- Để lấy xương, lấy tóc. Bán cả răng của tôi nữa. Trừ phi anh cho là tôi chẳng còn đáng gì hết. Rất tiếc là chúng ta không có chiếc xe trẻ con thường dùng để đẩy người đi. Anh có thể đẩy tôi xuống Đại lộ, hoặc đem

tôi đến một chỗ tối, thí dụ đồng rác và vớt tôi ở đó.

Mỗi khi muốn hút thuốc, anh ta thường ra ngoài hiên. Bây giờ anh ta hút ngay ở đầu cầu thang, để khói thuốc bay vào phòng. Tôi không thể chịu được. Nhưng bây giờ đã đến lúc phải quen dần với những gì tôi không chịu được.

Anh ta bước đến nhìn tôi giặt đồ lót trong chậu. Tôi đau người, không cúi xuống được. Chắc anh ta thấy ngứa mắt, bảo "Để tôi giặt cho". Tôi từ chối. Giặt xong tôi không với tay đến dây phơi. Anh ta phơi hộ tôi, phơi đồ lót của một bà già. Anh ta có vẻ buồn bã, chẳng nhiệt tình chút nào.

Cái đau trong người tôi mỗi lúc một dữ dội, tôi rùng mình, tái mặt, mồ hôi lạnh lã chã. Có lúc anh ta cầm lấy tay tôi. Tôi giẫy giụa trong tay anh ta như con cá cắn câu. Tôi biết lúc đó trông bộ dạng tôi thật xấu, bộ dạng thường có ở người đang say mê làm tình, tàn nhẫn và lợi dụng. Anh ta không thích nhìn cái vẻ đó, quay mặt đi. Còn tôi, tôi nghĩ cứ để anh ta nhìn cho biết như thế là thế nào.

Anh ta có con dao trong túi. Không phải loại dao gấp mà lưỡi dao có đầu nhọn bọc vỏ cây. Lúc nằm trên giường, anh ta để con dao cùng với tiền bên cạnh, trên mặt sàn.

Vậy là tôi được bảo vệ. Tử thần sẽ phải suy nghĩ trước khi định bước qua con chó và con người này.

Anh ta hỏi "La tinh là cái gì?"

Tôi đáp, đó là thứ ngôn ngữ đã chết rồi, chỉ người chết mới dùng ngôn ngữ ấy.

Anh ta nói "Thật thế à?" Xem ra anh ta có vẻ thích thú.

Tôi nói "Thật thế đấy. Hiện nay ngôn ngữ ấy chỉ dùng ở những cuộc tang lễ. Tang lễ và những đám cưới vớ vẩn".

- Bà thử nói xem.

Tôi đọc một đoạn Virgil, đoạn dành cho những người chết không được nhắm mắt:

Nec ripas datur horrendas et rauca fluenta

Transprotare prius quam sedibus ossa quierunt.

Centum errant annos volitantque havec littora cirum:

Tum demum admissi stagna exoptata revisunt.

Anh ta hỏi "Thế nghĩa là gì?"

- Nghĩa là nếu anh không đem thư gửi cho con gái tôi, tôi sẽ phải sống khổ một trăm năm nữa.

- Không thể thế được.

- Được chứ. Ossa là từ trong nhật ký. Tức là những ngày mà cuộc đời mình đã được ghi trong đó.

Rồi anh ta lại nói "Bà đọc la tinh nữa đi". Tôi đọc, thấy anh ta nghe và môi cũng mấp máy theo. Tôi đoán anh ta muốn thuộc. Nhưng không phải thế. Đó chỉ là những âm tiết dài ngăn tác động đến mạch máu và cổ họng của anh ta thôi.

- Bà dạy những thứ đó à? Nghề của bà đó à?

- Phải, nghề của tôi đấy. Tôi sống bằng nghề đó. Đem tiếng nói cho người chết.

- Vậy ai trả lương cho bà?

- Những người đóng thuế. Nhân dân Nam Phi, cả lớn lẫn bé.

- Bà dạy tôi được không?

- Tôi có thể dạy anh. Dạy phần lớn những từ La mã thôi, còn Hy Lạp thì tôi không chắc lắm. Tôi còn có thể dạy được, nhưng sẽ chẳng có thì giờ mà học hết đâu.

Tôi có thể thấy anh ta khoái chí.

Tôi nói "Học la tinh anh sẽ thấy rất dễ. Có thể nhớ được nhiều".

Lại một thách thức nữa, một sự thân mật nữa mà tôi biết. Tôi như người đàn bà với một anh chồng có nhân tình đang giấu giếm, mắng mỏ anh ta, buộc anh ta phải chung thủy. Nhưng tôi nói anh ta không thèm để tai. Anh ta chẳng giấu giếm gì hết. Cái dốt của anh ta là có thật. Dốt và ngây thơ

Tôi bảo "Sao không thấy anh nói gì thế nhỉ? Anh cứ nói xem những lời vừa rồi đưa anh đến đâu?"

Nhưng anh ta đang ở ngưỡng cửa, không bước qua được. Anh ta đứng chững lại, không nói gì, nheo mắt và nấp sau làn khói thuốc lá để tôi không nhìn thấy.

Con chó chạy quanh anh ta rồi chạy đến chỗ tôi, rồi chạy đi, không chịu

ngồi yên một chỗ.

Chả có lý người được phái đi là con chó, chứ không phải anh ta?

Mẹ nghĩ con sẽ chẳng bao giờ được gặp anh ta đâu.

Mẹ muốn gởi cho con một tấm ảnh nhưng lần trước máy ảnh đã bị chúng lấy trộm rồi. Dù sao anh ta cũng không phải thứ người ăn ảnh. Mẹ đã nhìn ảnh anh ta trên thẻ chứng minh. Trông như một tên tù vừa ra khỏi bóng tối nhà giam, bị đẩy vào căn buồng sáng chực, bắt đứng dựa vào tường, nghe họ quát bảo phải đứng nghiêm. Tấm ảnh như họ bức hiếp anh ta phải chụp. Anh ta giống như một trong những sinh vật nửa huyền thoại, xuất hiện mờ ảo, hình dáng mơ hồ biến trong bụi rậm, có thể đó là người hay thú, hoặc chỉ là chấm bắn trong thuốc tráng phim, không được chứng minh, không được chứng nhận. Hoặc nằm ở bên lề tấm hình, trong bẫy kẹp của cánh tay, hay cẳng chân, hoặc sau gáy.

Mẹ hỏi anh ta "Anh có muốn sang Mỹ không?"

- Tại sao?

- Để đem thư của con tôi đi. Đáng lẽ gửi bưu điện, anh có thể đích thân mang đi. Bay sang Mỹ rồi bay về. Sẽ chỉ như một cuộc phiêu lưu thôi. Còn hơn đi tàu thủy. Con gái tôi sẽ gặp anh, chăm nom anh. Tôi sẽ mua vé trước. Anh đi được không?

Anh ta cười hô hô. Mẹ biết có những câu nói đùa mẹ đã đánh trúng tâm lý anh ta.

Mẹ bảo "Tôi nói thật đấy".

Nhưng sự thật đó không phải một đề nghị nghiêm túc. Mẹ hình dung Vercueil với đầu tóc cắt ngắn, mặc quần áo rẻ tiền, ngồi lảng vảng ở phòng khách nhà con, chỉ muốn uống rượu nhưng ngại không dám đòi, còn con thì ở phòng bên, trẻ con đang ngủ, chồng đang ngủ, ngồi nghiền ngẫm bức thư như một lời thú tội điên rồ này, mẹ không dám nghĩ đến chuyện đó. Con sẽ nghiêng răng nói Tôi không cần bức thư này! Tôi đã phải sáng đây để trốn tránh những chuyện đó, tại sao nó còn tôi sang đây chứ?

Mẹ vẫn còn thì giờ mở xem những tấm ảnh mấy năm qua con gởi từ Mỹ về. Mẹ thấy hình như con bấm máy trên một cái nền lộn xộn. Thí dụ mặt mũi hai đứa trẻ ngồi trong buồng máy lẫn với sóng gợn trên mặt hồ và màu

xanh của lá cây linh sam lẫn màu da cam của những chiếc áo phao chúng mặc vào người, y như nước và những thứ khác đều cùng một màu. Mẹ nhìn màu sắc sán lạn trong ảnh mà mê người, tưởng như ảnh có chất cao su hoặc nhựa, sờ vào thấy ran rát. Không hiểu tại sao những vật liệu xa lạ với mẹ ấy, có lẽ xa lạ với cả loài người, được chế tạo, thổi hơi và đeo vào người hai đứa trẻ, gọi cho mẹ nghĩ rất nhiều về cái thế giới con đang sống, và tại sao tinh thần mẹ suy sụp khi nhìn thấy thế? Mẹ không biết nữa. Nhưng vì những điều mẹ viết đây thỉnh thoảng đưa mẹ từ chỗ không biết gì đến chỗ bắt đầu biết được, phải nói là mẹ mất hết can đảm, không dám nghĩ rằng những đứa trẻ của con sẽ chẳng bao giờ chết đuối. Với những hồ nước ấy, ở vùng đất nhiều sông hồ ấy, chẳng may xuống bị lật thì những chiếc áo phao có cánh màu da cam giúp cho mấy đứa trẻ của con nổi bồng bênh trên mặt nước, rồi sẽ có xuống máy đến kéo chúng lên, và mọi thứ sẽ trở lại bình thường.

Sau tấm ảnh con ghi đó là khu giải trí. Mặt hồ và rừng cây được kiểm soát và đặt tên lại.

Con bảo sẽ không có thêm con nữa. Giới hạn tuổi để có con sắp hết. Hai đứa trẻ ấy như hạt giống được gieo trong gió tuyết Mỹ sẽ chẳng bao giờ chết đuối, tuổi thọ của chúng sẽ là bảy mươi lăm và có thể nhiều hơn nữa. Ngay mẹ đây, sống ở vùng biển mà nước đã nuốt chửng cả những người lớn, mỗi năm tuổi thọ càng giảm đi, thế mà mẹ còn có cái chết không được sáng tỏ. Huống chi hai đứa trẻ của con, thua kém về quyền lợi so với mọi người, bơi lội ở khu giải trí đó hỏi còn hy vọng gì? Chúng sẽ chết ở tuổi bảy mươi lăm hay tám mươi lăm trong tình trạng ngu ngốc như khi chúng ra đời thôi.

Chẳng lẽ mẹ mong cho hai đứa cháu mình chết hay sao? Lúc này đây, giờ những trang thư con có cảm thấy ghê tởm không? Con có kêu lên rằng bà già này điên rồ không?

Chúng không phải là cháu mẹ. Chúng quá xa vời, không thể là cháu của mẹ ở bất cứ dạng nào. Mẹ không để lại sau một gia đình đông con. Chỉ một đứa con gái, một người mới kết thân và một con chó.

Mẹ hoàn toàn không mong muốn họ chết. Cuộc đời của hai đứa trẻ đã gạt

bỏ mẹ dù sao cũng coi như chết rồi. Không đâu, mẹ mong cho những đứa trẻ của con sống. Nhưng những chiếc áo phao con đeo vào cho chúng sẽ không đảm bảo cho chúng sống được. Cuộc sống chỉ là cát bụi dính vào kẽ chân. Cuộc sống là cát bụi dính vào răng lợi. Cuộc sống là ăn phải cát bụi. Hoặc cuộc sống đang chết đuối. Rơi xuống nước, rơi xuống sà.

Thời gian của mẹ đã gần hết. Mẹ sẽ phải nhờ đến sự giúp đỡ của những gì là gần gũi nhất. Đã đến lúc phải kết thúc câu chuyện buồn này thôi. Không phải mẹ nghi ngờ sự giúp đỡ của Vercueil. Đã đến lúc cuối rồi, mẹ chẳng còn nghi ngờ gì anh ta nữa. Trong anh ta vẫn còn lảng vảng một chút lo lắng cho mẹ, điều mà anh ta không thốt ra được. Mẹ đã ngã xuống và anh ta đã kịp đỡ mẹ. Khi đến đây, không phải anh ta ngã mà được mẹ nâng đỡ đâu. Bây giờ thì mẹ hiểu không phải mẹ ngã và anh ta nâng đỡ, mà cả hai cùng ngã vào nhau, lao đảo đứng dậy và từ đó đã tin cậy nhau.

Tuy thế mẹ có thể tưởng tượng còn lâu anh ta mới là y tá, là vú nuôi, là người nuôi mẹ. Người anh ta không cạn. Rượu anh ta uống không phải nước mà là lửa. Có lẽ vì thế mà mẹ không thể tưởng tượng anh ta có con, vì tình trùng của anh ta khô, có màu nâu như của nhụy hoa hoặc cát bụi ở cái xứ sở này.

Mẹ cần anh ta có mặt, an ủi, giúp đỡ, nhưng anh ta cũng cần mẹ giúp. Anh ta cần cái thứ chỉ người đàn bà mới cho đàn ông được. Không phải quyến rũ mà là quy nạp. Anh ta không biết yêu là thế nào. Mẹ không nói đến những chuyển động của linh hồn mà một cái gì đơn giản hơn. Anh ta không biết yêu, cũng như đứa trẻ chẳng biết yêu là thế nào. Không biết đâu là khóa kéo, là nút khuy. Không biết cái gì sẽ đi đến đâu. Không biết làm như thế nào và phải làm cái gì.

Càng gần đến lúc kết thúc, anh ta càng tỏ ra trung thực hơn. Tuy vậy mẹ vẫn phải cầm tay anh ta để chỉ chỗ.

Mẹ nhớ hôm mẹ và anh ta cùng ngồi trong xe, anh ta đưa hộp diêm và bảo mẹ làm đi. Mẹ rất phẫn nộ. Nhưng như thế thì mẹ đâu có công bằng với anh ta? Hình như bây giờ anh ta đã quan niệm rõ về cái chết hơn một cô gái đồng trinh quan niệm về tình dục. Cũng vẫn là tò mò như nhau thôi. Cái

tò mò của một con chó ngửi vào bẹn nó, vẩy đuôi, rồi thè cái lưỡi đỏ và ngu ngốc như dương vật.

Hôm qua anh ta giúp mẹ đi tắm, áo mẹ tuột ra và mẹ bắt gặp anh ta nhìn chòng chọc. Y như bọn trẻ trên phố Mill vậy, cái nhìn của anh ta chẳng có gì là đứng đắn. Đứng đắn là điều không thể giải thích được, là cái nền cho mọi đạo lý là điều mà ta không thể làm. Ta không chăm chú nhìn lúc linh hồn rời khỏi thể xác, vì nước mắt đã che mờ hoặc ta che mắt bằng tay. Ta không chăm chú nhìn những vết sẹo đã khép kín, đã khâu kín, nơi mà linh hồn cố sức bỏ đi nhưng rồi buộc phải trở lại.

Mẹ hỏi anh ta cho mèo ăn chưa. Anh ta bảo "Rồi" nhưng là nói dối. Vì đám mèo đã bị anh ta đuổi đi hết. Mẹ cần gì đâu? Không, mẹ chẳng cần gì nữa. Sau khi đã chăm sóc cho con, chăm sóc anh ta, trong lòng mẹ chẳng còn bất cứ gì. Như người ta thường nói, còn gì thì cũng tiêu ma hết.

Đêm qua, tự nhiên lạnh ghê gớm, mẹ định gọi con để từ biệt. Nhưng mẹ biết con sẽ không đến. Mẹ thầm nhắc tên con "con gái ơi, con của mẹ ơi". Mẹ thầm gọi trong bóng tối, nhưng tất cả chỉ thể hiện trong ánh sáng, tấm ảnh con mà không phải con. Mẹ nghĩ bụng thế là cắt đứt hết rồi, ngay cả thời gian cũng cắt đứt rồi. Bây giờ không còn gì giữ mẹ lại được nữa.

Nhưng mẹ lại ngủ thiếp, rồi tỉnh dậy, mẹ vẫn còn đây, sáng nay rất mạnh khoẻ. Có lẽ không phải mẹ gọi con đâu. Có lẽ mẹ lạnh vì nghe bên kia biển gọi mẹ bước ra khỏi thân xác mà mẹ không biết đó thôi.

Con thấy không, mẹ vẫn còn tin ở tình yêu của con.

Mẹ sắp sửa cho con thoát khỏi những lời lẽ ràng buộc con đây. Con không cần phải thương mẹ. Con hãy dành chút suy nghĩ cho người đàn ông bị bỏ rơi này đi, anh ta không biết bơi, cũng chưa biết bay.

Mẹ ngủ, rồi tỉnh dậy trong cái lạnh, ruột gan mẹ, tim mẹ xương tủy mẹ, tất cả đều lạnh toát. Cửa ra hiên mở toang, màn cửa tung bay trong gió.

Vercueil đứng ngoài hiên nhìn lá cây xào xạc. Mẹ sờ vào tay anh ta, sờ ngực, sờ vai, và khúc xương ở cột sống. Mẹ run lập cập, lên tiếng hỏi "Anh nhìn gì thế?"

Anh ta không trả lời. Mẹ đứng sát lại. Dưới kia là cả một khoảng tối, lá cây rung động, xào xạc, như trèo những nấc thang lên bóng tối.

Mẹ hỏi "Đã đến lúc chưa?"

Mẹ quay vào giường, chui vào đống khăn lạnh tối om. Màn cửa mở, rồi anh ta đến nằm cạnh mẹ. Lần đầu tiên mẹ không ngủ thấy gì hết. Anh ta đưa tay ra ôm mẹ, giữ mẹ rất chặt, khiến mẹ thờ đốc. Cái ôm đó chẳng có chút gì gọi là nồng ấm.

1986- 1989

HẾT

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: **Nguyễn Kim Vy**.

Đánh máy: Tumbleweed

Nguồn: Nhà xuất bản phụ nữ

Tumbleweed

Vnthuquan - Thư viện Online

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 15 tháng 4 năm 2007